

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Ngọc Quang

PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM:
LỊCH SỬ, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

Hà Nội, 2023

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Ngọc Quang

**PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM:
LỊCH SỬ, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA**

Chuyên ngành: Tôn giáo học

Mã số: 9229009.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÔN GIÁO HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. TRẦN THỊ KIM OANH

Hà Nội, 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các tư liệu, nguồn trích dẫn trong luận án đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận trong luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình nào.

Tác giả

Lê Ngọc Quang

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án này tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đối với **PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh** - giáo viên hướng dẫn khoa học, đã không quản ngại thời gian, trực tiếp tận tình hướng dẫn cũng như định hướng sửa chữa giúp tôi hoàn thành tốt nghiên cứu của mình.

Tôi xin cảm ơn Ban lãnh đạo Nhà trường, các Thầy Cô giáo trong Bộ môn Tôn Giáo học đã luôn tạo điều kiện tốt nhất cho tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu, các Thầy Cô giáo giảng dạy đã cung cấp những kiến thức và kinh nghiệm thực tế đầy đủ giúp tôi được trang bị những kiến thức đầy đủ trong quá trình hoàn thành luận án.

Con xin thành kính tri ân Chư Tôn Đức Tăng Ni, Chư Tôn Đức Tăng Ni chốn Tổ Đào Xuyên, đã hướng đạo nghiêm thân cho con trên bước đường tu nhân học Phật theo chính pháp, gia đình và quý Phật tử đã động viên tinh thần con trong quá trình hoàn thành luận án.

Tác giả

Lê Ngọc Quang

MỤC LỤC

Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
MỤC LỤC	1
MỞ ĐẦU	4
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU	11
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	11
1.1.1. Các công trình viết về Phật giáo Việt Nam nói chung.....	11
1.1.2. Các công trình viết về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội	20
1.1.3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm	23
1.1.4. Đánh giá về những nội dung có thể kế thừa và những vấn đề nghiên cứu mới đặt ra đối với luận án.....	27
1.2. Một số vấn đề lý luận trong nghiên cứu.....	30
1.2.1. Một số khái niệm sử dụng trong luận án.....	30
1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu.....	34
Chương 2. CƠ SỞ CỦA SỰ DU NHẬP, PHÁT TRIỂN VÀ LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM (TỪ KHI DU NHẬP ĐẾN NĂM 2007)	39
2.1. Cơ sở của sự du nhập, phát triển của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm .	39
2.1.1. Cơ sở tự nhiên - kinh tế - xã hội.....	39
2.1.2. Cơ sở văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo	50
2.2. Lịch sử Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm	60
2.2.1. Giai đoạn du nhập.....	60
2.2.2. Giai đoạn phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm từ thế kỷ thứ X đến năm 2007	75
Tiểu kết chương 2.....	93

Chương 3. THỰC TRẠNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM HIỆN NAY (Từ năm 2007 đến nay).....	95
3.1. Thực trạng tổ chức của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.....	95
3.1.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Phật giáo huyện Gia Lâm	95
3.1.2. Sinh hoạt sơn môn hệ phái của Phật giáo huyện Gia Lâm.....	106
3.2. Thực trạng hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.....	109
3.2.1. Thực trạng hoạt động Phật sự.....	110
3.2.2. Thực trạng hoạt động xã hội.....	127
3.3. Thực trạng về cơ sở thờ tự của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.	138
3.3.1. Thực trạng về kiến trúc và Phật điện.....	138
3.3.2. Thực trạng về việc bảo tồn kiến trúc, Phật điện.....	146
Tiểu kết chương 3.....	155
Chương 4: ĐẶC ĐIỂM, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA, VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY NGUỒN LỰC CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	157
4.1. Đặc điểm Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.....	157
4.1.1. Phật giáo huyện Gia Lâm gắn với buổi đầu truyền giáo.....	157
4.1.2. Phật giáo huyện Gia Lâm hỗn dung sâu rộng với tín ngưỡng dân gian bản địa.....	158
4.1.3. Phật giáo huyện Gia Lâm có số lượng tín đồ đông đảo	161
4.1.4. Phật giáo huyện Gia Lâm kết hợp giữa truyền thống và hiện đại.	164
4.1.5. Phật giáo huyện Gia Lâm là một nguồn lực phát triển của huyện Gia Lâm.....	166
4.2. Một số vấn đề đặt ra đối với Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.....	167
4.2.1. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động.....	167
4.2.2. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề khoa học công nghệ 4.0 hiện nay	169

4.2.3. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề đề phục chế, gìn giữ giá trị truyền thống.....	170
4.3. Một số khuyến nghị nhằm phát huy nguồn lực của Phật giáo huyện Gia Lâm trong bối cảnh hiện nay.....	175
4.3.1. Khuyến nghị đối với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm	175
4.3.2. Khuyến nghị đối với các Tăng Ni Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.....	188
4.3.3. Khuyến nghị đối với các cấp chính quyền địa phương.....	193
Tiểu kết chương 4.....	201
KẾT LUẬN	202
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN.....	205
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	206
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm, ngay từ những thế kỷ đầu của Công nguyên đến nay. Phật giáo đã trở thành một phần không thể thiếu của cấu trúc văn hóa Việt Nam, trở thành điểm tựa tâm linh quan trọng của một bộ phận không nhỏ người Việt Nam, đặc biệt Phật giáo có sự hòa quyện với tín ngưỡng, văn hóa bản địa Việt Nam để trở thành Phật giáo Việt Nam đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Khi vào Việt Nam, Phật giáo với những “thuận duyên” (tùy duyên phương tiện) nhiều điểm tương đồng cùng văn hóa Việt Nam nên đã nhanh chóng hòa quyện vào sự phát triển chung của nền văn hóa tín ngưỡng Việt Nam trở thành Phật giáo Việt Nam. Trung tâm Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam là Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Từ trung tâm Luy Lâu, Phật giáo lan truyền ra khắp vùng đồng bằng sông Hồng, sông Mã, sông Cả.

Nằm cách trung tâm Phật giáo Luy Lâu không xa nên có nhiều thuận duyên, Phật giáo xuất hiện ở vùng đất Gia Lâm từ rất sớm. Ở Gia Lâm có những ngôi chùa rất cổ, gắn với những sự kiện quan trọng của quá trình du nhập Phật giáo vào Việt Nam, điển hình như chùa Kiến Sơ, Gia Lâm gắn với quá trình du nhập của thiền phái Vô Ngôn Thông vào Việt Nam.

Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, có lúc thịnh suy khác nhau, nhưng với truyền thống “Hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội – văn hóa của huyện Gia Lâm nói riêng.

Đến nay, trong bối cảnh mới, Phật giáo Gia Lâm vẫn tiếp tục kiên trung con đường đã chọn của mình, với mong muốn “hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh”. Tuy nhiên, điều kiện mới hiện nay, đặc biệt với bối cảnh của

một huyện ngoại thành của Thủ đô, đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ, tốc độ đô thị hóa nhanh, một mặt tạo nhiều điều kiện, cơ hội nhưng mặt khác cũng đặt ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

Chính vì vậy, nhìn nhận toàn diện về lịch sử, đánh giá khách quan về thực trạng của Phật giáo huyện Gia Lâm là việc làm cần thiết, để từ đó nhận diện được những vấn đề đặt ra và đưa ra được những phương án phù hợp nhằm phát huy “nguồn lực” tôn giáo nói chung, nguồn lực Phật giáo nói riêng trong công cuộc xây dựng, phát triển huyện Gia Lâm trong bối cảnh hiện nay, để phát triển kinh tế song song với gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Điều này thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hiện nay, trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

Trên đây là những lý do, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu: *Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm: Lịch sử, thực trạng và những vấn đề đặt ra* làm đề tài nghiên cứu của luận án. Hy vọng những kết quả nghiên cứu sẽ góp phần vào công tác nghiên cứu Tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng và Phật giáo ở huyện Gia Lâm nói riêng.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở các cứ liệu lịch sử, luận án chỉ ra quá trình du nhập, tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm; Trên cơ sở các cứ liệu thực tế, chỉ ra thực trạng của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, để từ đó nhận diện được Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Từ thực trạng đó, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm và đưa ra những giải pháp cho các vấn đề đó nhằm phát huy hơn nữa “nguồn lực” Phật giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án có nhiệm vụ:

- Khái quát chung về huyện Gia Lâm để thấy được những tiền đề, cơ sở cho sự du nhập, tồn tại và phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm.
- Phân tích quá trình du nhập Phật giáo vào huyện Gia Lâm và các giai đoạn phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm.
- Chỉ ra thực trạng Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay trên các phương diện: tổ chức, hoạt động, cơ sở thờ tự. Từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá về những thành tựu và hạn chế của Phật giáo huyện Gia Lâm.
- Từ thực trạng đó và những nhận xét, đánh giá luận án chỉ ra những vấn đề đặt ra đối với Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm và đưa ra một số khuyến nghị nhằm khắc phục những vấn đề tồn tại, phát huy vai trò, nguồn lực của Phật giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Không gian: Nghiên cứu về Phật giáo tại một địa bàn cụ thể là huyện Gia Lâm với không gian địa giới hành chính hiện nay.
 - + Thời gian: Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm suốt chiều dài lịch sử từ khi du nhập, quá trình phát triển và hiện nay.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

- Các câu hỏi nghiên cứu :
 - + Phật giáo du nhập vào huyện Gia Lâm thời gian nào? Bằng con đường nào?

+ Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm phát triển qua các giai đoạn như thế nào?

+ Nhận diện thực trạng của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm hiện nay như thế nào?

+ Các vấn đề còn tồn tại của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là gì? Giải pháp nào cho các vấn đề đó?

- Giả thuyết nghiên cứu:

+ Phật giáo du nhập vào huyện Gia Lâm từ rất sớm, bằng nhiều con đường khác nhau.

+ Từ khi du nhập đến nay, Phật giáo huyện Gia Lâm đã trải qua các giai đoạn thăng trầm khác nhau vẫn mang đặc tính chung của Phật giáo Việt Nam, tuy nhiên vẫn thể hiện được những nét đặc trưng riêng so với các vùng khác.

+ Hiện nay, Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã và đang ngày càng phát triển trên mọi phương diện và đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp xây dựng quê hương Gia Lâm ngày càng phát triển.

+ Bên cạnh những thành tựu đạt được, Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại, nhiều vấn đề đặt ra đặc biệt trong bối cảnh mới hiện nay. Và cần có những giải pháp toàn diện nhằm hoàn thiện và thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm để Phật giáo Việt Nam tiếp tục đóng góp được nhiều hơn nữa cho sự phát triển của huyện Gia Lâm.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án kết hợp sử dụng một số phương pháp khác nhau nhằm đảm bảo tính hiệu quả và độ tin cậy của các thông tin thu thập được (thực địa và tài liệu có sẵn). Các phương pháp được sử dụng trong luận án là phương pháp

chuyên ngành tôn giáo học và liên ngành như lịch sử, triết học, nhân học tôn giáo, văn hóa học, cùng các phương pháp tổng hợp, so sánh, khái quát hóa:

Phương pháp lịch sử: Nội dung của phương pháp này là xem xét và trình bày quá trình phát triển của các sự vật, hiện tượng theo một trình tự liên tục và nhiều mặt, có lớp lang trước sau, xem xét toàn diện trong mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác. Yêu cầu và cũng là đặc điểm nổi bật của phương pháp này là tính liên tục về mặt thời gian của đối tượng nghiên cứu được đảm bảo, các điều kiện, đặc điểm, quá trình phát triển và những biểu hiện trong từng thời kỳ được làm rõ. Với đối tượng nghiên cứu là Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, phương pháp này sẽ làm rõ tiến trình lịch sử của Phật giáo huyện Gia Lâm từ khi du nhập, hình thành, các giai đoạn phát triển cho đến ngày nay, trong mạch logic, trong mối tương quan với các sự kiện, sự vật, hiện tượng khác. Với phương pháp lịch sử khi nghiên cứu về Phật giáo huyện Gia Lâm sẽ tuân thủ theo các nguyên tắc:

Tuân thủ nguyên tắc niên biểu: Quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm sẽ được trình bày theo đúng trình tự lịch sử vốn có của nó kể từ khi du nhập, hình thành, phát triển cho đến ngày nay. Qua đó sẽ thấy được tính liên tục trong vận động, phát triển của nó, từ đó có thể rút ra những đặc điểm, tính chất, xu hướng vận động của nó.

Tuân thủ nguyên tắc duy vật lịch sử. Nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, mỗi thời kỳ, giai đoạn sẽ được xem xét một cách tỉ mỉ, công phu, toàn diện, được đặt trong bối cảnh cụ thể của từng thời kỳ, giai đoạn, trong mối liên hệ với các sự kiện, sự vật, hiện tượng khác, được đặt trong bối cảnh cụ thể.

Nguyên tắc tôn trọng tính khách quan của lịch sử: Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm trải qua quá trình lịch sử dài với những cung bậc, thăng trầm khác nhau cần phải được phản ánh khách quan.

Phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu: phương pháp này được áp dụng trong quá trình nghiên cứu tại thực địa, tại các thư viện ở cấp quốc gia, ở cấp thành phố và cấp huyện.

Phương pháp nghiên cứu thực địa (điền dã): Với mục đích nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, quá trình du nhập, các giai đoạn phát triển và thực trạng hiện nay thì nghiên cứu phân tích tổng hợp tài liệu là không đủ. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu thực địa, cụ thể ở đây là nghiên cứu các ngôi chùa tại huyện Gia Lâm, để tìm hiểu về những dấu ấn của bước đường du nhập, phát triển Phật giáo ở vùng đất này, thông qua việc nghiên cứu các văn bia, kiến trúc,... tại các chùa.

Phương pháp điều tra xã hội học với chủ yếu là phương pháp phỏng vấn sâu: Luận án sử dụng dữ liệu phỏng vấn sâu của tác giả thực hiện từ năm 2019-2020. Tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, cụ thể là tiếp cận bán cấu trúc. Đối tượng khảo sát: thứ nhất: gồm những Phật tử từ 18 tuổi trở lên, tham gia các nghi lễ Phật giáo tại các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm như chùa Đào Xuyên, chùa Bát Tràng, chùa Linh Quy,... với nội dung các câu hỏi liên quan đến tần suất tham gia các nghi lễ Phật giáo, tâm tư, nguyện vọng khi tham gia các nghi lễ, và những cảm nhận, kết quả thu được sau khi tham gia các nghi lễ Phật giáo,... nhằm làm rõ hơn vai trò của Phật giáo đối với đời sống Phật tử, thấy được tác động của những hoạt động của Phật giáo đối với Phật tử và cộng đồng xã hội (50 cuộc phỏng vấn); hai là phỏng vấn với tu sĩ Phật giáo đang sinh hoạt tại các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm với các câu hỏi liên quan đến mục đích, phương thức, thực trạng các hoạt động của Phật giáo ở huyện Gia Lâm nhằm làm rõ hơn ý nghĩa thực tiễn của các hoạt động bởi đây là nhóm đối tượng trực tiếp tổ chức, thực hiện các hoạt động của Phật giáo ở huyện Gia Lâm (20 cuộc phỏng vấn).

Huyện Gia Lâm có số lượng chùa lớn (90 ngôi chùa), trong số đó có những ngôi chùa lớn, có lịch sử lâu đời, có sinh hoạt tín ngưỡng phong phú, đa dạng, chính vì vậy tác giả lựa chọn các ngôi chùa lớn, có ý nghĩa: chùa Đào Xuyên, Bát Tràng, Linh Quy,... để thực hiện các cuộc phỏng vấn sâu. Mục đích của phương pháp này là nhằm khám phá về thực trạng của Phật giáo huyện Gia Lâm về các mặt tổ chức, hoạt động, cơ sở thờ tự, những thành tựu đã đạt được và một số vấn đề đặt ra về các mặt của Phật giáo huyện Gia Lâm. Từ đó có thêm cơ sở thực tiễn cho việc nhận diện Phật giáo huyện Gia Lâm giai đoạn hiện nay.

6. Đóng góp của luận án

- Về lý luận:

Luận án góp phần làm sáng tỏ các vấn đề liên quan đến lịch sử, thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Về vai trò của tôn giáo trong bối cảnh hiện nay với sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước trong bối cảnh hiện nay.

- Thực tiễn:

Luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về tôn giáo; cho việc hoạch định chính sách đối với tôn giáo trong bối cảnh hiện nay.

Những giải pháp, khuyến nghị đưa ra trong luận án có thể ứng dụng góp phần phát huy hơn nữa vai trò “nguồn lực” Phật giáo trong công cuộc xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục Tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung chính của luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1.

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU

1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, luận án quan tâm đến các công trình nghiên cứu thuộc các chủ đề: thứ nhất, các công trình lớn viết về Phật giáo Việt Nam nói chung với các khía cạnh: lịch sử, các giai đoạn tồn tại, phát triển, vai trò của Phật giáo, mối quan hệ Phật giáo và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội... ; thứ hai, các công trình viết về Phật giáo thủ đô Hà Nội, bởi Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là một phần của Phật giáo Thủ Đô, các giai đoạn của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng gắn liền với các giai đoạn du nhập, phát triển của Phật giáo thủ đô Hà Nội; Thứ ba: các công trình viết về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm dưới nhiều góc độ khác nhau.

1.1.1. Các công trình viết về Phật giáo Việt Nam nói chung

Ở mảng thứ nhất là các công trình viết về Phật giáo Việt Nam nói chung, đây là mảng chủ đề không liên quan trực tiếp nhưng không thể bỏ qua. Bởi nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm không thể không đề cập đến những công trình lớn viết về Phật giáo Việt Nam, trong đó sẽ cung cấp cho chúng ta những cứ liệu về những bước đường du nhập của Phật giáo vào Việt Nam, Phật giáo trong bối cảnh từng giai đoạn lịch sử cụ thể của Việt Nam, vai trò của Phật giáo Việt Nam với các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội Việt Nam như: chính trị, văn hóa, đạo đức, lối sống,... Chính vì vậy, ở cụm chủ đề này, nghiên cứu đề cập tập trung đến một số công trình nghiên cứu lớn:

Tác giả Nguyễn Lang có bộ: Việt Nam Phật giáo sử luận, gồm ba tập. Đây là công trình nghiên cứu đồ sộ 40 chương với gần 1000 trang viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam với các bước đường từ khi du nhập với việc hình thành Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, những bước đi chậm rãi trong hai thế kỷ đầu, những bước khởi đầu của Thiền học Việt Nam, sự du nhập và phát triển các dòng thiền bên ngoài vào Việt Nam, sự khởi phát, phát triển của các dòng thiền nội sinh của Việt Nam; bức tranh Phật giáo Việt Nam các thời kỳ lịch sử: Lý, Trần, Lê, Nguyễn... đặc biệt là phân tích qua việc điểm lại các gương mặt thiền sư, các nhân vật tiêu biểu khác của Phật giáo từng thời kỳ. Trong công trình nghiên cứu này, chúng ta tìm thấy những phân tích thông qua các cứ liệu để đi đến khẳng định của tác giả với những sự kiện quan trọng của Phật giáo như: thời điểm Phật giáo du nhập vào Việt Nam, bức tranh Phật giáo Việt Nam từng thời kỳ gắn với tư tưởng, hoạt động, vai trò của các danh tăng trong từng thời kỳ. Trong đó, chúng ta có thể tìm thấy những trang viết có đề cập liên quan đến Phật giáo huyện Gia Lâm, như những trang viết về thiền phái Vô Ngôn Thông du nhập vào Việt Nam và vai trò của ngôi chùa Kiến Sơ – một ngôi chùa cổ thuộc huyện Gia Lâm hiện nay, hay các trang viết về một số ngôi chùa, một số nhân vật có liên quan đến Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm,...

Trong đó viết về sự du nhập của thiền phái Vô Ngôn Thông vào Việt Nam với điểm dừng chân là chùa Kiến Sơ: *“Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 đường Đường (năm 820) Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu qua Việt Nam, ở lại chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Đây là một ngôi chùa mới được thành lập, ở đó có một vị tăng tên là Đức Lập trú trì”* [Nguyễn Lang, 2000, tr123]

Bộ sách thứ hai viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam phải kể đến công trình Lịch sử Phật giáo Việt Nam (3 tập) của tác giả Lê Mạnh Thát, bộ sách

chia làm 3 tập với sự phân kỳ: Tập 1: Từ Khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế; Tập 2 từ Lý Nam Đế đến Lý Thái Tông; tập 3 từ Lý Thánh Tông đến Trần Thánh Tông. Đây là công trình nghiên cứu rất công phu về lịch sử Phật giáo Việt Nam đặc biệt là sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam, để chứng minh cho những luận điểm, giả thuyết của mình, tác giả đã nghiên cứu khá kỹ về các cứ liệu văn bản lịch sử. Chính vì thế để lần ra dấu vết của sự xuất hiện Phật giáo ở huyện Gia Lâm, tác giả cũng có thể kế thừa những kết quả nghiên cứu của tác phẩm để luận giải thêm về những luận điểm của mình. Đặc biệt là sự kiện Chử Đồng Tử học đạo của nhà sư Phật Quang được phân tích rất kỹ. Mà nhân vật Chử Đồng Tử - một trong Tứ bất tử của Việt Nam lại được sinh ra ở vùng đất thôn Chử Xá, xã Văn Đức, nay thuộc huyện Gia Lâm.

Cũng viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam, Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học (1989) có cuốn sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb Khoa học Xã hội, Cuốn sách viết về lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khi du nhập đến nửa đầu thế kỷ XX, chia dòng lịch sử Phật giáo Việt Nam thành các 5 giai đoạn:

- + Thời kỳ du nhập và Bắc thuộc (Từ đầu Công nguyên đến đầu thế kỷ X);
- + Phật giáo từ thời Ngô đến thời Trần (thế kỷ X –XIV);
- + Phật giáo từ Hậu Lê đến Tây Sơn (thế kỷ XV đến XVIII), Phật giáo dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX),
- + Phật giáo thời kỳ Pháp thuộc (nửa cuối thế kỷ XIX – nửa đầu thế kỷ XX).

Cách phân chia giai đoạn của Phật giáo Việt Nam như trên khá hợp lý, trong mỗi giai đoạn, tác phẩm điểm lại ở những nét chính. Trong đó, tác phẩm phân tích và nhận định chủ trương xuyên suốt của Phật giáo Việt Nam từ

những buổi đầu cho đến ngày nay là chủ trương gắn đạo với đời, gắn tu hành với thời đại, để Phật giáo đóng góp được nhiều nhất cho dân tộc.

Nghiên cứu về các chùa của Gia Lâm không thể không nghiên cứu về các ngôi chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm. Bởi ngôi chùa có vai trò quan trọng trong nghiên cứu.

Đề cập đến các công trình viết về chùa của Việt Nam nói chung, có thể kể đến các công trình tiêu biểu như: Trần Lâm Biền (1996), Chùa Việt, Nxb Văn hóa – Thông tin. Trong công trình này, trên cơ sở phân tích diễn biến vận động chung của ngôi chùa Việt, tác giả phân tích những vấn đề chung của ngôi chùa Việt dưới các khía cạnh: Văn hóa, Hướng, Bố cục chung sau đó đi vào phân tích một số ngôi chùa tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử của Việt Nam như: Chùa Một Cột, chùa Phật Tích và chùa Giạm, chùa Phổ Minh, chùa Thầy,.. Cụ thể hơn trong nghiên cứu về chùa Việt Nam, nhà nghiên cứu Trần Lâm Biền đi sâu vào phân tích Tượng thờ trong chùa, chỉ ra cách bài trí, phong cách tượng Phật giáo Việt Nam các thời kỳ,... Trong công trình này, chúng ta tìm thấy hình dáng các ngôi chùa của huyện Gia Lâm, được xây dựng ở các thời kỳ khác nhau sẽ mang những đặc trưng riêng của từng thời kỳ.

Viết về các ngôi chùa tiêu biểu ở Việt Nam có tác phẩm: Chùa Việt Nam của các tác giả Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long, Nxb Thế giới (2013). Trên cơ sở tổng luận chung về chùa Việt Nam trên các khía cạnh: tổng quan chung, chùa Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử và chùa Việt Nam trong đời sống văn hóa cộng đồng. Tác phẩm viết về 122 ngôi chùa tiêu biểu trên khắp mọi miền đất nước qua các thời kỳ lịch sử: từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam đến các nhà Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn,... và cả những ngôi chùa mới được phục dựng, xây dựng thời gian gần đây. Trong số 122 ngôi chùa đó, có một số ngôi chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm: như chùa

Kiến Sơ. Bên cạnh những hình ảnh về chùa Kiến Sơ là phần giới thiệu về chùa Kiến Sơ: “Chùa Kiến Sơ ở xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội, cạnh đền thờ Thánh Gióng. Qua tam quan, có một chiếc cầu nhỏ, dẫn đến sân chùa, Chùa Kiến Sơ hiện nay bé nhưng có một lịch sử lâu đời” [Hà Văn Tấn, 2013, tr. 76]

Về chủ đề này không thể không đề cập đến các công trình viết về mối quan hệ, vai trò của Phật giáo với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội: Tiêu biểu có thể kể đến các công trình như: cuốn *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, trong đó tập hợp rất nhiều bài viết của các tác giả về các chủ đề Phật giáo với các lĩnh vực khác nhau của đời sống như vài viết của tác giả Trần Quốc Vượng “*Mấy ý kiến về Phật giáo và văn hóa dân tộc*”, Phan Đại Doãn với “*Vài nét về Phật giáo và làng xã*”, Vũ Thanh Huân với “*Mấy nét của Phật giáo Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử*”, ... Các bài viết dù đề cập ở nhiều khía cạnh khác nhau nhưng đều khẳng định vai trò, sự gắn bó, ảnh hưởng của Phật giáo đến các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam, ảnh hưởng đến tiến trình của lịch sử tư tưởng Việt Nam và ngược lại Phật giáo cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng và văn hóa Việt Nam.

Hay một số công trình khác như: Nguyễn Duy Hình, Lê Đức Hạnh (2011), *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam*; Hạnh Nguyên (2013), *Phật giáo trong lòng người Việt...*

Cụ thể về mối quan hệ giữa Phật giáo và một lĩnh vực cụ thể mà sự ảnh hưởng của Phật giáo rất rõ nét đó là Phật giáo với đạo đức người Việt Nam. Tác giả Hoàng Thị Lan (2010), với tác phẩm *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với lối sống của người Việt Nam hiện nay*, đã nêu lên những ảnh hưởng của Phật giáo đối với rất nhiều khía cạnh của đạo đức người Việt như biểu hiện thông qua lối sống, cách thức lao động, tổ chức cuộc sống, phong tục tập quán, giao tiếp ứng xử, quan niệm đạo đức và nhân cách của người Việt Nam.

Cùng chủ đề, tác giả Đặng Thị Lan (2006) trong tác phẩm *Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam*, trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn đã chỉ ra những mặt tích cực, cũng như những hạn chế của đạo đức Phật giáo; vai trò của nó đối với đời sống xã hội; phát huy những yếu tố tiến bộ của đạo Phật trong giai đoạn hiện nay.

Về vấn đề này còn có rất nhiều những bài viết đăng trên các tạp chí như: Nguyễn Tài Thư (1994), “Phật giáo với sự hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 2; Ngô Văn Minh (2009), “Phát huy giá trị nhân văn Phật giáo trong xây dựng xã hội mới hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5; Nguyễn Quốc Tuấn (2006), “Tư tưởng “lục hòa” trong xã hội ngày nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1; Tạ Chí Hồng (2007), “Tìm hiểu quan niệm hạnh phúc của Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8;...

Khẳng định vị thế của Phật giáo trong văn hóa Việt Nam, Tác giả Trần Thị Kim Oanh trong bài viết *Vị thế của Phật giáo trong văn hóa Việt Nam* đã phân tích Phật giáo với tư cách là một tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc trên suốt các chặng đường lịch sử dân tộc, trong bối cảnh hiện nay Phật giáo Việt Nam vẫn tiếp tục phát huy tinh thần đó. Trên cơ sở phân tích rất sâu sắc hoàn cảnh và những biến đổi hiện nay với nhu cầu hội nhập văn hóa, tác giả đi đến chỉ ra những vai trò của Phật giáo trong hoàn cảnh mới, với văn hóa Việt Nam, thêm một lần nữa khẳng định: “Có thể nói, trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù trong lịch sử hay trong thời đại mới của dân tộc thì Phật giáo luôn là hiện thân rực rỡ nhất của sự bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc ta – một tôn giáo rất giàu tình đoàn kết, bác ái, bao dung...” [Trần Thị Kim Oanh, 2012, tr. 70].

Đề cập đến các hoạt động của Phật giáo ở Việt Nam, có rất nhiều công trình nghiên cứu như: TS. Dương Quang Điện (chủ biên) (2020): Phật giáo

với vấn đề an sinh xã hội, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Trong công trình này tác giả đã đề cập đến những vấn đề về hoạt động an sinh xã hội của Phật giáo Việt Nam như mặt chủ trương, chính sách, thực trạng và các vấn đề đặt ra, phương hướng, giải pháp,... Cuốn sách cũng đề cập đến những vấn đề lý luận chung của Phật giáo xoay quanh vấn đề an sinh xã hội, thấy được những đóng góp to lớn của Phật giáo đối với vấn đề an sinh xã hội từ trong các giai đoạn lịch sử đến hiện nay. Trong đó có nhắc đến những sự kiện thời Lý – Trần, ít nhiều có liên quan đến một số địa danh, nhân vật của huyện Gia Lâm gắn liền với Phật giáo như câu chuyện về Nguyên phi Ý Lan với Phật giáo:

“Do yêu mến và thấy được giá trị của Phật giáo, sau này dù sống trong giàu sang nhưng lựa, bà vẫn một lòng hướng theo giáo lý A di đà. Bà tiếp tục đặt nền tảng cho Phật giáo phát triển. Bà khởi xướng xây dựng rất nhiều ngôi chùa. Về già, Ý Lan để tâm làm việc thiện, xây chùa và nghiên cứu về đạo Phật. Ý Lan là người sùng Phật. Tính đến năm 1115, bà đã cho xây cất 150 ngôi chùa, đền, trong đó có chùa Từ Phúc ở quê hương (Dương Xá, Gia Lâm)” [Dương Quang Điện, 2020, tr. 45].

Với những phân tích về một khía cạnh của Phật giáo trong một giai đoạn lịch sử cụ thể như trên cũng phần nào giúp chúng ta tưởng tượng được đôi nét về Phật giáo huyện Gia Lâm trong giai đoạn lịch sử đó.

Về Hoạt động từ thiện của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt giai đoạn hiện nay. Trong thời gian gần đây, các hoạt động từ thiện xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam diễn ra khá đa dạng và phong phú và tạo được những hiệu ứng tốt trong xã hội khá rõ nét. Thời gian gần đây có rất nhiều hội thảo liên quan đến chủ đề này được tổ chức, thu hút rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm viết bài. Điển hình như Hội thảo khoa học “Phát huy vai trò Phật giáo tham gia xã hội hóa công tác xã hội, từ thiện”, Hội thảo là sự phối hợp giữa Trung ương

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, được tổ chức năm 2017. Cuốn kỷ yếu Hội thảo là tập hợp các bài viết của các nhà nghiên cứu, khoa học về nhiều phương diện, nhiều góc nhìn khác nhau về hoạt động từ thiện của Phật giáo.

Nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, tác giả có quan tâm và phân tích về khía cạnh Tổ chức của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Chính vì thế những công trình viết về chủ đề này cũng cần được quan tâm.

Viết về tổ chức Phật giáo thuở ban đầu, Thích Chơn Thiện (1991) có tác phẩm *Tăng già thời Đức Phật*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Trong đó, tác giả đề cập đến các vấn đề sự hình thành của Tăng già, các chuẩn mực đạo đức, quy định ra nhập Tăng đoàn và những sinh hoạt của Tăng đoàn.

Cuốn Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam (2004) của Hòa thượng Thích Trí Hải, nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội đã đề cập đến tiến trình hình thành hội đoàn, tổ chức Phật giáo trước khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập. Cuốn sách cũng dành phần lớn nội dung đề cập đến quá trình vận động thành lập Hội Phật giáo Việt Nam.

Nghiên cứu về tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cuốn *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 1986 đến nay* của Tiến sĩ Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), nhà xuất bản Phương Đông đã đưa ra bức tranh cụ thể về quá trình hình thành và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên nhiều góc độ. Tác giả đã trình bày sự phát triển của “hệ thống cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đang từng bước hoàn thiện về mặt tổ chức” [Nguyễn Thị Minh Ngọc, 2014, tr. 72]. Đồng thời trên cơ sở khảo sát thực tiễn, tác giả chỉ ra những ưu, khuyết điểm của tổ chức này. Tác phẩm cũng đi sâu phân tích mối quan hệ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với các tổ chức Phật giáo nước ngoài. Tuy là một trong số ít công trình nghiên cứu trực tiếp đề cập tới thực

trạng hoạt động, cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày nay, song tác phẩm cũng đã đề cập tới sự phát triển hệ thống tổ chức cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Viết cụ thể về một Ban trong cấu trúc tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng.TS. Thích Thanh Điện (Dương Quang Điện) (2017) có cuốn *Quá trình hình thành và phát triển của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ 1981 đến nay*, Nxb Tôn giáo. Trong cuốn sách đó, tác giả đã khái quát quá trình hình thành và phát triển của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chỉ ra thực trạng hoạt động của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam,... trong các nội dung đó, ít nhiều có đề cập đến tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bởi Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương là một ban trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đứng dưới góc độ quản lý, Ban Tôn giáo Chính phủ (2003) có *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội. Trong Tập văn bản này, tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo trong đó có Phật giáo được thể hiện rõ nét.

Các bài viết đăng trên các tạp chí như: Bài viết “Giáo hội Phật giáo Việt Nam – 36 năm hình thành và phát triển” của Tâm Đạt (2017), đăng trên *Tạp chí nghiên cứu Phật học* số 11. Bài viết đề cập đến lịch sử hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam, quá trình đồng hành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam với đất nước trên các công cuộc như: xây dựng và bảo vệ tổ quốc; phát triển kinh tế, văn hóa; công tác đối ngoại...

Nghiên cứu của Thích Viên Thành về “Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần phát huy những thành tựu đã đạt được và tiếp tục củng cố để không ngừng phát triển”, *Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 20 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam* (2001), nhà xuất bản Tôn giáo, Hà Nội. Tác giả đã chỉ ra

những khó khăn và những điều chưa làm được của Giáo hội Phật giáo Việt Nam [Thích Viên Thành, 2021, tr. 197]. Thích Thọ Lạc (2008), “Tổ chức Tăng đoàn thời Đức Phật và những bài học cho việc tổ chức Giáo hội hôm nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (05),...

1.1.2. Các công trình viết về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội

Cụm chủ đề thứ hai là các công trình viết về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội.

Phật giáo huyện Gia Lâm là một mảnh ghép của Phật giáo Thăng Long – Hà Nội, chính vì thế nghiên cứu không thể bỏ qua cụm chủ đề này. Mọi khía cạnh của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm từ trong lịch sử đến hiện nay đều được đặt trong bối cảnh Phật giáo Thăng Long - Hà Nội.

Thăng Long – Hà Nội, là thủ đô ngàn năm văn hiến, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước. Lịch sử khai sinh ra kinh đô Thăng Long gắn liền với vương triều Lý, với vai trò của vua Lý Công Uẩn, vị vua chịu ảnh hưởng và được giáo dục trong môi trường Phật giáo, chính vì thế dấu ấn Phật giáo ở vùng đất này là rất rõ nét. Chính vì thế, viết về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội có khá nhiều các công trình nghiên cứu đề cập đến ở nhiều khía cạnh khác nhau:

Viết về đời sống tôn giáo, tín ngưỡng chung của Thăng Long – Hà Nội, trong đó Phật giáo là một điểm nhấn nổi bật, tác giả Đỗ Quang Hưng (2010) có cuốn sách "*Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội*", Nxb Hà Nội. Bằng phương pháp lịch sử tôn giáo, tác giả đã dựng lại bức tranh tổng quan, tiến trình lịch sử của Phật giáo ở Thăng Long – Hà Nội đặt trong bối cảnh “không gian thiêng” của mảnh đất thủ đô ngàn năm văn hiến, trong mối quan hệ với một hệ thống các tôn giáo lớn, chính như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài và hệ thống các tín ngưỡng vô cùng phong phú và đa dạng.

Cuốn sách: “*Hà Nội văn hóa và phong tục*” của tác giả Lý Khắc Cung [nxb Thanh Niên, 2000]. Dưới góc nhìn của một công trình khảo cứu, tác phẩm đưa đến cho người đọc những trang viết về những đặc trưng về văn hóa của mảnh đất nghìn năm văn hiến thể hiện ở rất nhiều khía cạnh: qua các dấu tích còn lưu, qua phong tục, nếp sống,... đặc biệt là qua văn hóa tâm linh phong phú và đa dạng, trong đó không thể không kể đến vai trò của Phật giáo.

Cũng về chủ đề này, tác giả Văn Quảng đã biên soạn cuốn Văn hóa tâm linh Thăng Long Hà Nội, cuốn sách là cái nhìn tổng quan về đời sống tâm linh người Hà Nội. Tác phẩm đã nêu lên được vị thế của đời sống tâm linh người Hà Nội trong lòng văn hóa Việt Nam, hệ thống các vị thần thánh được thờ ở Hà Nội và giới thiệu một số đình, chùa, miếu, phủ ở Hà Nội.

Viết trực tiếp về Phật giáo ở mảnh đất này, phải kể đến cuốn sách Phật giáo thời Lý với 1000 năm Thăng Long – Hà Nội, do Thích Đức Thiện và Nguyễn Quốc Tuấn đồng chủ biên. Cuốn sách là công trình kỷ niệm sự kiện 1000 năm Thăng Long Hà Nội. Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết của các tác giả được phân chia thành các cụm chủ đề: Tinh hoa Phật giáo thời Lý qua các khía cạnh văn hóa, chính trị và các nhân vật Phật giáo; Phật giáo Đại Việt thời Lý kế thừa, hội tụ và phát triển; Phát huy di sản Phật giáo thời Lý.

Nghiên cứu về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội, không thể không kể đến các cuốn sách, công trình viết về các ngôi chùa ở Thăng Long – Hà Nội, bởi những ngôi chùa chính là “chứng tích” của lịch sử Phật giáo ở nơi đây, là nơi lưu trữ những giá trị lịch sử - văn hóa truyền thống không chỉ của Thăng Long – Hà Nội mà còn của cả nước nói chung.

Cuốn sách Chùa Hà Nội của tác giả Nguyễn Thế Long, Phạm Mai Hùng (1997), Nxb Văn hóa Thông tin. Cuốn sách trên cơ sở tổng quan sơ lược về quá trình du nhập, phát triển của Phật giáo ở Việt Nam nói chung, kinh đô Thăng Long – Hà Nội nói riêng, từ đó đi vào phân tích kiến trúc, giá

trị mỹ thuật của một số ngôi chùa điển hình ở mảnh đất Thăng Long – Hà Nội. Ngay từ lời mở đầu, tác giả đã khẳng định: “Ở thành phố Hà Nội, trừ nội thành, ở ngoại thành có bao nhiêu làng thì gần như có bấy nhiêu chùa”. Trong công trình này, tác giả đã giới thiệu khoảng 130 ngôi chùa ở Hà Nội đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa từ năm 1962 đến 1994.

Ngoài các cuốn sách trên, còn có rất nhiều các bài đăng trên các tạp chí liên quan đến chủ đề này.

Dưới góc độ lịch sử: Tác giả Trần Văn Trình có bài viết: Tìm hiểu Phật giáo với Thăng Long – Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử, đăng trên tạp chí Nghiên cứu Phật học, bài viết đã viết về diện mạo của Phật giáo ở Thăng Long – Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử cụ thể như: Phật Giáo Thăng Long – Hà Nội đã sớm phát triển, thịnh hành trong lịch sử và đây sớm được coi là một trung tâm Phật giáo phát triển, đặc biệt Phật giáo ở Thăng Long – Hà Nội phát triển mạnh mẽ, đỉnh cao ở thời kỳ Lý Trần:

“Kể từ khi Phật giáo được xem là quốc giáo trong thời đại Lý – Trần, Phật giáo ở kinh đô Thăng Long phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu rộng đến cả nước. Năm 1016, ở Thăng Long có tới 1.000 người được nhà vua chọn để xuất gia làm tăng sỹ, đạo sỹ. Đồng thời vua Lý cũng cử người sang Trung Quốc thỉnh kinh, xây nhà tàng kinh như Bát Giác, Đại Hưng ở Thăng Long. Việc khắc in kinh rất được triều đình chú ý và tiến hành ở Thăng Long. Đây là thời kỳ chùa chiền được xây dựng rầm rộ với quy mô to lớn” [Trần Văn Trình, 1999, tr. 35]

Từ thế kỷ XV đến Cách mạng Tháng Tám 1945, với những biến động của lịch sử dân tộc, Phật giáo Thăng Long, Hà Nội cũng có những bước thăng trầm, lúc thịnh lúc suy, lúc trắn hưng, lúc suy thoái, nhiều chùa chiền bị tàn phá, nhiều chùa phá đi xây lại nhiều lần. Thời kỳ 1945 đến 1954, Phật giáo Hà Nội chủ yếu nằm trong tổ chức Hội Phật giáo cứu quốc, nhiều tăng ni Phật

tử tích cực tham gia kháng chiến: tham gia bộ đội, du kích, tham gia tuyên truyền vận động ủng hộ kháng chiến, nhiều chùa là cơ sở bí mật của Việt Minh, nhiều nhà sư đã tích cực tham gia kháng chiến,... Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1985, là một giai đoạn phát triển mới với nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử.

Bài viết: Thập Tam trại ở Thăng Long và đạo Phật đăng trên tạp chí Nghiên cứu Phật học số 2 (tr.58-59) và số 3 (tr.50 -52) của tác giả Văn Hậu (2001), viết về tình hình Phật giáo Việt Nam thời Lý ở vùng địa lý mở rộng khi Vua Lý Công Uẩn rời đô ra Thăng Long và quá trình xây dựng Thăng Long thành kinh đô sầm uất và phát triển. Trong đó có bàn đến bối cảnh Phật giáo thời Lý nói chung, diện mạo bức tranh Phật giáo kinh thành Thăng Long nói riêng, nhắc đến những ngôi chùa cổ trong đó có chùa Kiến Sơ (nay thuộc huyện Gia Lâm) và dòng thiền Vô Ngôn Thông. Tác giả phân tích vai trò của chùa Kiến Sơ với quá trình học tập, rèn luyện thời thơ ấu của cậu bé Lý Công Uẩn: “Năm Trinh Nguyên 820 có phái Vô Ngôn Thông do thiền sư Văn Phong sang ta, trung tâm truyền đạo ở chùa Kiến Sơ – Phù Đổng – Gia Lâm, Hà Nội. Chính ở cửa thiền này, hồi thơ ấu cậu bé Lý Công Uẩn từng đến học văn, học võ, học đạo” [Nguyễn Văn Hậu, 2001, tr.58].

1.1.3. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

Nghiên cứu về Phật giáo ở huyện Gia Lâm không thể bỏ qua các công trình đề cập đến các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của huyện Gia Lâm, bởi đây là cơ sở cho sự tồn tại, phát triển của Phật giáo ở huyện Gia Lâm.

Một số các công trình của các nhà nghiên cứu đăng trên các tạp chí có liên quan đến các vấn đề của huyện Gia Lâm, đặc biệt vấn đề văn hóa, xã hội. Có thể kể đến như:

Tác giả Nguyễn Chí Bền có bài viết: Hội Gióng ở đền Phù Đồng và đền Sóc, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, đăng trên tạp chí Di sản văn hóa phi vật thể, số 34, 2011, tr. 41- 53. Trong công trình nghiên cứu này, các lớp trầm tích văn hóa dày dặn của vùng đất Gia Lâm – quê hương của Thánh Gióng được khẳng định và phân tích: “Giá trị lớn nhất của Hội Gióng là sự tồn tại của nhiều lớp văn hóa – tín ngưỡng đã lắng đọng trong huyền thoại và lễ hội”. Các lớp văn hóa, tín ngưỡng lắng đọng trong đó có thể kể đến tín ngưỡng thờ các hiện tượng tự nhiên (sấm, sét, mưa, dông, thờ cây, đá, Mặt trời,...), cầu được mùa, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ Tổ nghề, thờ anh hùng chống ngoại xâm... như phân tích của tác giả: “Như vậy, từ các mảnh vụn thần thoại trong vùng văn hóa tín ngưỡng thờ Thánh Gióng, có thể hình dung các lớp văn hóa tín ngưỡng cổ xưa được chảy âm ỉ, như một mạch nước ngầm không voi cạn đến hôm nay, nhưng dưới một dòng chủ lưu: tín ngưỡng thờ cúng người anh hùng chống ngoại xâm”.

Viết tổng thể về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thì tính đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào. Tuy nhiên các khía cạnh, các góc nhìn khác nhau thì chủ đề này được đề cập đến rải rác trong một số các công trình viết về một vấn đề nhỏ, cụ thể, có thể là công trình viết về một ngôi chùa của huyện Gia Lâm, một nhân vật có liên quan đến Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm,...

Viết về các chùa của huyện Gia Lâm có khá nhiều công trình đề cập đến vì vùng đất Gia Lâm là vùng đất có bề dày văn hóa nên nơi đây có khá nhiều ngôi chùa cổ, có giá trị lớn về mặt lịch sử, văn hóa:

Chùa Kiến Sơ, ngôi chùa cổ bậc nhất của huyện Gia Lâm, ngôi chùa gắn liền với những bước đường Phật giáo du nhập vào Việt Nam, trên Tạp chí Nghiên cứu Phật học, tác giả Văn Hậu đã có bài viết Chùa Kiến Sơ, tr. 47 – 49, trong bài viết này tác giả khẳng định chùa Kiến Sơ được xây dựng từ rất

sớm, khi đạo Phật truyền vào đất Việt ở trung tâm Luy Lâu; phân tích sự gắn bó của thiền phái Vô Ngôn Thông và lịch sử ngôi chùa,...

Chùa Đào Xuyên, một ngôi chùa khá nổi bật ở huyện Gia Lâm – nơi được coi là chốn Tổ của thiền phái Lâm Tế. Cũng có một số công trình, dưới các góc độ khác nhau, nghiên cứu về chùa Đào Xuyên.

Tác giả Văn Hậu có bài viết Chùa Đào Xuyên đăng trên tạp chí Nghiên cứu Phật học (số 1, 1998, tr. 50 – 51). Bài viết là những phân tích của tác giả về lịch sử chùa Đào Xuyên gắn liền với sự phát triển của thiền phái Lâm Tế ở miền Bắc Việt Nam.

Dưới góc tiếp cận di sản văn hóa, tác giả Bùi Thế Quân (2012) có bài viết “Chùa Đào Xuyên, phái Lâm Tế - Một vài suy ngẫm” đăng trên tạp chí Di sản văn hóa (41), tr. 89 – 93. Công trình đề cập đến các vấn đề sự hình thành, quá trình tồn tại của chùa Đào Xuyên trước khi là một sơn môn của phái Lâm Tế, trong đó có đề cập đến các vấn đề cơ bản như niên đại khởi dựng chùa, quá trình tồn tại của chùa,.. qua quá trình phân tích tác giả chỉ ra chùa Đào Xuyên được xây dựng dưới thời Mạc, ra đời trong bối cảnh thương mại có phần phát triển. Từ khi trở thành một sơn môn của phái Lâm Tế, phái Lâm Tế từ chốn tổ Đào Xuyên đã có những ảnh hưởng lớn đến Phật giáo các khu vực xung quanh như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc,... Nơi đây không chỉ được coi là chốn tổ của thiền phái Lâm Tế mà còn là nơi giữ vai trò quan trọng, góp phần củng cố khối đoàn kết trong giới Tăng Ni, chúng đồ.

Từ góc độ Khảo cổ học viết về một di tích cụ thể ở huyện Gia Lâm, Tác giả Nguyễn Văn Đoàn có bài viết: Khảo cổ học với tu bổ, tôn tạo di tích (Qua trường hợp Di tích Đền – Chùa Bà Tấm, Gia Lâm, Hà Nội) đăng trên Tạp chí Di sản Văn hóa (49, 2014), tr. 33 – 36. Viết dưới góc độ Khảo cổ học về di tích đền – chùa Bà Tấm nên các thông tin chung về di tích này cũng ít nhiều được đề cập đến như giới thiệu về Lịch sử, những giá trị lịch sử hiện

còn lưu giữ về cụm di tích này. Nghiên cứu này khẳng định về lịch sử của cụm di tích này:

“Cụm di tích đền – chùa Bà Tấm thuộc địa phận xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội, cách khu vực trung tâm Hà Nội gần 20 km về phía Đông, trên quốc lộ 5 đi Hải Phòng.

Theo sử sách và truyền thuyết dân gian, cụm di tích này được xây dựng từ thời Lý. Sự ra đời của di tích gắn liền với Nguyên Phi, Hoàng Thái Hậu Ý Lan – một nhân vật kiệt xuất của vương triều Nhà Lý, giỏi việc trị nước, khiến nhân tâm hòa hợp, đất nước thanh bình, dân gian tôn sùng bà là Phật Bà Quan Âm, thường gọi là Bà Tấm, hiện thân của lòng bao dung, tài năng đức độ và những điều tốt lành. Các huyền thoại, truyền thuyết về bà phủ trùm lên một vùng văn hóa, lịch sử của xứ Kinh Bắc xưa” [Nguyễn Văn Đoàn, 2014, tr.33].

Về một ngôi chùa cổ khác của huyện Gia Lâm là chùa Sủi, có bài viết “Giá trị lịch sử - văn hóa chùa Sủi” của tác giả Vũ Hồng Thuật (2003), Tạp chí Nghiên cứu Phật học (1), tr. 63 -64. Bài viết chỉ ra giá trị về mặt lịch sử, văn hóa của ngôi cổ tự Sùng Phúc Tự (chùa Sủi), một địa danh có lịch sử từ lâu đời. Tác giả khẳng định:

“Thăng Long – Hà Nội là trung tâm văn hóa của cả nước nên kiến trúc chùa tháp rất phong phú. Ngôi chùa không chỉ là nơi hành lễ gửi gắm niềm tin vào đức Phật mà còn chứa đựng một kho tàng văn hóa dân gian thông qua nghệ thuật trang trí kiến trúc, tượng pháp, bi ký. Quần thể di tích đình, đền chùa Sủi xứng danh là một bảo tàng sống ẩn mình dưới bóng cây cổ thụ, ngày đêm vang vọng tiếng chuông ngân, dẫn dắt chúng sinh đến với Phật đạo” [Vũ Hồng Thuật, 2003, tr.63]

Gia Lâm là vùng đất địa linh nhân kiệt, nơi đây là quê hương của nhiều nhân vật kiệt xuất. Nhắc đến Phật giáo huyện Gia Lâm không thể không nhắc

đến nhân vật Chử Đồng Tử - một trong Tứ bất tử của Việt Nam, nhân vật được nhắc đến rất nhiều trong quá trình nghiên cứu về những bước chân đầu tiên của Phật giáo ở Việt Nam với câu chuyện tình với nàng công chúa Tiên Dung và câu chuyện tìm thầy học đạo (Phật giáo) và truyền bá Phật giáo ở Việt Nam. Liên quan đến nhân vật có thể kể đến công trình Tục thờ Chử Đồng Tử của tác giả Đỗ Lan Phương (2010), Nxb Tôn giáo. Với công trình nghiên cứu này, tác giả luận án có thể kế thừa, tham khảo những nghiên cứu về nhân vật Chử Đồng Tử từ truyền thuyết, thần tích đến di tích, lễ hội, phong tục, không gian và thời gian tồn tại của tục thờ Chử Đồng Tử, từ đó có thêm căn cứ để khẳng định những luận điểm liên quan đến Chử Đồng Tử trong việc khẳng định thời gian Phật giáo du nhập vào huyện Gia Lâm.

1.1.4. Đánh giá về những nội dung có thể kế thừa và những vấn đề nghiên cứu mới đặt ra đối với luận án

**** Những nội dung có thể kế thừa***

Từ sự phân tích trên đây có thể thấy, đối với vấn đề Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, ở các khía cạnh cụ thể, chi tiết có thể ít nhiều được đề cập đến trong các công trình nghiên cứu thuộc nhiều chủ đề khác nhau. Trong nghiên cứu này, luận án tập trung vào việc tổng quan tư liệu, tài liệu ở ba cụm chủ đề chính là: các công trình nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam nói chung; các công trình nghiên cứu về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội; các công trình nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Các công trình nghiên cứu đã đề cập đến trong các chủ đề được phân tích ở trên cho thấy:

Thứ nhất, ở cụm chủ đề nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam nói chung, tác giả đặc biệt quan tâm đến công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam, là các công trình của các tác giả lớn như: Lê Mạnh Thát, Nguyễn Lang,... các công trình này đã phân tích rất rõ về tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam, từ những bước đường du nhập đến các giai đoạn thăng trầm cùng

các giai đoạn lịch sử Việt Nam. Các công trình này đều khẳng định: Phật giáo vào Việt Nam từ rất sớm, gắn liền với việc hình thành trung tâm Phật giáo Luy Lâu, từ trung tâm Luy Lâu, Phật giáo lan truyền đến các vùng lân cận. Trên những bước đường du nhập của Phật giáo, đặc biệt sự du nhập các dòng thiền du nhập vào Việt Nam, có gắn với lịch sử các ngôi chùa, trong đó có dòng thiền Vô Ngôn Thông gắn liền với ngôi chùa Kiến Sơ (nay thuộc huyện Gia Lâm).

Quá trình lịch sử của Phật giáo Việt Nam gắn liền với từng thời kỳ của lịch sử Việt Nam, đặt trong bối cảnh chính trị, tư tưởng, văn hóa, xã hội của từng thời kỳ lịch sử.

Chính vì vậy, đây là những phong kiến thức chung để nghiên cứu có thể kế thừa, khi nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, nghiên cứu dựa trên căn cứ là kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước, nghiên cứu thực tiễn tại các cơ sở, di tích Phật giáo trên địa bàn huyện (lịch sử các ngôi chùa, hệ thống các văn bia,...) để phân tích và khẳng định được các nội dung liên quan đến lịch sử Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

Những công trình nghiên cứu về các ngôi chùa của Phật giáo Việt Nam cũng đã phác họa được bức tranh tổng quan về lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật các ngôi chùa ở Việt Nam. Ít nhiều bóng dáng các ngôi chùa, đặc biệt các ngôi chùa cổ có giá trị lớn về mặt lịch sử - văn hóa của huyện Gia Lâm cũng ít nhiều được nhắc đến.

Những công trình nghiên cứu về các hoạt động của Phật giáo Việt Nam ở các góc độ khác nhau như hoạt động từ thiện, hoạt động của tín đồ Phật tử, hoạt động giáo dục, hoạt động hoằng pháp,... cũng đã phác họa được bức tranh sôi nổi, phong phú đa dạng các hoạt động của Phật giáo Việt Nam trong các thời kỳ, đặc biệt giai đoạn hiện nay.

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập là một sự kiện trọng đại của Phật giáo Việt Nam, là sự ra đời của một tổ chức Phật giáo thống nhất từ trung ương xuống địa phương, tổ chức của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là một thành viên trong ngôi nhà chung đó với vai trò tổ chức cấp huyện.

Trong các nghiên cứu xoay quanh chủ đề này, các công trình đều đã khẳng định vị thế, vai trò của Phật giáo trong các thời kỳ lịch sử, trong các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam như tư tưởng, đạo đức, lối sống, văn hóa,...

Thứ hai, ở cụm chủ đề nghiên cứu về Phật giáo Thăng Long – Hà Nội, đây được coi là mảng chủ đề có liên quan gián tiếp gần với đề tài nghiên cứu, bởi Phật giáo huyện Gia Lâm chính là một phần, một mảnh ghép của bức tranh đó. Các công trình nghiên cứu đều khẳng định Phật giáo Hà Nội có lịch sử lâu đời với bề dày văn hóa phong phú và đa dạng. Phật giáo huyện Gia Lâm cũng là một phần trong các lớp trầm tích đó.

Ở cụm chủ đề thứ ba, là những công trình nghiên cứu trực tiếp liên quan đến Phật giáo huyện Gia Lâm. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau: lịch sử, văn hóa, di sản, khảo cổ,...các công trình đã đề cập được một số các lĩnh vực cụ thể, riêng lẻ của Phật giáo huyện Gia Lâm: các ngôi chùa cụ thể, đặc biệt các ngôi chùa cổ có lịch sử lâu đời như Kiến Sơ, Phú Thị, Bà Tâm,... Qua các công trình này ít nhiều các vấn đề lịch sử các cơ sở thờ tự Phật giáo ở huyện Gia Lâm, vai trò Phật giáo huyện Gia Lâm thể hiện qua vai trò các ngôi chùa được thể hiện, qua đó cũng ít nhiều phác họa nên một vài nét về lịch sử Phật giáo huyện Gia Lâm qua các thời kỳ. Cụ thể ví như: qua lịch sử các ngôi chùa có thể thấy Phật giáo đến với vùng đất Gia Lâm từ rất sớm,...

Tóm lại, có thể thấy, các vấn đề xung quanh Phật giáo huyện Gia Lâm trực tiếp hoặc gián tiếp, mức độ nhiều hoặc ít được đề cập đến trong khá

những công trình của các nhà nghiên cứu, dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau.

** Những vấn đề mới luận án cần tiếp tục nghiên cứu*

Các công trình nghiên cứu kể trên đều đã ít nhiều có đề cập đến các vấn đề liên quan đến Phật giáo huyện Gia Lâm, tuy nhiên ở các góc độ cụ thể riêng lẻ như đã chỉ ra ở trên. Chưa có công trình nghiên cứu nào đề cập trực tiếp đến các vấn đề:

- Thời gian du nhập, phương thức du nhập Phật giáo vào vùng đất Gia Lâm.
- Lịch sử Phật giáo huyện Gia Lâm qua các thời kỳ lịch sử.
- Thực trạng Phật giáo huyện Gia Lâm về các mặt tổ chức, hoạt động,...

Đó chính là những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, là khoảng đất trống để nghiên cứu có thể đào sâu nghiên cứu.

Trên cơ sở những vấn đề nghiên cứu trên đây, luận án sẽ đi sâu vào đánh giá, chỉ ra các vấn đề còn tồn tại của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm với mục đích đưa ra các giải pháp nhằm phát huy vai trò của Phật giáo trong bối cảnh xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm trong tình hình mới.

1.2. Một số vấn đề lý luận trong nghiên cứu

1.2.1. Một số khái niệm sử dụng trong luận án

Để phục vụ cho nghiên cứu, luận án cần làm rõ nội hàm một số khái niệm chính được sử dụng trong luận án:

+ *Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm*

Trong Lời giới thiệu của cuốn sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam của tác giả Lê Mạnh Thát có đoạn viết: “Phật giáo tuy là một hiện tượng văn hóa nước ngoài truyền vào nước ta, đã được nhân dân tiếp thu và vận dụng vào đời sống dân tộc và đóng một vai trò lịch sử nhất định trong công cuộc

dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Cho nên nghiên cứu lịch sử dân tộc không thể không nghiên cứu lịch sử Phật giáo. Lịch sử Phật giáo Việt Nam đã trở thành một bộ môn của lịch sử dân tộc” [Lê Mạnh Thát, 2003, tr.10]. Như vậy, từ một tôn giáo ngoại nhập, trải qua quá trình du nhập, phát triển ở Việt Nam, Phật giáo đã được nhân tiếp thu và vận dụng, Phật giáo đã hòa quyện cùng với văn hóa Việt Nam để trở thành Phật giáo Việt Nam mang đậm dấu ấn của văn hóa Việt Nam.

Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là nghiên cứu Phật giáo Việt Nam trong không gian của vùng đất huyện Gia Lâm với địa giới hành chính ngày nay (được phân tích rõ ở chương 2). Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng có những đặc nét đặc trưng riêng mang đậm dấu ấn của vùng đất ngoại thành Gia Lâm.

+ *Sơn môn, hệ phái*

Trong truyền thống Phật giáo có sự phân chia, phát triển thành nhiều nhánh khác nhau thể hiện ở nhiều phương diện như: hình thức tu tập, sử dụng kinh tạng khác nhau, việc bài trí tượng thờ,... Ban đầu là sự chia tách Bộ phái, tiếp theo là sự chia tách Tông phái rồi Hệ phái/ Môn phái.

Trong cuốn sách Hệ thống tổ chức Giáo hội của các tôn giáo ở Việt Nam, tác giả cuốn sách viết về sơn môn:

“Sơn môn là đơn vị cuối cùng của tổ chức Phật giáo. Sơn môn (còn gọi là Sơn tự). Từ gọi chung chùa Việt. Vì thời xưa phần nhiều chùa, viện được xây dựng trên núi nên lấy Sơn môn làm tên gọi khác của chùa, viện. Về sau chùa, viện được xây dựng ở nông thôn hay thành thị cũng gọi là Sơn môn. Ngoài ra tất cả những người tu hành trong ngôi chùa, từ trụ trì trở xuống đều được gọi là Sơn môn. Những quy định, phép tắc riêng của mỗi chùa, viện được thiết lập ngoài những Thanh quy thông thường được gọi là Sơn pháp” [Nguyễn Hồng Dương, 2021, tr.38-39].

Sơn môn còn được hiểu là một loại hình tổ chức sau hệ phái Phật giáo được gọi là tổ đình hay chôn tổ. Với hai nghĩa: Là ngôi chùa, viện hình thành đầu tiên về sau đó phát triển xây dựng ra nhiều chùa, viện khác; Là nơi chúng tăng tu tập buổi đầu sau đó đi phát triển các chùa khác, vị khai sáng ra chùa, viện đầu tiên gọi là tổ.

+ *Tổ chức hành chính đạo*

Khái niệm tổ chức hành chính đạo được hiểu trong mối tương quan với khái niệm tổ chức tôn giáo. Trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo: “Tổ chức tôn giáo là tập hợp tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của một tôn giáo được tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận nhằm thực hiện các hoạt động tôn giáo” [Quốc hội, 2016, tr.2].

Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức Phật giáo Việt Nam cả nước, được thành lập năm 1981, trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của 09 tổ chức Giáo hội, tổ chức Hội và Hệ phái Phật giáo trong cả nước, có đủ tư cách pháp lý, pháp nhân, đại diện Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, là thành viên các tổ chức Phật giáo Quốc tế mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia.

Hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được quy định ba cấp: Cấp Trung ương; cấp Tỉnh, Thành phố; cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Ở mỗi cấp đều có Hội đồng Chứng minh (với cấp Trung ương), Ban Chứng minh (đối với hai cấp còn lại) và Hội đồng Trị sự (với cấp Trung ương), Ban Trị sự (với hai cấp còn lại). Trong đó Hội đồng Chứng minh (Ban Chứng minh ở các cấp dưới) là cơ quan lãnh đạo về Đạo pháp và Giới luật của Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp. Hội đồng Trị sự (Ban Trị sự các cấp dưới) là cơ quan điều hành, quản lý hành chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong khuôn khổ luận án, tác giả nghiên cứu về tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm chủ yếu tiếp cận dưới góc độ tổ chức hành

chính đạo, tức chủ yếu đề cập đến Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, cơ quan điều hành, quản lý hành chính của Phật giáo huyện Gia Lâm.

+ *Nguồn lực Phật giáo*

Ở Việt Nam, các khái niệm “nguồn lực tôn giáo”, “các nguồn lực của các tôn giáo”,... mới được đề cập đến chục năm trở lại đây. Viết về nguồn lực tôn giáo, trong bài viết: “Phát huy nguồn lực tinh thần của các tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay”, tác giả Trần Thị Thúy Vân viết: “Nguồn lực là những yếu tố tác động tích cực đến sự phát triển. Nguồn lực được thể hiện ở hai dạng cơ bản là nguồn lực tự nhiên (đất đai, khoáng sản, khí hậu, rừng biển...) và nguồn lực xã hội (con người, văn hóa, vốn, thị trường, khoa học – công nghệ, chính sách. Nguồn lực tôn giáo thuộc về nguồn lực xã hội nói chung, cụ thể là thuộc về nguồn lực văn hóa” [Trần Thị Thúy Vân, 2021, tr.54,55].

Như vậy có thể hiểu nguồn lực Phật giáo là những yếu tố tác động tích cực của Phật giáo đến sự phát triển của xã hội. Phật giáo với vai trò là một tôn giáo lớn, truyền thống của Việt Nam, nguồn lực Phật giáo là rất rõ rệt với hai cấu trúc chính: nguồn lực tinh thần, nguồn lực vật chất, nguồn lực con người. Nguồn lực tinh thần là các giá trị về văn hóa, đạo đức Phật giáo đang góp phần gìn giữ, lưu truyền và phát huy các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống Việt Nam, hướng con người đến những giá trị Chân – Thiện – Mỹ, là nền tảng, động lực của sự phát triển, các hoạt động hướng đích xã hội, hoạt động từ thiện của các tôn giáo đã góp phần an sinh xã hội, giúp xã hội ổn định và phát triển; nguồn lực vật chất của Phật giáo được thể hiện ở khía cạnh cơ sở, tài sản, di tích, công trình nghệ thuật Phật giáo; nguồn nhân lực của Phật giáo là những Tăng Ni, Phật tử,...

1.2.2. Lý thuyết nghiên cứu

+ *Lý thuyết hệ thống - thực thể tôn giáo.*

Đây không còn là một lý thuyết mới trong nghiên cứu về tôn giáo, cách tiếp cận này được phát triển mạnh mẽ bởi các nhà xã hội học tôn giáo, nhìn nhận tôn giáo với tư cách là một thực thể xã hội, phản ánh được thực chất tồn tại của tôn giáo trong xã hội. Đó là cách tiếp cận hệ thống, hay còn gọi là hệ thống luận (systemique) và từ đó coi tôn giáo là thực thể xã hội tồn tại một cách khách quan. Nói cách khác, tôn giáo là tồn tại có tính thực thể, hay còn gọi là thực thể tôn giáo (faits religieux). Một thực thể tôn giáo không chỉ là sự kiện tiêu biểu hiểu theo ý niệm thời gian, mà còn là thực thể khách quan theo ý niệm không gian của xã hội. Tôn giáo được thể hiện như một thực thể trong không - thời gian: nó vừa mang trong nó lịch sử, vừa mang hơi thở của thời đại nó tồn tại. Bởi xét cho cùng, tôn giáo chính là sự phản ánh chính thể giới mà con người đang sống: “Theo bản chất của nó, tôn giáo là những sự rút hết toàn bộ nội dung của con người và giới tự nhiên, là việc chuyển nội dung đó sang cho cái bóng ma” [Trung tâm Khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo HV CTQG HCM, 1998, tr. 9].

Vậy một thực thể tôn giáo có thể được nhận biết ra sao? Có đặc tính gì để phân biệt nó với những thực thể xã hội (faits sociaux) khác?

Để trả lời câu hỏi này, ở Việt Nam, từ năm 1995, trong cuốn *Tìm hiểu về đạo Cao Đài*, tác giả Đặng Nghiêm Vạn đã sử dụng thuật ngữ khái niệm tôn giáo “là một thực thể khách quan xã hội”, sau này tác giả Nguyễn Quốc Tuấn trong bài viết: “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: một cách nhìn khác về tôn giáo” đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (129) năm 2014, tr. 3-15, tác giả đã chỉ ra năm đặc tính để phân biệt nó với các thực thể xã hội khác theo hai chiều kích: thời gian và không gian. Năm đặc tính đó là:

+ Nhìn thực thể tôn giáo theo lịch sử: “thực thể tôn giáo có tính lịch sử không phải là các chứng cứ dựa trên suy đoán, tưởng tượng, sự duy lý hóa niềm tin, mà phải là những chứng cứ xác thực, được chứng minh là đúng bằng các phương pháp khoa học liên ngành nghiêm ngặt” [Nguyễn Quốc Tuấn, 2014, tr. 8].

+ Thực thể tôn giáo hay các thực thể tôn giáo cũng còn là (các) thực thể xã hội có tính tập thể, tính vật thể, tính biểu tượng, tính kinh nghiệm và nhạy cảm.

“Thực thể tôn giáo là một khái niệm dùng để chỉ toàn bộ hiện thực tôn giáo tồn tại trong lịch sử đồng thời là một thiết chế và kết cấu của đời sống xã hội, chịu sự tác động từ các mối quan hệ và tương tác với các thiết chế xã hội khác. Thực thể tôn giáo là tổng thể (holisme) các niềm tin và thực hành tôn giáo của cá nhân và nhóm người theo các giá trị chung với các tính chất xác định là tính tập thể, tính vật thể, tính biểu tượng và tình kinh nghiệm và nhạy cảm đã từng và đang tồn tại trong đời sống xã hội” [Nguyễn Quốc Tuấn, 2014, tr. 9].

Từ những luận giải, tác giả đi đến nhận định: “Thực thể tôn giáo tồn tại một cách khách quan, có tính chỉnh thể và có mối quan hệ tương tác với các bộ phận khác của xã hội với tư cách là một tiểu hệ thống, có những đặc tính cơ bản để phân biệt nó với các tiểu hệ thống khác”.

Nghiên cứu về Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, lý thuyết này được áp dụng cụ thể ở các khía cạnh:

+ Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm được nghiên cứu dưới góc độ một thực thể xã hội. Ở chiều cạnh lịch sử, nó phải được nghiên cứu dựa trên các tài liệu, cứ liệu thực được thể hiện trong những cứ liệu lịch sử được ghi chép, những cứ liệu thực tế được thu thập được thông qua các

ngiên cứu thực địa tại các chùa tại huyện Gia Lâm thông qua hệ thống văn bia, kiến trúc,...

+ Nghiên cứu về Phật giáo huyện Gia Lâm cần dựa trên điều kiện tiền đề thực tiễn về các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Gia Lâm, nơi mà nó hình thành và phát triển. Bởi xét cho cùng, tôn giáo, tín ngưỡng nói chung, Phật giáo nói riêng thuộc về tiểu kiến trúc thượng tầng, nó không thể tách rời cơ sở hạ tầng. Và nó cần phải được xem xét trong mối quan hệ tương tác với các bộ phận khác của xã hội.

+ *Lý thuyết phân tích văn hóa và vùng văn hóa:*

Khu vực văn hóa được nhà nhân học Mỹ, Clark D. Wissler đưa ra để chỉ một không gian địa lý – lịch sử đặc trưng bởi sự đồng nhất về văn hóa, dựa trên một tổ hợp các yếu tố về văn hóa. Ông cho rằng: trong mỗi khu vực văn hóa có một trung tâm, nơi mà từ đó nền văn hóa ảnh hưởng và lan tỏa. Trong đó, khuếch tán văn hóa được coi là một quá trình cơ bản trong sự hình thành vùng văn hóa.

“Khuếch tán văn hóa (trans -cultural diffusion) được định nghĩa là sự lan truyền các đặc điểm văn hóa thông qua tiếp xúc, từ một nơi này, đến một người, một cộng đồng, một địa phương khác và nhấn mạnh đến những tư tưởng hay công nghệ/ kỹ nghệ mới. Quá trình khuếch tán vừa có tính ngẫu nhiên lại vừa áp đặt, nó có thể thông qua các kênh chính trị, hoặc do tình cờ liên lạc giữa các nhóm khác nhau. Tựu chung, có ba cơ chế khuếch tán: Trực tiếp qua hôn nhân hay thương mại, khi hai nền văn hóa rất gần gũi nhau; Cường bức xảy ra khi những người chinh phục buộc một cộng đồng lệ thuộc phải theo các giá trị văn hóa của mình; Gián tiếp tiếp xúc thông qua trung gian, ví dụ như qua truyền thông” [Đặng Ngọc Kính, 2015, tr. 196 – 197].

Và sự hình thành vùng văn hóa chịu sự chi phối của nhiều yếu tố, trong đó cần kể đến các yếu tố điều kiện kinh tế, chính trị, môi trường,... mang tính khách quan từ bên ngoài và các yếu tố là động cơ văn hóa mang tính chủ quan từ bên trong như tri thức, tình cảm, phong tục tập quán, tôn giáo, những quan niệm về đúng – sai, thiện,...

Vận dụng lý thuyết này vào nghiên cứu Phật giáo ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, Xét cho cùng, Phật giáo nói riêng, tín ngưỡng, tôn giáo nói chung là một phần của văn hóa, và chính nó cũng góp phần tạo nên những đặc trưng văn hóa của vùng. Phật giáo khi vào vùng đất Gia Lâm, chịu sự chi phối, tác động của các điều kiện địa chính trị - văn hóa – xã hội của mảnh đất Gia Lâm, điều đó thể hiện rất rõ rệt đến diện mạo Phật giáo vùng đất này và thể hiện rất rõ nét trong những đặc trưng, đặc điểm của Phật giáo nơi đây. Ví như, vùng đất Gia Lâm với những đặc trưng của nền nông nghiệp lúa nước, ngoại vi của vùng văn hóa Kinh Bắc, nên các tín ngưỡng nông nghiệp như tín ngưỡng thờ Tứ pháp hay tín ngưỡng thờ Mẫu rất đậm nét. Chính vì thế, khi Phật giáo vào vùng đất này, với sự chi phối, tác động mạnh mẽ của văn hóa bản địa. Hai luồng văn hóa này hội nhập, đan xen vào nhau nên Phật giáo ở nơi đây, gắn rất chặt với các tín ngưỡng đó. Nhìn ở góc độ khác, Gia Lâm là vùng đất chịu ảnh hưởng của rất nhiều vùng văn hóa lớn: văn hóa Kinh Bắc, văn hóa Thăng Long qua quá trình khuếch tán văn hóa, hai vùng văn hóa này dấu ấn Phật giáo rất đậm nét nên ở Gia Lâm cũng vậy.

Có một đặc điểm của quá trình khuếch tán văn hóa trong lý thuyết vùng văn hóa cần nhắc đến đó là tính nguyên bản của văn hóa của vùng ngoại vi so với vùng trung tâm:

“Trung tâm chứa những tổ hợp văn hóa đặc trưng và điển hình hơn. Quá trình cấu trúc và lên khuôn của trung tâm tạo nên sản phẩm văn hóa mang tính định hình cao. Từ đó lại lan tỏa, ảnh hưởng ra ngoại vi

các sản phẩm văn hóa khuôn mẫu, tạo nên sự thống nhất diện mạo văn hóa của vùng. Do đặc tính thu hút và tích hợp các yếu tố văn hóa, vùng trung tâm thường biến đổi mạnh hơn so với vùng xa trung tâm, ngoại vi bao giờ cũng tĩnh lặng, ít sôi động hơn. Bởi vậy, nhiều hiện tượng văn hóa khi lan tỏa tới ngoại vi thường bị hóa thạch và giữ lại các dạng thức nguyên thủy hơn so với trung tâm” [Đặng Ngọc Kính, 2015, tr. 197].

Chương 2.
CƠ SỞ CỦA SỰ DU NHẬP, PHÁT TRIỂN VÀ
LỊCH SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM
(TỪ KHI DU NHẬP ĐẾN NĂM 2007)

2.1. Cơ sở của sự du nhập, phát triển của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

2.1.1. Cơ sở tự nhiên - kinh tế - xã hội

Trước hết, cần khẳng định: Gia Lâm nằm ở vị trí địa lý thuận lợi cho sự du nhập và phát triển Phật giáo.

Lịch sử huyện Gia Lâm gắn liền với những thăng trầm lịch sử của đất nước. Xa xưa, Gia Lâm thuộc vùng đất Long Biên, Thời Lý thuộc phủ Thiên Đức, thời Trần thuộc lộ Bắc Giang, thời Hậu Lê đến thời Nguyễn lại thuộc Phủ Thuận An trấn Kinh Bắc... Trước năm 1945, thuộc tỉnh Bắc Ninh. Trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử với những thay đổi về địa giới hành chính. Gia Lâm ngày nay là một huyện của thành phố Hà Nội với 20 xã, 2 thị trấn. Đó là các xã: Bát Tràng, Cổ Bi, Dương Hà, Dương Quang, Dương Xá, Đặng Xá, Đa Tốn, Đình Xuyên, Đông Dư, Kiều Ky, Kim Lan, Kim Sơn, Lê Chi, Ninh Hiệp, Phù Đồng, Phú Thị, Trung Màu, Yên Viên, Yên Thường, Văn Đức và 2 thị trấn: Yên Viên, Trâu Quỳ. Với tổng diện tích tự nhiên 116,71 km², dân số hơn 28 vạn người. Phía Bắc giáp quận Long Biên; phía Tây Nam là dòng sông Hồng lịch sử với bờ bên kia là huyện Thanh Trì, Hoàng Mai, phía Đông Bắc và Đông giáp với các huyện Từ Sơn, Tiên Du, Thuận Thành của tỉnh Bắc Ninh; phía Nam giáp với huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Đây là phạm vi lãnh thổ và vị trí địa lý của huyện Gia Lâm ngày nay.

Như vậy về vị trí địa lý, Gia Lâm nằm trong vùng tiếp giáp với các vùng văn hóa lớn của Việt Nam xưa: văn hóa Thăng Long, văn hóa Kinh Bắc. Để thấy rõ hơn về đặc điểm giao thoa các nền văn hóa lớn của vùng đất Gia Lâm, nghiên cứu sẽ khái lược chung về hai nền văn hóa Kinh Bắc và văn hóa Thăng Long.

Văn hóa Kinh Bắc: Kinh Bắc là tên một địa danh cũ ở phía Bắc Việt Nam xưa, xét theo địa chính ngày nay thì khu vực xưa đó bao gồm toàn bộ ranh giới Bắc Ninh, Bắc Giang và một phần nhỏ các tỉnh lân cận như Hữu Lũng của Lạng Sơn, Văn Giang, Văn Lâm của Hưng Yên, Phổ Yên của Thái Nguyên, Phúc Yên của Vĩnh Phúc và một số huyện của thành phố Hà Nội: Gia Lâm, Long Biên, Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn.

Khi Vua Lê Thánh Tông cho định lại bản đồ cả nước gồm 13 xứ thừa tuyên, xứ Kinh Bắc là một trong các xứ. Đến thời vua Gia Long, xứ Kinh Bắc thuộc Bắc Thành tổng trấn, xứ Kinh Bắc khi đó gồm 4 phủ: Thuận An, Từ Sơn, Bắc Hà, Lạng Giang (khi đó huyện Gia Lâm thuộc về phủ Thuận An).

Xứ Kinh Bắc nằm ở vùng trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng, có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế, văn hóa (đất đai màu mỡ, thuận tiện trong giao lưu kinh tế,...). Đây là địa bàn cư trú chủ yếu của người Việt cổ, có thể coi là cái nôi, nơi khai mở nền văn hóa Đại Việt. Nơi đây là vùng đất đậm đặc những di tích gắn với huyền thoại lịch sử, khai mở nền văn minh Đại Việt.

Văn hóa Kinh Bắc cũng là nơi tiếp nhận Phật giáo đầu tiên khi du nhập vào Việt Nam, với việc hình thành trung tâm Phật giáo Luy Lâu – một trung tâm Phật giáo lớn và sớm trong khu vực (Sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau).

Văn hóa Thăng Long: Trải qua tiến trình lịch sử kéo dài hàng ngàn năm, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia Đại Việt, vùng văn hóa Thăng Long Hà Nội, có một bề dày lịch sử nghìn năm, là nơi hội tụ văn hóa, kết tinh văn minh Việt Nam. Thăng Long – Hà Nội nằm trong vùng tam giác châu thổ sông Hồng có nhiều điều kiện để hình thành một trung tâm kinh tế, chính trị văn hóa của cả vùng mà như trong Chiêu Dời Đô, Vua Lý Công Uẩn đã nêu rất rõ:

“thành Đại La, đô cũ của Cao Vương, ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời” [Nhiều tác giả, 2017, tr.148].

Lý Công Uẩn dời đô về Đại La, đặt tên là Thăng Long, từ đó mở ra một trang sử mới cho mảnh đất này. Trải qua các triều đại sau, Thăng Long vẫn luôn giữ vị trí trọng yếu về kinh tế, chính trị. Là nơi giao thoa của những nền văn hóa lớn. Văn hóa Thăng Long – Hà Nội vẫn luôn khẳng định vị thế, cốt cách rất riêng.

Khi nghiên cứu về đặc tính của văn hóa Thăng Long – Hà Nội, tác giả Nguyễn Hải Kế cho rằng: Tiếp xúc, chọn lọc văn hóa là thuộc tính, là một quá trình lịch sử - tự nhiên của Thăng Long – Hà Nội. Đặc điểm này xuất phát từ đặc điểm bản thân nước Việt Nam ở vị thế ngã tư đường của các cư dân và các nền văn minh, và về bản chất Thăng Long là một thành phố mở.

Trong những thời kỳ khác nhau, với những biến động lịch sử, Gia Lâm từng thuộc các vùng địa văn hóa quan trọng trấn Kinh Bắc, phủ Thiên Đức,... đến nay, Gia Lâm là một phần của thủ đô Hà Nội – trung tâm chính trị - kinh

tế - văn hóa của cả nước. Chạy dọc theo sườn sông Hồng – con sông đã tạo nên mạch nguồn văn minh lúa nước của người Việt, với nhiều các chi nhánh sông chằng chịt (Gia Lâm có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc chảy qua: lưu vực sông Hồng, sông Đuống, sông Nhuệ, sông Cầu, sông Cà Lồ và nhiều đầm hồ, tự nhiên), Gia Lâm là nơi giao thoa, có nhiều điều kiện để tiếp nhận các luồng văn hóa. Chính điều kiện này đã tạo điều kiện cho sự tiếp nhận Phật giáo từ rất sớm của mảnh đất này và cũng tạo điều kiện cho sự phát triển và hình thành nên đặc trưng rất riêng của Phật giáo nơi đây. (Sẽ được phân tích ở phần sau).

Thứ hai, cần khẳng định, Gia Lâm có tiềm năng to lớn, nhiều điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, đây chính là nền tảng cơ sở cho sự phát triển văn hóa của vùng, trong đó có tín ngưỡng, tôn giáo (Phật giáo nói riêng).

Xét cho cùng, văn hóa nói chung, tín ngưỡng, tôn giáo nói riêng là thuộc về hình thái ý thức xã hội, chính vì vậy, nó được hình thành trên cơ sở nền tảng của các điều kiện kinh tế, xã hội (các điều kiện tồn tại xã hội). Chính vì thế nghiên cứu về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của huyện Gia Lâm nói chung, Phật giáo huyện Gia Lâm nói riêng không thể không tìm hiểu về những điều kiện này, bởi đây chính là những điều kiện, “giá đỡ” cho sự tồn tại, phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm.

Như đã chỉ ra ở trên, với vị trí địa lý thuận lợi, Gia Lâm có nhiều điều kiện, tiềm năng để phát triển kinh tế, xã hội.

Gia Lâm với thế mạnh về vị trí với nhiều loại hình giao thông đa dạng và thuận tiện (đường bộ, đường thủy, đường sắt). Hiện nay, trên địa bàn huyện có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng đã và đang được đầu tư xây dựng: Quốc lộ 1A; Quốc lộ 1B; Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên; Quốc lộ 5; Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; đường Hà Nội - Hưng

Yên; đường 181...; đường thủy sông Hồng, sông Đuống, ga Yên Viên và hệ thống đường sắt ngược lên phía Bắc, Đông Bắc và xuôi cảng biển Hải Phòng. Với địa hình giao thông thuận lợi như trên, tạo điều kiện cho sự thông thương hàng hóa, dịch vụ, thúc đẩy các loại hình kinh tế phát triển.

Gia Lâm có phần lớn diện tích là đồng bằng, thấp dần từ tây xuống đông nam theo hướng của dòng chảy Sông Hồng và hướng chung của địa hình thành phố Hà Nội. Chạy dọc theo sườn sông Hồng, vùng đồng bằng của huyện thường xuyên được phù sa bồi đắp tạo nên vùng đất khá phì nhiêu, màu mỡ, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Khí hậu nhiệt đới gió mùa với lượng mưa và lượng ẩm lớn. Chính vì thế đây là vùng đất cư dân định cư từ rất sớm, tạo thành những làng mạc trù phú, phì nhiêu, tạo điều kiện cho kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.

Hiện nay, là huyện ngoại thành của Thủ Đô Hà Nội – trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước, được ưu tiên đầu tư mọi mặt, Gia Lâm có nhiều điều kiện để phát triển các mặt kinh tế - văn hóa – xã hội. Đây chính là những thế mạnh, động lực, tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ giao thông,...

Với những thế mạnh về vị trí địa lý, nguồn lực phát triển kinh tế, Gia Lâm được xác định là vùng kinh tế trọng điểm, là địa bàn quân sự chiến lược ở phía Đông của Thủ đô Hà Nội. Kinh tế của huyện Gia Lâm là sự phát triển song song của cả hai loại hình truyền thống và hiện đại.

Thứ ba, Huyện Gia Lâm đang trong quá trình “chuyển mình” mạnh mẽ trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa. Những biến đổi này tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa của người dân nơi đây, cũng ảnh hưởng không nhỏ đến diện mạo, và tạo nên những biến đổi không nhỏ của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong hơn hai thập kỷ qua đã tác động mạnh mẽ đến khu vực ven đô Hà Nội, các huyện ngoại thành như Gia Lâm, Hoài Đức, Đông Anh,...

Đó là sự xuất hiện của các khu công nghiệp mới với quy mô lớn. Theo thống kê, chỉ tính đến năm 2011, Hà Nội đã có thêm 19 khu Công nghiệp mới, một khu công nghệ cao, 45 cụm công nghiệp và hàng chục khu đô thị mới ven đô. Những chuyển dịch về cơ cấu kinh tế như trên dẫn đến những biến đổi quan trọng về sử dụng đất, trong đó nổi bật là sự chuyển dịch từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp; sự gia tăng dân số ở các khu vực này do di cư; và những biến đổi sinh kế của người dân trong các huyện ven đô.

Trong bối cảnh đô thị hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa hiện nay, huyện Gia Lâm đang trong quá trình “chuyển mình” sâu sắc. Kinh tế huyện Gia Lâm đang phát triển và mở rộng theo hướng phát triển kinh tế thương mại, du lịch, dịch vụ, công nghiệp công nghệ cao.

Huyện Gia Lâm có nhiều khu đô thị, khu công nghiệp và các trung tâm thương mại được hình thành. Đặc biệt nằm trong khu vực công nghiệp Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, đây là đầu mối giao thông quan trọng, với nguồn lao động dồi dào, có trình độ kỹ thuật, cơ sở hạ tầng được chú trọng đầu tư, huyện Gia Lâm đã hình thành các khu công nghiệp địa phương và trung ương với kỹ thuật trình độ tổ chức cao được đầu tư mở rộng.

Với đặc điểm huyện ngoại thành phía Đông Bắc của Thủ Đô, nơi tập trung nhiều đầu mối giao thông quan trọng, được chú trọng đầu tư để phát triển, tốc độ đô thị hóa của huyện diễn ra mạnh mẽ, điều đó thể hiện ở các chỉ tiêu: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, công nghiệp. Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị.

Vừa tập trung xây dựng nông thôn mới, vừa hướng tới xây dựng đô thị văn minh, 5 năm qua (2015-2020), huyện Gia Lâm đã nỗ lực tạo “đòn bẩy” thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm Lê Anh Quân cho biết, giai đoạn 2015-2020, huyện xác định công tác xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị văn minh là nhiệm vụ trọng tâm và tập trung chỉ đạo quyết liệt. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình số 09-CTr/HU ngày 22-1-2016 của Huyện ủy về “Phát triển kinh tế từng bước vững chắc gắn với xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015-2020”. Cùng với đó, toàn huyện nỗ lực thực hiện phong trào “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.... Huyện Gia Lâm phấn đấu trở thành quận năm 2023.

Kết quả: Trong những năm gần đây, kinh tế của huyện phát triển ổn định, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tỷ trọng các ngành dịch vụ, công nghiệp tăng, ngành nông – lâm – thủy hải sản giảm. Theo báo cáo năm 2019, kinh tế huyện Gia Lâm duy trì mức ổn định và tiếp tục phát triển. Giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu do huyện quản lý ước tăng 11,56% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, Dịch vụ ước tăng 17,22%; Công nghiệp, xây dựng ước tăng 10,57%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản ước giảm 6,13% so với cùng kỳ. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng Dịch vụ, Công nghiệp-Xây dựng tăng, tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm. Đến năm 2020, giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu do huyện quản lý lại tăng 8,67% so với năm 2019.

Riêng về nông nghiệp: Trong bối cảnh hiện nay, trong quá trình hiện đại hóa, huyện Gia Lâm chú trọng phát triển theo hướng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trên cơ sở đó, huyện Gia Lâm đã ban hành Đề án

“Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo vùng chuyên canh nông nghiệp huyện Gia Lâm giai đoạn 2016-2020” và thực hiện quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp tại 20/20 xã. Chính nhờ đó, đó đã thúc đẩy phát triển nông nghiệp huyện Gia Lâm theo một hướng đi mới là phát triển nông nghiệp hàng hóa và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, quy hoạch các vùng chuyên canh, góp phần nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp và tạo uy tín, thương hiệu sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Gia Lâm. Song song với đó, huyện cũng chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp như đầu tư hệ thống thủy lợi nội đồng, nâng cấp, tái tạo các tuyến kênh mương,... Mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến của huyện hướng đến là sự liên kết của bốn “nhà”: Nhà nông – Nhà nước – Nhà Khoa học – Nhà Kinh doanh.

Với nhiều nỗ lực, Gia Lâm đã hình thành nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Trong đó có nhiều mô hình đã tạo ra những sản phẩm có tính chuyên môn hóa cao, khẳng định được thương hiệu có 8 mô hình trồng trọt: rau thủy canh xã Đa Tốn, cam, chuối theo tiêu chuẩn VietGAP xã Kiêu Kỵ và Kim Sơn, mô hình hoa lan giá trị cao ở nhiều xã... Có 9 mô hình chăn nuôi như: mô hình nuôi trùn quế xử lý ô nhiễm môi trường, chăn nuôi bò sữa, lợn thịt... Hiện nay, các sản phẩm nông nghiệp của huyện không chỉ được tiêu thụ trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài như: Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc... Hoạt động này đã góp phần quan trọng vào quá trình chuyển dịch kinh tế nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân. Gia Lâm trở thành một trong những huyện dẫn đầu Thành phố Hà Nội về ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Về du lịch, dịch vụ, trong thời gian qua, tận dụng khai thác những tiềm năng phát triển kinh tế từ những lợi thế về văn hóa đem lại (sẽ phân tích ở mục sau), huyện Gia Lâm đã xây dựng nhiều đề án phát triển kinh tế theo hướng dịch vụ du lịch, có thể kể đến các đề án như: Đề án phát triển du lịch

xã Phù Đồng gắn với Lễ hội Gióng, Khu di tích quốc gia đặc biệt đền Phù Đồng; Đề án phát triển du lịch xã Dương Xá gắn với Khu di tích đền Bà Tấm; Đề án phát triển du lịch xã Ninh Hiệp gắn với chùa Nành, làng nghề thuốc nam, thuốc bắc, chợ vải..., kết nối làng nghề - di sản và du lịch nông thôn,...

Những kết quả đạt được trên đây cho thấy những nỗ lực, thành quả của công cuộc đổi mới, hiện đại hóa của huyện Gia Lâm.

Gia Lâm là một huyện ngoại thành, nằm ở cửa ngõ phía Đông Hà Nội, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa trong thời gian qua diễn ra mạnh mẽ, chính vì thế những biến đổi xã hội của huyện Gia Lâm cũng bộc lộ rõ rệt với cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực:

Những biến đổi tích cực:

Đời sống người dân được nâng cao, cải thiện rõ rệt: Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa một mặt làm nhiều hộ gia đình mất đất nông nghiệp nhưng bù lại học lại có được một khoản tiền đền bù lớn, tạo ra sự gia tăng của các cơ hội việc làm phi nông nghiệp, các hoạt động kinh doanh, buôn bán, kinh doanh nhà trọ, các hoạt động sản xuất công nghiệp tại các khu nhà máy,... cũng tạo điều kiện cho nhân dân huyện Gia Lâm có cơ hội. Bên cạnh những chuyển biến tích cực thì còn rất nhiều những vấn đề tồn tại đặt ra như:

Vấn đề việc làm và chuyển đổi việc làm cho người nông dân bị thu hồi đất: Người nông dân vốn quen với sản xuất nông nghiệp trên chính mảnh đất nông nghiệp của gia đình từ bao đời, nay bỗng chốc bị thu hồi, họ sẽ lúng túng khi tìm việc làm, chuyển đổi việc làm. Đây là vấn đề chung đặt ra đối với quá trình đô thị hóa không chỉ riêng gì ở Việt Nam: “Thách thức lớn nhất đang hiện hữu với người nông dân là họ sẽ làm gì sau khi bị thu hồi đất nông nghiệp? Như Tania Li đã lập luận, dư thừa lao động sẽ trở nên trầm trọng hơn khi nhà nước hay doanh nghiệp chỉ cần đất mà không cần lao động của nông dân” [Phạm Quang Minh, 2016, tr.96].

Trong một công trình nghiên cứu, tác giả Nguyễn Văn Sửu từng đưa ra nhận xét:

“Từ khi đổi mới ở Việt Nam, khiếu kiện đất đai luôn là một trong những vấn đề nóng ở khu vực nông thôn và ven đô. Khiếu kiện của người dân về đất đai trong nhiều năm chiếm tới 70% tổng số các vụ khiếu kiện ở nông thôn, trong đó có nhiều vụ trở thành các “điểm nóng” kéo dài. Ở nhiều địa phương, những bức xúc về đất đai không được giải quyết thỏa đáng dẫn tới những phản ứng mạnh mẽ của người dân. Trong một số trường hợp, những hành động phản ứng này mang tính tập thể, có tổ chức, với nhiều người tham gia, kéo dài, thậm chí còn mang tính bạo lực và công khai thách thức chính quyền địa phương và an ninh nông thôn” [Phạm Quang Minh, 2016, tr.97]

Huyện Gia Lâm cũng không nằm ngoài tình hình chung đó. Trong thời gian qua có nhiều vụ khiếu nại liên quan đến đất đai ở huyện Gia Lâm như tại Ninh Hiệp, Bát Tràng,...

Một trong những vấn đề kéo theo đó là sự phân hóa xã hội. Do nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự phân hóa xã hội giàu – nghèo ngày càng gia tăng ở huyện Gia Lâm.

Vấn đề tệ nạn xã hội: Với sự biến chuyển mạnh mẽ về đời sống kinh tế cũng kéo theo những biến chuyển mạnh mẽ về đời sống xã hội. Một trong những mặt tiêu cực phải kể đến là sự phức tạp, gia tăng các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm, các băng nhóm tội phạm, trộm cắp,...

Tóm lại: Với những điều kiện về vị trí địa vị, điều kiện tự nhiên, kinh tế trên đây có thể thấy đây là những nền tảng cơ sở cho sự du nhập và phát triển của Phật giáo ở huyện Gia Lâm. Với vị trí địa lý thuận lợi, là một phần của thủ đô ngàn năm văn hiến, gần với các trung tâm Phật giáo lớn, sớm, chính vì thế là điều kiện thuận lợi để Phật giáo du nhập vào vùng đất này từ rất sớm.

Nằm trong vùng đất kinh đô giàu truyền thống, những bước thăng trầm của lịch sử vùng đất này cũng tác động không nhỏ đến quá trình phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm trong từng chặng đường.

Là một huyện ngoại thành, đang chuyển mình với quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ dẫn đến những biến đổi mạnh mẽ về đời sống xã hội là những cơ sở, tiền đề tác động đến sự phát triển, biến đổi của Phật giáo huyện Gia Lâm trong giai đoạn hiện nay, đặt ra những thay đổi lớn trong nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân.

Tất cả những vấn đề kinh tế - xã hội phân tích ở trên đều ít nhiều có ảnh hưởng đến quá trình phát triển và thực trạng của Phật giáo ở huyện Gia Lâm. Như phân tích của tác giả Vũ Minh Tuyên về cơ duyên Kinh tế - xã hội cho sự tồn tại và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay:

“Khi chuyển từ một nền kinh tế bao cấp sang một nền kinh tế thị trường, phần lớn trong số thị dân buôn bán đã nhanh chóng thích nghi với môi trường mới, chấp nhận sự cạnh tranh nghiệt ngã trong hoàn cảnh mới. Trong khi đó, những công nhân viên chức, thị dân nghèo, nông dân cũng tự tìm mọi cách hòa nhập với cuộc sống để vươn lên tự khẳng định mình. Tuy nhiên lại có một bộ phận trong số đó không dễ gì làm quen với sự cạnh tranh trong điều kiện mới. Họ trở nên lạ lẫm, không bắt kịp với sự chuyển biến của xã hội, họ muốn lý giải nó theo những mẫu hình riêng của mình, đôi khi có tính tôn giáo, hoặc là mang tính giải tỏa, hoặc phản ứng lại, hoặc thể hiện sự nuối tiếc cái đã qua... Và lúc này hơn lúc nào hết, cánh cổng “từ bi” trong chốn thâm nghiêm lại luôn rộng mở vẫy chào đối với họ. Họ đến với Phật giáo một cách tự nguyện trong tâm trạng của những người “mất thăng bằng” trước cuộc sống bẽ bộn bao nỗi lo âu” [Vũ Minh Tuyên (2010), tr. 94 - 95].

2.1.2. Cơ sở văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo

Mảnh đất Gia Lâm có điều kiện cơ sở văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo đa dạng và phong phú, ảnh hưởng rất lớn đến sự du nhập, phát triển và góp phần hình thành nên đặc điểm của Phật giáo vùng đất này.

Đất và người Gia Lâm gắn liền với truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; kiên cường bất khuất đánh đuổi giặc ngoại xâm; cần cù, thông minh, sáng tạo trong xây dựng cuộc sống. Gia Lâm tự hào là quê hương của hai vị thánh: Phù Đổng Thiên Vương và Chử Đồng Tử, là hai trong "Tứ bất tử" trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Gia Lâm còn gắn liền với tên tuổi của Nguyên Phi Ỗ Lan, Ngọc Hân công chúa, Cao Bát Quát, Lý Thường Kiệt và biết bao anh hùng hào kiệt khác mà công tích của họ đã góp phần viết lên những trang sử vàng chói lọi của dân tộc.

Gia Lâm nổi tiếng với truyền thống hiếu học, trong lịch sử, huyện Gia Lâm có nhiều danh nhân khoa bảng nổi tiếng như: Cao Bá Quát, Giáp Hải... Cả nước ta từ khoa thi đầu tiên thời Lý (1075) cho đến khoa thi hội cuối cùng dưới triều vua Khải Định (1919) kết thúc chế độ khoa cử Nho học có 2.898 người đỗ đại khoa trong đó có 56 vị trạng nguyên. Đất Thăng Long có sáu vị, thì huyện Gia Lâm có hai vị, đó là Trạng nguyên Giáp Hải (1507-1586) quê gốc ở Bát Tràng và Trạng nguyên Đặng Công Chắt (1622-1683) quê ở Phù Đổng. Riêng làng Bát Tràng có 364 vị đỗ đạt khoa bảng. Hiện nay tại Văn chỉ Bát Tràng còn lưu danh được 291 vị tiên nho, tiên hiền mà nổi bật là chín vị đỗ tiến sĩ đến trạng nguyên và nhiều quận công, mà nay tên tuổi được trân trọng ghi ở "vườn Bãi Đá" tại Văn Miếu (Hà Nội, Huế, Bắc Ninh).

Tiếp nối truyền thống hiếu học đó, giáo dục đào tạo luôn được các cấp chính quyền trong toàn huyện quan tâm. Hiện nay, toàn huyện có 70/78 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 89,7%, trong đó, có 07 trường Tiểu học và 04 trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Năm 2020, Phòng

GD&ĐT huyện được xếp loại 13/13 chỉ tiêu đạt Tốt và Xuất sắc, trong đó, 8 chỉ tiêu Xuất sắc, được UBND Thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc (hoàn thiện hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen).

Trong đời sống hiện đại hiện nay, tiếp nối truyền thống đã được gây dựng từ ngàn xưa, nhân dân huyện Gia Lâm tích cực xây dựng đời sống văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt kết quả nổi bật với 64.747/68.801 hộ đạt Gia đình văn hóa (94,1%, vượt kế hoạch 4,1%); 179/185 thôn, TDP (96,8%) giữ vững và đạt danh hiệu văn hóa năm 2020, trong đó, 70 thôn, TDP đạt danh hiệu thôn, TDP văn hóa 3 năm liên tục; 16 xã giữ vững danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa NTM” và 02 thị trấn giữ vững danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”.

Gia Lâm là một vùng đất cổ, với bề dày truyền thống lịch sử của mảnh đất “địa linh nhân kiệt”, đời sống văn hóa, tín ngưỡng của người dân huyện Gia Lâm rất phong phú và đa dạng.

Về mặt tín ngưỡng, nơi đây có sự hiện diện của hầu hết các tín ngưỡng truyền thống của người Việt:

Thờ Thành Hoàng làng: cũng như các làng quê khác ở Bắc Bộ, hầu như làng nào ở huyện Gia Lâm cũng có đình thờ Thành Hoàng Làng, có thể kể đến các Đình: Đình Chử Xá, Đình Đông Du Thượng, Đình Lam Cầu, Đình Linh Quy, Đình Ninh Giang, miếu Thuận Tồn...

Sâu hơn về đình Chử Xá: Đình Chử Xá và Lăng Chử Cù Vân là một cụm di tích lịch sử văn hóa của làng Chử Xá, xã Văn Đức Huyện Gia Lâm. Chử Xá là một làng Việt cổ ven sông Hồng Hà (người dân thường gọi là sông Cái), có lịch sử tồn tại từ rất lâu đời, làng có tên Nôm là làng Sứa, một thời gian dài được gọi là Chử Xá Châu xã (Châu có nghĩa là bãi). Người dân Chử Xá xưa nay vẫn sống bằng nghề nông và chài lưới. Đình Chử Xá thờ Chử

Đồng Tử và Tiên Dung công chúa, Hữu phu nhân, Càn Hải tứ vị đại vương và hai vị "Đương Niên, Đương Cảnh". Ban đầu đình thờ Chử Đồng Tử và hai bà vợ của ông là công chúa Tiên Dung con gái vua Hùng và bà thứ phi là thợ cấy làng Đông Cáo. Thời Trần có Tứ vị Càn Hải đại vương, đến thế kỷ XVII - XVIII khi tín ngưỡng Thành hoàng phát triển, làng thờ thêm hai vị "Đương Niên và Đương Cảnh" làm Thành hoàng làng.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên trong các gia đình và các dòng họ. Cũng giống như các gia đình Việt Nam nói chung, hầu hết gia đình nào ở huyện Gia Lâm cũng có bàn thờ Tổ tiên. Với các dòng họ có các nhà thờ họ, tiêu biểu như: nhà thờ họ Nguyễn Huy (được xếp hạng Di tích Lịch sử Văn hóa), nhà thờ họ Đàm,...

Đi sâu hơn vào nhà thờ họ Đàm, có tên chữ là “Đàm Tộc Từ Đường” thuộc thôn Xuân Dục, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm. Họ Đàm là một dòng họ lớn, nơi sản sinh ra nhiều người con ưu tú. Trong đó tổ Đàm Quý Công là tri phủ Thuận An (khi đó phủ Thuận An thuộc trấn Kinh Bắc gồm có 5 huyện Gia Lâm, Lương Tài, Siêu Loại, Gia Định, Văn Giang).

Nhà thờ là một công trình kiến trúc có nhiều điểm độc đáo. Từ ngoài vào các công trình có bố cục như sau: ngoài cùng là cổng, sân và nhà thờ kết cấu kiểu chữ "nhị" gồm tiền đường và hậu cung. Cổng được làm theo lối kiến trúc mới có mái đơn giản, phần trên giữa cổng ghi bốn chữ Hán "*Đàm tộc từ đường*", hai bên có cột trụ ghi câu đối.

Tiền tế là một nếp nhà ba gian, bốn hàng cột, hậu cung là một nếp nhà ba gian xây kiểu tường hồi bít đốc. Bờ nóc đắp kiểu bờ đình, mái lợp ngói ta. Tại gian giữa đặt tượng và ngai thờ cụ tổ Đàm Duy Thạch cùng bức hoành phi:

"Thực đức danh thị".

Tạm dịch:

"Nuôi đức thực, rạng danh cho họ".

Trải qua những thăng trầm của lịch sử cũng như sự tàn phá của chiến tranh, tồn tại đến nay nhà thờ họ Đàm còn bảo lưu một số di vật như: cuốn gia phả chữ Hán được sao lại năm Khải Định thứ 9 (1924); một cỗ ngai thờ nghệ thuật thế kỷ XIX và hệ thống các hoành phi câu đối bằng gỗ được sơn son thếp vàng, chạm trổ công phu, tỷ mỉ với các đề tài tứ quý, rồng, mây, hoa, lá...nhằm giới thiệu về dòng họ cũng như những lời dạy của tổ tiên, các đời cho con cháu dòng tộc duy trì, phát huy và gìn giữ truyền thống của gia tộc.

Thờ Mẫu: đền Mẫu Bát Tràng; thờ Mẫu ở đền Bà Tắm...: Đền Mẫu Bát Tràng, nơi thờ Quế Hoa Công Chúa, tương truyền là người con gái đời thứ 9 của dòng họ Trần Đông Tâm ở Bát Tràng. Theo ghi chép thần tích về đức Thánh Mẫu:

“Mẫu bản hương tín nữ Quế Hoa Công chúa là công chúa Trần Mỹ Tín, tên húy là Phê, là con gái đời thứ 9 của họ Trần Đông Tâm Bát Tràng. Bà sinh năm Mậu Thìn (khoảng 1568) và mất ngày 24 tháng 9 năm Ất Dậu (1585) tròn 18 tuổi. Mộ táng tại vườn chùa Tiêu Giao – Đông Cao (nay là thôn Giang Cao – Bát Tràng). Bà sinh ra trong một gia đình nội ngoại đều có danh giá trong làng. Cha là Phúc Gia, hiệu là Pháp Duệ Thuyền Sư, lại có tên hiệu khác là Pháp Giai Tiên sinh, tục gọi là ông thầy Bôi có chân trong Phủ hiệu tiên sinh. Do học được nhiều phép hay, cứu giúp người nên được bổ làm Tế chân đường xứ (công tác y tế tỉnh). Mẹ bà tên húy là Nha, hiệu là Từ Huy, con gái cả của Đặc tiến phụ quốc, Thượng tướng quân, Đô chỉ huy xứ, kiêm chức Trung úy sở Chuẩn kích – vệ thân Tách trong Ty Điện Tiền triều Lê, tước Văn Lễ Bá, là thủy tổ họ Trần Đông Cự, Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội. Khi sinh ra, bà có khuôn mặt khôi ngô, lớn lên bà không ăn cơm gạo tẻ bao giờ, tính tình không hay trò chuyện với ai. Năm 12 tuổi,

có nhiều người đến dạm hỏi, nhưng hễ có người đến dạm hỏi thì bà lại sinh bệnh. Đến giờ Ngọ ngày 24 tháng 9 năm ất Dậu (1585), bà tắm gội sạch sẽ vào quỳ lạy cha mẹ và thưa rằng: “Con nguyên ở trên Đức Ngọc Hoàng xuống đầu thai làm con cha mẹ 18 năm, nay không ở lại hầu cha mẹ được nữa. Con xem cha mẹ có nhiều phép lạ cứu người thì sau này thế nào cũng được hưởng phúc. Bà nói vậy đến giờ Tuất rồi mất. Sau khi bà mất, đêm đêm thường xuất hiện, người trong làng thấy vậy bèn lập đền thờ và cầu xin điều gì đều linh ứng, các nơi xa gần đến xin lễ rất đông và tôn bà là Quế Hoa công chúa” [<http://ditichlichsu-vanhoahanoi.com/2017/09/24/den-mau-bat-trang>]

Đền Bà Tấm thuộc xã Dương Xá, nơi thờ nhân vật nổi tiếng của huyện Gia Lâm là Nguyên Phi Ỗ Lan. Di tích này gắn liền với chùa Bà Tấm nên sẽ được phân tích kỹ hơn ở phần sau của luận án.

Bên cạnh hệ thống tín ngưỡng bản địa đa dạng và phong phú, huyện Gia Lâm còn có sự hiện diện của các tôn giáo lớn: Phật giáo với số lượng lớn các ngôi chùa như: Chùa Linh Quy, chùa Bát Tràng, chùa Cổ Giang, chùa Linh Quang, chùa Hạ, chùa Đào Xuyên,...(phân tích chi tiết ở các phần sau của luận án)

Công giáo: Công giáo đã du nhập vào huyện Gia Lâm từ rất sớm, điều này được thể hiện ở lịch sử các giáo họ trên địa bàn huyện Gia Lâm như Giáo họ Kim Lan, giáo họ Hạ Dương...

Giáo họ Hạ Dương: theo thông tin Lược sử Giáo họ Hạ Dương: giáo họ Hạ Dương thuộc thôn Hạ, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm, nằm cạnh đê Sông Đuống, giáo họ đón nhận đức tin từ năm 1910 với 20 gia đình thuở ban đầu...

Chính sự phong phú các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo như trên đã đáp ứng, thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng của nhân dân địa phương. Hệ thống di sản văn hoá này đã góp phần tạo nên những truyền thống tốt đẹp cho cộng đồng

cư dân làng xã, điều chỉnh hành vi đạo đức cho mỗi thành viên của làng và là nơi lưu giữ những tập tục, truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc.

Trong số 4 vị thần trong tín ngưỡng “Tứ Bất Tử” của Việt Nam, thì huyện Gia Lâm là nơi khởi tích của hai vị thần. Phù Đổng Thiên Vương và Chử Đồng Tử. Trong đó Đền Phù Đổng được xếp hạng khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt – nơi thờ người anh hùng làng Gióng – Phù Đổng Thiên Vương.

Gia Lâm hiện là huyện sở hữu nhiều di tích cấp Quốc gia nhất trong tất cả các đơn vị cấp huyện. Trên địa bàn huyện Gia Lâm hiện có 320 di tích, trong đó 173/320 di tích đã được xếp hạng (01 Khu di tích Quốc gia đặc biệt gồm 10 điểm; 64 di tích xếp hạng cấp Quốc gia; 83 di tích xếp hạng cấp Thành phố; 16 địa điểm gần biên di tích cách mạng kháng chiến).

Trên địa bàn huyện Gia Lâm còn lưu giữ rất nhiều những di tích lịch sử, văn hóa như: Văn chỉ Bát Tràng – ở tại làng Bát Tràng, là nơi thờ Không tử và các bậc đại khoa tiên nho, tiên hiền của làng Bát Tràng,... trong đó có một khối lượng lớn các di tích liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo như: Đền Phù Đổng, đền Bà Tấm,... Trong các cổ vật, di vật quý giá có thể kể đến như: đôi sư tử đá và hai khám cổ thời Mạc tại di tích đền Bà Tấm (xã Dương Xá), tượng Quan Âm thiên thủ thiên nhãn tại chùa Thánh Ân (thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn), pho tượng Thái hậu Ý Lan, có niên đại từ thời Lý (tại chùa Bà Tấm)... Ý thức được giá trị của các di sản đó, trong những năm gần đây, huyện Gia Lâm đã đầu tư hàng nghìn tỷ đồng tôn tạo, kiểm kê hiện vật di tích và nỗ lực xây dựng các đề án phát triển du lịch trên cơ sở khai thác các giá trị di sản của huyện.

Hiện nay Gia Lâm có tới 68 di tích được Bộ văn hóa thông tin (nay là Bộ văn hóa thể thao và du lịch) công nhận là di tích cấp Quốc gia và gần trăm di tích cấp tỉnh, thành (tính đến hết 2019) [Xem Phụ lục].

Với mật độ hệ thống các tín ngưỡng, tôn giáo dày đặc, huyện Gia Lâm có một hệ thống các lễ hội vô cùng phong phú và đặc sắc. Gia Lâm hiện có 100 lễ hội truyền thống được tổ chức ở các thôn, làng. Trong đó, Lễ hội làng Chử Xá (xã Văn Đức) được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Ngoài ra, nghề dát vàng quý Kiều Kỵ cũng đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia... Có thể kể đến một vài lễ hội tiêu biểu như:

- Hội Gióng:

+ Thời gian: diễn ra vào ngày 9 tháng 4 âm lịch

+ Địa điểm: tại đền Gióng, xã Phù Đổng

+ Điểm nổi bật: Đã được UNESCO chọn là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, được ví như: “một bảo tàng văn hóa, lưu giữ nhiều lớp phù sa văn hóa – tín ngưỡng”. Lễ hội được tổ chức tại quê hương, nơi sinh ra người anh hùng Thánh Gióng của dân tộc, là một lễ hội mang tính biểu trưng, tái hiện lại cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm của cha ông ta hàng nghìn năm trước. Một hội trận được tái hiện như một kịch trường dân gian rộng lớn với hàng trăm vai diễn, với những nhân vật như: Ông Hiệu, Phù Giá, Cô Tướng, Ông Hồ, Làng Áo Đỏ, Làng Áo Đen,... Lễ hội đặc sắc với rất nhiều những nghi lễ độc đáo như: Rước Khám đường, Rước nước, Rước Đống Đàm, Rước trận Soi Bia,... Trong Hội Gióng có diễn xướng dân gian, liên quan đến múa hát ả lao, múa hồ... và diễn xướng.

Trong những ghi chép còn lại từ năm 1893, nhà nghiên cứu người Pháp G.Dumoutier đã viết: “Hội Gióng còn đọng mãi trong tâm trí mỗi người giống như một trong những cảnh tượng cảm động nhất mà chúng tôi chứng kiến ở vùng Bắc kỳ. Liệu rằng ở châu Âu già cổ của chúng ta người dân có còn tự hào làm lễ kỷ niệm một sự kiện lịch sử đã diễn ra hai nghìn ba trăm năm trước?”

- Lễ hội Đền Bà Tấm:

+ Thời gian: tiệc lệ chính là 19-2 âm lịch, tương truyền ngày sinh của Bà Tấm - ngày hội lớn là 25-7, tương truyền là ngày giỗ Bà Tấm – Nguyên Phi Ý Lan.

+ Địa điểm: Đền Bà Tấm nay thuộc xã Dương Xá, huyện Gia Lâm

+ Điểm độc đáo: Ngày hội được mở đầu bằng một đám rước long trọng - rước nước. Đám rước khởi hành từ đền Bà Tấm lên tới giếng nước cạnh chùa làng Sủi (Phú Thị) cách đền khoảng 2km. Trong lúc diễn ra cuộc rước nước, thì từ các thôn cũng tiến hành rước lễ vật ra đền để tế lễ. Sau khi kiệu Bà và nước được đưa vào đền yên vị, cuộc tế lễ bắt đầu. Các bô lão năm thôn được cử vào ban tế tiến hành kiểm tra lễ vật rất nghiêm ngặt. Lễ vật để tế lễ trong ngày hội hoàn toàn là trâu, rượu. Từ thượng cổ năm nào cũng vậy có chăng thêm thì chỉ có bánh gai, bánh mật mà thôi.

Từ sự phân tích trên đây có thể thấy, vùng đất Gia Lâm là vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa. Điều này tạo nên truyền thống và bản sắc văn hóa đậm đặc của vùng đất này. Những đặc điểm về đời sống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo trên đây là nền tảng quan trọng để khi Phật giáo du nhập vào huyện Gia Lâm nhanh chóng được đón nhận, trong quá trình bám rễ, phát triển hòa quyện với văn hóa, tín ngưỡng nơi đây. Bởi khi Phật giáo du nhập vào mảnh đất văn hóa màu mỡ và trù phú này, nó dễ dàng được ươm trồng, bồi đắp để đơm hoa, kết trái, bám rễ sâu được vào mảnh đất đó. Mặt khác vào với mảnh đất giàu truyền thống, Phật giáo muốn bám rễ được phải trải qua quá trình “chắt lọc” để lọc lấy những gì phù hợp nhất để “hòa hợp”, chung sống cùng với nền tảng văn hóa truyền thống đó, khi đã cắm rễ được rồi thì cũng sẽ có sức sống vô cùng mãnh liệt. Như những phân tích của nhà nghiên cứu Phan Ngọc trong tác phẩm Bản sắc Văn hóa Việt Nam về vấn đề giao lưu, tiếp xúc văn hóa Việt Nam nói chung: “Nói một cách hình tượng, văn hóa Việt Nam

như một cái cây đại thụ mọc từ miếng đất Đông Nam Á. Đến một giai đoạn lịch sử, cái cây ấy tiếp hợp với một cái mầm khác, nguồn gốc Trung Quốc. Rồi sự tiếp xúc với Pháp, với chủ nghĩa xã hội, với Mỹ ở một nửa đất nước cũng là những tiếp hợp như vậy” [Phan Ngọc, 2015, tr.139].

Ý thức được nguồn lực văn hóa, các giá trị văn hóa của mảnh đất Gia Lâm, trong thời gian qua, các cấp, các ngành trong huyện Gia Lâm đã có nhiều biện pháp nhằm gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của huyện. Tiêu biểu là đề án “Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Gia Lâm giai đoạn 2016-2020”, cho đến nay, UBND huyện đã kiểm kê các hiện vật của 187 di tích trên địa bàn, đạt 58,7% tổng số di tích của huyện, đạt 187% chỉ tiêu Đề án. Đã thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 197/218 vị trí đất tín ngưỡng, đạt 90% số lượng và đạt 562% so với chỉ tiêu Đề án. Hiện tại, huyện đang tiến hành hoàn thiện hồ sơ các di tích còn lại.

Huyện Gia Lâm đặc biệt chú trọng việc tăng cường tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý di tích. Cụ thể như: Tổ chức nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ công tác quản lý di tích, tổ chức các tọa đàm có liên quan như “Giá trị không gian di tích chùa: Bảo tồn và phát huy”,... Hoặc như chương trình tổ chức cho 100% các trường tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn cho học sinh tham quan tại các di tích để tạo điều kiện tuyên truyền cho các cháu được tìm hiểu về lịch sử địa phương.

Huyện đã tiến hành lập bảng giới thiệu di tích, thần tích các vị thần được thờ tại di tích. Đến nay, 173 di tích xếp hạng các cấp đã có bảng giới thiệu. Đồng thời, đã tổ chức dập, dịch văn bia và tư liệu Hán Nôm tại 50 di tích tiêu biểu xếp hạng Di tích Quốc gia tại các xã, phục vụ công tác quản lý và bảo tồn di sản. Từ năm 2016 đến nay, tổng kinh phí tu bổ, tôn tạo các di

tích trên địa bàn hơn 1.095 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn ngân sách là hơn 716 tỷ đồng, vốn xã hội hóa là 379 tỷ đồng.

Trong thời gian tới, huyện Gia Lâm tiếp tục coi nhiệm vụ bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa – xã hội trên địa bàn; đặc biệt tập trung tuyên truyền, vận động sự chung tay của Nhân dân tại các địa phương trong việc quản lý, bảo tồn phát huy giá trị của các di tích, qua đó tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hoá gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Gia Lâm trong những năm tới.

Những biến đổi về văn hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa cũng là nhân tố tác động lớn đến sự phát triển và thực trạng của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

Gia Lâm là vùng đất cửa ngõ thủ đô, nơi thể hiện sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ: một mặt hội tụ nền văn hóa truyền thống với bề dày, nhiều giá trị, giàu bản sắc độc đáo. Mặt khác cùng với sự phát triển của xã hội, trước những tác động của quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa đang kéo theo những biến đổi sâu sắc trong nhiều lĩnh vực, trong đó có văn hóa.

Là một huyện ngoại thành, điều dễ nhận thấy là trong thời gian vừa qua, tốc độ đô thị hóa của Gia Lâm diễn ra với tốc độ nhanh, quá trình đó ngoài những biến đổi về phương thức sản xuất, hoạt động kinh tế, về chất lượng đời sống của người dân còn là sự thay đổi mạnh mẽ về sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Với những người dân của một huyện ngoại thành trước đây với đặc trưng sinh hoạt văn hóa gắn với nông nghiệp, nông thôn, nay trở thành những người làm công nghiệp, dịch vụ nên sinh hoạt văn hóa cũng có nhiều thay đổi theo. Hội nhập với các chương trình hành động của thành phố Hà Nội nói chung như: Chương trình số 04-CTr/TU về “*Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh*

lịch, văn minh” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Trong bối cảnh “chuyển mình” đó không tránh khỏi những “bỡ ngỡ” từ quá trình chuyển sinh hoạt văn hóa làng xã đến văn hóa đô thị quận phường; không tránh khỏi nảy sinh những mặt trái trong đời sống văn hóa: xu hướng hưởng thụ vật chất, coi trọng đồng tiền trong lối sống, sự gia tăng của các tệ nạn xã hội, sự “va đập” giữa cái mới và cái cũ,...

Bối cảnh này cũng đặt ra cho Phật giáo huyện Gia Lâm không ít cơ hội và cả những thách thức. Để nắm bắt được cơ hội và vượt qua thách thức, đòi hỏi Phật giáo huyện Gia Lâm cần có những “chiến lược phù hợp” để phát huy vai trò thế mạnh của mình, khẳng định vị thế và đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển của huyện nhà, cụ thể hóa phương châm: “phụng sự chúng sinh là cúng dường Chư Phật” của Phật giáo Việt Nam nói chung, truyền thống của Phật giáo Thủ Đô nói riêng.

Tóm lại: Xét cho cùng, tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng thuộc về ý thức xã hội, chính vì vậy, sự tồn tại và phát triển của nó phụ thuộc vào tồn tại xã hội, hay rõ hơn là phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa, xã hội của mảnh đất nơi nó truyền đến, bám rễ và phát triển. Vùng đất Gia Lâm với những tiền đề, cơ sở như trên, tạo cho Phật giáo Gia Lâm những đặc trưng riêng khác với Phật giáo ở các vùng khác (Sự khác biệt này sẽ được phân tích rõ nét ở phần sau của luận án).

2.2. Lịch sử Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

2.2.1. Giai đoạn du nhập

Quá trình du nhập: Quá trình du nhập Phật giáo vào vùng đất Gia Lâm được tác giả luận án phân tích trong mối tương quan niên đại của lịch sử Phật giáo Việt Nam, quá trình du nhập Phật giáo vào Việt Nam thông qua việc nghiên cứu những dữ liệu lịch sử và những di tích lịch sử tại vùng đất này.

Trong nghiên cứu này, tác giả phân kỳ giai đoạn trước thế kỷ X là giai đoạn Phật giáo du nhập vào vùng đất Gia Lâm. Và có thể khẳng định: Phật giáo du nhập vào vùng đất Gia Lâm gắn liền với nhiều sự kiện, bước chân Phật giáo du nhập vào Việt Nam.

Trước tiên có thể thấy: Vùng đất Gia Lâm hiện nay là quê hương của người Phật tử đầu tiên của Phật giáo Việt Nam là Chủ Đồng Tử.

Về thời điểm Phật giáo du nhập vào Việt Nam, có nhiều tài liệu nghiên cứu của các tác giả lớn khác nhau cũng đưa ra những nhận định chưa thống nhất về đề này: Như tác giả Nguyễn Lang dựa trên các cứ liệu cho rằng: Phật giáo truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch [Xem Nguyễn Lang (2000)]; Tác giả Lê Mạnh Thát thì cho rằng Phật giáo vào Việt Nam sớm hơn tức là từ thời Hùng Vương [Xem Lê Mạnh Thát, 1999], với câu chuyện sư Phật Quang gắn với núi Quỳnh Viên - di tích Phật giáo đầu tiên ở Việt Nam và người Phật tử đầu tiên là Chủ Đồng Tử. Với nghiên cứu này, tác giả đồng tình với quan điểm, Phật giáo vào Việt Nam từ thời Hùng Vương bởi những phân tích về quan điểm này trong các công trình nghiên cứu của các tác giả rất cũng rất thuyết phục. Cụ thể như:

Tác giả Lê Mạnh Thát trong công trình Lịch sử Phật giáo Việt Nam đã phân tích rất kỹ về vấn đề Phật giáo thời Hùng Vương, ngoài ra còn rất nhiều các công trình khác nữa cũng đồng nhất quan điểm này: trong cuốn sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam thời Trịnh Nguyễn Phân tranh, tập 1: Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài*, tác giả viết trong lời dẫn nhập:

“Trước đây, một số sách cho rằng Phật giáo du nhập vào Việt Nam vào đầu kỷ nguyên Dương lịch nhưng qua sự tích “Chủ Đồng Tử và công chúa Tiên Dung”, chúng ta thấy rằng có thể Phật giáo đã du nhập vào Việt Nam ngay từ thời Hùng Vương. Sau đó Phật giáo bắt đầu phát triển vào thế kỷ đầu kỷ nguyên Dương lịch với sự tích “Công

chúa Bát Nàn” đi tù ở chùa Tiên La vào thời Trưng Vương (năm 40 – 43), truyện “Man Nương” với Tăng Sĩ Khâu Đà La ở chùa Dâu (chùa Pháp Vân) vào thời Sĩ Nhiếp cai trị Giao Châu (năm 187 – 226). Tiếp theo đó, Phật giáo Việt Nam phát triển hưng thịnh từ cuối thế kỷ II, III với sự xuất hiện Trung tâm Phật giáo Liên Lôu (Luy Lôu)” [Nguyễn Hiền Đức, 2006, tr.8].

Quay ngược trở lại phân tích câu chuyện Chử Đồng Tử và Tiên Dung theo Phật giáo để thấy rõ được bước đi, sự du nhập, sự ảnh hưởng của Phật giáo ở Việt Nam.

Theo sách *Lĩnh Nam Trích Quái* ghi chép về câu chuyện Truyện Đầm Nhất Dạ: Hùng Vương truyền ngôi đến vua cháu ba đời, sinh được một người con gái tên là Tiên Dung Mị Nương, tuổi vừa mười tám, dung mạo xinh đẹp, chưa chịu lấy chồng, lại thích ngao du thiên hạ. Nàng thường lên đê vui chơi quên cả ngày về. Lúc bấy giờ ở làng Chử Xá có người tên Chử Vy Vân, có người con trai là Chử Đồng Tử, hai cha còn nhà nghèo đến nỗi chỉ có một cái khó vải thay đổi nhau mà mặc. Khi người cha mất, trước khi mất có căn dặn con để lại cái khó mà mặc khỏi xấu hổ, nhưng người con không nỡ chôn cha lộ thể, nên đã không làm theo lời cha dặn. Từ đó về sau, vì không có khó, Chử Đồng Tử đắm mình dưới nước mà xin ăn các thuyền buồm đi qua. Khi thuyền Tiên Dung đi qua, thấy chuông trống đàn sáo âm ỉ, không biết làm sao, Chử Đồng Tử bèn giấu mình dưới cát trong bãi lau sậy. Thuyền công chúa ghé vào dạo chơi, thấy cảnh đẹp bèn truyền quây màn mừng để tắm. Không ngờ đúng chỗ Chử Đồng Tử ẩn mình, nước dội, cát chảy, thân hình Đồng Tử lộ ra. Nghe câu chuyện của Chử Đồng Tử, cảm động, nghĩ rằng duyên trời định, công chúa kết duyên cùng Chử Đồng Tử. Tin này đến tai vua cha, nhà vua vô cùng tức giận. Tiên Dung không dám trở về cung, cùng chồng buôn bán, lập chợ giao thương. Một lần, Chử Đồng Tử theo một người buôn ra một

hòn núi có tên Quỳnh Viên (một số tài liệu khác nhắc đến với tên Quỳnh Vi) . Trên núi có một cái am nhỏ, có một tăng sĩ là Phật Quang, truyền phép cho Đồng Tử, trao cho một cái gậy, một cái nón và bảo: “Linh thông tại đây đó”. Đồng Tử trở về đem chuyện đạo Phật nói với vợ, từ đó giác ngộ bỏ chợ, bỏ buôn mà tìm thầy học đạo,... [Xem Trần Thế Pháp, 2017].

Ngọn núi Quỳnh Viên theo tác giả Lê Mạnh Thát phân tích dựa trên các cứ liệu lịch sử như Lịch triều Hiến chương loại chí 2, Hoàng Việt thi tuyển, ... cho thấy đây là một ngọn núi có thật, có thể đồng nhất với ngọn núi nằm ở phía nam cửa Sốt ngày nay [Xem Lê Mạnh Thát, 1999, tr. 20-21]. Tác giả phân tích thêm:

“Vùng núi Quỳnh Viên này có khả năng vào thời Chủ Đồng Tử chưa thuộc vào bản đồ của nước ta. Nhà sư Phật Quang này có thể là một người Chiêm Thành, hoặc là người Ấn Độ, đang tìm cách truyền bá Phật giáo vào Việt Nam. Và Chủ Đồng Tử là người Việt Nam đầu tiên đã đến tiếp xúc với ông, để rồi sau đó, trở thành người Phật tử Việt Nam đầu tiên có tên tuổi” [Lê Mạnh Thát, 1999a, tr.28].

Khi xác định niên đại sống của người Phật tử đầu tiên Chủ Đồng Tử, nhà nghiên cứu Lê Mạnh Thát tiếp tục phân tích và đi đến nhận định: “Cho nên, vị Hùng Vương của thời Chủ Đồng Tử ta cũng có thể xác định vào những thế kỷ tdl, có khả năng là Hùng Nghi Vương thứ nhất hoặc thứ hai, tức khoảng thế kỷ II – III tdl” [Lê Mạnh Thát, 1999a, tr.28].

Khi bình luận về quan niệm Tăng “Danh từ Tang Môn được dùng trước danh từ Sa Môn để chỉ các vị tăng sĩ ngoại quốc, như ta thấy trong các bản dịch kinh điển chữ Hán sớm nhất. Tang Môn không phải là một đoàn thể xuất gia từ sáu người trở lên (định nghĩa Sangha) mà là con người của những tu sĩ khoác áo vàng, đầu cạo trọc, từ bỏ đời sống gia đình, của cải, thờ bụt, đọc kinh chữ Phạn; và sống trên sự cúng dường của người tin theo Bụt. Ngoài

những Tang Môn ngoại quốc, có thể có vài người Giao Chỉ cũng được nhận học theo làm Tang Môn. Có lẽ Chủ Đồng Tử là một người trong số này” [Nguyễn Lang, 1992, tr.51].

Thứ hai, trong nhiều ghi chép cho thấy Phật giáo ở vùng đất Gia Lâm gắn liền với sự hình thành, phát triển của trung tâm Phật giáo Luy Lâu.

Trong *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tác giả Nguyễn Lang viết về sự du nhập Phật giáo vào Giao Chỉ ở thế kỷ đầu đã chỉ ra rằng Luy Lâu là trụ sở, kinh đô của Giao Chỉ, ở trung tâm đồng bằng Sông Hồng, từ đây có những tuyến đường huyết mạch thủy, bộ có nối với Bành Thành và Lạc Dương. Các Nhà buôn Ấn Độ đến đây từ rất sớm và theo họ là những nhà sư đến hành đạo và truyền đạo. Như vậy, người Ấn Độ đã đưa Phật giáo đến với Luy Lâu từ rất sớm:

“Trung tâm Luy Lâu được hình thành do sự viếng thăm của những tăng sĩ Ấn Độ. Các vị tăng sĩ này tới Việt Nam bằng đường biển, theo các thuyền buôn người Ấn. Nhưng trước khi các Tăng sĩ Ấn Độ đến Việt Nam, các thương gia Ấn Độ cũng đã tới Việt Nam rồi và cũng đã mang theo sinh hoạt Phật giáo... Trung tâm Phật giáo Luy Lâu được thiết lập do sự viếng thăm của thương gia và tăng sĩ Ấn Độ tới bằng đường biển, đó là một điều tất cả các học giả đều phải đồng ý, Phật giáo tại Giao Châu do từ Ấn Độ truyền sang trực tiếp, không phải từ Trung Hoa truyền xuống” [Nguyễn Lang, 2000, tr. 25 – 26].

Những dấu vết của Phật giáo thời kỳ du nhập vào Việt Nam với sự hình thành và hưng thịnh của trung tâm Phật giáo Luy Lâu có mối liên hệ mật thiết với vùng đất Gia Lâm có thể dựa trên cứ liệu lịch sử về Phật Pháp Vân và chùa Keo (hay còn gọi là Báo Ân Trùng Nghiêm Tự) (nằm ở làng Chè, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm), với sự tích Phật Mẫu Man Nương và Tứ pháp ở vùng Dâu Luy Lâu.

“Vậy thì sau các Phật tử Việt Nam như Chử Đồng Tử, Tiên Dung, Bát Nàn phu nhân, sau nhà sư Phật Quang, đến lượt hai nhà sư nước ngoài tên Khâu Đà La và Ma Ha Kỳ Vực đã đến nước ta vào nửa sau thế kỷ thứ II, cùng với Tu Định và Man Nương sau trở thành Phật mẫu, được thờ tại chùa Phúc Nghiêm, làng Mãn Xá, còn gọi là Kẽ Mèn, với tên A Man cũng xuất phát từ tên làng này” [Lê Mạnh Thát, 1999a, tr.154].

Trong Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Lê Mạnh Thát phân tích rất kỹ về câu chuyện Phật Mẫu Man Nương gắn với vai trò truyền giáo của nhà sư Khâu Đà La. Trong nghiên cứu này, tác giả không đi sâu vào vấn đề này nữa. Tuy nhiên về Phật giáo Việt Nam giai đoạn này, có một sự kiện gắn liền với một ngôi chùa cổ nằm trên địa bàn huyện Gia Lâm hiện nay là chùa Keo. Đó là khi Sĩ Nhiếp cho tạc 4 pho Tượng Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện từ cái cây linh thiêng¹ xong thì còn thừa một mẫu gỗ nhỏ nhất ở phần ngọn, người thợ tạc tượng họ Đào đã tạc thành một pho tượng Pháp Vân nhỏ hơn. Các pho tượng lớn, trước được chia về các chùa vùng Luy Lâu và đặt tên nôm theo tên làng là: Bà Dâu, Bà Đậu, Bà Tướng, Bà Dàn, còn pho tượng nhỏ nhất làng Keo rước về thờ và gọi là Bà Keo. Câu chuyện tạc tượng này còn được người đời sau nhắc mãi.

*Siêu Loại có làng Cổ Châu
Làm bốn tượng Phật nhẵn sau còn truyền
Hiệu là Pháp Vũ, Pháp Vân
Pháp Lôi, Pháp Điện còn truyền đến nay
[Theo Lê Mạnh Thát, 1999a, tr.165]*

Thứ ba, Gia Lâm còn là mảnh đất gắn liền với sự du nhập, phát triển của nhiều dòng thiền lớn ở Việt Nam.

Thiền phái Vô Ngôn Thông vào Việt Nam năm 820, sự xuất hiện dòng thiền này ở Việt Nam gắn liền với ngôi chùa Kiến Sơ ở Gia Lâm.

¹ Xem thêm truyện Man Nương trong Lĩnh Nam Chích Quái.

Về thời gian xây dựng chùa Kiến Sơ còn gây nhiều tranh cãi trong giới nghiên cứu. Theo những ghi chép trong Việt Nam Phật giáo sử luận thì ngôi chùa này được thành lập trước khi Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu, Trung Quốc sang Việt Nam, năm 820. Sự du nhập dòng thiền Vô Ngôn Thông vào Việt Nam gắn với chùa Kiến Sơ được viết trong Việt Nam Phật giáo sử luận như sau:

“Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 đường Đường (năm 820) Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu qua Việt Nam, ở lại chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Đây là một ngôi chùa mới được thành lập, ở đó có một vị tăng tên là Đức Lập trú trì.

Vô Ngôn Thông cư trú chùa Kiến Sơ, ngoài hai bữa cơm cháo thì dành hết thì giờ vào việc thiền tọa, xây mặt vào vách, không nói năng gì. Nhiều năm trôi qua như thế, ít ai để ý đến ông: duy chỉ có Lập Đức thấy phong thái đặc biệt của ông hết lòng chăm sóc. Do sự gần gũi này mà Lập Đức tiếp nhận được tông chỉ màu nhiệm của Vô Ngôn Thông, đường ông đổi tên cho là Cảm thành vào truyền cho tâm pháp. Ông tịch vào năm 826; thời gian cư trú tại chùa Kiến Sơ chỉ có sáu năm”
[Nguyễn Lang, 1992]

Thiền sư Vô Ngôn Thông đã “tâm truyền tâm” cho Cảm Thành qua bài kệ:

*Bốn phương lông lộng
Mặc sức huyền thuyên
Rằng thủy tổ ra
Gốc ở Tây Thiên
Truyền kho pháp nhãn
Được gọi là "Thiền"
Bông hoa năm cánh*

Hạt giống lâu bền
Ngàn lời mật ngữ
Vạn câu bản nguyên
Tự nhận làm tông
Tự cho là thiên
Tây Thiên là đây!
Đây là Tây Thiên!
Xưa nay cùng một
Nhật nguyệt xuyên sơn
Vướng vào là mắc
Phật tổ mang oan
Sai một hào ly
Lạc tới trăm nghìn
Nên quan sát lại
Chớ lừa hậu côn
Đừng hỏi ta nữa
Ta vốn "Vô Ngôn"
(Chư phương hạo hạo
võng tự huyền truyền
Vị ngô thủy tổ
Thân tự Tây Thiên
Truyền pháp nhân tạng
Viết vị chỉ "thiên"
Nhất hoa ngũ điệp
Chủng tử miên miên
Tiềm phù mật ngữ
Thiên phạn hữu duyên

Hàm vị tâm tông
Thanh tịnh bản nhiên
Tây Thiên thử độ
Thử độ Tây Thiên
Cổ kim nhật nguyệt
Cổ kim sơn xuyên
Xúc đồ thành trệ
Phật tổ thành oan
Sai chỉ hào ly
Thất chi bách thiên
Nhữ thiện quan sát
Mạc khiếm nhi tôn
Trực nhiều vắn ngã

Ngã bản vô ngôn) [Nguyễn Lang, 1992, tr.169 -171]

Dòng thiền này được các tầng lớp từ vua chúa đến dân nghèo tin theo, có ảnh hưởng lớn đến đời sống văn hóa, tư tưởng trong suốt các triều đại là Đinh, Lê, Lý, Trần và góp phần tạo nên diện mạo văn hóa Việt. Sử cũng chép rằng, vua Lý Công Uẩn khi còn nhỏ cũng thường xuyên lui đến chùa, tương truyền tại chùa ông đã được Thánh Gióng báo mộng qua bài thơ:

*Nhất bát công đức thủy
Tùy duyên hóa thế gian
Quang Quang trùm ảnh chiếu
Một ảnh nhật đăng sơn*

Như vậy, Thiền phái Vô Ngôn Thông: Vô Ngôn Thông là phái thiền của Trung Quốc truyền vào Việt Nam năm 820. Thiền phái Vô Ngôn Thông được truyền thừa trong thời gian bốn thế kỷ, trải qua 17 thế hệ. “Nhưng khác với thiền phái Trung Hoa, thiền phái này cũng như thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu

Chi, đã rất gần gũi với đời sống xã hội, tham dự vào đời sống nhập thế trong khi vẫn duy trì được sinh hoạt tâm linh độc lập của mình” [Nguyễn Lang, 1992, tr.204]. Thiền phái Vô Ngôn Thông chú ý nhiều đến sự đốn ngộ “chủ trương con người có thể, trong một giây lát, đạt được quả vị giác ngộ, khỏi cần đi qua một giai đoạn tiệm tiến” [Nguyễn Lang, 1992 tr.176]; nhấn mạnh đến nguyên tắc vô đắc (không có đối tượng của sự giác ngộ, phải tự bản thân mình thực hiện lấy); đặc trưng của thiền phái này là sử dụng thoại đầu, dùng hình ảnh cụ thể để làm phương tiện đi đến giác ngộ,...

Ở một khía cạnh khác nhận xét về Thiền phái Vô Ngôn Thông, trong tác phẩm *Chùa Việt*, tác giả Trần Lâm Biền lại cho rằng thiền phái này ít ảnh hưởng được đến quần chúng:

“Một Phật phái khác của của Vô Ngôn Thông (kẻ thông hiểu và tu theo lối nói các lời không nói, đến đất Việt vào đầu thế kỷ 9, có vẻ như đi sâu vào nghĩa cứu cánh của Phật pháp xong chủ trương thuyết đốn ngộ cho rằng con người có thể đạt được giác ngộ trong một thời gian ngắn bằng cách tu trì đặc biệt. Phái này chịu ảnh hưởng của tông Tịnh Độ đã để lại cho đời nhiều sự suy nghĩ, mặt nào đó tìm về lẽ huyền vi của đạo và ít phổ cập được đến quần chúng, vì lối tu tâm tưởng, có “màu xuất thế gian”. Tuy nhiên, nếu quả thực tự nhà sư tên là Vô Ngôn Thông, thì chính ông đã chấp vào cái vô ngôn. Nhưng cũng có thể tên ông là do người đời đặt cho, bởi lối tu quán bích (day mặt vào tường, nhìn vào một điểm để tập trung tư tưởng) lặng im suy ngẫm về lẽ đạo mà tìm tới Diệu tâm Chân Như, thì ông đã là một hiện thân đáng tôn sùng của một số trí thức Phật tử. Hiện nay phái Vô Ngôn Thông chỉ còn để lại cho chúng ta một mảnh lịch sử gắn với chùa Kiến Sơ (Gia Lâm – Hà Nội), vài dòng trên sách vở và niềm hoài niệm man mác trong một số nhà tu hành uyên bác” [Trần Lâm Biền, 1996, tr.15,16].

Dù nhìn nhận ở các góc độ khác nhau, có những nhận xét, đánh giá khác nhau nhưng tất cả chúng ta đều thừa nhận đây là dòng thiền du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, và nơi dừng chân đầu tiên là vùng đất Gia Lâm, tạo nên những ảnh hưởng quan trọng đối với Phật giáo vùng đất này và các vùng xung quanh, khẳng định những bước chân Phật giáo đến với vùng đất này từ rất sớm.

Nghiên cứu về lịch sử du nhập của Phật giáo vào huyện Gia Lâm không thể không nghiên cứu dựa trên những cứ liệu là lịch sử các ngôi chùa ở Gia Lâm. Dù rằng thời gian biến đổi những ngôi chùa ở huyện Gia Lâm đã trải qua rất nhiều những biến cố: có những ngôi chùa đã bị phá hủy hoàn toàn, có những ngôi chùa đã được tôn tạo, xây dựng lại nhiều lần,... nhưng dựa vào dấu tích còn sót lại tại các ngôi chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm cũng có thể thấy có những ngôi chùa có lịch sử rất lâu đời, gắn liền với những bước chân của Phật giáo ở Việt Nam trong quá trình du nhập Phật giáo vào vùng đất này. Ở Gia Lâm có rất nhiều ngôi chùa được xây dựng trước thế kỷ thứ X.

Trước tiên phải kể đến chùa Kiến Sơ, đã phân tích ở trên cho thấy chùa Kiến Sơ được xây dựng trước năm 820, khi thiền phái Vô Ngôn Thông du nhập vào nơi đây đã trở thành một địa điểm sinh hoạt Phật giáo phong phú và đa dạng, với những điều kiện đó, thiền phái Vô Ngôn Thông đã có cơ hội phát triển rộng khắp trong vùng.

Chùa Phú Thị có tên chữ là Đại Dương tự hay Đại Dương Sùng Phúc tự, dân gian gọi nôm là chùa Sủi được xây dựng từ rất sớm, có thuyết nói chùa ra đời từ thế kỷ thứ 2 khi Phật giáo du nhập qua Luy Lâu, nhưng không rõ năm nào. Còn theo các cứ liệu lịch sử thực tế hơn thì chùa được xây dựng từ thời Đinh, rất nhiều các công trình nghiên cứu đã khẳng định điều này:

“Xưa chùa Sủi thuộc thôn Thổ Lỗi, hương Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc, nay là xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Tương truyền, chùa được khởi công xây dựng từ thời nhà Đinh, do tướng công Đào Liên Hoa hưng công. Ban đầu ngôi chùa chỉ là am thờ Phật làm bằng thanh tre, nửa lá, sau dần khung làm bằng gỗ và ngày nay là tường xây, mái ngói. Tên Chùa Ban đầu của chùa là Đại Dương, với ý nghĩa ánh sáng Phật Pháp rộng lớn như nước biển Đại Dương”
[Vũ Hồng Thuật, 2003, tr.63]

Hay như lịch sử chùa Vạn Xuân, xã Lệ Chi, theo cuốn thần phả "Đại vương ngọc phả" do Hàn lâm Đông các đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn ngày 10 tháng 9 năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) còn lưu giữ tại Đình cho biết chùa Vạn Xuân đã tồn tại từ thời Hùng vương thứ 6 cùng với các vị thần hoàng làng. Chính thời gian này, một vị long thần được thờ trong chùa đã báo mộng cho Hùng Dực biết việc mình sẽ sinh ra (đầu thai) vào bà phu nhân Đỗ Thị Thục để sinh ra Hùng Hiền. Sau này, vị thần hoàng của làng đã về đóng quân, xây dựng, đồn lũy bên cạnh chùa.

Về phương thức du nhập: Dựa vào những cứ liệu trên có thể cho thấy, Phật giáo đến với vùng đất Gia Lâm cũng nằm trên dòng Phật giáo du nhập vào Việt Nam nói chung bằng hai con đường:

Con đường thứ nhất là do các Tăng sĩ Ấn Độ theo đường biển, hoặc những thương gia Ấn Độ trên các thuyền buôn truyền đến với Việt Nam truyền đạo hình thành nên trung tâm Phật giáo Luy Lâu, và sau đó từ trung tâm Luy Lâu (nơi Phật giáo đậm đặc nhất lại lan tỏa sang các vùng lân cận, trong đó có vùng đất là Gia Lâm hiện nay). Bởi như đã phân tích ở trên cho thấy sự du nhập Phật giáo vào huyện Gia Lâm có chi tiết rất trùng khớp với các dữ liệu lịch sử được ghi chép: Có điều trùng hợp là các ghi chép, nghiên cứu đều chỉ ra Phật giáo đến với Việt Nam ban đầu là theo các thương nhân, thuyền buôn từ Ấn Độ vào Việt Nam (như phân tích của tác giả Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận) và câu chuyện về Chử Đồng Tử ghi chép

trong Lĩnh Nam Trích Quái cho thấy Chữ Đồng Tử và Tiên Dung, trong các hoạt động buôn bán thương nghiệp của mình đã có cơ hội tiếp xúc với một vị tu sĩ Phật giáo và được truyền đạo. Tuy nhiên ở thời kỳ Phật giáo truyền trực tiếp từ Ấn Độ sang, như các tài liệu của các nhà nghiên cứu chỉ ra thì các Tăng sĩ Ấn Độ đi theo các thuyền buôn hoặc các thương gia Ấn Độ khi đến Việt Nam khi đó đều không phải với mục đích truyền giáo, mà chủ yếu là mang theo đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của họ trong quá trình sinh sống ở Giao Châu. Người Việt biết đến Phật giáo thông qua con đường đó. Như phân tích của tác giả Nguyễn Lang:

“Như ta đã biết, đạo Phật đầu tiên do các thương gia Ấn Độ đem đến. Những người này không phải là những nhà truyền giáo; họ chỉ sống đời sống tín ngưỡng của họ trong lúc lưu lại Giao Châu, và chính vì vậy mà người Giao Châu biết đến đạo Phật. Sinh hoạt của Phật tử Ấn Độ thời ấy thế nào? Họ đọc ba điều quy y, giữ tam quy, tin tưởng ở Tam Bảo là Phật, Pháp và Tăng. Họ giữ ngũ giới: không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Họ tin ở thuyết nhân quả; vì vậy họ lo bố thí cúng dường, nhất là cúng dường ẩm thực, y phục và chỗ cư ngụ cho tăng sĩ, bởi vì tăng sĩ là “ruộng phước đức tốt nhất” để gieo hạt giống công đức, họ còn thờ phụng Xá Lợi Phật, đốt hương trầm, đọc thuộc vài đoạn kinh nhận quả, kể chuyện tiền thân của Đức Phật” [Nguyễn Lang, 1992].

Về nhà, Chữ Đồng Tử truyền mọi sự lại cho vợ. Tiên Dung giác ngộ bèn bỏ việc buôn bán, cùng chồng chu du tìm thầy học đạo.

Còn đường thứ hai: Ngoài con đường du nhập thứ nhất, Phật giáo du nhập vào Việt Nam chủ yếu theo đường biển; con đường thứ hai là một phần khác theo đường bộ, trong bối cảnh nước ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ. Ở giai đoạn từ thế kỷ VI đến thế kỷ X, ở Việt Nam, ảnh hưởng của các nhà

truyền giáo Ấn Độ giảm dần, thay vào đó là ảnh hưởng của các nhà truyền giáo Trung Quốc tăng lên. Các phái thiền Trung Quốc lần lượt du nhập vào Việt Nam.

- Phái thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinitaruci) vào Việt Nam khoảng năm 580, do nhà sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi đưa sang Việt Nam, ông tu tại chùa Pháp Vân. Phái thiền này ở Việt Nam có 19 thế hệ.

- Phái thiền Vô Ngôn Thông vào Việt Nam năm 820. Vô Ngôn Thông sang Việt Nam tu ở chùa Kiến Sơ như đã phân tích ở trên. Phái thiền này ở Việt Nam có 17 thế hệ.

Sự du nhập các phái thiền Trung Quốc vào Việt Nam cho thấy con đường du nhập thứ hai của Phật giáo vào Việt Nam là thông qua đường bộ. Phật giáo du nhập vào Việt Nam lúc này đã qua lăng kính của các thiền sư Trung Hoa, mang đậm đặc trưng của Phật giáo Trung Hoa, ví như ở thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi khi du nhập vào Việt Nam. Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi có nhiều thiền sư học rộng không những về Phật Lão Khổng mà còn về cả các khoa sấm vĩ và phong thủy. Tư tưởng của Tỳ Ni Đa Lưu Chi mang nhiều tính chất Thiền học và mang màu sắc của văn hệ Bát Nhã, chịu ảnh hưởng sâu đậm của Tổ thiền Tăng Xán của Trung Quốc.

Sau này khi thiền phái Vô Ngôn Thông du nhập vào Việt Nam cũng thể hiện rất rõ đặc trưng của thiền Trung Quốc. Vô Ngôn Thông từng tu học trong học viện của Bách Trượng nên khi sang Việt Nam ông đã đưa thành quy của thiền viện do Bách Trượng sáng tác áp dụng vào sinh hoạt thiền viện Việt Nam. Thiền phái Vô Ngôn thông nhấn mạnh đến thuyết đốn ngộ chủ trương con người có thể, trong một giây lát, đạt được vị quả giác ngộ, không cần đi qua nhiều giai đoạn. Sự giác ngộ con người cần tự mình nỗ lực đạt lấy, như tư tưởng thể hiện trong lời kệ của thế hệ thứ 11 của thiền phái Vô Ngôn Thông là thiền sư Nguyễn Học:

“Đạo không có hình tượng

Nhưng nó ở ngay trước mắt ta, không gì làm xa cách

Phải trở về với tự tâm mà thực hiện

Chứ không thể đi tìm nơi kẻ khác”.

Thời Đinh, Tiền Lê, dòng thiền Vô Ngôn Thông phát triển mạnh mẽ và có vai trò quan trọng trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Dòng thiền Kiến Sơ từ đây đã xây dựng được một nền tảng vững chắc, xây dựng được thành một trung tâm Phật giáo lớn, gắn với tên tuổi của nhiều nhà sư tiêu biểu. Đặc biệt, Phật giáo thời kỳ này trở thành hệ tư tưởng chủ đạo:

“Với dòng thiền Kiến Sơ, Phật giáo bác học át hẳn Phật giáo dân gian trước đó, Phật giáo gắn chặt với triều đình. Ngay thời Đinh – Tiền Lê, các vị hoàng đế thời kỳ này đã vận dụng Phật giáo vào xã hội để xây dựng đất nước. Chính sử cho biết, buổi đầu xây dựng nền độc lập tự chủ của nhà Đinh – Tiền Lê đầy trắc trở, tranh giành nội bộ, tập quyền hay phân quyền, nguy cơ ngoại xâm luôn rình rập. Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành đã nương theo thể chế các triều bên Trung Quốc mà đặt quan chế, triều nghi... Song song với yêu cầu kiến thiết đất nước, yêu cầu bức thiết nhất có lẽ chính là yếu tố tinh thần để cổ kết nhân tâm, và Phật giáo đã được các vị hoàng đế chọn lựa. Bởi khi ấy, Phật giáo đã có vị trí và vai trò nhất định trong đời sống xã hội, nói cách khác, đạo Phật chiếm ưu thắng trong xã hội” [Nguyễn Hồng Dương, 2010, tr.371].

Đây chính là những tiền đề để Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Gia Lâm phát triển rực rỡ ở những thời kỳ sau.

2.2.2. Giai đoạn phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm từ thế kỷ thứ X đến năm 2007

Khi Phật giáo du nhập vào huyện Gia Lâm, Phật giáo nhanh chóng từng bước bám rễ vào trong đời sống người dân. Luận án tìm hiểu về các giai đoạn phát triển của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm theo tiến trình lịch sử Việt Nam thông qua các ghi chép lịch sử và qua các tư liệu có được từ sự khảo cứu lịch sử các ngôi chùa nổi tiếng, có ý nghĩa với quá trình phát triển của Phật giáo huyện Gia Lâm, và qua các dấu tích về sự hoạt động của các tu sĩ hay sự phát triển các thiền phái, các hoạt động của Phật giáo ở vùng đất Gia Lâm được ghi chép trong lịch sử.

- Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm giai đoạn từ thế kỷ X đến XIV (thời kỳ Lý – Trần):

Sau khi du nhập vào vùng đất này, những thời kỳ sau, Phật giáo ở Gia Lâm phát triển khá mạnh mẽ.

Triều đại Nhà Lý và Nhà Trần – hai triều đại phong kiến Việt Nam tồn tại lâu dài nhất trong lịch sử dân tộc, cũng là những triều đại làm cho nước Đại Việt cường thịnh nhất trong lịch sử nước nhà, cũng là thời kỳ Phật giáo hưng thịnh nhất.

Thời Nhà Lý, các vua Lý đều có nhiều chính sách thể hiện sự quan tâm đến Phật giáo.

Sẵn lòng mến mộ Phật giáo, nên ngay khi lên ngôi, vua Lý Thái Tổ đã có nhiều chính sách thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo:

“Năm 1010, lúc vừa lên ngôi, Lý Thái Tổ đã xây tám ngôi chùa ở quê vua là phủ Thiên Đức, tỉnh Bắc Ninh. Tại Thăng Long vua cho dựng chùa Hưng Thiên Ngự, và gần điện Thái Hòa, chùa Vạn Tuế. Tiếp đó vua cho lập các chùa Thiên Quang, Thiên Đức, Thiên Vương, Thắng Nghiêm, Cẩm Y, Long Hưng, Thánh Thọ. Khắp trong nước chừng 300 ngôi chùa

được tạo dựng và những chùa đã hư nát thì sửa chữa lại” [Nguyễn Lang, 1992, tr. 163].

Nhà vua “lệnh cho các hương ấp, nơi nào có chùa quán đã đổ nát đều phải sửa chữa lại” [Nhiều tác giả, 2017, tr.148].

Thời Nhà Lý, các vua Lý không những tôn sùng Phật, giáo mà còn tu Phật, khiến tầng lớp quý tộc trong triều đều sùng Phật. Dưới triều Lý, có những nhà sư nổi tiếng về việc tu hành và những đóng góp đối với đất nước như: Vạn Hạnh, Huệ Sinh, Viên Chiếu, Mãn Giác, Không Lộ, Viên Thông... Lý Thánh Tông còn được suy tôn là người khai lập và là sư tổ thứ hai của một phái thiền mới ở Việt Nam: Thiền Thảo Đường.

Nhà Lý lựa chọn Thăng Long là kinh đô, nên Phật giáo ở Thăng Long được tạo nhiều điều kiện để phát triển. Tại Thăng Long, Vua Lý Công Uẩn cho xây dựng nhiều chùa, phát hàng ngàn lạng vàng thuê thợ đúc chuông đặt trong các chùa. Ở Thăng Long, hàng loạt các ngôi chùa được xây dựng,; kinh thành Thăng Long cũng trở thành nơi in ấn, phổ biến kinh điển Phật giáo,...

Trong bối cảnh đó, thời Lý, Gia Lâm thuộc phủ Thiên Đức, Phật giáo cũng rất có điều kiện để phát triển. Sử gia Lê Văn Hưu từng nhận xét rằng: Lý Thái Tổ lên ngôi mới được hai năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa lập mà nước đã dựng tám chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở kinh sư.

Sau khi lên ngôi, Vua Lý Công Uẩn cho trùng tu lại chùa Kiến Sơ – ngôi chùa có ý nghĩa rất đặc biệt với vị vua đầu triều Lý. Theo các tư liệu cổ thì thuở nhỏ, vua Lý Công Uẩn tu tại chùa Cổ Pháp (nay thuộc Từ Sơn, Bắc Ninh), theo học Thiền Sư Vạn Hạnh. Ngài thường xuyên lui tới chùa Kiến Sơ học thiền và tu tập thiền định, khi đó sư Đa Bảo đang trụ trì chùa Kiến Sơ đã nhận ra cốt tướng khác thường của Ngài và nhận định chắc chắn Ngài sẽ trở thành người làm nên nghiệp lớn. Tại đây, tương truyền, Ngài cũng được

Thánh Gióng báo mộng bằng một câu sấm (đã nhắc đến ở phần trên). Viết về sự kiện vua Lý Công Uẩn và Thiền sư Đa Bảo, nhiều tác giả đã phân tích:

“Dòng thiền Tì Ni Đa Lưu Chi của Vạn Hạnh đã lựa chọn được nhân sự cho ngai vàng. Hệ thống Vô Ngôn Thông là một nửa lực lượng Phật giáo. Cần có sự nhất trí từ phía dòng phái này. Bấy giờ truyền thừa dòng Quan Bích là Thiền sư Đa Bảo, chùa Kiến Sơ. Tư liệu phần nào cho thấy những dấu hiệu về việc liên kết giữa hai dòng thiền. Sách Thiền uyển tập anh, phần viết về Thiền sư Đa Bảo có kể lại cuộc ra mắt của ứng viên và sự tán thưởng của người đứng đầu dòng phái: Lý Thái Tổ lúc chưa lên ngôi, sư (Đa Bảo) thấy tướng mạo đẹp đẽ lạ thường, bèn bảo: “Chú này cốt tướng khác phàm, ngày kia làm vua ắt là nó đây”. ...

Về việc Lý Công Uẩn có những liên lạc với dòng Quan Bích Kiến Sơ, truyện Xung thiên Dũng liệt Chiêu ứng Uy tín Đại vương trong sách Việt Điện u linh cũng viết: ... Lý Thái Tổ lúc còn tiềm long (chưa lên ngôi vua) biết Đa Bảo đức hạnh cao thượng, cùng làm Đàn việt cho Bảo... ” [Nguyễn Hồng Dương, 2010, tr.126, 127]

Khi thành nghiệp lớn, vua Lý Công Uẩn không quên mối ân tình của ngôi cổ tự này, và mối ân tình sâu đậm của vị Thiền sư Đa Bảo. Chính vì thế, Ngài đã cho tu sửa, cấp tiền bạc trùng tu, mở rộng ngôi chùa khang trang, đẹp đẽ. Cùng với đó nâng cấp cả miếu thờ Thánh Gióng và hàng năm hạ chỉ cho các quan về đây bái lễ. Với thiền sư Đa Bảo, thường xuyên được Vua mời về kinh thành Thăng Long bàn chuyện quốc sự. Và có thể nói thiền sư Vạn Hạnh và thiền sư Đa Bảo là những vị thiền sư có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng của vua Lý Công Uẩn.

Gia Lâm còn là quê hương của Nguyên Phi Ý Lan – một nhân vật nổi tiếng của triều Lý nói riêng, lịch sử Việt Nam nói chung, là Nguyên phi của

Vua Lý Thánh Tông, là mẹ của Vua Nhân Tông – là người có tài trị quốc an dân, đặc biệt Nguyên Phi Ỗ Lan là người rất sùng đạo Phật Các sử liệu ghi chép rất nhiều sự kiện thể hiện sự sùng Phật của Bà từ việc xây dựng chùa chiền đến các chính sách thể hiện tinh thần từ bi của Phật giáo: Năm Hội Phong thứ 6 (1097), “bấy giờ trong nước giàu đủ”, Thái hậu làm nhiều chùa Phật” [Nhiều tác giả, 2017, tr. 175]. Hay như sự kiện: “Mùa xuân, thái hậu phát tiền ở kho nội phủ để chuộc những con gái nhà nghèo đã phải bán đi ở đem gả cho những người góa vợ” [Nhiều tác giả, 2017, tr. 176]. Về việc này, sử thần Ngô Sĩ Liên nói: “Con gái nhà nghèo đến phải cầm thân làm mướn, con trai nhà nghèo đến nỗi không có vợ, đó là cùng dân trong thiên hạ. Thái hậu đòi hỏi cho họ, cũng là việc làm nhân chính vậy” [Nhiều tác giả, 2017, tr. 176]. Hay như năm 1115, “Thái Hậu dựng chùa thờ Phật, trước sau hơn trăm chùa” [Nhiều tác giả, 2017, tr.177]. Có thể kể đến những ngôi chùa điển hình như: Chùa Dạm (1086, Quế Võ, Bắc Ninh), chùa Một Mái ở Hoàng Xá (1099, Quốc Oai, Hà Nội), chùa Phật Tích (1100, Tiên Sơn, Bắc Ninh)... Chính vì vậy, với quê hương của Bà, rất được quan tâm, nhiều ngôi chùa được xây dựng.

Ngôi chùa Sủi, chùa Đại Dương cũng là nơi các vị vua Lý rất thường thăm viếng, có vai trò quan trọng đối với đời sống tâm linh các vị vua triều Lý. Theo dân gian truyền lại các vua Lý, sau này các vua Trần cũng vậy thường qua đây ngủ đêm để ngóng mộng, chờ thông điệp của thánh thần.

Còn theo sử sách lưu lại thì ghi rằng: vua Lý Thánh Tông (1054-1072) về đây cầu tự đã gặp cô gái Lê Thị Khiết (1044-1117), lập làm Nguyên phi Ỗ Lan. Vua Lý Thánh Tông còn đến chùa cầu tự. Về sự kiện này, trong Đại Việt sử ký toàn thư chép:

“Bấy giờ vua xuân thu đã nhiều, tuổi 40 mà chưa có con trai nối dõi, sai Chi hậu nội nhân Nguyễn Bông làm lễ cầu tự ở chùa Thánh Chúa, sau đó Ỗ Lan phu nhân có mang, sinh Hoàng tử Càn Đức tức Nhân

Tông. (Tục truyền rằng vua cúng khấn cầu tự chưa thấy hiệu nghiệm, nhân đi chơi khắp các chùa quán. Xa giá đi đến đâu, con trai con gái đổ xô đến xem không ngớt, duy có một người con gái hái dâu cứ nép trong bụi cỏ lan. Vua trông thấy, gọi đưa vào cung, được vua yêu phong làm Ý Lan phu nhân)...” [Nhiều tác giả, 2017, tr.169]

Năm 1066, Nguyên Phi Ý Lan sinh ngày Thái tử Càn Đức. Để tạ ơn trời Phật, vua Lý Thánh Tông cho xây lại ngôi chùa rồi đổi tên gọi là Sùng Phúc Tự (ngôi chùa tôn sùng cái phúc của Phật). Cha mất sớm, thái tử 7 tuổi trở thành Lý Nhân Tông (1072-1127), Ý Lan làm thái hậu nhiếp chính. Về già, bà cho xây lại chùa Sủi, hoàn thành năm 1115. Hai năm sau bà qua đời, vua lập đền bên chùa để thờ thái hậu.

Trong báo cáo của Sở Văn hoá Hà Nội năm 1988 đề nghị Bộ Văn hoá xếp hạng di tích lịch sử chùa Sủi có nói: “Ngay từ khi mới ra đời, chùa Đại Dương đã nổi tiếng là ngôi chùa đẹp, sau lần bà Ý Lan về chùa, chùa càng nức tiếng. Suốt từ đó về sau, nhiều Vương Hầu, Vương Phi thường về thăm và công đức...”

Một ngôi chùa nổi tiếng của Gia Lâm được xây dựng thời Lý là chùa Bà Tấm (xây dựng năm 1117), ngôi chùa gắn liền với Nguyên phi, Hoàng thái hậu Ý Lan – một nhân vật kiệt xuất của vương triều Lý, ngưỡng mộ tài năng, công đức của bà, dân gian sùng Phật tôn bà là Phật Bà Quan Âm,... Nội dung đôi câu đối tại đền Bà Tấm phần nào phản ánh ân đức của Hoàng Thái Hậu Ý Lan như:

Mẫu nghi đoan chính chiêu thiên cổ
Thánh trạch linh quang ngưỡng vạn niên
Nghĩa là:
*Mẫu nghi đoan chính người muôn thuở
Ơn thánh sâu xa kính vạn năm.*

Qua sự phân tích trên đây, có thể thấy thời nhà Lý, Phật giáo ở vùng đất Gia Lâm phát triển khá thịnh vượng, minh chứng bằng việc rất nhiều ngôi chùa được xây dựng, các ngôi chùa đều có sự gắn bó chặt chẽ, là điểm tựa tâm linh quan trọng của các vua quan, triều đình.

Sang đến Triều đại Nhà Trần, Phật giáo Việt Nam phát triển đến mức cực thịnh, nhưng trung tâm Phật giáo Việt Nam lại chuyển về khu vực vùng núi Yên Tử. Các vị vua như: Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông... đều là những người có trình độ Phật học uyên thâm, có đóng góp quan trọng đến sự phát triển của Phật giáo thời kỳ này. Sự sùng Phật của các vị vua Trần được sử sách ghi chép lại rất nhiều. Vua Trần Thái Tông, năm 1231:

“Thượng Hoàng xuống chiếu rằng trong nước hễ chỗ nào có đình trạm đều phải đắp tượng Phật để thờ.

Trước đây, tục nước ta vì nóng bức, nên làm nhiều đình cho người đi đường nghỉ chân, thường quét vôi trắng, gọi là đình trạm. Thượng hoàng khi còn hàn vi từng nghỉ ở đó, có một nhà sư bảo rằng: “Người trẻ tuổi này ngày sau sẽ đại quý”. Nói xong thì không thấy nhà sư đâu nữa. Đến nay vua lấy được thiên hạ mới có lệnh này.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nhận nói: Việc này của Trần Thái Tông cũng giống như việc Vạn Hạnh với Lý Thái Tổ. Đó là mầm móng đầu tiên của sự sùng Phật ở đời Lý, đời Trần” [Nhiều tác giả, 2017, tr.216]

Dưới triều Trần ở Việt Nam còn xuất hiện một phái thiền mới: Thiền Trúc Lâm Yên Tử - dòng thiền thuần túy Việt Nam và là nền móng đầu tiên cho việc thống nhất Phật giáo ở Việt Nam. Nét đặc sắc của phái thiền này là quy tụ được tất cả các dòng thiền có ở Việt Nam.

Sau khi chuyển từ ngôi từ tay nhà Lý sang nhà Trần, các vua Trần thực hiện chính sách ban phát nhiều đất cho họ hàng thân tộc lập trang ấp, xây dựng chùa chiền, Gia Lâm thời kỳ đó cũng được xây dựng khá nhiều chùa,

Phật giáo Gia Lâm ở thời Trần phát triển thịnh vượng, trở thành một trung tâm Phật giáo lớn,... Sự hình thành phát triển thiền phái Trúc Lâm và Phật hoàng Trần Nhân Tông gắn liền với di tích Chùa Báo Ân (xã Dương Quang, huyện Gia Lâm) nơi ngài chọn làm cứ địa để hoằng pháp cũng như quá trình hình thành tổ vị thứ hai.

Các tài liệu lịch sử Phật giáo thời Trần như Tam Tổ Thực Lục, Tam Tổ Hành Trạng đều cho biết chùa Báo Ân có liên quan mật thiết đến thiền phái Trúc Lâm thời Trần. Ngay tên gọi thôi cũng đã thể hiện tư tưởng thiền Trúc Lâm: Báo Ân – báo đáp bốn ân đức lớn (của cha mẹ, của chúng sinh, của vua, Tam Bảo (Phật – Pháp – Tăng)).

Những ghi chép trong Tam Tổ Thực lục cho thấy Chùa Báo Ân rất gắn bó với cuộc đời tu hành của vua Trần Nhân Tông – nhất tổ của Thiền phái Trúc Lâm. Ngài đã từng nghỉ chân tại đây trên đường đi từ Thăng Long đến Yên Tử, khi Ngài mất, vua Trần Anh Tông đã cho đúc hai pho tượng Ngài bằng vàng, một để ở chùa Báo Ân, một để ở chùa Vân Yên núi Yên Tử.

Đền đời Nhị Tổ Thiền phái Trúc Lâm – Pháp Loa, chùa Báo Ân thực sự đã có vai trò rất quan trọng: Chính Trần Nhân Tông đã đặt pháp danh cho sư Pháp Loa (1305), sai Pháp Loa khai đường và trụ trì chùa Báo Ân. Chùa Báo Ân trở thành “trung tâm” tỏa ra ba ngả: Phía Bắc: có thể bằng đường thủy ngược lên Yên Tử, phía Đông đến Côn Sơn – Kiếp Bạc, phía Nam đến Thiên Trường. Cũng tại chùa Báo Ân, thiền sư Pháp Loa đã giảng pháp cho sư Huyền Quang – Trúc Lâm đệ tam tổ thị giả - nối tiếp mạch truyền “dĩ tâm truyền tâm” của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Với vai trò đặc biệt như vậy, thiền sư Pháp Loa đã cho xây dựng lại chùa Báo Ân năm Hưng Long thứ 21 (1313), mọi kinh phí do triều đình nhà Trần chu cấp, chính vua Trần Anh Tông còn đích thân đến chùa nhiều lần đôn đốc việc xây dựng [Xem Thích Phước sơn, 1995]. Trong Việt Nam Phật giáo sử luận cũng ghi chép về chùa

Báo Ân: “Chùa Báo Ân có rất nhiều ruộng. Năm 1308, vua Anh Tông lấy 100 mẫu ruộng của gia đình Trần cúng vào chùa Báo Ân. Năm 1312, vua lại lấy thêm 500 mẫu ruộng của Niệm Như Trang để cúng cho chùa” [Nguyễn Lang, 2000, tr.358]

Chùa Báo Ân còn là trung tâm truyền bá Phật giáo ở thời Trần, nơi các sư Pháp Loa, Huyền Quang giảng kinh, từ trung tâm Báo Ân, Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử lan truyền ra các vùng xung quanh. Tam Tổ thực lục ghi chép: có buổi giảng kinh của thiền sư Huyền Quang thu hút hàng ngàn người tham gia.

Với sự phát triển lớn mạnh, bao trùm của thiền phái Trúc Lâm, các ngôi chùa Gia Lâm thời kỳ này cũng chủ yếu theo thiền phái Trúc Lâm. Như chùa Báo Ân đã phân tích ở trên, nghiên cứu sẽ chỉ ra thêm trường hợp chùa Sủi. Chùa Sủi như đã phân tích ở trên, là ngôi chùa cổ, được xây dựng từ rất sớm, sang đến thời Lý có vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh các vua Lý, thể hiện ở việc các vua Lý thường xuyên lui đến chùa thăm viếng, vua Lý Thánh Tông đã từng cầu tự tại chùa. Đến thời Trần, các vua Trần cũng thường xuyên đến chùa, ngôi chùa gắn bó rất mật thiết với các vị Tổ sư đời Trần. Điều này thể hiện rõ nét, tại nhà Tổ của chùa thờ Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Huyền Quang, Pháp Loa), và các vị sư trụ trì tại chùa. Ở chùa Sủi còn lưu giữ nhiều bức hoành phi, câu đối viết bằng chữ Hán có nội dung ca ngợi cảnh đẹp, lịch sử sơn môn chốn Tổ Trúc Lâm..

Có nhiều cách lý giải về sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo ở Gia Lâm thời kỳ Lý, Trần, nhưng qua nghiên cứu chúng tôi đồng nhất với một số học giả nhận định: do xuất phát từ địa kinh tế, văn hóa, chính trị xã hội vùng đất này xưa kia nằm trong vùng văn hóa Kinh Bắc - vùng văn hóa cổ của Việt Nam, nơi có trung tâm Phật giáo Luy Lâu phát triển rất mạnh và đã đi vào ca dao, tục ngữ: “Cầu Nam - chùa Bắc - đình Đoài”, mà Gia Lâm lại nằm trọn

trong vùng văn hóa đó, cạnh trung tâm Luy Lâu nên chắc chắn Phật giáo đến với Gia Lâm là sớm và cũng phát triển hưng thịnh. Gia Lâm còn gắn với những sự kiện quan trọng trong cuộc đời các vị vua có vai trò đặc biệt của các triều đại Lý, Trần như Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông,... và các vị vua ấy đều là những người sùng đạo Phật nên vùng đất nơi đây cũng có nhiều cơ hội để phát triển.

- Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm giai đoạn từ thế kỷ XV đến nửa đầu thế kỷ XIX (Từ thời Hậu Lê đến thời Nguyễn)

Để thấy rõ hơn bức tranh Phật giáo thời Lê – Mạc, nghiên cứu sẽ phác họa lại thông qua các cứ liệu lịch sử được ghi chép và căn cứ vào lịch sử các ngôi chùa tại vùng đất này. Có thể nói tính về mặt số lượng, các ngôi chùa của huyện Gia Lâm được xây dựng nhiều nhất ở thời kỳ Lê - Mạc.

Thời Lê, triều đình lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống và do vậy, vào thế kỷ XV, Nho giáo phát triển mạnh mẽ, Phật giáo bị chính quyền hạn chế. Có nhiều ý kiến quan điểm khác nhau về Phật giáo thời kỳ này: Có ý kiến cho rằng Phật giáo thời kỳ này suy vi, có ý kiến cho rằng thời kỳ này Phật giáo thay đổi phương thức phát triển, Phật giáo dân gian phát triển mạnh mẽ, Phật giáo đi vào nơi thôn dã. Viết về diện mạo Phật giáo Việt Nam thời kỳ này, tác giả Nguyễn Lang nhận xét:

“Cuối thế kỷ XIV, chúng ta đã đặt vấn đề tại sao Phật giáo bắt đầu suy đồi vào giữa thế kỷ thứ mười bốn. Suy đồi ở đây không có nghĩa là sự giảm thiểu số lượng tự viện và tăng sĩ. Số lượng tự viện và tăng sĩ trong thời đại mà ta gọi là suy đồi vẫn tiếp tục lớn lên. Suy đồi đây cũng không có nghĩa là mất ảnh hưởng trong quần chúng. Cuối đời Trần và trong suốt thời Lê nữa, những chiếc rễ đạo Phật vẫn càng ngày càng ăn sâu thêm trong nếp sống tình cảm và tín ngưỡng của giới đại chúng

bình dân. Suy đôi ở đây có nghĩa là đánh mất vai trò lãnh đạo trí thức, văn hóa và chính trị” [Nguyễn Lang, 2000, tr.356]

Trong bối cảnh đó, vùng đất Gia Lâm thời kỳ này, có rất nhiều ngôi chùa được xây dựng: Chùa Linh Quy (tên chữ là Hoa Nghiêm Tự, tọa tại thôn Linh Quy, xã Kim Sơn), chùa Hạ (tên chữ là Hiền Quang Tự, tọa tại thôn Hạ, xã Dương Hà), chùa Kim Lan (tên Linh ứng tự, ở xã Kim Lan), chùa Linh Quang (làng Công Đình, xã Đình Xuyên), chùa Cổ Giang...

Chùa Cổ Giang (xã Lệ Chi, huyện Gia Lâm). Theo ghi chép tại tấm bia "*Bản xã ước ký*" (Bia ghi giao ước của bản xã) dựng ngày mùng 07 tháng 4 năm Chính Hoà thứ 14 (1693) cho biết: chùa Cổ Giang được khởi dựng từ thời Lê. Ghi chép về việc dựng chùa như sau:

"Bà Nguyễn Thị Mai hiệu là Diệu Trí là người có lòng thiện, tôn sùng đạo Phật đã tự bỏ ra 60 mảnh ruộng và 100 quan tiền giúp cho bản xã và mong được lập hậu Phật. Mọi người trong xã cùng đồng lòng bầu bà làm hậu Phật. Các kỳ cúng giỗ theo như nghi lễ, để điều ước này mãi mãi không dứt, cùng lập bia đá ghi lại sự việc".

Hay như chùa Dương Quang (thôn Thượng, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm), căn cứ hệ thống văn bia hiện còn lưu giữ tại chùa chúng ta có thể xác định niên đại khởi dựng ngôi chùa vào thời Lê Trung Hưng thế kỷ XVII. Tấm bia "Bia trùng tu Dương Quang tự hậu phật bia ký" dựng ngày lành tháng 12 năm Chính Hòa thứ 18 (1679) ghi việc chùa Dương Quang được trùng tu, mở rộng hai dãy nhà thiêu hương và thượng điện để làm nơi thờ phụng. Cùng năm đó, tấm bia "Nhất hưng công đức tân báo bi ký Vĩnh Thù" dựng ngày 8 tháng 12 năm Chính Hòa thứ 18 ghi việc có ông Đỗ Tường Công, vợ là Ngô Thị đã bỏ tiền của nhà ra mua gỗ lim và gạch ngói để làm một dãy nhà thiêu hương và tiền đường làm nơi thờ phụng, lại cúng ba sào ruộng ở các xứ đồng để làm ruộng oản giúp việc cúng dường làm đẹp cảnh chùa. Hai năm sau dân

làng lại cùng với sư trụ trì chùa góp công, góp của tu sửa và hưng công làm ba pho tượng, lại ra sức phục dịch trồng các loại cây cối trong chùa. Công việc này cũng được ghi lại trên tấm bia Vĩnh Truyền bia ký dựng ngày 19 tháng 10 năm Chính Hòa thứ 20 (1699).

Chùa Hạ có tên chữ là Hiền Quang tự, thuộc thôn Hạ, xã Dương Hà được khởi dựng khoảng cuối thời Lê, là một ngôi chùa có quy mô lớn của phủ Từ Sơn xưa. Tiếng vang của chùa lan rộng khắp xứ Kinh Bắc, Thăng Long.

Chùa Kim Lan có tên là "Linh ứng tự". Căn cứ vào khối kiến trúc vật chất và những di vật hiện còn có thể suy đoán chùa Kim Lan được xây dựng vào cuối thời Lê.

Chùa Linh Quang: Căn cứ vào tấm bia sớm nhất của chùa có niên hiệu Cảnh Hưng thứ 7 (1746) và tấm sắc phong cho thần Cây Gạo Đại Vương có niên hiệu Cảnh Hưng thứ nhất (1740) có thể khẳng định được rằng chùa Linh Quang được xây dựng vào thời Lê.

Chùa Linh ứng có tên chữ là “Linh ứng tự”, còn gọi là chùa Thuận Tôn, thuộc thôn Thuận Tôn, xã Đa Tôn, huyện gia Lâm, Hà Nội. Đây là một công trình kiến trúc tôn giáo nằm trong hệ thống Phật giáo có nhiều mối quan hệ gắn bó với đời sống văn hóa tinh thần của cư dân nơi đây. Căn cứ vào các tấm bia và chuông hiện còn tại chùa có thể khẳng định chùa Linh Ứng có niên đại xây dựng ít nhất từ thời Lê.

Thời kỳ Nhà Mạc, với sự vươn lên của nền kinh tế, đặc biệt là sự phát triển của thương nghiệp, gắn với sự phát triển của sự lưu thông hàng hóa bằng đường thủy, tư tưởng người Việt thời kỳ này có phần cởi mở hơn, khiến cho tín ngưỡng, tôn giáo cũng có cơ hội phục hồi và phát triển, đặc biệt ở những vùng ven sông nước. Diện mạo chung của đời sống tín ngưỡng, tôn giáo thời kỳ này được phản ánh trong nhiều công trình:

Tác giả Trần Lâm Biền cũng từng viết:

“Nhưng, sang thế kỷ XVI, thời Mạc, chúng ta đã gặp khá nhiều chùa và tượng Phật, Bồ Tát... Hiện tượng này như một sự phục hưng của Phật giáo. Nhiều phụ nữ trong triều đình đã có công đức lớn với chùa. Song vào giai đoạn này chưa thấy nổi lên những tông phái cụ thể nào, có lẽ vì nhà Mạc đã bị các triều đại sau xếp là ngụy triều, nên các vấn đề Văn hóa lịch sử xã hội của thời đó ít được ghi chép lại. Dù vậy bằng vào những hiện vật gắn với Phật giáo đương thời chúng ta vẫn thấy bóng dáng của dòng Phật giáo phương Bắc đã xâm nhập vào nước ta một cách mạnh hơn rất nhiều. Trong một chừng mực nào đó, có thể nói rằng đạo Phật suy thoái từ cuối thời Trần, bị hạn chế vào thời Hồ Quý Ly và đặc biệt trong thời Lê Sơ (thế kỷ XV), dưới góc độ tư tưởng chính thống nó bị lu mờ trước Nho giáo. Vì thế, có thể nghĩ đạo Phật được phục hồi dưới thời Mạc”. [Trần Lâm Biền, 1996, tr20,21].

Ở thời kỳ này, vùng đất Gia Lâm (hiện nay) có những bước chuyển rất quan trọng) với bối cảnh thương nghiệp có phân phát triển, đặc biệt là giao thông đường thủy với việc khai thác dòng sông Hồng và những nhánh, chi lưu của nó để phục vụ cho sự vận chuyển hàng hóa từ Thăng Long/ Kẻ Chợ đến các vùng lân cận, đặc biệt là trung tâm Dâu. Với nhu cầu bảo hộ, bảo trợ cho các thương thuyền qua lại nên có rất nhiều những ngôi chùa tiêu biểu được xây dựng, tu sửa dọc theo những chi lưu của sông Hồng, như: chùa Minh Ngộ (xã Kiều Ky, Gia Lâm), chùa Đào Xuyên (xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm), chùa Cầu Bậy (trước thuộc huyện Gia Lâm nay thuộc phường Long Biên), chùa Lê Mật (phường Việt Hưng, quận Long Biên),.. Như vậy có thể nói, thời kỳ nhà Mạc, Phật giáo huyện Gia Lâm cũng tương đối phát triển đáp ứng với nhu cầu của đời sống xã hội, với những biến chuyển của đời sống xã hội. Phật giáo ở vùng đất Gia Lâm thời kỳ này đón nhận những dòng thiền mới du nhập từ Trung Quốc vào Việt Nam, điển hình là thiền Lâm Tế. Nghiên cứu sẽ chỉ ra

rõ hơn đặc điểm này qua việc trình bày kỹ hơn về chùa Đa Tốn hay còn gọi là chùa Đào Xuyên.

Theo nhiều tài liệu nghiên cứu chỉ ra rằng: chùa có tên chữ là Thánh Ân, được khởi dựng từ trước thế kỷ XVII, bởi trong bài minh văn tại bia đá được dựng năm 1635, năm Ất Hợi, niên hiệu Đức Long có viết: “Đất Bắc nước Việt, có chùa Thánh Ân, nhân bồi nền cũ, xưa có hình Kim...”. Như vậy chùa đã được xây dựng từ trước đó. Năm 1635, chùa đã được sửa chữa, tôn tạo, điều đó được thể hiện tại Văn bia Hưng công chùa Thánh Ân:

“Hưng công chùa Thánh Ân

Tựa bài minh bia hưng công chùa Thánh Ân”

Bài minh thể hiện sự kiện này như sau:

Đất Bắc nước Việt – Có chùa Thánh Ân

Nhân bồi nền cũ – Xưa có hình kim

Thời thế đã lâu – Cột tường xiêu vẹo

Có Hoàng nội phủ - Lòng thành mến thiện

Xẻ cây đào gỗ - Đốc thúc công trình

Quy mô hoành tráng – Chế độ nguy nga

Dân cầu nước đảo – Rất là linh ứng

Ngâm giúp vận nước – Phúc khắp chúng sinh

Công ấy đức ấy – Khắc đá làm minh

Cuộc chiến tranh Nam – Bắc triều vừa chấm dứt, thì đất nước lại lâm vào cuộc khủng hoảng chiến tranh Trịnh – Nguyễn phân tranh. Tình hình đó, đưa đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của nước ta vào bối cảnh:

“Sự sa đọa và những hành động tiêu cực của tầng lớp vua quan đã đưa lòng tin Nho giáo ở nước ta vào tình trạng khủng hoảng chưa từng thấy. Đó là điều kiện để cửa chùa cần được “mở rộng”. Phật pháp đương thời như một cứu cánh cho hệ tư tưởng xã hội. Nhiều người ở

tầng lớp trên cũng “núp bóng” Phật đài. Giai đoạn này là thời cơ để các tông phái Lâm Tế và Tào Động du nhập vào nước ta một cách mạnh mẽ. Tình hình như vậy, tất nhiên ngôi chùa được quan tâm hơn. Ở Đàng Ngoài, sự tham gia của các tầng lớp trên (thường là các ông hoàng, bà chúa, quận công...) đã tạo cho nhiều ngôi chùa một quy mô mới, khang trang, rộng rãi,...” [Bùi Thế Quân, 2012, tr. 90].

Thời kỳ này, thiền phái Lâm Tế du nhập mạnh mẽ vào Việt Nam. Về lịch sử du nhập của thiền phái Lâm Tế vào Việt Nam từ Trung Hoa qua hai giai đoạn chính là vào thời nhà Trần và đời Lê Trung Hưng (vua Lê chúa Trịnh, chúa Nguyễn). Chùa Đào Xuyên và chùa Ninh Hiệp (Gia Lâm, phủ Thuận An) vốn là chôn tu hành của phái Lâm Tế. Tìm hiểu sâu hơn về thiền phái Lâm Tế: phát nguyên từ thời Nhà Đường, là một trong năm tông phái chính của thiền tông Trung Hoa (Quy Nhưông, Tào Động, Lâm Tế, Vân Môn, Pháp Nhãn). Tổ của tông Lâm Tế là ngài Nghĩa Huyền, theo Từ điển Đạo Uyển thì Ngài “khai sáng dòng thiền Lâm Tế trong thời gian Phật giáo Trung Quốc đang bị đàn áp (842 – 845) và chính dòng này đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt trong thời gian sau, trở thành môn phái quan trọng nhất của Phật giáo Trung Quốc. Song song với dòng Tào Động, dòng thiền của Sư được truyền bá tại Nhật Bản cho đến ngày nay gần như dưới dạng nguyên thủy” [Thích Trúc Thông Quảng, 2016, tr. 10]

Trong năm tông phái kể trên, tông Lâm Tế có phần vượt trội hơn bốn tông phái kia, có sức sống mãnh liệt, được truyền bá lâu dài cho đến tận ngày nay: “Môn phong này cao vút, tiếp dẫn người học bằng phương pháp đánh và hét rất mạnh mẽ thẳng thắn, chiếu dụng đều thực hành. Con cháu tông Lâm Tế rất đông đúc.” [Thích Trúc Thông Quảng, 2016, tr10].

Về truyền thừa, tương truyền rằng Phái Lâm Tế có bài kệ gồm 48 chữ: “Trí Huệ Thanh Tịnh – Đạo Đức Viên Minh – Chân Như Tinh Hải – Tịch

Chiếu Phổ Thông – Tâm Nguyên Quảng Mục – Bản Giác Xương Long – Năng Nhân Thánh Quả - Thường Diển Khoan Hoảng – Duy Truyền Ấn Pháp – Đăng Ngộ Hội Dung – Kiên Trì Giới Hạnh – Vĩnh Chiêu Tổ Tông”. Mỗi chữ gắn liền với tên đầu của một vị pháp tổ.

Thiền Tông Lâm Tế đặc trưng với chủ trương tu theo Công án, thoại đầu

Tấm bia "*Bản xã ước ký*" (Bia ghi giao ước của bản xã) dựng ngày mùng 07 tháng 4 năm Chính Hoà thứ 14 (1693) cho biết: chùa Cổ Giang được khởi dựng từ thời Lê. Và "*Bà Nguyễn Thị Mai hiệu là Diệu Trí là người có lòng thiện, tôn sùng đạo phật đã tự bỏ ra 60 mảnh ruộng và 100 quan tiền giúp cho bản xã và mong được lập hậu Phật. Mọi người trong xã cùng đồng lòng bầu bà làm hậu phật. Các kỳ cúng giỗ theo như nghi lễ, để điều ước này mãi mãi không dứt, cùng lập bia đá ghi lại sự việc*". Một tấm bia khác "*Hậu phật bi ký*" (Bia ghi chép hậu phật) dựng ngày lành tháng 9 niên hiệu Chính Hoà năm thứ 23 (1702), cho biết thêm việc tu tạo tượng Phật và xây dựng hành lang tại chùa: "*...Nay thấy người trong xã là Nguyễn Thị Hà, hiệu là Diệu Tĩnh, là người có tình nghĩa, một lòng theo đạo của các tín vãi bỏ tiền ra công đức, trước là để tu tạo tượng phật, sau là để xây hành lang. Bà đã cúng 4 thửa ruộng 6 sào rưỡi. Bản xã nhận ruộng đó và hứa lập bà là hậu phật, đến ngày giỗ và các kỳ tiết lễ được bản xã cúng tế...*".

Phật giáo huyện Gia Lâm thời Nguyễn: Nhiều chùa chiền được tu sửa: như chùa Đào Xuyên. Hiện chùa còn có văn bia lập vào thời Nguyễn, như bia được lập năm 1863, nói về việc tu sửa chùa. Trong đó có đoạn:

“Lý trưởng, khán thử, chức dịch xã Đào Xuyên, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An cùng toàn xã: nguyên do là ngày 15 tháng Giêng, niên hiệu Minh Mệnh thứ 10 (1829) có quan trên về. Dân tình trong xã đói khổ, xã không có tiền chi biện. Người trong xã là Đỗ Thị Y ứng ra 100 quan

tiền cho dân chi biện. Bản xã nghĩ tới công đức ấy, theo lời xin của bà cho bà được gửi giỗ tại chùa để biểu dương công của bà. Bà Y lại giao cho 6 giáp 3 mẫu ruộng tốt, 18 quan tiền, 7 sào ruộng chùa để cung ứng vào việc giỗ”. [Bùi Thế Quân, 2012, tr.91].

Trong hệ thống 14 bia đá của chùa Kim Âu (bia có niên hiệu sớm nhất là "Kỵ điền bi" niên hiệu Dương Hoà thứ 5 (1639), kích thước 50x35cm và bia có niên hiệu muộn nhất là bia "Hậu phật bi ký" niên hiệu Tự Đức 24 (1872), kích thước 38 x 40 cm và quả chuông đồng "Am Vàng tự chung" niên đại: "Hoàng Triều Tự Đức nhị thập nhất niên tuế thứ kỷ ty tam nguyệt cốc nhật" (1868), kích thước 105 x 50 cm...

Chùa Yên Mỹ, Căn cứ vào dòng niên đại ghi trên quả chuông đồng đúc năm Thiệu Trị nguyên niên 1841 và qua hệ thống tượng thờ có thể đoán định chùa được xây dựng vào khoảng thế kỷ XVIII- XIX.

Chùa được xây dựng trên vùng đất cổ Dương Xá, khu vực sinh tụ chính của người Việt cổ. Căn cứ vào niên đại 1856 ghi trên quả chuông đồng "*Sùng linh tự chung*" thì chỉ biết được vào năm này di tích được tu sửa lớn. Lần tu sửa này cũng đã để lại hiện trạng kiến trúc hiện nay cho di tích.

Tại chùa Bát Tràng hiện còn hai quả chuông đồng, trong đó một quả chuông “Bảo Minh Tự chung” có niên đại thời Tây Sơn (1795).

Trong các pho tượng thờ tại di tích, đáng chú ý là ba pho Tam thế, có kích thước và hình dáng giống nhau, không lớn lắm, có những tướng tốt đẹp lộ ra ngoài như đỉnh đầu có gò thịt nổi cao như búi tóc, tóc xoắn ốc nên dân gian gọi nôm là "ba ông bụt ốc", tai dài, tay dài, mặt tròn, mắt khép hờ nhìn xuống, nhân trung sâu, miệng phảng phất nụ cười. Sống mũi tượng thẳng, hơi dẹt, mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XIX.

Đầu thời Nguyễn, chùa Phúc Nương được tu sửa lớn. Đến năm Thiệu Trị thứ 4(1844) dân làng đã công đức tiền của để mua đồng thuê thợ đúc quả

chuông đồng lớn "Phúc Nương tự chung". Bài ký trên thân chuông ghi: "Quan viên sắc mục xã thôn trưởng, lão ông, lão bà thiện nam tín nữ, sư trụ trì và toàn dân thôn Yên Thị xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh. Thường nghe chùa chiền có chuông xưa nay là thế, thành tâm với đạo mà không có phương tiện thì không kết quả, không có chuông thì đạo Phật không sáng tỏ được, gõ to thỉnh nhỏ để giác ngộ đạo chân thừa. Sáng niệm tôi cầu để vượt bến mơ qua bờ giác. Đạo Phật thường âm vang giữa thế gian. ếp ta gần sông Thiên Đức, chùa cổ Phúc Nương đàn tụng sáo trúc điều ngũ kinh kệ quả là danh thắng một vùng. Rồi trải qua binh hỏa tiếng chuông im bất đã bao năm rồi. Đến năm Giáp Thìn, bản thôn khuyến thiện thập phương phúc quả vẹn toàn tiếp tục thanh âm xưa, sức tiếng xã gần phúc tựa hà sa".

- Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX đến năm 1975.

Đây là giai đoạn đất nước kháng chiến giành độc lập cho dân tộc. Với tư tưởng "Hộ quốc, an dân", Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc, các Tăng Ni, Phật tử luôn đồng hành cùng nhân dân cả nước trong mọi bước đường đấu tranh gian khổ, dốc sức dốc lòng cùng đồng bào cả nước chiến đấu giành độc lập cho Tổ quốc. Các ngôi chùa trong cả nước trở thành nơi hoạt động cách mạng, nơi nuôi giấu cán bộ cách mạng, nơi cất giấu vũ khí,...; Tăng, Ni Phật giáo "cởi áo cà sa khoác áo chiến bào", những người Phật tử cùng đồng bào cả nước chiến đấu trên mọi mặt trận... Phật giáo huyện Gia Lâm cũng không nằm ngoài phong trào đó.

Trong thời kỳ kháng chiến, trên địa bàn huyện Gia Lâm không ít những di tích lịch sử đình chùa từng là nơi lưu trú, nuôi dưỡng cán bộ Việt Minh. Chùa Hương Hải cùng với đình thôn Chi Đông đã trở thành một địa chỉ đỏ, là nơi liên lạc của cách mạng. Cây đa cổ thụ hiện còn đã chứng kiến nhiều phen

truy cản của Thực dân Pháp, đã rủ cảnh rậm rạp che dấu cho cán bộ của ta thoát khỏi sự săn đuổi của kẻ thù. Nhiều người đã hi sinh anh dũng, nhưng tinh thần cách mạng của các đồng chí, mãi mãi như cảnh đa gò Mái Dặm muôn đời tỏa bóng, tô thắm truyền thống cách mạng của nhân dân Chi Đông.

Hay như chùa thôn Hội là một di tích cách mạng kháng chiến của địa phương, thời kỳ kháng chiến là nơi hoạt động của Việt Minh, nơi tập kết thương binh. Và đặc biệt, chùa thôn Hội chính là nơi thành lập chi bộ đầu tiên của xã Cổ Bi. Các cột ở chùa bằng gỗ lim bên trong rỗng là nơi cất giấu vũ khí, tài liệu, cờ đỏ sao vàng của trung đội du kích làng Hội.

- Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm giai đoạn sau năm 1975.

Sau đại thắng Mùa Xuân 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, mở ra trang sử mới của dân tộc. Trong không khí đó, Phật giáo Việt Nam cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển. Với bề dày truyền thống lịch sử lâu đời, Phật giáo Gia Lâm không ngừng vươn lên, phát triển và thể hiện được vị thế của mình. Trước năm 1981, Phật giáo ở huyện Gia Lâm vẫn tổ chức theo lối sơn môn, tổ đình, chủ yếu là sự quản lý trong sinh hoạt, phương pháp tu tập theo từng môn, phái chứ chưa có sự tổ chức quản lý toàn diện về mọi mặt.

Tháng 11 năm 1981 Đại hội Đại biểu thống nhất Phật giáo đã được tổ chức ở Hà Nội, lập ra Giáo hội Phật giáo Việt Nam – đây là sự kiện lịch sử đặc biệt của Phật giáo. Nó đáp ứng tình cảm, nguyện vọng tha thiết của tăng ni, Phật tử trong cả nước, đồng thời tạo điều kiện hơn bao giờ hết cho Phật giáo Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống gắn bó với dân tộc để: “Hộ trì hoàng dương Phật pháp, phục vụ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, góp phần đem lại hòa bình, an lạc cho thế giới”. Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời, là mái nhà chung thống nhất của Tăng Ni, Phật tử cả nước, và với Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho phép thành lập Ban Đại diện Phật giáo tại các quận/huyện/ thị xã, Ban Đại diện Phật giáo Việt Nam huyện Gia

Lâm ra đời với 07 thành viên do cô Hòa Thượng Thích Quang Nhân làm Chánh Đại diện.

Đến năm 2007, với việc quyết định thành lập Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận/huyện/thị xã/ thành phố trực thuộc, Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ký quyết định thành lập Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm – đánh dấu mốc ra đời của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là tổ chức quản lý cấp huyện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội.

Nhiều chùa trong huyện được trùng tu, sửa chữa và xây dựng, số lượng tín đồ Phật tử không ngừng tăng lên.

Tiểu kết chương 2

Gia Lâm là vùng đất cửa ngõ thủ đô, có truyền thống văn hóa lâu đời, giàu bản sắc, nằm trong ngã ba giao lưu giữa văn hóa Kinh Bắc và văn hóa Thăng Long. Gia Lâm có nhiều điều kiện để phát triển về mọi mặt kinh tế, xã hội, văn hóa,... đây chính là những tiền đề, cơ sở cho sự du nhập và phát triển tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng.

Phật giáo có duyên hội ngộ với vùng đất Gia Lâm từ rất sớm, từ những bước đường của buổi đầu du nhập Phật giáo vào Việt Nam. Trước thế kỷ X được coi là giai đoạn du nhập của Phật giáo vào vùng đất Gia Lâm. Dấu ấn sự du nhập Phật giáo vào huyện Gia Lâm còn lưu lại và được chứng minh qua những cứ liệu lịch sử, qua những di tích cơ sở thờ tự trong vùng. Phương thức du nhập của Phật giáo huyện Gia Lâm bằng hai con đường: đường thủy và đường bộ gắn với vai trò các Tăng sĩ Ấn Độ và Trung Hoa, ngoài ra còn thông qua con đường lan tỏa từ trung tâm Phật giáo Luy Lâu ra các vùng xung quanh.

Các giai đoạn lịch sử Phật giáo huyện Gia Lâm gắn liền với những bước đường lịch sử Phật giáo Việt Nam: Phát triển rực rỡ thời kỳ Lý – Trần phát triển rực rỡ gắn với tên tuổi của các vua quan, các nhân vật nổi tiếng trong triều đình nhà Lý, nhà Trần, tên tuổi các vị thiền sư,... Những giai đoạn sau, Phật giáo dân gian phát triển mạnh mẽ.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, với sự kiện thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mở ra một bước đường mới của Phật giáo huyện Gia Lâm. Là một thành viên của Phật giáo Việt Nam Thành phố Hà Nội, tiếp nối truyền thống Phật giáo thủ đô ngàn năm văn hiến. Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã, đang, sẽ dốc sức phục vụ sự nghiệp Phật pháp, đưa Phật giáo Gia Lâm phát triển cùng với sự phát triển của thời đại nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa truyền thống quý báu của Phật giáo Việt Nam.

Chương 3.
THỰC TRẠNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM
HIỆN NAY
(Từ năm 2007 đến nay)

Nghiên cứu về thực trạng Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, luận án chỉ ra thực trạng của Phật giáo huyện Gia Lâm ở ba khía cạnh: thực trạng tổ chức; thực trạng hoạt động và thực trạng các cơ sở thờ tự.

3.1. Thực trạng tổ chức của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

Thực trạng tổ chức của Phật giáo Việt Nam, luận án nghiên cứu dưới hai góc độ, khía cạnh: cơ cấu tổ chức hành chính và cấu trúc về mặt sơn môn, hệ phái của Phật giáo huyện Gia Lâm.

3.1.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của Phật giáo huyện Gia Lâm

Trong những trang lịch sử Phật giáo Việt Nam, sự kiện thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 trên cơ sở thống nhất chín hệ phái tổ chức Phật giáo Việt Nam, bao gồm:

- + Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam
- + Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất
- + Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam
- + Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước thành phố Hồ Chí Minh
- + Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam
- + Giáo hội Thiên Thai giáo Quán tông
- + Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam
- + Hội đoàn kết sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ
- + Hội Phật học Nam Việt

Thành một tổ chức Phật giáo duy nhất là “Giáo hội Phật giáo Việt Nam” là một sự kiện trọng đại, sự kiện này mở ra cho Phật giáo Việt Nam

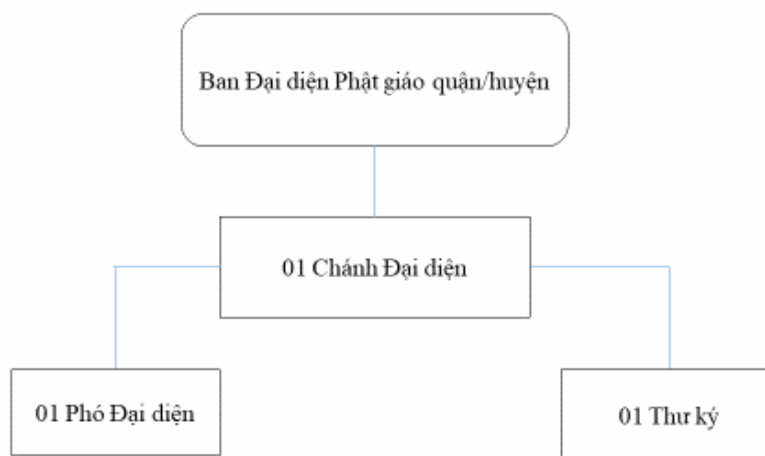
một trang sử mới: trang sử của sự đoàn viên và thống nhất. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức duy nhất đại diện Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước, thực hiện mục đích: “hoằng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nước và ở nước ngoài, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014a, tr.8].

Ngay khi được thành lập, ở ngay nhiệm kỳ đầu, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chú trọng đến việc hoàn thiện bộ máy tổ chức hành chính, vì vậy, thời kỳ đầu được gọi là thời kỳ xây dựng và củng cố cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thành lập Hội đồng chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm 50 vị Hòa thượng, trưởng lão tiêu biểu của các giáo hội, hệ phái; hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm 49 vị tiêu biểu; Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 6 ban chuyên ngành hoạt động: Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng, Ni, Ban Hướng dẫn Nam Nữ Cư sĩ Phật tử, Ban Hoằng pháp, Ban Nghi lễ, Ban Văn hóa; thành lập 28 Ban Trị sự Phật giáo Tỉnh, Thành hội. Còn đối với cấp quận, huyện, thị xã thì điều 26, chương VI, Hiến chương năm 1981 ghi rõ:

“Huyện, quận nếu có Tăng Ni và cư sĩ Phật tử, Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội có thể bổ nhiệm một Ban Đại diện gồm có: Một Chánh đại diện; một Phó đại diện; một Thư ký trong hàng Tăng Ni, Phật tử ở địa phương. Những xã nếu có tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, Niệm Phật đường, có Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử, xét thấy cần thiết Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội có thể bổ nhiệm các đại diện tại địa phương đó, để giúp quận, huyện liên hệ với các cơ sở của Giáo hội về mặt sinh hoạt tín ngưỡng”.

Như vậy, ở nhiệm kỳ I của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, ở cấp hành chính quận, huyện vẫn chưa thành lập Ban Trị sự là một cấp quản lý trong hệ thống các cấp quản lý hành chính của Giáo hội mà vẫn chỉ là bầu Ban đại diện

để phụ trách liên lạc với Ban Trị sự Tỉnh hội, Thành hội với cơ cấu thành viên rất đơn giản.



Trách nhiệm của Ban Đại diện quận, huyện, thị xã được quy định trong điều 20 Nội quy Ban Thường trực Hội đồng Trị sự: Ban Đại diện Phật giáo thành phố trực thuộc tỉnh, thị xã, quận, huyện và các đại diện thị trấn, xã, phường có trách nhiệm liên hệ với Tỉnh hội, Thành hội để tiếp nhận các chỉ thị, nghị quyết,... của Giáo hội để phổ biến, hướng dẫn Tăng Ni, cư sĩ Phật tử trong địa phương thực hiện, đồng thời để đạt nguyện vọng và báo cáo tình hình hoạt động của địa phương lên Tỉnh hội, Thành hội.

Ban Đại diện Phật giáo quận, huyện, thị xã,... đều trực thuộc Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội, chưa được công nhận như một cơ quan hành chính lãnh đạo có đầy đủ tính pháp lý và quyền hạn như cơ quan hành chính cấp quận, huyện tương đương.

Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu hoạt động, năm 2007, Đại hội Phật giáo nhiệm kỳ VI của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được quy định thêm một cấp hành chính nữa là Quận/ Huyện/ Thị hội. Sự chia nhỏ thêm về cấp hành chính lãnh đạo và hỗ trợ hoạt động đã giúp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam

hoạt động hiệu quả hơn. Từ đây, cấp hành chính Giáo hội Phật giáo Việt Nam được chia làm ba cấp: Trung ương, tỉnh/ thành, quận /huyện. Về điều này trong cuốn: 40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 – 2021) có viết:

“Nhiệm kỳ VI (2007 – 2012) có bước thay đổi lớn trong quá trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là cải tiến về nhân sự tham gia vào bộ máy lãnh đạo của Phật giáo ở các cấp, trong đó quan tâm đến sự kế thừa trong Giáo hội, ưu tiên trọng dụng đội ngũ Tăng Ni trẻ có trình độ và uy tín, năng lực.

Hệ thống tổ chức các cấp được nâng lên 3 cấp thay vì 2 cấp như trước đây: Cấp Trung ương – cấp tỉnh – cấp huyện; tăng số lượng thành viên tham gia Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự và Ban Trị sự Phật giáo” [Thích Thanh Điện, 2021, tr. 194-195]

Điều 37, chương VII, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay quy định:

“Các Quận, Huyện, Thị Xã, Thành phố thuộc tỉnh theo địa giới hành chính, được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được thành lập tổ chức Giáo hội cấp quận, huyện, thị xã, thành phố, với danh xưng: GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH (gọi chung là cấp huyện)” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014a, tr.29,30].

Và điều 38:

“Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng cấp suy cử Ban Trị sự để điều hành Phật sự. Ban Trị sự cấp huyện là cơ quan hành chính, điều hành quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội tại địa phương” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014a, tr.30]

Như vậy, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo địa phương với chức năng và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các văn bản pháp quy của Giáo hội như tại điều 40 Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Quy chế hoạt động Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận/ huyện.

Tổ chức quản lý của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm chính là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm với vai trò là cơ quan hành chính điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm.

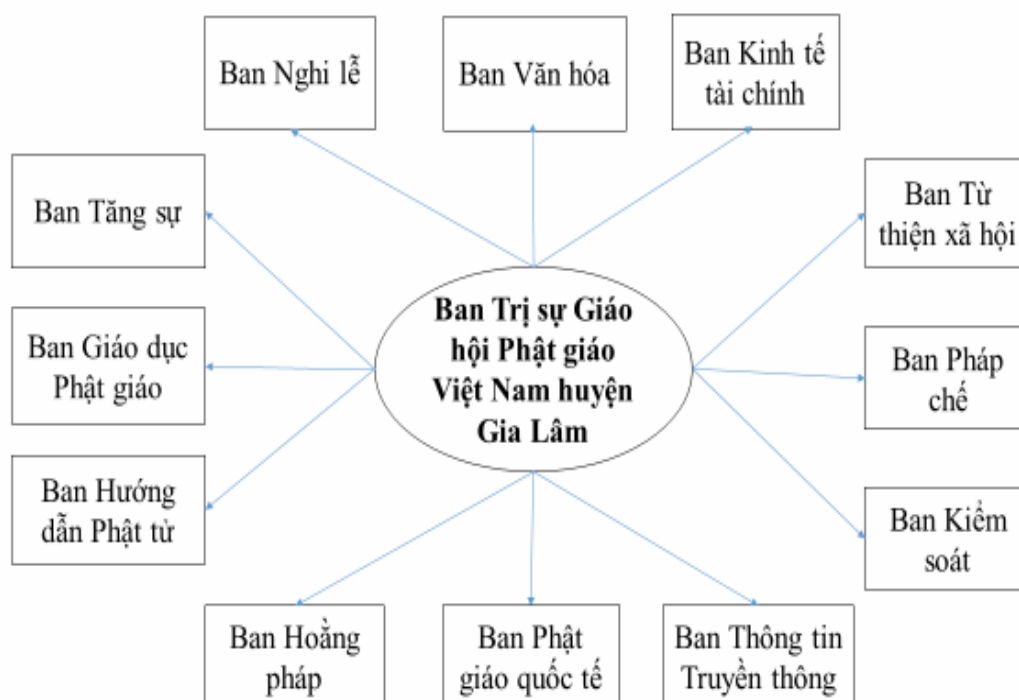
Với tiền đề phát triển từ Ban Đại diện Phật giáo huyện Gia Lâm, kể từ khi thành lập đến nay, cơ cấu tổ chức của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đang ngày càng được hoàn thiện hơn về mọi mặt.

Tổ chức của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm giai đoạn hình thành đã có sự phân công về các vị trí hoạt động và dần đi vào ổn định, đáp ứng được các điều kiện, yêu cầu của Chư Tôn Đức giáo phẩm lãnh đạo thành phố Hà Nội là: Đảm bảo tính kế thừa, có chú ý đến tầng lớp Tăng Ni trẻ để giúp việc Ban Trị sự, song phải đảm bảo nguyên tắc có năng lực đủ đạo hạnh, có công đức với đạo pháp dân tộc và trung thành với Tổ quốc.

Tổ chức và quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm tuân theo quy định về tổ chức và quy chế Hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận, huyện của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chương 1 của Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh nhiệm kỳ VIII (2017 – 2022), quy định về cơ cấu tổ chức của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện như sau:

Về hình thức suy cử, phê chuẩn: do Đại hội Phật giáo huyện suy cử, được Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp tỉnh trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam phê chuẩn. Cụ thể được quy định “Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng cấp suy cử Ban Trị sự để điều hành Phật sự” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014a, tr.30].

Tương ứng với các Ban chuyên môn của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm gồm 12 các Ban, Ngành chuyên môn:



Với chức năng của một tổ chức là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện là: “Ban Trị sự cấp huyện là cơ quan hành chính, điều hành quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội tại địa phương” [30, tr.30]. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

+ Tổ chức thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại địa phương theo sự hướng dẫn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội.

+ Ấn định chương trình hoạt động hằng năm theo nghị quyết, chương trình hoạt động của Đại hội Đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đề ra.

+ Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hàng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại tại huyện Gia Lâm.

+ Kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại huyện Gia Lâm. Những vấn đề không giải quyết được, đệ trình lên Ban Thường trực Ban Trị sự thành phố Hà Nội, các Ban chuyên ngành thành phố Hà Nội để được hướng dẫn giải quyết.

+ Chuẩn y thành phần nhân sự, nội quy hoạt động của Ban hộ tự và các đạo tràng, câu lạc bộ sinh hoạt Phật giáo tại các cơ sở tự viện trong địa bàn huyện Gia Lâm.

+ Giới thiệu Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

+ Tổng hợp ý kiến của các thành viên trong địa bàn huyện để phản ánh đến Ban Trị sự cấp thành phố và cơ quan Nhà nước tại huyện Gia Lâm về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp chính đáng của Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử trong địa bàn huyện Gia Lâm.

+ Đề xuất việc bổ nhiệm, trụ trì các Chùa, Tổ đình, Tịnh xá, Thiền viện, Tu viện, Tịnh viện, Tịnh thất, Niệm Phật đường, tổ chức thành viên cơ sở lên Ban Thường trực Ban trị sự thành phố phê duyệt, quyết định sau khi được sự

thống nhất của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; nếu có liên hệ đến hệ phái, sơn môn thành viên, cần được sự trao đổi, thống nhất trước.

Và một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo Quy chế hoạt động của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận huyện như:

- + Chuẩn bị thành phần, số lượng Đại biểu tham dự Đại hội Phật giáo cấp huyện và nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, có sự hiệp thương với chính quyền địa phương và Ban Thường trực Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội theo quy định của Trung ương Giáo hội.

- + Dự kiến số lượng thành viên Ban Trị sự và Thường trực Ban Trị sự theo quy định của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- + Được tặng bằng Công đức cho các thành viên Ban Trị sự và các cơ sở Tự viện, cá nhân huyện Gia Lâm...., trường hợp như tuyên dương công đức, kỷ luật, chuyển nơi tu học từ tỉnh khác đến, bổ nhiệm trụ trì, tấn phong Giáo phẩm, giới thiệu Tăng Ni theo học các Trường Phật học ngoài tỉnh và du học nước ngoài, sửa chữa lớn, xây dựng mới, giới thiệu xác nhận việc cư trú, đi đến các tỉnh, thành khác phải trình Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội,...

Hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm tuân theo quy chế hoạt động Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận, huyện do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành.

- + Ban Trị sự hoạt động thông qua các kỳ họp định kỳ (tháng, quý, năm) của Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện do Trưởng ban Trị sự triệu tập và chủ tọa.

+ Hoạt động dựa trên nguyên tắc: Các kỳ họp toàn Ban Trị sự hoặc Thường trực phải được tiến hành trong tinh thần dân chủ, thảo luận, bàn bạc, cùng nhau xây dựng đoàn kết theo tinh thần lục hòa của đạo Phật.

Về số lượng Tăng Ni của Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay: Hiện nay huyện Gia Lâm có 117 vị Tăng Ni, trong đó: Thượng tọa 02 vị, Ni sư 06 vị, chư Tăng 34 vị, chư Ni 56 vị, Thức Xoa Ma Na Ni 01 vị, Sa di 11 vị. Tiếp nhận đơn xin độ đệ tử: 10 vị, nhập khẩu 02 vị.

Về nhân sự tham gia Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm:

Để tham gia công tác trong Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, người được suy cử cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể theo quy định chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam như: Tuổi đời không quá 60 (tuy nhiên tùy điều kiện thực tế của địa phương có thể áp dụng linh hoạt nhưng không quá 65), không kiêm nhiệm quá 02 chức danh trong Thường trực Ban Trị sự, mỗi chức danh không quá 03 nhiệm kỳ. Và “Nhân sự Ban Trị sự cấp huyện là Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tại địa phương có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, có công đức đối với Đạo pháp và Dân tộc” [Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2014, tr.31].

Các thành viên Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đều được giao trách nhiệm cụ thể:

- Trưởng Ban Trị sự:

+ Trưởng Ban Trị sự là người đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm về tư cách pháp lý, pháp nhân đối với Nhà nước. Thay mặt Ban Trị sự và thường trực Ban Trị sự thực hiện việc quan hệ các mặt với chính quyền, Mặt trận và các Ban, Ngành đoàn thể của huyện. Chịu trách nhiệm về các hoạt động Phật sự trong phạm vi huyện Gia Lâm trước Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, có

vai trò là lãnh đạo tổng quát của cơ quan văn phòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

- + Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là người phát ngôn chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

- + Trực tiếp chỉ đạo các đại diện Phật giáo phường, xã, thị trấn thuộc huyện Gia Lâm về Công tác Phật sự và chịu trách nhiệm về sự chỉ đạo của mình.

- + Là người chịu trách nhiệm trước Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội về mọi vấn đề của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

- + Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thay mặt Thường trực Ban Trị sự cấp huyện ký bãi nhiệm những chức danh trong các ban chuyên môn trực thuộc (trừ các chức danh do Ban Thường trực Ban Trị sự thành phố phê chuẩn, bổ nhiệm).

- + Có trách nhiệm triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về việc triển khai thực hiện các nội dung, ý kiến chỉ đạo, ý kiến kết luận của Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội.

- Phó Trưởng ban Thường trực, Phó Trưởng ban: Phó Trưởng ban Thường trực thay mặt trưởng ban giải quyết các công việc thường ngày.

- Chánh thư ký:

- + Điều khiển các văn phòng Ban Trị sự

- + Tổng hợp tình hình, đề xuất phương hướng kế hoạch Phật sự của Ban Trị sự phù hợp các ngành hoạt động trong Giáo hội.

- + Dự thảo các văn kiện, báo cáo cho Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm, các kỳ họp của Thường trực và Ban Trị sự huyện Gia Lâm, thừa ủy nhiệm Trưởng ban ký các văn thư có tư cách hành chính.

Các vị trí khác như: Phó Thư ký, Trưởng ban pháp chế, các Ủy viên thường trực có nhiệm vụ được quy định cụ thể như trong Quy chế hoạt động Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhiệm kỳ VIII (2017 – 2022) ban hành theo Quyết định số: 175/QĐ-HĐTS ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Mới đây nhất, ngày 26/10/2021, tại chùa Đào Xuyên, Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã tổ chức Đại hội Đại biểu Phật giáo huyện lần thứ IX, nhiệm kỳ 2021 – 2026. Đại hội đã tiến hành cử và bầu 20 đại biểu vào Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm nhiệm kỳ 2021-2026.

Để tăng cường hiệu quả của các hoạt động quản lý của Ban Trị sự, Tổ chức Phật giáo của huyện đã được chia làm 3 khu: Bắc Đuống, Nam Đuống, Cụm Trung tâm và phân công cho các thành viên Ban Trị sự phụ trách từng khu.

Hằng năm, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm tổ chức hội nghị đánh giá sơ kết công tác Phật sự 6 tháng/1 lần nhằm đánh giá những mặt ưu điểm, khuyết điểm và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tiếp theo. Nhờ đó là hoạt động quản lý đạt hiệu quả hơn, sát sao với thực tiễn hơn.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi, phối kết hợp với các ban ngành chức năng huyện để kịp thời nắm bắt và giải quyết các công việc.

Với những nỗ lực không ngừng trong các nhiệm kỳ qua, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của một Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện.

Với cương vị là đơn vị đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện về Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm tổ chức tốt việc thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại huyện Gia Lâm theo sự hướng dẫn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, các hoạt động Phật sự ở huyện Gia Lâm hằng năm luôn diễn ra ổn định, bám sát nhiệm vụ, kế hoạch đề ra với tinh thần đoàn kết hòa hợp, vận dụng trí tuệ của tập thể.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn kết hợp thường xuyên, chặt chẽ với Ban Trị sự Phật giáo thành phố Hà Nội, để kịp thời nắm bắt thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động Phật sự. Đề ra, ấn định các chương trình hoạt động Phật sự theo từng nhiệm kỳ, tổ chức triển khai, đôn đốc hàng năm, kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành tốt các mặt công tác Phật sự tại địa phương.

Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng làm tốt các mặt công tác: chuẩn y thành phần nhân sự, nội quy hoạt động của Ban hộ tự và các đạo tràng, câu lạc bộ, sinh hoạt Phật giáo tại các cơ sở tự viện trong toàn huyện. Giới thiệu Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử tham gia các cơ quan dân cử, tổ chức, chính trị tại huyện Gia Lâm. Việc bổ nhiệm trụ trì các cơ sở thờ tự trong toàn huyện theo đúng quy định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3.1.2. Sinh hoạt sơn môn hệ phái của Phật giáo huyện Gia Lâm

Như đã phân tích ở trên, Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981, trở thành một tổ chức thống nhất ý chí và hành động, quản lý Tăng Ni, tự viện và điều hành các hoạt động Phật sự trên mọi phương diện theo tinh thần thống nhất lãnh đạo và tổ chức, đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, sơn môn, cũng như pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp. Phật giáo huyện Gia Lâm về cơ cấu tổ chức hành chính (như đã phân tích ở trên) là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện

Gia Lâm và các Ban chuyên môn phụ trách. Ở khía cạnh khác, cấu trúc Phật giáo huyện Gia Lâm được tạo thành bởi các sơn môn hệ phái. Vì vậy, trong luận án, tác giả triển khai tổ chức của Phật giáo huyện Gia Lâm trên hai phương diện: tổ chức hành chính và cấu trúc sơn môn hệ phái.

Trong một bài viết của mình, TT. Thích Đức Thiện đã viết: “Nếu so sánh cũng như vai trò của dòng họ trong sự phát triển xã hội Việt Nam trong lịch sử và cho đến tận xã hội hiện đại ngày nay dòng họ vẫn đóng một vai trò quan trọng trong các thiết chế xã hội, văn hóa ứng xử... vậy nên sơn môn hệ phái vẫn còn nguyên giá trị trong sự gắn kết phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện nay. Và:

“Nếu lấy hình ảnh một tam giác làm minh họa thì tổ chức GHPGVN như là đỉnh cao nhất bao gồm: Trung ương GHPGVN; GHPGVN các cấp địa phương... bao trùm tất cả, trong đó hai góc cạnh đáy là hệ thống pháp luật nhà nước, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; hệ thống văn bản nghị định của Chính phủ..., còn góc cạnh đáy kia là hệ thống sơn môn pháp phái với hệ thống thanh quy, quy ước, truyền thống truyền thừa và dùng giáo pháp, giới luật Phật chế để điều chỉnh các mối quan hệ trong nội bộ mỗi sơn môn hệ phái sẽ góp phần làm cho công tác quản lý tăng ni, tự viện của Giáo hội được chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn và tăng tính thiết chế hơn nhằm nâng cao tính hiệu quả trong quản lý” [Thích Thọ Lạc, 2020, tr.387].

Ở vùng đất Gia Lâm hiện nay, cũng như nhiều địa phương khác, Phật giáo cũng đa dạng về sơn môn, hệ phái. Tuy nhiên các ngôi chùa ở đây chủ yếu là tu thiền, dấu ấn các thiền phái lớn trên mảnh đất này cũng hiện diện khá rõ nét, điển hình như dấu ấn của thiền phái Lâm Tế.

Tại Đàng Ngoài vào giai đoạn thế kỷ XVII, với sự xuất hiện của Thiền sư Viên Văn Chuyết Công Hòa thượng đã trở thành vị tổ khai sáng dòng

Thiền Lâm Tế có trụ sở sơn môn chốn tổ tại Chùa Phật Tích, núi Tiên Du, Bắc Ninh ngày nay. Dòng thiền này về sau mở rộng ở hầu hết các địa phương phía Bắc, hình thành tông môn Lâm Tế. Sơn môn Lâm Tế sau đó đã hòa quyện và phát huy tinh thần đặc sắc của thiền phái Trúc Lâm Việt Nam nên càng phát triển và được coi là có công khôi phục dòng thiền Trúc Lâm ở các giai đoạn sau này.

Trong “Lược soạn Linh Quang thiền phả” có đoạn viết: “Nguyên do ông Đạo thống truyền lại: vốn nghe, trước trên hội Linh Sơn, đức Thế Tôn cầm bông hoa sen để nhắc bảo cho mọi người. Nhưng ngài Ca Diếp yên lặng mà hiểu đạo truyền, miệng mở một nụ cười giác ngộ. Đức Thế Tôn bèn truyền cho Ngài tâm ấn. Ngài Ca Diếp trở thành đệ nhất tổ xứ Tây Thiên Trúc. Tương truyền lần lượt truyền cho các đời đến Đạt Ma là tổ thứ 28..

Rồi Đạt Ma truyền đạo sang xứ Đông Thổ (ở Trung Quốc) là sơ tổ chốn ấy. Truyền đến đời thứ 6 là Huệ Năng trở thành Lục tổ. Từ đó về trước chỉ truyền Y Bát cho nên đạo Phật qui về một mối thống nhất. Nhưng đến Huệ Năng không truyền Y Bát nữa mà chỉ truyền Pháp. Cho nên từ đó phân ra hai chi Tả - Hữu. Chi Tả là chi Nam Nhạc, chi hữu là chi Thanh Nguyên. Tiếp theo Nam Nhạc là Mã Tổ. Từ Mã Tổ thiền sư về sau phân ra hai phái Lâm Tế và Chạch Ngưỡng. Chạch Ngưỡng đến đời thứ 5 thì thất truyền.

Tiếp theo Thanh Nguyên là Thạch Đầu, từ Thạch Đầu về sau phân ra Tào Động – Vân Môn – Pháp Nhãn, gồm 3 chi. Đến đời thứ 3 của Pháp Nhãn thì truyền vào Cao Ly. Từ đó, đại gia đình Phật giáo gồm 5 tông phái lớn.

Nay ở Hà Nội, phái ở Linh Quang (Bà Đá) nối tiếp hai phái Tào Động và Lâm Tế. Vốn nghe phái Tào Động truyền đến nước ta có Tổ đệ nhất là Hòa thượng Thủy Nguyệt, sau đó truyền vào chùa Hồng Phúc ở phường Hòe Nhài, tỉnh Hà Nội cho Hòa thượng Chân Dung Tông Diễn. Giữa đời vua Lê niên hiệu Chính Hòa truyền sang Tổ thứ 3 là Hòa thượng Tĩnh Giác Từ Sơn. Tiếp

tục truyền sang Tổ thứ 4 là Hòa thượng Tính Chúc Đạo Chu, ngài là Thủy tổ chùa Linh Quang. Từ lúc còn nhỏ đến khi trở thành Hòa thượng luôn thụ giới Cụ Túc, sau đến bầm với Hòa thượng Trạng Công tại chùa Tam Huyền ở Nhân Mục.

Phái Lâm Tế truyền đến đời thứ 15, bên cạnh chi thứ có một người hiệu là Bích Phong Tổ sư. Truyền rằng phái Lâm Tế có bài kệ gồm 48 chữ, đó là: “TRÍ TUỆ THANH TỊNH – ĐẠO ĐỨC VIÊN MINH – CHÂN NHƯ TỊNH HẢI – TỊCH CHIẾU PHỔ THÔNG – TÂM NGUYÊN QUẢNG MỤC – BẢN GIÁC XƯƠNG LONG – NĂNG NHÂN THÁNH QUẢ - THƯỜNG DIỄN KHOAN HOÀNG – DUY TRUYỀN ÁN PHÁP – ĐĂNG NGỘ HỘI DUNG – KIÊN TRÌ GIỚI HẠNH – VĨNH CHIẾU TỔ TÔNG”. Mỗi chữ gắn với tên đầu của một vị Pháp tổ.

Một chi từ chùa Linh Quang sang Đào Xuyên – Đa Tôn là sư tổ pháp danh Phổ Văn, tiếp theo đến là tổ Thông Mệnh. Trong suốt 80 năm trời, hai vị Pháp tổ đã mở trường thuyết pháp cho khắp các đệ tử ở Nam phần tỉnh Bắc Ninh...”.

Trong khoảng 80 năm liên tục, hai vị Pháp tổ truyền bá, thuyết pháp tại chùa Đào Xuyên là một sự phản ánh vị thế/ vị trí của dòng Lâm Tế trong dòng lịch sử Phật giáo trên đất Việt. Từ chốn tổ Đào Xuyên (có ảnh hưởng đến cả Nam phần tỉnh Bắc Ninh xưa) và kết nối với Linh Quang (Bà Đá), chùa Hạ Lôi (nay thuộc Mê Linh, Hà Nội)... và rất nhiều ngôi chùa khác ở khu vực phía Bắc Việt Nam. Sự ảnh hưởng của chi Lâm Tế ở chùa Đào Xuyên đối với các chùa quanh vùng là khá rõ rệt.

3.2. Thực trạng hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

Các hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là các hoạt động tôn giáo, theo Luật tín ngưỡng, tôn giáo định nghĩa thì đó là: “hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo và quản lý tổ chức của tôn giáo” [Quốc

hội, 2016, tr. 2]. Trong đó sinh hoạt tôn giáo lại được hiểu là việc bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo” [Quốc hội, 2016, tr. 2].

Như vậy hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm là hoạt động tôn giáo như vậy có nội hàm khá rộng. Nhưng trong nghiên cứu này, để tiện cho việc triển khai vấn đề nghiên cứu, luận án chia các hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm thành hai mảng hoạt động chính: hoạt động Phật sự và hoạt động xã hội. Với nội hàm hoạt động Phật sự và tất cả những hoạt động truyền bá tôn giáo, sinh hoạt tôn giáo nhằm bày tỏ niềm tin tôn giáo, thực hành giáo lý, giáo luật, lễ nghi tôn giáo của các Tăng, Ni, Phật tử của Phật giáo huyện Gia Lâm. Và hoạt động xã hội là những hoạt động của Tăng Ni, Phật tử Phật giáo huyện Gia Lâm hướng đến cộng đồng xã hội, nhằm góp phần an sinh xã hội. Sự phân chia này thực chất chỉ mang tính tương đối để triển khai vấn đề bởi thực tế các hoạt động đều có mối liên hệ với nhau, ví dụ các hoạt động xã hội của Phật giáo thực tế cũng chính là xuất phát từ tư tưởng, giáo lý của Phật giáo, thực hiện các hoạt động đó cũng chính là thực hành giáo lý của Phật giáo vào cuộc sống, thể hiện niềm tin với Phật giáo.

3.2.1. Thực trạng hoạt động Phật sự

Các hoạt động Phật sự của Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay diễn ra sôi nổi, phong phú, đa dạng

Như đã phân tích ở trên, Gia Lâm là vùng đất có lịch sử Phật giáo lâu đời đã tạo nên nền tảng vững chắc để Phật giáo huyện Gia Lâm phát triển trên các chặng đường hiện tại. Hiện nay, các hoạt động Phật sự của Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay diễn ra sôi nổi, phong phú và đa dạng.

Trước hết là các hoạt động thực hành niềm tin tôn giáo: có thể hiểu là những hoạt động tín ngưỡng của tín đồ nhằm thể hiện lòng tin của họ vào một tôn giáo nhất định. Đối với Phật giáo thì việc thực hành niềm tin tôn giáo là

các hoạt động tín ngưỡng của các tu sĩ, cư sĩ, tín đồ Phật tử nhằm thể hiện lòng tin với đức Phật với kinh điển, giáo lý, giáo luật của Ngài. Các hoạt động tín ngưỡng gồm: tu tập, hành vi thờ cúng, hoạt động hướng dẫn Phật tử,... Thực hành niềm tin tôn giáo - Phật giáo có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi nó giúp duy trì, củng cố, phát triển niềm tin của tín đồ đối với Phật giáo và mặt khác nó khẳng định vai trò của Phật giáo, giúp truyền bá, phát triển Phật giáo ra cộng đồng.

Đây là hoạt động thường xuyên, thể hiện bản chất của tín ngưỡng, tôn giáo. Nhận thức được tầm quan trọng của các hoạt động thực hành niềm tin tôn giáo đối với sự tồn tại, phát triển của Phật pháp huyện Gia Lâm, các Tăng Ni trên địa bàn huyện rất chú trọng đến các hoạt động này, điều đó thể hiện: thực hiện đúng phương châm hoạt động thực hành niềm tin tôn giáo làm chỗ dựa tâm linh cho bà con Phật tử, sát cánh cùng dân làng, hướng dẫn họ những sự kiện quan trọng trong cuộc đời: cưới xin, làm nhà, tang ma,...; Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm, các Tăng Ni luôn chú trọng đến việc tổ chức các ngày lễ lớn thường niên của Phật giáo một cách chu đáo, phong phú, hiệu quả; Với các hoạt động tu tập hàng ngày của tín đồ, chỉ đạo Tăng Ni và các cơ sở tự viện, đề cao hơn nữa tinh thần hành trì giới luật của các Tăng Ni để giữ gìn kỷ cương ổn định trong Tăng đoàn; tăng cường các hoạt động hướng dẫn Phật tử,...

Gắn liền truyền thống Phật giáo Việt Nam, ngôi chùa đã trở thành nơi chăm sóc đời sống tâm linh của người dân trong làng, điều đó thể hiện trong câu thành ngữ “đất vua, chùa làng”. Ngôi chùa đã thực sự trở thành nơi tin cậy để người dân tìm đến lễ Phật cầu an đầu năm, tìm đến sự thanh tịnh trong tâm hồn, vị sư trong chùa trở thành người sẻ chia những tâm tư nguyện vọng, người hướng dẫn sinh hoạt tín ngưỡng trong làng,...

Hiện trên địa bàn huyện Gia Lâm hiện có hơn 90 ngôi chùa, cũng như các địa phương khác của Việt Nam, ngôi chùa đã thực sự trở thành trung tâm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của cả cộng đồng dân cư thôn làng, xóm phường. Với đặc trưng của vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, nhiều ngôi chùa nơi đây có sức ảnh hưởng đã vượt ra khỏi phạm vi một làng, một xã hay một phường mà trở thành liên vùng. Ví như chùa Đào Xuyên. Chùa Đào Xuyên là ngôi chùa cổ. Thiền phái Lâm Tế, một trong năm phái Thiền ra đời ở Trung Quốc xuất phát từ thiền của Ngài Lục Tổ Huệ Năng, được thiền sư Chuyết Công Viễn Văn đưa sang Việt Nam năm 1630, truyền cho các đệ tử ở Việt Nam. Ngài Lâm Giác Như Trừng tổ sư (1696-1733) là tổ đầu tiên phái Lâm Tế ở Thăng Long. Một trong những đệ tử của Ngài Lâm Giác Như Trừng là Quốc Giảng ở chùa Bà Đá và đưa thiền phái Lâm Tế từ chùa Bà Đá về chùa Đào Xuyên. Chùa Đào Xuyên tôn làm tổ sư khởi lập sơn môn vùng Nam Đống, từ tổ đình Đào Xuyên lan ra các vùng xung quanh và cả khu vực Hưng Yên, Hải Dương. Hàng năm đến ngày 24 tháng Hai âm lịch là giỗ tổ Đào Xuyên thì các chùa cùng dòng Lâm Tế trong vùng đều về chùa để cúng Phật, thỉnh tổ.

Nhận thấy tầm quan trọng của nhân tố con người là các Tăng Ni trong sự nghiệp hoằng dương Phật pháp, bởi họ chính là cầu nối giữa Phật giáo với tín đồ, người dân. Các Tăng Ni trong toàn huyện luôn cố gắng gần gũi tín đồ, gần dân, luôn làm chỗ dựa tinh thần cho họ. Theo tinh thần đó, các Tăng Ni trong huyện vừa là người thầy tâm linh vừa là người bạn sẻ chia, đồng hành với tín đồ Phật tử, với dân làng trong nhiều ngày lễ lớn của làng, của gia đình dòng họ (vòng đời người). Ví như:

Trong đời sống tín ngưỡng của làng: các ngày lễ hội truyền thống của làng, các vị sư trụ trì các chùa trong huyện đều tích cực tham với vai trò người đồng hành, sẻ chia, hướng dẫn. Thông thường, cũng như các làng quê

khác của Việt Nam, mỗi làng (phường, xã) ở huyện Gia Lâm đều có cả đình, chùa, các lễ hội của đình của làng hàng năm được coi là lễ hội truyền thống của làng. Vào các dịp lễ hội truyền thống đó, các chùa cũng nhộn nhịp, các vị sư trong chùa cũng tập nập cùng nhân dân trong làng chuẩn bị cho lễ hội. Ngày hội chính, trong chùa cũng trang hoàng, mở cửa cho người đi hội vào lễ Phật. Các vị sư trong làng cũng giữ vai trò chủ chốt trong việc thực hành nghi lễ trong chùa cho người dân ngày lễ. Ví dụ như chùa Đào Xuyên, ngày hội làng Đào Xuyên, hầu hết nhân dân trong làng đều đến chùa lễ Phật song song với việc tham dự lễ hội bên đình. Bản thân tôi, là trụ trì chùa Đào Xuyên cũng được mời vào ban tổ chức lễ hội của làng.

Hay trong đời sống tín ngưỡng trong các gia đình: Trong gia đình thì khi đứa trẻ sinh ra, đầy tháng, đầy năm, rất nhiều các gia đình mời các nhà sư đến giúp gia đình làm lễ đầy tháng, đầy năm, ban phúc lành cho đứa trẻ khỏe mạnh, hay ăn, chóng lớn, ngoan ngoãn, thông minh. Các dịp quan trọng như đào móng xây nhà, về nhà mới, khai trương cửa hàng,... cũng có sự hiện diện của các vị nhà sư với mong muốn đem lại may mắn, lộc tài cho gia chủ.

Sự kiện quan trọng của đời người là lễ kết hôn, khởi đầu của một chặng đường mới, cho ra đời một gia đình nhỏ, cũng rất nhiều người chọn ngôi chùa là nơi diễn ra sự kiện quan trọng này, và lễ cưới diễn ra ở chùa được gọi là lễ Hằng thuận. Ngày nay, xu hướng làm lễ Hằng thuận tại chùa bên cạnh lễ cưới chính thức ở gia đình đang có xu hướng gia tăng ở huyện Gia Lâm. Hằng thuận có nghĩa là luôn luôn hòa thuận, tương kính nhường nhịn nhau, và đó cũng là nguyên tắc, mong muốn đầu tiên trong đời sống vợ chồng để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Trong lễ Hằng thuận đó, các cặp vợ chồng được nghe sư thầy ân cần chỉ dạy về đạo lý vợ chồng, được nghe giảng kinh Thi Ca La Việt – cuốn kinh chứa đựng lời dạy của Đức Phật về bổn phận, trách nhiệm của vợ và chồng trong hôn nhân, gia đình. Điều này có ý nghĩa

vô cùng quan trọng, bởi những người trẻ kết hôn, bắt đầu cuộc sống vợ chồng là bắt đầu với nhiều thử thách, chồng gai với bao bờ ngõ, những lời dạy về đạo lý vợ chồng như những hành trang để họ bắt đầu hành trình mới khỏi bờ ngõ, thêm tự tin. Những hành trang ấy, cùng với những lời chúc phúc của chư Tăng, chư Ni trong không khí trang nghiêm, thanh tịnh của ngôi chùa là khởi đầu vô cùng tốt đẹp với lứa đôi. Khi được hỏi về ý nghĩa lễ Hằng thuận, một người trong gia đình có tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa.... cho biết:

“Gia đình con theo Phật, nên đám cưới con của con tổ chức lễ Hằng thuận tại chùa, con mong muốn với những gì được học từ Phật, được thầy chỉ dạy các cháu sẽ có ý thức hơn về trách nhiệm của mình trong hôn nhân để sống tử tế, hạnh phúc hơn” [PVS, Nữ, 1965, Đại học, Cán bộ văn phòng].

Như vậy có thể thấy, Phật giáo đã trở thành điểm tựa tinh thần, trở thành một phần trong đời sống văn hóa tinh thần của người Phật tử. Người Phật tử tin rằng giáo lý sâu sắc của đức Phật sẽ trở thành kim chỉ nam, chỉ đường, hành trang cho đôi trẻ bước vào cuộc sống gia đình đầy bờ ngõ. Thật vậy, trong kinh sách Phật giáo những nội dung giáo lý viết về cuộc sống gia đình vô cùng sâu sắc và giàu tính thực tiễn. Trong kinh Diêm Lành lớn, Đức Phật từng nói: “Hiếu dưỡng cha và mẹ/ Nuôi dưỡng vợ (chồng) và con/ Làm nghề không rắc rối/ Là diêm lành tối thượng”. Đức Phật đã chỉ ra rằng: yêu thương, chăm sóc những người thân yêu của mình là một niềm hạnh phúc lớn lao, và có như vậy thì các mối quan hệ trong gia đình mới yên ổn, tốt đẹp. Lời dạy ấy còn nguyên giá trị trong đời sống hiện nay. 1

Một sự kiện đặc biệt quan trọng khác của đời người mà người dân tìm đến Phật giáo, tìm đến với chỗ dựa về tâm linh là tang ma. Đối với các gia đình Phật tử, gia đình khi có người ốm nặng, họ đã hàng ngày đến chùa tụng kinh cho người ốm được bình an, thanh thản, ít chịu đau đớn, ở nhà cũng rất

nhiều gia đình mở kinh Phật cho người ốm nghe để tâm hồn họ được thanh thản, thanh thoi. Khi người ốm không thể qua khỏi trọng bệnh, qua đời, các gia đình đều mời sư thầy đến tham gia các nghi thức tang ma, hội Phật tử sẽ cùng đến tụng kinh cho người chết được siêu thoát, ra đi thanh thản, có thể tụng kinh nhiều ngày sau đó. Và rất nhiều người trước khi mất có nguyện vọng sau khi mất đi được gia đình đưa lên chùa, nương nhờ cửa Phật. Không chỉ đối với các gia đình Phật tử mà các gia đình người dân trong huyện Gia Lâm hiện nay cũng có xu hướng mời sư thầy thực hiện các nghi lễ tang ma cho người thân với mong muốn nhờ hồng phúc của sư thầy, nhờ sự từ bi của Đức Phật người chết được siêu thoát. Ở các xã phường, thôn xóm, khu phố trong địa bàn huyện đều có hội vải sinh hoạt trong các chùa, khi các gia đình trong xã, phường, thôn xóm, khu phố đó có người mất, hội vải đều đến độ kinh cho người mất, cũng trợ giúp gia đình lo việc đại sự.

Với những biến cố bất ngờ của cuộc đời, người dân huyện Gia Lâm cũng tìm đến với các vị sư thầy để sẻ chia: Tìm đến với các vị sư để sẻ chia những nỗi niềm trong cuộc sống, những khúc mắc trong đời sống gia đình, công việc, chia sẻ những nỗi đau mất mát của sự chia ly, tan vỡ; chia sẻ những niềm vui, những hạnh phúc,... Ví như, có gia đình trong đời sống vợ chồng gặp phải những mâu thuẫn khúc mắc, vợ chồng không hòa thuận, người chồng vướng phải các tệ nạn xã hội: nghiện rượu, lô đề cờ bạc,... về nhà lại đối xử tệ bạc với vợ con, người vợ buồn rầu tìm đến cửa chùa Đào Xuyên, tâm sự với tôi về những vất vả, lo toan, những nỗi niềm trong cuộc sống. Qua tìm hiểu, tôi cũng biết người chồng đó vì là người trong thôn xóm gần chùa, trong những dịp tình cờ gặp người chồng, tôi đã chủ động gợi chuyện hỏi thăm về gia đình, khuyên răn người chồng về trách nhiệm với gia đình, về trách nhiệm người đàn ông với xã hội. Qua nhiều lần như vậy, thái độ người chồng đã có những biến chuyển theo hướng tích cực. Hay có bà mẹ có

con đột ngột qua đời do tai nạn, bà mẹ buồn rầu, đau khổ tìm đến cửa chùa thấp nén nhang lên bàn thờ Phật với mong muốn con mình thanh thản ở thế giới bên kia, đến chùa được nghe giáo lý nhà Phật, người mẹ hướng theo Phật pháp, tích cực tụng kinh, làm việc thiện nên tâm lý cũng được giải tỏa phần nào, lại thấy cuộc sống mình có ích hơn. Có Phật tử chia sẻ: *“Khi gặp biến cố trong hôn nhân, gia đình tan vỡ, con rất hận chồng, chỉ muốn chết, nhưng khi đến chùa gặp được thầy, nghe thầy giảng giải về giáo lý Phật giáo, trong đó có Nhân - Duyên con, đã hiểu ra rằng mối quan hệ của chúng con như vậy là đã hết duyên, gắng gượng chỉ thêm đau khổ nên con không cố chấp nữa, con đã tha thứ cho chồng không oán hận cuộc đời nữa và đồng ý chia tay với chồng để tốt cho cả hai và con cái. Cũng từ khi đó đến nay, con thường xuyên về chùa lễ Phật nghe thầy giảng kinh sách để lòng được thanh thản, nhẹ bớt.”* [PVS, Nữ, 1977, Cử nhân, Nhân viên ngân hàng]. Như vậy, những triết lý sâu sắc của Phật giáo đã thực sự gần gũi với đời sống người dân, thực sự trở thành những lời răn dạy, đem lại những “giải pháp” để giải tỏa cảm xúc, tâm lý, giúp con người cân bằng lại tâm lý, ổn định lại cuộc sống. Chức năng bù đắp tinh thần, chức năng điều chỉnh của tôn giáo được thể hiện rõ nét.

Tín đồ và người dân huyện Gia Lâm tìm đến với ngôi chùa vào các ngày lễ, tết để thắp nén nhang thành tâm lên bàn thờ Phật, cầu mong sự chở che trước cuộc sống với bộn bề lo toan, với những biến đổi thăng trầm của cuộc sống, đến để thả hồn vào những giây phút thanh thoi, an bình chốn cửa Phật từ bi. Tạm gác ngoài cửa chùa những xô bồ của cuộc sống.

Gia Lâm là vùng đất cửa ngõ thủ đô đang phát triển mạnh mẽ với các quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đời sống người dân nơi đây đang đặt ra những vấn đề bức thiết: nhịp sống quá nhanh với nhiều áp lực về cho tâm lý về công việc, về các vấn nạn đạo đức xuống cấp (tệ nạn xã hội mức độ ngày gia tăng phức tạp);... Ban lãnh đạo Giáo hội Phật giáo địa phương nơi

đây thực sự đã trở thành nơi chỉ đạo, hướng dẫn các Tăng, Ni giúp người dân giải tỏa, cân bằng tâm lý để tiếp tục quay trở lại cuộc sống đời thường với tâm lý sẵn sàng, vui tươi.

Với sự phân tích trên đây, cho thấy các Tăng Ni trong địa bàn huyện dưới sự quản lý của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm và bản thân những thành viên trong ban Trị sự đã làm rất tốt công tác hướng dẫn, thực hành niềm tin tôn giáo, khẳng định vị thế của Phật giáo trong đời sống người dân.

Hàng năm, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn chú trọng đến việc tổ chức các ngày lễ lớn thường niên của Phật giáo: Lễ Cầu An tết Nguyên Đán, lễ Rằm Tháng Giêng, Lễ Phật Đản, Lễ Vu Lan,... với hình thức đa dạng, phong phú, trang nghiêm, hiệu quả. Bởi, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn ý thức được rằng việc tổ chức tốt các ngày lễ lớn của Phật giáo có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với tín đồ Phật giáo mà đây còn là dịp quan trọng để mọi người dân được thỏa mãn niềm tin tôn giáo và đặc biệt các ngày lễ này cũng chính là nét đẹp văn hóa trong làng, trong tâm thức người Việt.

Nhận thức được tầm quan trọng đó, hàng năm, Ban trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm khi nhận được sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội, đã lên kế hoạch cụ thể, phối hợp với các cơ quan chức năng của huyện ra văn bản hướng dẫn về việc tổ chức các sự kiện theo đúng tinh thần của Thành hội Phật giáo Hà Nội và phù hợp với điều kiện cụ thể của huyện. “Cùng không khí đón xuân vui tươi của nhân dân Thủ đô, lễ cầu an tết Nguyên Đán và ngày rằm Tháng Giêng đã được chư Tăng Ni trụ trì các chùa trong huyện được tổ chức tốt. Năm 2012, Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2556 năm, Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia lâm với sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội và các cơ quan chức năng của

huyện, Đại lễ kính mừng Phật Đản được tổ chức tại chùa Đào Xuyên, Chư Tăng Ni Phật tử trong toàn huyện về dự đông đủ và trang nghiêm trọng thể. Ngoài ra còn các lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan báo hiếu, húy kỵ Tổ Sư... cũng được tổ chức tại chùa trong toàn huyện rất trang nghiêm trọng thể và đầy tính đạo vị.

Và kết quả, các ngày lễ của Phật giáo luôn được các chùa trong huyện Gia Lâm tổ chức trang nghiêm, đúng với tinh thần Phật giáo, tín đồ Phật tử trong huyện được thỏa mãn với niềm tin tín ngưỡng của mình. Khi được hỏi câu hỏi về mức độ tham gia các lễ hội Phật giáo, gần 80% tín đồ Phật giáo huyện Gia Lâm trả lời thường xuyên tham gia các lễ hội Phật giáo trên địa bàn huyện, khi được hỏi về ý nghĩa lễ hội Phật giáo, tín đồ N.M.V trả lời: *“Con tham gia ngày lễ Vu Lan này vì con thấy rất ý nghĩa, là cơ hội để con soi lại bản thân, bố con đã mất từ lâu, con chỉ còn mẹ nhưng thực sự con chưa dành nhiều thời gian cho mẹ. Thường ngày con chỉ quan tâm đến bữa ăn cho mẹ mà chưa thực sự hiểu mẹ mong muốn gì. Qua những buổi lễ như thế này (khi con được cài bông hoa hường màu đỏ), được nghe các thầy giảng giải về đạo lý, con thực sự thấy thấm thía và hãnh diện vì con còn mẹ - người đã bù đắp cho con tất cả về tinh thần lẫn vật chất rất nhiều. Con tự nhắc mình dẫu dù cuộc sống còn vất vả nhưng phải bớt thời gian để quan tâm đến mẹ nhiều hơn, dành nhiều thời gian cho mẹ. Và không để mẹ phiền lòng”* [PVS, Nữ, 1983, Kinh doanh tự do]. Những giáo lý Phật giáo đã tự nhiên ngấm vào ý thức tín đồ, người dân, giúp họ có dịp nhìn lại, điều chỉnh hành vi theo hướng tích cực hơn.

Thực tế, mỗi một dịp lễ ở các chùa trong địa bàn huyện diễn ra, không chỉ thu hút sự tham gia của các tín đồ Phật tử mà thu hút sự tham gia của đông đảo người dân địa phương trong huyện và các địa phương lân cận, thậm chí cả một số tỉnh khác cũng đổ về. Lễ hội Phật giáo đã trở thành lễ hội chung của

người dân trong vùng. Khi được hỏi về cảm nghĩ khi tham gia lễ hội, bà P.V.H nói: *“Con chưa quy y cửa Phật, nhưng con cũng hay tham gia các lễ hội, như lễ Phật đản hôm nay, con rất vui, không khí rất náo nhiệt, người dân mình cũng rất khẩn khởi, đến được nghe giáo lý Phật giáo con thấy cũng rất gần với lời dạy ông bà mình”* [PVS, Nữ, 1958, Đã nghỉ hưu]. Khi lý giải về nguyên nhân của sự phát triển sâu rộng của Phật giáo ở Việt Nam nói chung, nhiều ý kiến cho rằng một trong những lý do là nhiều nét tương đồng giữa Phật giáo và văn hóa Việt Nam đã giúp Phật giáo dễ dàng được người Việt cởi mở đón nhận, giúp Phật giáo hòa quyện với văn hóa Việt Nam một cách tự nhiên, các lễ hội Phật giáo trở thành lễ hội của người dân, hội chùa làng trở thành ngày hội của cả làng.

Thứ hai, các hoạt động tu tập: Với đời sống tu tập của Tăng Ni trong toàn huyện, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn sát sao chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các Tăng Ni và các tự viện nâng cao tinh thần hành trì giới luật để giữ gìn kỷ cương trong Tăng đoàn, thực hiện tốt phương châm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là “Phụng sự đạo pháp và phục vụ dân tộc”, thực hiện đúng chủ trương, đường lối của thành hội Phật giáo Hà Nội, thực hiện tốt theo sự chỉ đạo của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Ban Tăng sự huyện Gia Lâm phụ trách chính với đời sống tu tập của Tăng Ni bởi chức năng, nhiệm vụ chính của ban Tăng sự là: Giám sát, hướng dẫn các Tự viện, Tăng Ni tuân thủ Giới luật, chấp hành Hiến chương Giáo hội, các Quy chế của Giáo hội và Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương. Y cứ Giới luật, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các quy định của Giáo hội và Pháp luật Nhà nước để giám sát, hộ trì việc tu học, hành đạo, sinh hoạt của Tăng Ni và hoạt động Phật sự của Tự viện và Chỉ đạo Trụ trì các Tự viện, Tăng Ni trong sinh hoạt, tu học, hành đạo luôn kính ngưỡng, phụng

hành Giáo pháp, Giới luật Phật chế, tuân thủ Hiến chương Giáo hội và pháp luật Nhà nước.

Tổng số Tăng Ni trong toàn huyện Gia Lâm hiện nay là 114 vị, trong đó, Tỷ khiêu tăng 37 vị, tỷ khiêu ni 61 vị, sa di 14 vị, hình đồng 2 vị. Tổ chức Kiết hạ an cư cho các Tăng Ni trong toàn huyện được tham gia hàng năm, bởi “Hạ an cư Tỷ khiêu chi yếu vụ” là một truyền thống lâu đời đã có từ thời đức Phật, an cư không chỉ là trách nhiệm mà còn là quyền lợi của người xuất gia, bởi ba tháng an cư là thời gian cho mỗi người xuất gia tự kiểm điểm lại chính mình, trau dồi kiến thức Phật học, rèn luyện tinh thần sống hòa hợp, an trú trong chính niệm. Thấm nhuần tinh thần đó, hàng năm cứ đến mùa sen nở, Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội lại tổ chức ba tháng an cư cho Tăng Ni cho toàn thành phố, nhằm thúc liễm thân tâm, trau dồi “tam vô lậu học” cho đệ tử xuất gia và tại gia. Được sự chỉ đạo của thành hội, hằng năm hơn 90% Tăng Ni huyện Gia Lâm tham gia an cư tại các chùa, như Chùa Bồ Đề - Long Biên,...

Thứ ba, các hoạt động Hoằng pháp: Phát huy công tác hoằng pháp của những năm qua, việc hoằng dương chính pháp – lợi lạc quần sinh là việc làm thường xuyên, nhằm đưa chính pháp hoàn nhập vào cuộc sống, hướng dẫn Phật tử trở về sống trong chính pháp. Ban Hoằng pháp huyện Gia Lâm luôn chú trọng đến các hoạt động truyền bá Phật pháp, đưa Phật giáo gần gũi với cuộc sống con người. Tại các giảng đường như chùa Đào Xuyên, chùa Dương Đình, chùa Sủi và một số chùa khác... vào tất cả các ngày lễ, ngày trai và các buổi sáng chủ nhật đều thuyết giảng giáo lý, các tín đồ Phật tử đến nghe thuyết pháp rất đông và hoan hỷ hưởng pháp vị giải thoát. Nhân ngày Khánh Đản Chư Phật, Bồ Tát, ngày lễ Vu Lan hay ngày húy kỵ chư vị Tổ sư các Chùa trong huyện cũng tổ chức truyền thụ Tam quy, Ngũ giới và các tín đồ Phật tử xin quy y.

Đồng thời, các Chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các chùa cũng tích cực tổ chức các buổi thuyết giảng giáo lý Phật pháp cho các Phật tử của các cơ sở tự viện giúp cho nhân dân, Phật tử hiểu biết rõ hơn về giáo lý đạo Phật, để làm điều lành, tránh mọi điều dữ, bỏ tà theo chính. Đặc biệt là nhận thức rõ được giá trị chân chính của giáo lý Phật pháp, xóa bỏ đi những mê tín dị đoan ảnh hưởng đến đời sống tâm linh cũng như ổn định xã hội trên địa bàn huyện. Số lượng Phật tử theo đông đến mấy vạn người, trình độ Phật học của tín đồ Phật tử trên địa bàn huyện được nâng cao rõ rệt, bởi được tu học ở cơ sở trường hạ, tại các chùa. Đó cũng chính là nhân tố giúp đưa ánh sáng Phật pháp lan tỏa trong đời sống xã hội.

Trong Phật giáo, đạo tràng có nguyên nghĩa phát sinh từ thời Đức Phật tại thế, nguyên nghĩa trong tiếng Phạn là Bodhi – manda, tiếng Hán dịch là đạo tràng, với ý nghĩa chỉ nơi đức Phật thành đạo, vì vậy, đạo tràng còn có tên gọi khác là pháp tọa.

Trong kinh Duy Ma Cật có nói: “trực tâm tức thị đạo tràng” nghĩa là tâm ngay thẳng ấy là đạo tràng. Bởi tâm ngay thẳng, thanh tịnh, sáng suốt chính là nền tảng tốt cho sự tỏ ngộ chân lý, là mảnh đất lành cho hạt giống Bồ đề nảy mầm, phát triển. Hiện nay, trong việc tu học, hoằng pháp của Phật giáo, đạo tràng là khái niệm thường được dùng để chỉ nơi hội tụ của những người con Phật, cùng một ý hướng chuyên tu, theo một pháp môn tu hành nào đó. Sinh hoạt đạo tràng hiện nay thường được diễn ra trong một ngôi chùa, do một hoặc nhiều vị sư chỉ dạy.

Ngay từ thời Đức Phật còn tại thế, Ngài đã thành lập các đạo tràng để cho chư Tăng tu học, vừa là nơi để cho người cư sĩ Phật tử có thể đến để tu tập dưới sự dẫn dắt của Đức Phật và chư Tăng, như: tịnh xá Trúc Lâm, tịnh xá Kỳ Viên, giảng đường Lộc Mẫu. Đây là ba đạo tràng tu học lớn nhất lúc bấy giờ, bên cạnh đó còn có nhiều đạo tràng tu học khác, nơi mà Đức Phật và chư

Tăng dừng chân trong một mùa, hay vài mùa an cư. Đạo Phật truyền đến đâu thì các đạo tràng tu học được thành lập đến đấy.

Việt Nam ngay từ những buổi đầu, khi đạo Phật truyền vào, cùng với sự có mặt của các chư Tăng, ngôi chùa được lập nên và tín đồ Phật tử đã ý thức tề tựu đến chùa tu học. Truyện Man Nương, trong Lĩnh Nam Chích Quái, viết: Bấy giờ cô gái tên Man Nương, cha mẹ đều mất, trong nhà nghèo khổ, cũng quyết cầu học đạo. Nhưng vì nói năng chậm chạp không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, giã gạo, hái củi, tự mình nấu nướng để cúng dường thức ăn cho chư Tăng trong chùa cùng khách bốn phương đến tu học [Xem Trần Thế Pháp, 2017].

Xây dựng các đạo tràng (Đạo tràng chùa Dương Đình có 2000 Phật tử, Đạo tràng chùa Khoan Tế có khoảng 200 Phật tử, Đạo tràng chùa Đông Dư có 500 Phật tử, Đạo tràng chùa Sủi có 200 Phật tử, Đạo tràng chùa Đào Xuyên có 200 Phật tử, ngoài ra còn có các khóa tu niệm Phật khác) được thành tựu như ngày nay là sự chỉ đạo sát sao công việc Phật sự của ban lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam nói chung, cùng ban ngành các cấp chính quyền nói riêng. Tuy nhiên, không thể thiếu vai trò lãnh đạo trực tiếp của ban trị sự địa phương - Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

Các hoạt động Phật sự của Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay có nhiều đổi mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thực tiễn

Trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo ở các quốc gia vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng nhân loại giải quyết các vấn đề chung của nhân loại như: vấn đề chiến tranh, xung đột, vấn đề môi trường, vấn đề đói nghèo,...

Đạo đức Phật giáo chỉ cho chúng ta thấy, trên thực tế, muốn xây dựng một xã hội hòa bình an lạc, trước hết mỗi một con người cần phải có đạo đức. Để trở thành con người có đạo đức, người ta phải thực hành nếp sống lành mạnh, hướng thượng. Và sự thực hành ấy là do con người tự quyết định. Vì

thế, Phật giáo chú trọng đến việc giáo dục con người làm nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Nhiệm vụ đó, cần phải làm ngay trong mọi xứ sở, mọi thời đại, không phân biệt giai cấp, màu da chủng tộc. Ở đâu có khổ đau bế tắc, ở đâu có tham vọng tội lỗi, ở đó có đạo Phật. Đạo Phật dạy người ta thấy rõ sự thật khổ đau bế tắc, nguyên nhân đưa đến khổ đau bế tắc và con đường giải phóng tất cả những khổ đau bế tắc ấy. Con đường đó chính là Bát Chánh Đạo. Một khi khổ đau bị dập tắt thì an lạc hạnh phúc có mặt. Hạnh phúc chính là sự vắng mặt của khổ đau. Đồng thời mong muốn Phật giáo sẽ trở thành cầu nối hóa giải các bất đồng về ý thức hệ, xóa đi quá khứ bất hạnh khổ đau, cùng xây dựng cuộc sống thanh bình.

Trước xu hướng toàn cầu hóa, Phật giáo cũng đã biết tự điều chỉnh để thích ứng với nhân loại và xã hội thời hiện đại. Mục đích tối cao của Phật giáo vẫn là quay trở lại phục vụ chúng sinh, nhân loại như trước đây, Đức Phật và các đệ tử của Ngài đã cam kết phục vụ xã hội trong suốt cuộc đời của mình theo nghĩa. phục vụ xã hội với một thái độ hoàn toàn trong sáng, và không có động cơ thâm kín, nhưng hoàn toàn thông qua lòng bi mẫn đối với quần chúng đau khổ. Đến nay, những người đệ tử Phật vẫn tiếp tục con đường đó. Đây là sứ mệnh thiêng liêng cao cả nhất mà Phật tử có thể làm cho nhân loại trên tinh thần “*Phụng sự chúng sanh tức cúng dường chư Phật.*”

Thực tiễn ở Việt Nam đặt ra cho Phật giáo nhiều cơ hội và thách thức mới. Khi thực hiện chính sách đổi mới, chúng ta mới chỉ bước đầu khôi phục lại nền kinh tế, cải thiện được mức sống. Những vấn đề cũ vẫn còn nhiều, hơn thế nữa xã hội Việt Nam lại nảy sinh những vấn đề mới, phức tạp và đầy khó khăn. Bước vào thời kỳ hội nhập sâu rộng trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam còn có rất nhiều những khó khăn, thách thức: Xã hội đang phải đối mặt với rất nhiều vấn đề nan giải như: Mặt trái của nền kinh tế thị trường, tác động tiêu cực của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa – hiện đại hóa...

Theo thống kê của Con số và sự kiện, tạp chí của Tổng cục Thống kê, tình hình kinh tế nước ta bảy tháng đầu năm, năm 2010: Theo Báo cáo sơ bộ các địa phương, cả nước có 26,3 nghìn hộ thiếu đói với 122,3 nghìn nhân khẩu thiếu đói. Đây là một con số không nhỏ chứng minh cho thực trạng nghèo đói vẫn đang là vấn đề nan giải ở nước ta hiện nay. 75% số dân nông thôn có thu nhập dưới mức bình quân của xã hội, 90% người nghèo nước ta sống ở nông thôn, đặc biệt là ở miền núi. Theo Website của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, năm 2011, Tỷ lệ hộ nghèo cả nước vẫn còn 12%.

Một vấn đề rất nóng bỏng hiện nay của xã hội Việt Nam đó là những ảnh hưởng tiêu cực của quá trình đô thị hóa. Năm 1993, khi đã tạm đủ các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, nước ta đã thực hiện một bước ngoặt lớn: là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đô thị hóa nhanh, các dự án công nghiệp phát triển ở tất cả các tỉnh thành phố. Nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Tỷ lệ thất nghiệp vẫn cao, các nhà đầu tư, các chủ dự án chưa quan tâm đầy đủ đến nông dân (thành phần này đang chiếm số lượng lớn ở nước ta), mặc dù họ còn đang ở trình độ thấp chưa đáp ứng được nhu cầu của kinh tế thị trường.

Nền kinh tế Việt Nam còn lạc hậu xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Trình độ lực lượng sản xuất còn thấp, cơ cấu kinh tế vẫn còn lạc hậu, nền sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm ưu thế. “Trên 70% dân số nông nghiệp, nông nghiệp chiếm 24,3%, công nghiệp chiếm 36,6%, dịch vụ 39,1%”. Chính vì vậy ta có thể khẳng định sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chiếm vị trí lớn. Trong khi đó, lực lượng sản xuất chưa phát triển, công cụ sản xuất vẫn còn thô sơ, phần lớn vẫn là cái cuốc, cái cày, con trâu: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau”. Máy móc công nghiệp áp dụng vào nông nghiệp vẫn còn hạn chế, chưa được ứng dụng rộng rãi. Từ đó dẫn đến năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường còn yếu kém. Sản xuất

nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chưa có sự chuyên môn hóa cao, vẫn chịu tác động rất lớn từ tự nhiên.

Phật giáo với truyền thống của mình vẫn tiếp tục nhập thế sâu rộng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Ngay từ thời kỳ Lý – Trần, thời kỳ phát triển đỉnh cao của Phật giáo Việt Nam, khái niệm Phật giáo nhập thế đã thể hiện rất rõ ở thực tiễn: việc các tu sĩ Phật giáo tham gia, lăn xả vào mọi lĩnh vực để xây dựng đất nước. Hay như thời kỳ hiện nay, xu hướng này ở Việt Nam cũng thể hiện rõ nét: các tôn giáo ở Việt Nam đều gắn bó với đời sống xã hội, tham gia vào xây dựng đời sống xã hội ở các việc làm cụ thể có thể kể đến như: tổ chức, tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, tham gia vào giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo...

Ở Việt Nam số tín đồ tham gia sinh hoạt tôn giáo ở các nơi thờ tự ngày càng tăng, ngôi chùa ở Việt Nam vẫn trở thành nơi sinh hoạt tâm linh không thể thay thế được, người tín đồ Phật giáo nói riêng, người Việt ở các làng quê Việt Nam nói chung vẫn thường xuyên đến chùa, ngôi chùa không chỉ là nơi sinh hoạt tâm linh, còn là nơi sinh hoạt văn hóa tinh thần; nếu ở phương Tây có xu hướng dường như ra khỏi tôn giáo nhất định, nhưng trở lại tâm thức tôn giáo bàng bạc, hay "cái tôn giáo", thì các tín đồ tôn giáo Việt Nam nói chung lại gắn bó với tôn giáo cụ thể nhiều hơn và cũng khó đến với "cái tôn giáo". Nếu như người phương Tây chú ý nhiều đến lý luận tôn giáo, thần học tôn giáo, thì ở Việt Nam lại đơn giản hoá những vấn đề lý luận, trọng thực hành nhiều hơn, thường vận dụng linh hoạt những giáo điều trong giáo lý vào đời sống thực tiễn hàng ngày. Như đã phân tích ở trên, tín đồ tôn giáo ở Việt Nam rất ít khi tìm hiểu cặn kẽ giáo lý tôn giáo, mà am hiểu sâu sắc giáo lý các tôn giáo chủ yếu là giới nghiên cứu trí thức và tầng lớp tu sĩ, tuy nhiên thực hành tôn giáo của người Việt khá đầy đủ. Ở Việt Nam, đạo thường gắn với đời, chứ ít khi “xa lánh” đời.

Phong trào “xây dựng chùa tinh tiến” nằm trong cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phát động, ngày 12/11/2007, Thành hội Phật giáo Hà Nội ra thông bạch số 01 về việc xây dựng chùa tinh tiến. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo huyện Gia Lâm lĩnh hội tinh thần, tích cực hưởng ứng, đẩy mạnh các hoạt động vận động các chùa trong toàn huyện đăng ký tham gia phong trào “Xây dựng chùa tinh tiến”. Phong trào tập trung vào việc vận động các tín đồ, Phật tử đoàn kết hòa hợp, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bài trừ mê tín dị đoan, tích cực tham gia các tổ chức và hoạt động xã hội, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước do Đảng, chính quyền Mặt trận các cấp phát động. Kết quả các chùa trong toàn huyện hăng hái tham gia phong trào, nhiều chùa đạt danh hiệu “Chùa tinh tiến” trong nhiều năm liên tục, được nhận các khen thưởng của Thành hội Phật giáo Hà Nội, của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của các cấp chính quyền địa phương. Cụ thể như trong Báo cáo Tổng kết 5 năm Công tác Phật sự nhiệm kỳ VII, phương hướng hoạt động nhiệm kỳ VIII đã thống kê:

- Năm 2012, chùa đạt danh hiệu Chùa tinh tiến: 40 chùa
- Năm 2013, chùa đạt danh hiệu Chùa tinh tiến: 30 chùa
- Năm 2014, chùa đạt danh hiệu Chùa tinh tiến: 42 chùa
- Năm 2015, chùa đạt danh hiệu Chùa tinh tiến: 29 chùa

Với sự đa dạng, phong phú của các hoạt động, với sự nỗ lực đổi mới các hoạt động đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, các hoạt động Phật sự của Phật giáo huyện Gia Lâm, cụ thể là dưới sự dẫn dắt của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, sự thực hiện của các Tăng Ni trên địa bàn huyện đã đáp ứng nhu cầu tâm linh của cộng đồng tín đồ Phật tử.

Đối với cộng đồng Phật tử thì như vậy, còn đối với người dân huyện Gia Lâm nói chung thì các hoạt động Phật sự của Phật giáo huyện Gia Lâm đã góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của người dân nơi đây.

3.2.2. Thực trạng hoạt động xã hội

Các hoạt động xã hội của Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay được chú trọng và diễn ra đa dạng, phong phú với nhiều loại hình hoạt động

Giáo lý Phật giáo luôn đề cao lòng từ bi, nhân ái, được định hướng bởi nguyên lý “Phật pháp bất ly thế gian pháp” và “Phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật”. Mọi người cần có lòng Từ, Bi, Hỷ, Xả (tứ vô lượng tâm). Trong sáu hạnh của Bồ tát, hạnh Bồ thí cũng được đưa lên hàng đầu, là một đức hạnh tối quan trọng trong cách thức tu tập. Kinh Phật luôn nhắc đến tinh thần vô ngã, vị tha, khuyên con người sống có trách nhiệm với cộng đồng, thể hiện lòng nhân ái, bao dung của mình với tất cả chúng sinh.

Bồ thí cũng được xem là một loại hương thơm cao quý, tỏa ra cùng khắp, theo mọi hướng, tạo ra nhiều tiếng lành, danh thơm cho xóm làng hay cộng đồng nơi chúng ta sinh hoạt. Trong Tăng Chi Bộ, Chương Ba Pháp, Ngài Ananda hỏi Đức Phật:

"Bạch Thế Tôn, loại cây hương gì có mùi hương bay thuận gió, có mùi hương bay ngược gió, có mùi hương bay thuận gió lẫn ngược gió?"

Đức Phật trả lời:

"Ở đây, này Ananda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, tuân giữ 5 giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xan tham, bồ thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia xẻ đồ bồ thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn, Chư Thiên và các phi nhân đều tán thán. Và như thế, người đó là loại cây hương quý. Cây hương đó, này

Ananda, có mùi hương bay thuận gió, có mùi hương bay ngược gió, có mùi hương bay thuận gió lẫn ngược gió" [Đại tạng kinh Việt Nam, 1996, tr.230].

Theo giáo lý của Đức Thế Tôn, nguyên nhân trực tiếp của mọi sự chênh lệch, bất bình đẳng, của mọi sự khác biệt giữa những cá nhân trong đời sống là do vô minh, hành động thiện và bất thiện của mỗi cá nhân tức cái biệt nghiệp của mỗi người trong quá khứ. Nói cách khác mỗi cá nhân đang thu hoạch những gì chính bản thân mình đã gieo trồng trong quá khứ. Song song với đó, hành động của con người hiện tại, gieo nhân cho tương lai của mình ở ngày mai. “Tâm dẫn đầu các tâm sở (thiện). Tâm tạo tất cả (các tâm sở thiện). Nếu nói hay làm với tâm trong sạch, do đó, hạnh phúc sẽ theo liền với ta như bóng không bao giờ rời (hình)” [Phạm Kim Khánh, 2004, tr.19]

Tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam đã trở thành truyền thống. Trải qua các thời kỳ lịch sử, dù hình thức thể hiện có khác nhau nhưng ở thời kỳ nào Phật giáo cũng có những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng hành cùng dân tộc, phát huy truyền thống Hộ quốc an dân của Phật giáo Việt Nam.

Hoạt động xã hội của các tôn giáo có thể hiểu là các hoạt động mà các tôn giáo tham gia nhằm trợ giúp các cá nhân, nhóm, cộng đồng phục hồi hay tăng cường chức năng xã hội góp phần đảm bảo nền an sinh xã hội. Cụ thể là các hoạt động nhằm thúc đẩy sự chuyển biến xã hội, được hiểu là sự hỗ trợ, giúp đỡ những người gặp khó khăn hoặc những người có hoàn cảnh đặc biệt (người nghèo, người khuyết tật, trẻ em bỏ rơi..., phụ nữ, người già), nhằm mục đích giảm thiểu những rào cản xã hội và sự bất bình đẳng trong xã hội, ngoài ra còn là một số các hoạt động đáp ứng các vấn đề về nhu cầu thiết yếu của xã hội như: việc làm, thu nhập, tâm lý – tình cảm, ăn ở, vui chơi,...

Với Phật giáo, hoạt động xã hội không chỉ thể hiện tinh thần từ bi, cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo mà còn là một phương thức thể hiện chức năng hỗ trợ xã hội của Phật giáo. Không chỉ là sự giúp đỡ, bù đắp cho con người về mặt tinh thần, mà còn bằng những hành động mang tính thực tiễn, thiết thực, cụ thể hỗ trợ những người “yếm thế” trong xã hội được đảm bảo những điều kiện sống cơ bản.

Chính lẽ đó mà Đảng và Nhà nước ta trong các Nghị quyết thường hay nhắc đến tính ưu việt nhất định không thể phủ nhận trong các tôn giáo đó là những giá trị đạo đức và công tác bảo trợ xã hội. Trong số đó, Phật giáo là một nguồn lực lớn bởi Phật giáo là tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống người dân Việt Nam vì triết lý của Phật giáo rất gần truyền thống Việt Nam và mang lại cho con người cuộc sống an lạc, hạnh phúc.

Với tinh thần từ bi hỷ xả của Phật giáo, tiếp nối truyền thống của Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn coi trọng hoạt động công tác xã hội và coi đây là hoạt động trọng tâm của mình, nó là những phương pháp để thực hiện giáo lý của Nhà Phật, đưa Phật giáo đến nhập thế và khẳng định giá trị của Phật giáo trong đời sống con người. Hoạt động xã hội của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú:

Hoạt động từ thiện xã hội: do Ban Từ thiện xã hội huyện Gia Lâm phụ trách, diễn ra dưới nhiều hình thức: trợ giúp người có hoàn cảnh khó khăn, kêu gọi vận động, ủng hộ cho các hoàn cảnh khó khăn, đồng bào gặp thiên tai, tổ chức các lớp học tình thương, chữa bệnh giúp người nghèo, tổ chức các khóa tu mùa hè.... Trong thời gian qua, hoạt động công tác xã hội đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận, hiện nay, công tác này vẫn đang diễn ra sôi nổi, phong phú về hình thức cũng như nội dung và đạt được nhiều kết quả khả

quan, đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, giải quyết các vấn đề xã hội ở huyện Gia Lâm trong giai đoạn hiện nay. Công tác từ thiện của Phật giáo huyện Gia Lâm luôn chú trọng đến việc giúp đỡ, giải quyết kịp thời những nhu cầu thiết yếu của những người yếu thế trong xã hội: như Hội chất độc màu da cam, hội người khuyết tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi, đồng bào bị thiên tai,... Hình thức trợ giúp cũng rất phong phú và thiết thực: khi là ủng hộ tiền mặt để duy trì hoạt động quỹ của các hội; khi thì là những phần quà với các nhu yếu phẩm như gạo, mì, muối, dầu ăn,...; khi với các cháu học sinh là những chiếc cặp sách, bút vở, những gói quà bánh kẹo vào các dịp 1/6,...; khi với các hộ gia đình nông dân nghèo thì là con bò để duy trì sản xuất; với những người quá khó khăn, không có nơi để ở thì là ngôi nhà che mưa che nắng,...

Khi xảy ra thiên tai dịch họa, nhiều tăng ni, Phật tử đã vận động hàng chục tỷ đồng tiền hàng chuyển giúp đỡ vùng khó khăn, góp phần động viên Nhân dân vượt qua khó khăn sớm ổn định sản xuất và cuộc sống. Đặc biệt, ngay từ khi dịch Covid-19 xuất hiện, Ban Trị sự cùng chư tôn đức tăng ni trụ trì các cơ sở tự viện đã chủ động thực hiện các quy định về phòng chống dịch của Chính phủ, tham gia ủng hộ tiền, vật phẩm cho Quỹ vaccine và công tác phòng, chống dịch các cấp, đồng thời hướng dẫn Phật tử chấp hành tốt các quy định về phòng chống dịch...

Phỏng vấn các Tăng, Ni trên địa bàn huyện về vấn đề các hoạt động xã hội và ý nghĩa các hoạt động xã hội ĐĐ. TBP cho biết:

“Tâm từ bi là tinh thần quảng đại của Phật giáo với mong muốn đến hạnh phúc an vui đến với tất cả chúng sinh, cả chúng sinh hữu tình và chúng sinh vô tình, hướng hồ là con người cùng chung sống với nhau trong một đất nước, cùng chung nguồn cội. Nên hoạt động từ thiện là không thể thiếu, nó chính là thể hiện tâm từ bi của Phật giáo. Tôi cùng các

Phật tử trong chùa hàng năm tổ chức rất nhiều các hoạt động từ thiện: ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai; ủng hộ các suất ăn trưa miễn phí ở bệnh viện nơi có rất nhiều bệnh nhân nghèo cần giúp đỡ, tổ chức Tết Trung thu cho các cháu gia đình khó khăn; tặng một hộ nghèo trong thôn 1 con bò để họ nuôi làm giống, ... Nói chung nhiều lắm. Đây là việc làm thường xuyên người con Phật nên làm” [PVS, Nam, 1989, Tu sĩ Phật giáo].

Chị P.P.T – Phật tử lâu năm của chùa Đào Xuyên chia sẻ:

“Tôi qua lại Chùa Đào Xuyên thường xuyên gần chục năm rồi. Tôi bán hàng ở chợ Ninh Hiệp, làm ăn buôn bán vất vả nhưng biết cuộc sống còn nhiều người vất vả hơn mình. Từ khi quy y Tam Bảo, tôi năng lễ chùa thường xuyên, nghe các Thầy giảng về đạo lý nhà Phật thấy đúng với cuộc sống, cho đi là mình được, cái được ở đây là tâm mình thấy an, thấy thoải mái. Tôi tích cực hưởng ứng các hoạt động từ thiện ở chùa, góp công sức, góp chút của mọn cùng hội Phật tử ở chùa đi các nơi làm từ thiện. Có lần đoàn lên Lai Châu, vào các vùng sâu tôi mới thấy cuộc sống của đồng bào mình còn nhiều khó khăn lắm. Nếu mỗi người một chút, cùng chung tay sẽ giúp đỡ được rất nhiều người” [PVS, Nữ, 1977, Kinh doanh tự do].

Dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, Ban Từ thiện xã hội phối hợp với Ban Hoằng pháp, Ban Hướng dẫn Phật tử hàng năm đều tổ chức các khóa tu mùa hè vì nhận thấy trong thời đại hiện nay, khóa tu mùa hè có tầm quan trọng và ý nghĩa lớn, đây là dịp uốn nắn và hướng dẫn các em không những có thêm kỹ năng sống mà còn hiểu được đạo đức con người xã hội, sống có lý tưởng, hướng thiện.

Hơn nữa, khóa tu hè ở chùa còn là nơi tin cậy để các bậc phụ huynh gửi gắm con em mình, với ước mong về một thế hệ tương lai tươi sáng, phát triển

toàn diện trí tuệ và đạo đức, sống bình an trong sự phát triển như vũ bão của thời hiện đại. Sự vun đắp tuổi trẻ, chăm lo tuổi trẻ cũng có nghĩa là Phật giáo đang góp phần xây dựng thế hệ tương lai, thế hệ tiếp nối, duy trì và phát huy truyền thống dân tộc. Vì vậy nỗ lực tổ chức khóa tu mùa hè không chỉ có ý nghĩa vun đắp nền tảng đạo đức, văn hóa tâm linh của giới trẻ, mà còn mang lại nhiều giá trị đích thực trong công cuộc trồng người và sự nghiệp hoằng dương chính Pháp. Góp phần quan trọng để xây dựng một xã hội văn minh tiên bộ cùng phát triển trong tình yêu thương bản sắc văn hóa dân tộc.

Khóa tu mùa hè tại chùa Đào Xuyên đến nay đã trở thành hoạt động thường niên. Hàng năm, khoảng đầu tháng 6, khi các bạn học sinh được nghỉ hè, kết thúc một năm học ở trường, các em lại có thể đăng kí tham gia khóa tu mùa hè tại chùa Đào Xuyên, với quy mô từ 300 đến 500 em học sinh từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông (đến lớp 11). Trong khóa tu này các em có dịp được học những bài học giáo lý Phật giáo đầu tiên với những lời giảng dạy của các Sư Thầy, những ví dụ gần gũi, thực tế với độ tuổi, với tâm lý của các em. Các bài học về Luật Nhân quả, về Hiếu hạnh, về tinh thần hiếu học,... Khóa tu mùa hè là môi trường lành mạnh, các bạn nhỏ, các bạn trẻ có cơ hội tìm hiểu về giáo lý Phật giáo để áp dụng vào thực tiễn sinh hoạt hàng ngày, để các em hiểu hơn về giá trị của cuộc sống,.. ngoài ra các em còn được tham gia học tập các kỹ năng mềm, các kỹ năng xử lý tình huống trong cuộc sống như: phương pháp tâm lý ứng dụng khi đối diện nghịch cảnh và khổ đau, do áp lực cuộc sống mang lại; Đoán trước tình huống nguy hiểm để phòng tránh, Thái độ đối với Facebook và Nói không với Game; kỹ năng làm việc nhóm...Các em còn được rèn luyện thể lực qua việc như học võ Phật Quan Quyền,....

Chia sẻ về Khóa tu mùa hè chùa Đào Xuyên, ĐD TBP chùa Đào Xuyên chia sẻ:

“Đây là hoạt động thường niên, đã trở thành một điểm nhấn về hoạt động của tổ đình Đào Xuyên. Năm nào cũng rất đông các cháu nhỏ tham gia, chúng tôi chuẩn bị rất kỹ lưỡng về nội dung các hoạt động, nơi sinh hoạt cho các cháu. Nội dung cho các cháu tham gia rất đa dạng, phong phú và phù hợp với độ tuổi nên các cháu rất thích, năm sau đăng ký thường nhiều hơn năm trước. Các bậc phụ huynh cũng rất yên tâm, gửi gắm con cháu mình tham gia khóa học. Sau mỗi khóa học các cháu trưởng thành lên rất nhiều. Chúng tôi sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được đó. Rất tiếc năm nay do tình hình dịch bệnh nên chúng tôi không tổ chức được” [PVS, Nam, 1989, Tu sĩ Phật giáo].

Các hoạt động góp phần ổn định, xây dựng đời sống văn hóa của người dân: Để hưởng ứng cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, cũng như nghị quyết của Chính phủ và nghị quyết của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về công tác trật tự an toàn giao thông. Ban Trị sự Phật giáo huyện đã động viên Tăng, Ni, kêu gọi các Phật tử nhắc nhở con em mình chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông và văn minh đô thị nhằm xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm luôn hướng dẫn các ban trực thuộc tích cực hưởng ứng các phong trào phát động của chính quyền địa phương nhằm góp phần xây dựng, phát triển huyện, thực hiện mục tiêu của Đảng, Nhà nước là "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh". Ví như việc tuyên truyền chính sách, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Viết về vai trò, hiệu quả của công tác tuyên truyền về pháp luật của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tác giả Nguyễn Tất Đạt viết: “Giáo hội Phật giáo cũng là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, do vậy, Giáo hội cũng khuyến khích Phật tử sống tôn trọng pháp luật của Nhà nước. Một thực tế là, nếu cán bộ chính quyền tuyên truyền về pháp luật, số

người dân đi nghe không nhiều, cán bộ chính quyền giải quyết có nơi hiệu quả không cao bằng các tăng sĩ Phật giáo, nhất là ở vùng Phật giáo Khơme Nam Bộ” [Nguyễn Tất Đạt, 2011, tr.148,149]. Nhận thức được vai trò trách nhiệm của mình với Đảng, Nhà nước, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thường tổ chức các buổi sinh hoạt phổ biến pháp luật của Nhà nước cho Tăng Ni, Phật tử. Ví dụ điển hình ngày 20/12/2018, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã tổ chức “Hội nghị Tổng kết Công tác Phật sự huyện Gia Lâm năm 2018, triển khai nhiệm vụ công tác Phật sự năm 2019, Phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo”, như vậy cho thấy Phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo là một nội dung quan trọng trong hội nghị. Hay ví như, để hưởng ứng cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, cũng như Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về công tác trật tự an toàn giao thông, Ban Trị sự Phật giáo huyện đã động viên Tăng Ni, kêu gọi các Phật tử nhắc nhở con em mình chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông và văn minh đô thị nhằm xây dựng thủ đô xanh, sạch, đẹp.

Hay như thời gian vừa qua, khi tình hình dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, lan rộng trên nhiều Tỉnh, Thành phố, thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, bên cạnh thực hiện khuyến cáo 5K của Bộ Y tế, trong cuộc chiến chống dịch Covid-19 theo đúng tinh thần “chống dịch như chống giặc”, Vaccine chính là căn cơ lâu dài để phòng chống dịch, như một tấm lá chắn thép bảo vệ chúng ta khỏi sự lây lan của dịch Covid-19. Với tinh thần Phật giáo đồng hành cùng dân tộc, Ban Trị sự Phật giáo cũng như chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử thể hiện nghĩa cử cao đẹp, tinh thần đoàn kết, chung tay góp sức cùng Chính quyền, mặt trận, đoàn thể địa phương trong công tác an sinh xã hội, chấp hành các quy định của Nhà nước về phòng chống dịch bệnh, đồng thời tích cực quyên góp, tổ chức các hoạt động từ thiện, hỗ trợ giúp người

dân có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh tại các xã cách ly y tế, động viên chia sẻ hỗ trợ đội ngũ nhân viên y tế trong tuyến đầu chống dịch, phát huy tinh thần nhân văn vận động đóng góp, ủng hộ cho quỹ Vaccine phòng chống Covid-19 trường kỳ và lâu dài.

Các hoạt động xã hội của Phật giáo huyện Gia Lâm đã có những đóng góp không nhỏ vào công cuộc xây dựng và phát triển của huyện Gia Lâm giai đoạn hiện nay

Đánh giá về kết quả hoạt động Phật sự của Ban Trị sự huyện Gia Lâm nhiệm kỳ 2012 - 2017, trong báo cáo của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã nêu rõ: công tác Phật sự huyện Gia Lâm đã phát huy tốt tinh thần đoàn kết, hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm giáo hội. Tăng Ni, phật tử trên địa bàn huyện đã thực hiện nghiêm túc tôn chỉ, mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và sự chỉ đạo của Ban trị sự Thành hội Phật giáo Hà Nội, hăng hái tham gia phong trào thi đua phụng đạo yêu nước, xây dựng bảo vệ Tổ quốc, sống tốt đời, đẹp đạo và tích cực tham gia công tác từ thiện, xã hội. Điển hình là hàng năm 100% chùa trên địa bàn đều đăng ký xây dựng chùa tinh tiến; đã vận động các nguồn lực được gần 150 tỷ đồng để cải tạo, trùng tu làm đẹp cảnh quan chùa; tổ chức tốt ngày lễ Vu lan báo Hiếu, Lễ tri ân các anh hùng liệt sỹ...; tổ chức viên mãn các khóa tu với trên 3 vạn người tham dự và lớp học "Đạo đức mùa hè" cho học sinh từ Tiểu học đến Trung học phổ thông ở một số địa phương. Bên cạnh đó 100% các chùa trên địa bàn huyện đã nỗ lực vận động tài chính để chung tay góp sức cùng các cấp chính quyền và nhân dân chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách và những người không may mắn. Chỉ tính riêng địa bàn huyện Gia Lâm 5 năm qua, các chùa đã ủng hộ xây dựng 06 nhà tình nghĩa, nhà Đại đoàn kết, tặng 03 con bò sinh sản; nhận đỡ đầu trên 50

trường hợp là người già cô đơn và trẻ em mồ côi, trẻ em con hộ nghèo... đồng thời tặng hàng nghìn xuất quà nhân dịp lễ, tết với tổng giá trị nhiều tỷ đồng. Ngoài ra, nhân dịp vào hạ, hay khi xảy ra thiên tai dịch họa, nhiều tăng ni, phật tử đã vận động hàng chục tỷ đồng tiền hàng chuyển giúp đỡ vùng khó khăn, góp phần động viên nhân dân vượt qua khó khăn sớm ổn định sản xuất và cuộc sống.

Phật giáo đến rất gần, trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống người dân huyện Gia Lâm. Những ngôi chùa trong các làng xã, khu phố đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, tâm linh của người dân. Các câu lạc bộ Phật giáo như: Câu lạc bộ Thanh Thiếu niên Phật tử,... là nơi để các Phật tử sinh hoạt tôn giáo, cùng giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Các vị Tăng Ni trong toàn huyện không chỉ là người hướng dẫn Phật tử, nhân dân sinh hoạt tín ngưỡng mà còn là người đồng hành cùng người dân trong cuộc sống. Các hoạt động từ thiện xã hội của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã góp phần giúp địa phương chia sẻ những khó khăn trong việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

Gia Lâm là một huyện cửa ngõ thủ đô, đang trong quá trình phát triển, chuyển mình mạnh mẽ, quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đang làm cho mảnh đất này biến đổi từng ngày. Bên cạnh những thành tựu không thể phủ nhận mà nó đem lại cũng đặt ra cho địa phương nhiều khó khăn, thử thách: tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng, tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng, đạo đức xã hội đang ngày càng báo động khi các giá trị bị đảo lộn, nhiều người lấy giá trị của đồng tiền để làm chuẩn mực, thước đo các giá trị khác,... Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm với những hoạt động sôi nổi, linh hoạt của mình đã góp phần không nhỏ vào việc ổn định tình hình xã hội tại địa phương.

Phát huy truyền thống yêu nước, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam luôn thân thiết, gắn bó với nhân dân, xã hội, đất nước với phương châm: “Phụng sự chúng sinh là cúng dàng Chư Phật, trang nghiêm thế gian là trang nghiêm Tịnh Độ”, với tư cách là thành viên của Khối Đại đoàn kết toàn dân, Ban Trị sự cùng với Tăng Ni, Phật tử huyện Gia Lâm luôn gắn liền các hoạt động Phật sự với công tác xã hội phục vụ quần sinh. Ban Trị sự thường xuyên động viên các Tăng Ni tự viện hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân, tham gia các phong trào ích nước, lợi dân, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư, góp phần củng cố khối Đại đoàn kết toàn dân. Theo báo cáo tổng kết 5 năm công tác Phật sự nhiệm kỳ VII và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ VIII, huyện Gia Lâm có 01 vị trúng cử vào HĐND huyện, 02 vị tham gia MTTQ huyện, 02 vị tham gia Hội Chữ Thập đỏ, 02 vị tham gia hội Phụ nữ huyện, ngoài ra Tăng Ni còn tham gia các đoàn thể như hội Phụ nữ cấp xã, tổ hòa giải ở cơ sở... góp phần xây dựng quê hương Gia Lâm giàu đẹp văn minh.

Đánh giá cao những đóng góp của Phật giáo với huyện Gia Lâm, Tại Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm lần thứ VIII, đồng chí Lý Duy Thanh - Ủy viên BTV Huyện ủy, Phó Chủ tịch UBND huyện đã đại diện cho Huyện ủy – HĐND – UBND huyện Gia Lâm phát biểu chúc mừng và biểu dương Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã hoàn thành xuất sắc công tác Phật sự, đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương. Đồng chí mong rằng Ban trị sự Phật giáo huyện đoàn kết, gắn bó, hoàn thành tốt công tác Phật sự, tham gia các phong trào của địa phương, cùng địa phương vận động Phật tử thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đóng góp, xây dựng quê hương Gia Lâm ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

3.3. Thực trạng về cơ sở thờ tự của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

3.3.1. Thực trạng về kiến trúc và Phật điện

Phải khẳng định rằng các cơ sở thờ tự Phật giáo ở huyện Gia Lâm là mang đặc trưng chung của Phật giáo Bắc truyền, thể hiện rõ nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam

Khi nghiên cứu về một số đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong hệ thống tôn giáo ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Tất Đạt đã chỉ ra ba đặc điểm của Phật giáo Việt Nam: Thứ nhất: Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm bằng con đường giao lưu thương mại hòa bình; Thứ hai: Phật giáo là tôn giáo có sự ảnh hưởng lớn đến lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; Thứ ba là Phật giáo có ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình hình thành các tôn giáo nội sinh ở Việt Nam [Xem Nguyễn Tất Đạt, 2008, tr.32- 37]. Những đặc điểm trên thể hiện rất rõ vai trò, vị thế của Phật giáo ở Việt Nam, là một tôn giáo có lịch sử lâu đời và có sức ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Ở một khía cạnh khác, nhà nghiên cứu văn hóa Trần Ngọc Thêm cho rằng: Phật giáo Việt Nam có các đặc trưng cơ bản:

+ Mang tính tổng hợp, đây được coi là đặc trưng nổi bật nhất của Phật giáo Việt Nam, thể hiện đặc trưng của lối tư duy nông nghiệp. Biểu hiện ngay khi vào Việt Nam, Phật giáo đã tiếp xúc ngay với các tín ngưỡng truyền thống Việt Nam, tổng hợp chặt chẽ ngay với chúng. Lối kiến trúc của chùa Phật là “tiền Phật hậu Thần”. Tổng hợp các tông phái với nhau, và có sự tổng hợp với các tôn giáo khác. Chính vì thế tác giả đưa ra nhận xét: “Chùa phía Bắc là cả một Phật điện vô cùng phong phú với hàng mấy chục pho tượng Phật, bồ tát, la hán của các tông phái khác nhau” [Trần Ngọc Thêm, 1999, tr.249]

+ Đặc trưng nổi bật thứ hai của Phật giáo Việt Nam là khuynh hướng thiên về nữ tính, thể hiện rõ nét đặc trưng của văn hóa nông nghiệp. Các vị

Phật của Việt Nam xuất hiện rất nhiều các vị Phật nữ, rất nhiều chùa chiền mang tên các bà,..

+ Đặc trưng nổi bật thứ ba là sự linh hoạt, linh hoạt theo nhu cầu, theo đặc điểm văn hóa của mình,..

Nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, cái nôi văn hóa của người Việt, Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thể hiện rất rõ nét các đặc điểm trên. Điều đó thể hiện rõ nét trong hệ thống kiến trúc, thờ tự tại các cơ sở thờ tự Phật giáo trên địa bàn huyện.

Về kiến trúc các ngôi chùa:

Như đã phân tích ở chương 2, Phật giáo đến với vùng đất từ rất sớm, các giai đoạn phát triển của Phật giáo Gia Lâm cũng gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Thời kỳ nào cũng có rất nhiều những ngôi chùa được xây dựng, phản ánh đặc trưng về phong cách kiến trúc, nghệ thuật của từng thời kỳ. Tuy nhiên với nhiều yếu tố khách quan nhiều ngôi chùa đã mất đi, hầu hết các ngôi chùa còn lại đều đã qua nhiều lần tu bổ, sửa chữa. Đây là xu hướng tất yếu, khách quan. Viết về vấn đề này, trong cuốn Chùa Việt Nam, tác giả Trần Lâm Biền đã phân tích:

“Các thời sau cũng nối gót thời trước mà dựng nên những công trình theo yêu cầu của mình. Tuy nhiên hầu hết những công trình tưởng như huy hoàng đó đã không còn nữa, khiến cho ta ngày nay khi muốn quan tâm tới các kiến trúc cổ, hết thấy, chúng ta người này rồi người khác vẫn phải đặt một tỷ lệ nào đó vào sách cổ. Tất nhiên, tránh sao được sự suy diễn quá đáng, nhất là đối với một số người ít quan tâm tới bối cảnh lịch sử.

Vậy thì, đa số các di tích cổ mà sách cũ ghi lại đó, dù là dấu vết, tại sao không còn?

- Nhiều người nghĩ rằng cứ triều đại sau đã phá hủy của triều đại trước!

- Rồi thời tiết khắc nghiệt với mưa dầm, nắng dãi, với khí hậu nóng, nhiều gió bão, ẩm mốc đã hủy hoại các kiến trúc.

- Rồi giặc Tàu tàn phá, cụ thể là việc quy tội cho giặc Minh với chính sách đồng hóa của chúng...

Biết bao lý do chính đáng được đem ra để minh giải cho sự mất đa dạng của một số di tích. Và, hình như các ý kiến đều thỏa đáng cả. Nhưng, suy cho cùng không ai biết chính xác các di tích đã được xây dựng và mất đi trong điều kiện như thế nào?

Để bàn tới kiến trúc ngôi chùa cổ, ngày nay chúng ta chỉ còn dựa được vào một số rất ít dấu tích, trong đó phế tích chiếm một tỉ lệ đáng kể” [Trần Lâm Biền, 1996, tr. 47-49].

Chính vì thế, những yếu tố đặc trưng của thời kỳ xây dựng ít nhiều bị phai nhạt, thay vào đó là đặc trưng kiến trúc, nghệ thuật của thời kỳ tu bổ, tôn tạo, sửa chữa. Như chùa Dương Quang (thôn Thượng, xã Dương Hà), niên đại xây dựng chùa hiện nay không còn tài liệu nào miêu tả chính xác những dựa trên văn bia của chùa có thể xác định chùa được khởi dựng vào thời Lê Trung Hưng, thế kỷ XVII. Qua rất nhiều lần trùng tu, sửa chữa, kiến trúc hiện tại của chùa mang dấu ấn của lần tu sửa thời Nguyễn. Mặt bằng tổng thể kiến trúc hiện có: tam quan, sân vườn, tiền đường, thiêu hương, thượng điện, nhà thờ Tổ, nhà Mẫu, nhà khách. Chùa chính có kết cấu chữ Đinh. Tam quan xây gạch kiểu hai trụ biểu, phía trên đỉnh trụ đắp trái giành, hai bên biểu trụ làm giả hai cổng phụ. Tiền đường là một dãy nhà ngang năm gian hai dĩ rộng, xây gạch kiểu tường hồi bít đốc,...

Hay như chùa Hạ (tên chữ là Hiển Quang Tự), thuộc thôn Hạ, xã Dương Hà, được khởi công xây dựng từ khoảng cuối thời Lê, được biết đến là

ngôi chùa có quy mô lớn của phủ Từ Sơn xưa. Chùa đã trải qua rất nhiều những lần di chuyển và tu sửa, các vết tích xưa mất đi nhiều. Kiến trúc chùa hiện nay là sản phẩm của những lần tu sửa vào triều Nguyễn và một số kiến trúc hiện đại của thế kỷ XX. Kiến trúc tổng thể hiện nay của chùa gồm cổng Tam quan, chùa chính, nhà Tổ, nhà Mẫu, sân vườn,.. Chùa chính được làm theo kiểu chữ Đinh gồm tiền đường và thượng điện. Nhà tiền đường gồm năm gian được xây kiểu tường hồi bít đốc, mái lợp ngói ta, nền lát gạch hoa. Hai đầu tường hồi hiên xây hai trụ biểu lồng đèn, không trang trí. Bộ khung đỡ mái có sáu vì kèo, các vì kèo đều làm kiểu "Thượng chông rường, giá chiêng, hạ kẻ chuyền" và "quá giang gối tường". Trang trí trên kiến trúc của chùa có niên đại vào thế kỷ XIX, các cấu kiện gỗ phần lớn được bào soi, kẻ chỉ. Quá giang, kẻ, các con rường chạm nổi văn thực vật với các họa tiết đơn giản, nét chạm sâu mềm mại tạo sự thanh thoát cho kiến trúc gỗ.

Hay như chùa Kim Lan, là một ngôi chùa cổ có tiếng từ lâu, được xây dựng từ thời Lê, và trải qua rất nhiều lần trùng tu vào triều Nguyễn, đến nay công trình có lối kiến trúc hài hòa, cân đối với các mảng chạm khắc đẹp mang đậm phong cách kiến trúc thời Nguyễn như kết cấu chữ Đinh, mái lợp ngói giả ống bằng vôi vữa, bờ nóc về phía hai đầu kìm đắp rồng theo kiểu rồng lá cuốn châu vào giữa, Bộ khung nhà tiền đường gồm sáu bộ vì. Các vì đều được làm giống nhau theo kiểu chông rường. Đầu các con rường được chạm hoa lá lớn, các đầu kê hình hoa sen,...

Dù xây dựng ở thời kỳ nào, dù mang phong cách kiến trúc, nghệ thuật điển hình của thời kỳ nào, các ngôi chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm cũng đều mang những mẫu số chung của chùa Việt Nam. Các ngôi chùa thường có kiến trúc hình chữ Công, hoặc chữ Đinh; gồm các hạng mục chính: Tam Quan, nhà Tam Bảo, nhà Tổ, nhà Mẫu, nhà Khách....; kết cấu vì, kèo theo phong cách chung của chùa Việt Nam.

Có thể thấy ví dụ một số chùa như: Chùa Bát Tràng: Chùa chính hình chữ Công, gồm các hạng mục chính: nhà Tổ, nhà Mẫu, nhà Khách, vườn tháp. Chùa Gióng Một kết cấu chữ Đinh gồm tiền đường và thượng điện, trong đó tiền đường gồm năm gian, mái lợp ngói mũi hài. Hay như chùa Cổ Giang, tiền đường là một nếp nhà năm gian hai dĩ, xây gạch kiểu tường hồi bít đốc tay ngai. Phía trước là hệ thống cửa bức bàn mở đều ba gian giữa. Bộ khung nhà tiền đường được liên kết với nhau bằng sáu bộ vì kèo làm theo dạng thức kết cấu kiểu "*Thượng giá chiêng chồng rường con nhị, hạ bảy hiên*", thượng điện cũng là nếp nhà ba gian chạy dọc nối với gian giữa tiền đường tạo thành chữ Đinh, bộ khung đỡ mái gồm bốn bộ vì kết cấu theo kiểu “giá chiêng” - một kiểu kiến trúc khá phổ biến của cấu trúc bộ khung của ngôi chùa Việt, phù hợp với đặc trưng nguyên liệu xây dựng chùa của người Việt xưa cơ bản là gỗ, từng được miêu tả khá chi tiết trong cuốn Chùa Việt của tác giả Trần Lâm Biên:

“đồng bằng Bắc Bộ là nơi hội tụ các dòng văn hóa dưới dạng giao lưu (cả vô thức lẫn hữu thức) để rồi ở những chùa chiền trọng tâm của làng xã đã có nhiều kiểu “vì” khác nhau. Đó là hệ thống “vì” theo kiểu giá chiêng, hệ thống vì theo kiểu chồng rường, hệ thống vì kèo trụ trốn, hệ thống vì dựa trên kết cấu 3 hàng chân, hệ thống vì ván mê” [Trần Lâm Biên, 1996, tr. 67].

Cấu trúc chung của các ngôi chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm đều theo cấu trúc chung của chùa miền Bắc Việt Nam: Tiền Phật hậu Thánh, hay tiền Phật hậu Mẫu: Chùa Cổ Giang. Tiền đường là nếp nhà năm gian hai dĩ. Điện thờ Mẫu nằm ở phía sau bên trái chùa, gồm năm gian, kết cấu bộ vì cũng “kiểu giá chiêng chồng rường con nhị”.

Về hệ thống tượng thờ:

Hệ thống tượng thờ tại các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm mang đặc trưng của Phật giáo miền Bắc Việt Nam, Phật giáo Bắc truyền, thể hiện rõ nét sự dung hợp giữa các tông phái.

Chùa Bát Tràng: Hệ thống tượng thờ bài trí thành nhiều lớp:

- + Lớp thứ nhất là ba pho Tam thế,
- + Lớp thứ hai tượng A Di Đà ngồi kiết già trên tòa sen, hai bên là Quan Thế Âm và Đại thế chí Bồ tát tạo thành bộ tượng Di Đà Tam Tôn.
- + Lớp thứ ba là tượng Thích Ca Mâu Ni, hai bên là hai vị Bồ Tát.
- + Lớp thứ tư là tượng Quan Âm chuẩn đề và hai trợ thủ hai bên.
- + Lớp thứ năm là tượng Ngọc Hoàng cùng Nam Tào, Bắc Đẩu.
- + Dưới cùng là tượng Thích Ca sơ sinh và toà Cửu Long.
- + Sát tường hậu thượng điện bên phải là tượng Quan Âm tọa sơn, bên trái là tượng Quan âm tổng tử.
- + Hai bên dọc theo thượng điện là bộ tượng Thập điện Diêm vương.

Chùa Cổ Giang: Hệ thống tượng trên Phật điện cũng gồm nhiều lớp:

- + Lớp thứ nhất, cao nhất, sát tường hồi thượng điện là bộ tượng Tam Thế Phật
- + Lớp thứ hai, tượng Di Đà Tam tôn, trong tư thế thiền định, bên trái là tượng Quan Thế Âm, bên phải là tượng Đại Thế Chí bồ tát
- + Lớp thứ ba: Tượng A Di Đà
- + Lớp thứ tư: tượng Tuyết Sơn, A – Nan, Ca Diếp.
- + Lớp thứ năm: tượng Thích Ca
- + Lớp thứ sáu: Tòa Cửu Long, diễn tả lại cảnh đức Phật đản sinh
- + Hai bên là tượng Quan Âm tọa sơn, Quan Âm chuẩn đề.

Chùa Dương Quang:

- + Lớp thứ nhất: tượng Tam Thế.

+ Lớp thứ hai là bộ tượng Di Đà Tam Tôn: Đức A di đà ngồi giữa, hai bên là hai vị bồ tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

+ Lớp thứ ba là tượng Quan Âm chuẩn đề, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền

+ Lớp thứ tư là tượng Di Lặc ngồi giữa, hai bên là Pháp Hoa Lâm và Đại Diệu Trường.

+ Lớp thứ năm, ở giữa là tòa Cửu Long, hai bên là tượng Phạm Thiên, Đế Thích.

Chùa Kim Lan:

+ Lớp thứ nhất: là tượng Tam thế

+ Lớp thứ hai: là tượng A Di Đà Tam tôn: tượng A Di Đà, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát

+ Lớp thứ ba là tượng Tứ Giác Hoa và hai phù trợ.

+ Lớp thứ tư là tượng Ngọc Hoàng và hai tượng thị giả

+ Lớp thứ năm là tòa Cửu Long

+ Tường hồi hai bên là Quan Âm tổng tử và Quan Âm chuẩn đề, dọc hai bên tường là Thập Điện Diêm Vương.

Dung hợp với tín ngưỡng bản địa là một trong những đặc điểm của Phật giáo Việt Nam. Gia Lâm nằm trong vùng Đồng bằng Sông Hồng, cái nôi của nền văn minh lúa nước, Phật giáo huyện Gia Lâm có biểu hiện rõ về sự hỗn dung giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Nữ thần, tín ngưỡng nông nghiệp) qua hệ thống thờ tự tại các chùa, luận án đi sâu vào phân tích hệ thống thờ tự tại ba chùa điển hình cho đặc điểm này: chùa Đông Dur Thượng, chùa Hạ, Chùa Yên Mỹ, cụ thể:

Chùa Đông Dur Thượng (Nội Long Tự - nghĩa là chùa trong mắt rồng) ở xã Đông Dur, trong chùa ngoài ban thờ Phật còn có nhà thờ Tổ, nhà Mẫu. Trong cấu trúc xây dựng, mặt bằng di tích bao gồm chùa chính hình chữ đình,

nhà Tổ, nhà Mẫu nằm bên trái chùa, xung quanh là khu vườn rộng và sân gạch trước sau. Điện thờ Mẫu nằm bên trái phía sau chùa chính, là một dãy nhà năm gian, với kết cấu vì kèo kiểu giá chiêng trang trí hồ phù, rồng châu mặt trời, hoa lá thực vật. Trong nhà Mẫu, chính điện thờ Tam Tòa Thánh Mẫu, phía ngoài là hai pho tượng cậu, tượng cô, bên phải thờ Thượng Ngàn Thánh Mẫu, bên trái thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo, là vị tướng tài ba có công với nước. Sự xuất hiện nhà thờ Tổ và nhà thờ Mẫu trong khuôn viên chùa đã cho thấy sự hỗn dung mạnh mẽ giữa Phật giáo với các tín ngưỡng bản địa Việt Nam như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên hay tín ngưỡng thờ Mẫu,... Người dân khi đến chùa không chỉ lễ Phật mà còn lễ Mẫu, lễ các vị thần khác mà dân làng mình tôn sùng... và đây cũng là một đặc điểm rất riêng của Phật giáo Việt Nam

Chùa Hạ có tên chữ là Hiển Quang tự, thuộc thôn Hạ, xã Dương Hà được khởi dựng khoảng cuối thời Lê, là một ngôi chùa có quy mô tương đối lớn ở thời xưa, khi đó tiếng vang của chùa lan rộng khắp xứ Kinh Bắc. Điều đặc biệt ở ngôi chùa là chùa Hạ không chỉ thờ Phật mà còn thờ các các vị sư tổ đã có công với chùa và còn thờ cả mẫu Thoải. Giải thích về lý do thờ mẫu Thoải ở chùa là do chùa nằm cạnh sông và sự tích về mẫu Thoải nơi đây có nhiều dị bản khác nhau. Có truyền thuyết cho rằng, Mẫu Thoải là con Lạc Long Quân, được giao quản lý sông biển ở nước Nam và đóng dinh ở sông Nguyệt Đức. Một bà là Thủy Trinh Động Đình Ngọc Nữ công chúa, một bà là Hoàng Hà đoan khiết phu nhân. Bà thứ 3 là Tam Giang công chúa. Các bà đều trông coi sông biển, làm mưa và âm phù cho các cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Đời Lê Thánh Tông khi kéo quân đánh giặc phương Nam, thuyền nhà vua vừa gặp cuồng phong, các bà sai tướng giúp dẹp yên gió và vị tướng ấy được vua phong là Nguyệt Nga công chúa. Mẫu Thoải được thờ ở nhiều

nơi nhưng nơi đây ngoài ngày lễ chính thì vào ngày sóc và vọng dân làng vẫn đến lễ bà.

Chùa Yên Mỹ, xã Dương Quang là một di tích kiến trúc đặc trưng cho đặc điểm dung hợp tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt. Phật giáo khi vào Việt Nam dung hợp mạnh mẽ với các tín ngưỡng bản địa Việt Nam, trong đó đặc biệt là tín ngưỡng thờ Tứ pháp. Tứ Pháp là bốn vị thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp (Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện), bốn vị thần có ý nghĩa quan trọng với cư dân trồng lúa nước, gọi mưa về cho người dân cấy cày, cho cây cối tốt tươi, báo hiệu mùa màng bội thu. Chùa Yên Mỹ có tên chữ là *Phúc Nhân Tự Yên*. Điều đặc biệt ở ngôi chùa này là sự đan xen giữa thờ Phật và tín ngưỡng thờ Pháp Điện (một trong "*Tứ pháp*") của vùng đất Siêu Loại, Thuận Thành Bắc Ninh xưa. Trong chùa có 17 pho tượng lớn nhỏ: trong đó 12 pho tượng Phật, 3 pho tượng Mẫu, 1 pho tượng Thánh và 1 pho tượng Tổ. Tượng Pháp Điện được tạc với hình dáng người phụ nữ ngồi thiền định trên tòa sen, có khuôn mặt phúc hậu, sống mũi thẳng, miệng mỉm, môi dày, ngực nở, eo thon, tay trái hạ xuống ngang eo, tay phải giơ ngang trước ngực, khoác một chiếc áo có trang trí hoa văn, toàn thân được sơn một màu sơn đỏ. Ngôi chùa vừa có nét chung của một ngôi chùa thờ Phật lại có nét riêng khác hẳn với những ngôi chùa khác trong vùng. Chính nét riêng đó đã làm nên giá trị phi vật thể đặc biệt của ngôi chùa, giúp các nhà nghiên cứu có thêm tư liệu tìm hiểu về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của tín ngưỡng thờ Tứ pháp ở Việt Nam.

3.3.2. Thực trạng về việc bảo tồn kiến trúc, Phật điện

Các cơ sở thờ tự của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm hiện nay về cơ bản được bảo tồn, lưu giữ được nhiều giá trị văn hóa truyền thống, tuy nhiên cũng không ít những di tích đã bị mai một, xuống cấp trầm trọng.

Như đã phân tích ở chương 2, trong thời gian vừa qua, các cấp chính quyền huyện Gia Lâm đã rất quan tâm, chú trọng đến công tác bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn huyện Gia Lâm, trong đó có các di sản Phật giáo. Điều đó được thể hiện bằng nhiều chương trình, hoạt động: Như triển khai Đề án “Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Gia Lâm giai đoạn 2016 – 2020” với hàng loạt các chương trình, hoạt động. Qua 5 năm triển khai, thực hiện đã thu được nhiều kết quả nổi bật, điển hình như:

- + Đã kiện toàn được ban quản lý di tích, ban hành Quy chế hoạt động với 23 Ban quản lý di tích cấp xã và 103 tiểu ban cấp thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện.

- + Công tác xếp hạng, gắn biển di tích được quan tâm: đến nay 173 di tích xếp hạng trên địa bàn đã có bảng di tích tuyên truyền, đạt 100% đề án.

- + Thực hiện kiểm kê các hiện vật tại các di tích trên toàn huyện, lập, dịch văn bia và các tư liệu Hán Nôm tại các di tích. Huyện Gia Lâm đã hoàn thành công tác kiểm kê hiện vật trong các di tích. Việc kiểm kê này có ý nghĩa rất lớn, giúp cho công tác quản lý xác định được hiện trạng về cả mặt số lượng, chất lượng các di tích trong địa bàn được mô tả trong các nội dung như: khảo tả hiện vật, ước lượng niên đại, ảnh các góc độ của hiện vật, khái quát giá trị hiện vật. Huyện Gia Lâm đã thực hiện lập, dịch văn bia tư liệu Hán Nôm tại 50 di tích tiêu biểu xếp hạng di tích quốc gia trong các xã. Huyện đã ra mắt cuốn sách: “Gia Lâm- Di vật, hiện vật tiêu biểu trong di tích lịch sử văn hóa”

- + Lập các bảng giới thiệu tuyên truyền về các di tích,...

- + Đầu tư, tôn tạo các di tích bị xuống cấp với kinh phí lên đến hàng nghìn tỉ đồng. Đối với công tác tu bổ, tôn tạo di tích, tính từ năm 2016 đến

nay, Gia Lâm là huyện đầu tư lớn nhất cho tu bổ di tích trong cả nước, với tổng kinh phí khoảng 1.000 tỷ đồng cho 60 di tích.

Tiếp tục duy xây dựng và triển khai đề án: “Bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 – 2025”.

Chỉ tính trong năm năm vừa qua (2016 – 2021), các chùa xếp hạng di tích đã được bảo vệ, công tác xây dựng trùng tu ngôi Tam Bảo và xây dựng mới lại các hạng mục, nhà thờ Tổ, thờ Mẫu, giảng đường niệm Phật, nhà Tăng, khuôn viên vườn tháp, tạc tượng đúc chuông. Thông kê sơ bộ về công tác trùng tu tôn tạo của các cơ sở tự viện đã được quy hoạch trong huyện lên đến hơn 200 tỉ đồng (Xem phụ lục)

Ngoài ra thời gian qua trong toàn huyện còn có rất nhiều chùa, các cơ sở tự viện khác trùng tu, xây dựng sửa sang lại khuôn viên, nơi thờ tự cho trang nghiêm, phục vụ tốt nhu cầu tín ngưỡng của Nhân dân, Phật tử.

Với những nỗ lực trên đây, các di tích trên địa bàn huyện Gia Lâm trong đó có các di tích Phật giáo đã được quan tâm bảo tồn, phát huy giá trị. Qua các cuộc kiểm kê cho thấy trong các cơ sở thờ tự Phật giáo ở huyện Gia Lâm hiện nay, còn lưu giữ được rất nhiều những cổ vật, di vật quý giá.

Các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm có niên đại khởi công xây dựng khác nhau, nhưng phần lớn đều là những ngôi chùa cổ, đã qua nhiều lần tu sửa ở các giai đoạn khác nhau trong lịch sử, mang phong cách của các lần tu sửa sau nhưng ít nhiều còn lưu giữ được nhiều những giá trị truyền thống – văn hóa của các thời kỳ xây dựng. Toàn huyện hiện nay có 39 ngôi chùa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa. Trong các ngôi chùa còn sở hữu nhiều cổ vật, di vật quý giá.

Tại cụm di tích Đền – Chùa Bà Tấm: Như đã phân tích ở trên, Đền - Chùa Bà Tấm được xây dựng từ thời Lý, gắn với Nguyên Phi – Hoàng Thái Hậu Ý Lan, nhân vật nổi tiếng ở thời Lý, được nhân dân tôn là Phật Bà Quan

Âm, dân gian gọi là Bà Tấm, là hiện thân của lòng bao dung, đức độ và những điều tốt lành. Trong chùa còn lưu giữ được tượng đôi Sư tử đá có niên đại từ thời Lý. Đôi Sư tử được đặt tại tòa Tam Bảo của chùa. Đôi Sư tử được coi là biểu tượng đỉnh cao của kỹ thuật điêu khắc đá, của sự pha trộn giữa tượng tròn và phù điêu với hình dáng nằm thủ phục, đường nét mềm mại, cân đối. Trên mặt Sư tử được bố cục những nét đục, chạm vừa uyển chuyển vừa khỏe khoắn, vừa mềm mại vừa mạnh mẽ. Sư tử có trán ngắn như trán lạc đà, giữa trán chạm chữ “Vương”. Mắt Sư tử là khối mắt to, lồi, với hàng chân mày vượt dài, uốn lượn thanh thoát. Miệng sư tử mở rộng để lộ hàm răng, lưỡi đỡ viên ngọc, quanh mép là băng hồi văn xoắn ốc. Má chạm nổi băng hoa nhiều cánh xoắn ốc. Cổ đeo dây lục lạc. Tai sư tử đặt trên mang bạnh, sau mang là những bờm tóc thể hiện bằng nhiều hàng hoa văn xoắn móc. Chân sư tử có 5 móng chim ưng, đang trong tư thế động [Xem Phụ lục ảnh].

Đôi sư tử đá tại chùa Bà Tấm là một sản phẩm đỉnh cao của nghệ thuật điêu khắc đá thời Lý. Các nghệ nhân thời Lý đã thổi hồn vào pho tượng, diễn tả được thần thái uy nghi và sống động mà vẫn đầy tinh tế. Đây là một trong số rất ít những hiện vật tiêu biểu về nghệ thuật điêu khắc thời Lý hiện còn lại ở nước ta.

Đôi Sư tử đá đền – chùa Bà Tấm được Thủ tướng Chính Phủ công nhận Bảo vật Quốc gia năm 2020 (Quyết định số 88/QĐ-TTg về việc Công nhận Bảo vật quốc gia, ngày 15/1/2020).

Tượng Quan Âm nghìn thủ thiên nhãn tại chùa Thánh Ân hay còn gọi là chùa Đào Xuyên (thôn Đào Xuyên, xã Đa Tốn)... Tượng Phật là tác phẩm điêu khắc thế kỷ XVI. Tượng Bồ Tát Quan Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn ngồi trên tòa sen, tượng cao 1,32 m, cả bộ là 2,55 . Tượng làm bằng gỗ mít, sơn son thiếp vàng. Tượng ngồi khoanh chân, tư thế tham thiền nhập định trên đài sen lục giác, các cánh sen tròn, xếp lớp như đóa sen đang nở, các cánh sen

được trang trí cách điệu mây lửa, sóng nước, mang đậm phong cách nghệ thuật thế kỷ XVI. Tượng có khuôn mặt cân đối, đầy đặn, phúc hậu. Tượng có đến 652 cánh tay, phía trước có 21 cặp cánh tay trong các tư thế khác nhau, hai tay chính chắp trước ngực, đằng sau có 610 cánh tay nhỏ xếp thành ba lớp xòe ra thành vòng hào quang. Tấm áo trên người tượng mềm mại xếp lớp rủ xuống. Đầu tượng đội mũ được trang trí cầu kỳ [Xem hình ảnh phụ lục].

Tượng được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam xác nhận Kỷ lục vào ngày 04/5/2006, được Thủ tướng Chính Phủ công nhận Bảo vật Quốc gia ngày 14/01/2015.

Và tại các ngôi chùa còn lưu giữ được rất nhiều các di vật quý: Tại chùa Bát Tràng hiện còn hai quả chuông đồng, trong đó một quả chuông “Bảo Minh Tự chung” có niên đại thời Tây Sơn (1795).

Trải qua thời gian tồn tại lâu dài, đến nay chùa Dương Quang còn bảo lưu được khối lượng di vật khá phong phú, đa dạng mang giá trị thẩm mỹ cao bao gồm một chuông đồng niên đại Quang Trung bát niên (1800), một pho tượng Thích Ca bằng đồng, bốn bát hương đồng, 21 tấm bia đá có niên đại tạo dựng trải dài từ thời Lê, Tây Sơn đến Nguyễn, một hương án gỗ có trang trí chạm nổi, chạm thủng, chạm bong kênh các hình rồng, cánh sen, văn triện, hoa văn hình học, bốn chân làm kiểu chân quỳ, chạm rồng, diềm dưới trang trí chạm nổi các hình vân mây đao mác xoắn, diềm trên cùng trang trí hoa văn cánh sen mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII, ba bức hoành phi sơn son thiếp vàng, một câu đối gỗ, bảy chân nến, sáu mâm bồng sơn son, hai bức tranh gỗ sơn son trang trí tứ quý, 24 pho tượng phật mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII- XIX, một tòa Cửu Long thiếp vàng thế kỷ XIX, bốn pho tượng tổ và nhiều pho tượng mẫu trong đó có hai động sơn trang cùng nhiều đồ thờ tự khác.

Nổi bật là những pho tượng A Di Đà, tượng Quan Âm Nam Hải và tượng Di Lặc. Tượng A Di Đà ngồi trên tòa sen ba lớp cánh, tóc búi ốc chín lớp, giữa đỉnh nổi khối nhục kháo, mặt trái xoan, trán rộng, mày cong, mắt khép hờ, mũi dọc dừa, tai chảy dài ngang cằm, cổ ba ngón, ngực hở lộ rõ chữ vạn, vẻ mặt hiền từ phúc hậu, ngồi ở tư thế thiền định.

Tượng Quan Âm Nam Hải ngồi trên tòa sen ba lớp, các cánh sen to, mập. Đầu tượng đội mũ ti lư, mắt khép hờ, mũi dọc dừa, mặt trái xoan, đôi tai chảy dài ngang cằm, cổ cao ngắn, mặc áo cà sa phủ khăn thơm, ngực để hở, hai tay kết ấn trước ngực, mỗi bên sườn lại có thêm 10 tay phụ.

Tượng Di Lặc ngồi trên tòa sen ba lớp, các cánh sen mập, giữa các cánh sen chạm nổi, cúc mãn khai. Tượng ngồi trên tư thế thoải mái nét mặt tươi cười hoan hỉ. Toàn bộ các pho tượng và bệ sen được phủ sơn son thiếp vàng lộng lẫy mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII - XIX. Các pho tượng được tạo tác công phu, tỷ mỷ. Đây là những tiêu bản quý giá góp phần tìm hiểu nghệ thuật tạc tượng, đúc tượng trong lịch sử dân tộc. Nguồn tư liệu thành văn gồm 21 tấm bia đá, 2 cây hương đá, chuông đồng, hoành phi, câu đối là những tài liệu lịch sử quý có giá trị trong việc nghiên cứu tìm hiểu về nhiều thời kỳ lịch sử sôi động như Lê Trung Hưng, Quang Trung...và nhiều phong tục tập quán của nhân dân xã Dương Hà nói riêng mà còn là nơi hội tụ truyền thống của cộng đồng dân cư người Việt.

Tồn tại đến ngày nay, Chùa Dương Quang chứa đựng nhiều giá trị lịch sử khác nhau trong kho tàng di sản văn hóa dân tộc. Cùng với đình Thượng, đình Trung, đình Hạ, chùa Hiền Quang, chùa Hạ tạo thành một quần thể di tích tôn giáo truyền thống trên địa danh một vùng quê cổ. Chùa Dương Quang có quy mô kiến trúc bề thế, có cảnh quan thiên nhiên đẹp hiện đang được chính quyền và nhân dân địa phương bảo quản khá tốt. Để bảo tồn và phát

huy tác dụng của di tích chính quyền xã Dương Hà đã thành lập các tiểu ban di tích và thực hiện sự quản lý di tích theo hướng dẫn của ngành dọc cấp trên.

Chùa Dương Quang đã được UBND thành phố xếp hạng di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật năm 2003.

Tồn tại tới ngày nay, di tích chùa Yên Mỹ còn bảo lưu được những đường nét cổ truyền rất đáng trân trọng và lưu giữ được nhiều di vật mang giá trị nghệ thuật cao với nhiều loại hình và chất liệu khác nhau như chuông đồng đúc ngày lành tháng tốt năm Thiệu Trị nguyên niên (1841). Chuông có dáng đẹp, quai chuông là một đôi rồng đầu lưng vào nhau, thân chuông tạo thành bốn múi, tên chuông “An Mỹ Thiên tự” đúc nổi trong ô hình vuông. Các góc là hình hoa văn cách điệu, trong khung khắc bài minh, bốn ô chữ nhật phía dưới trang trí theo đề tài tứ linh, tứ quý. Ba mặt chuông khắc toàn bộ tên người cùng số tiền đóng góp của họ ở các thôn, xã giúp cho việc đúc chuông, mặt còn lại khắc bài minh và bát hương cổ ... Đặc biệt là hệ thống tượng thờ trong đó có tượng Pháp Điện mang đặc trưng phong cách nghệ thuật thế kỷ XVIII – XIX. Sự có mặt của tượng Pháp Điện trong di tích sẽ giúp các nhà khoa học, nhà nghiên cứu có thêm tư liệu, căn cứ trong việc tìm hiểu về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của tín ngưỡng thờ Tứ pháp trên đất nước ta.

Chùa Kiến Sơ: hiện nay trong chùa có tượng Thiền sư Vô Ngôn Thông. Cạnh tượng Thiền sư Vô Ngôn Thông còn có tượng Vua Lý Công Uẩn. Ở mặt sau của Thượng điện có 5 động đắp bằng vôi vữa, trong đó có tượng Phật và Bồ Tát, tượng Bồ Đề Đạt Ma, người được coi là sáng lập Thiền tông Trung Quốc. Chùa có chiếc khánh đá rất lớn. Gác chuông của chùa được xây ngay trên nóc hậu đường. Trước sân chùa có một cây hương đá dựng năm Chính hòa thứ 17 (1696). Chùa Kim Lan: Hiện nay chùa còn lưu giữ được bộ sưu tập di vật phong phú, đa dạng về thể loại và chất liệu như đồ gỗ, đồ đồng, đồ

đá và đồ gốm sứ mang những giá trị nghệ thuật tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật từng thời kỳ lịch sử khác nhau. Đáng lưu tâm là 43 pho tượng tròn của chùa được tạo tác tỷ mỉ, công phu như bộ tượng Tam Thế, Di Đà Tam tôn, Quan Âm chuẩn đề, các tượng Khuyển Thiện, Trùng ác, tượng Tổ, tượng Mẫu...

Nhận thức được giá trị di sản của các ngôi chùa nói riêng, hệ thống di sản trên địa bàn huyện nói chung, trong thời gian qua các cấp chính quyền huyện Gia Lâm đã có nhiều biện pháp nhằm gìn giữ, phát huy giá trị của di sản như chương trình “Phát huy giá trị của di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 – 2025”,...

Với những nỗ lực trên đây, các di sản tại huyện Gia Lâm (vật thể và phi vật thể) đã được trùng tu, tôn tạo, gìn giữ khá nhiều. Nhưng với những tác động của các yếu tố khách quan, chủ quan khác nhau, rất nhiều các di sản, trong đó có các di sản Phật giáo ở huyện Gia Lâm đang trong tình trạng bị mai một, xuống cấp, đặc biệt là các ngôi chùa cổ có giá trị lớn. Ví như chùa Kiến Sơ.

Đến văn cảnh chùa, phật tử không còn nhận ra những dấu vết của một thiền phái năm xưa vốn hùng mạnh, với biết bao đệ tử theo học. Có chăng, bức tượng Vô Ngôn Thông và hai bức tượng, một là vua Lý Công Uẩn, hai là mẹ Lý Công Uẩn như thể dấu vết còn sót lại của một thời kì huy hoàng. Trông cảnh này, phật tử nào cũng phải bùi ngùi.

Theo ni sư Thích Đàm Chuyên, chùa đã trải qua biết bao lần tôn tạo, trùng tu. Trong hơn 40 năm trụ trì ở chùa, sư Thích Đàm Chuyên cũng đã chứng kiến lần sửa chữa chùa. Năm 1971 của thế kỷ trước, trận lụt lịch sử ở miền Bắc làm nhiều hạng mục của chùa hư hỏng. Rất nhiều bức tượng quý cũng như một số công trình quan trọng khác bị hỏng mà đến bây giờ cũng

chưa khôi phục lại được như trước. Chưa kể những lần mất cắp, chùa cũng bị thất lạc, hỏng rất nhiều bức tượng quý.

Điều đáng ngại nhất là ngôi chùa đang bị lãng quên một cách đáng tiếc trong tâm trí phật tử. Theo chia sẻ của ni sư trụ trì, số lượng khách viếng thăm chùa đã ít, số người hiểu về gốc tích của ngôi chùa càng ít hơn. Mặc dù, chùa được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia từ năm 1975 nhưng còn quá ít người biết về ngôi chùa này.

“Có những vị khách đến làm lễ nhưng chính họ cũng không biết tên ngôi chùa. Nếu nhắc đến tên chùa, họ đều ngạc nhiên tưởng rằng, ngôi chùa là một phần của di tích đền Gióng” – ni sư trụ trì chia sẻ. Ni sư cũng cho biết, hàng năm vào dịp lễ hội Gióng, người đến làm lễ ở đền Gióng rất đông. Vì tiện đường nên họ tạt sang làm lễ ở chùa. Chùa chủ yếu là nơi hành lễ của dân địa phương.

Từ sự phân tích trên cho thấy, mỗi cơ sở thờ tự của Phật giáo trên địa bàn huyện Gia Lâm là một bảo tàng nhỏ, nơi lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống. Như đã phân tích ở trên cho thấy: Gia Lâm là mảnh đất giao thoa giữa hai nền văn hóa Thăng Long và Kinh Bắc, nơi đây sở hữu kho tàng văn hóa phong phú và đặc sắc. Bên cạnh những di sản nổi tiếng như: Di tích Quốc gia đặc biệt đền Phù Đổng, Lễ hội Gióng được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, Lễ hội đền Nguyên phi Ỗ Lan... thì những di sản văn hóa Phật giáo cũng là một điểm nhấn quan trọng: nhiều bảo vật quốc gia như đôi sư tử đá (niên đại thế kỷ XII) và khám thờ gỗ sơn son thếp vàng (niên đại thế kỷ XVI) tại di tích đền – chùa Bà Tấm, xã Dương Xá; các di vật, cổ vật quý giá như tượng “Quan Âm thiên thủ thiên nhãn” thuộc thời Mạc tại chùa Thánh Ân, xã Đa Tốn...

Nhận thức được tầm quan trọng của các giá trị văn hóa truyền thống trong phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội trong bối cảnh hiện nay, như Đảng và Đảng và Nhà nước ta đã xác định:

“Phát triển tách khỏi cội nguồn dân tộc thì nhất định sẽ lâm vào nguy cơ tha hóa. Thực hiện kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà xa rời những giá trị văn hóa truyền thống sẽ làm mất đi bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình, trở thành cái bóng mờ của người khác, của dân tộc khác.

Nhận thức sâu sắc giá trị của văn hóa trong quá trình phát triển, Đảng ta xác định tiến hành đồng bộ và gắn kết chặt chẽ ba lĩnh vực: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là nhiệm vụ then chốt cùng với việc xây dựng văn hóa, nền tảng tinh thần của xã hội nhằm tạo nên sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của đất nước. Trong đó, nội dung xây dựng văn hóa được xác định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, một định hướng quan trọng để đất nước phát triển bền vững” [Xem Vai trò của văn hóa trong quá trình phát triển đất nước].

Đặc biệt là bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Gia Lâm, chính quyền huyện Gia Lâm thời gian qua đã rất quan tâm đến việc bảo tồn các giá trị văn hóa lịch sử, minh chứng bằng các chính sách, đề án, việc làm cụ thể như đã phân tích.

Tiểu kết chương 3.

Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm ngày nay vẫn nối tiếp truyền thống của Phật giáo Việt Nam và truyền thống của Phật giáo huyện Gia Lâm các thời kỳ trước, đó là truyền thống “hộ quốc an dân”, luôn đồng hành cùng nhân dân trong huyện trong mọi hoạt động, để cùng nhân dân xây dựng huyện Gia

Lâm ngày càng phát triển, giàu đẹp, văn minh, hướng đến hoàn thành các mục tiêu của huyện trong các giai đoạn phát triển ngắn hạn, dài hạn.

Về cơ cấu tổ chức, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm được phát triển, trưởng thành từ Ban Đại diện Phật giáo huyện Gia Lâm. Từ khi được thành lập đến nay, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã không ngừng hoàn thiện về mặt cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động, xứng đáng là cơ quan đại diện cho Phật giáo huyện Gia Lâm về mọi mặt.

Về hoạt động, với những đặc trưng rất riêng về lịch sử, về các điều kiện kinh tế xã hội nên các hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thời gian qua cũng rất đa dạng sôi nổi. Điều đó được thể hiện, một mặt Phật giáo đã đáp ứng được nhu cầu tâm linh của một bộ phận không nhỏ người dân huyện Gia Lâm là tín đồ Phật giáo, làm phong phú, đa dạng thêm đời sống tinh thần của người dân của người dân huyện Gia Lâm nói chung. Mặt khác, với các hoạt động xã hội sôi nổi của mình đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm trong bối cảnh mới.

Với đặc trưng của vùng đất có lịch sử lâu đời, có truyền thống, Phật giáo du nhập từ rất sớm nên ở huyện Gia Lâm có hệ thống các cơ sở thờ tự đa dạng và phong phú, các cơ sở thờ tự nơi đây vẫn lưu giữ được nhiều giá trị truyền thống phản ánh những bước đường lịch sử của Phật giáo huyện Gia Lâm. Bên cạnh đó do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, nhiều công trình cơ sở thờ tự Phật giáo ở huyện Gia Lâm đang đứng trước nguy cơ bị mai một, xuống cấp. Trong thời gian qua, huyện Gia Lâm đã rất nỗ lực trong công tác bảo tồn các giá trị truyền thống, các di tích lịch sử và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên vẫn còn một số di tích xuống cấp đang cần phục hồi.

Chương 4:

ĐẶC ĐIỂM, NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA, VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM PHÁT HUY NGUỒN LỰC CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Đặc điểm Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

Qua nghiên cứu lịch sử và thực trạng Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, tác giả nhận thấy, Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm ngoài những đặc trưng chung của Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Thủ đô thì đã thể hiện được những đặc điểm rất riêng. Những đặc điểm riêng này xuất phát từ chính những đặc trưng về điều kiện kinh tế - xã hội – văn hóa của vùng. Những đặc điểm có thể thấy:

4.1.1. Phật giáo huyện Gia Lâm gắn với buổi đầu truyền giáo

Phật giáo huyện Gia Lâm có lịch sử lâu đời do gắn liền với quá trình du nhập Phật giáo vào Việt Nam.

Như đã phân tích ở chương 2, huyện Gia Lâm có vị trí địa lý là nơi giao thoa của hai nền văn hóa lớn Kinh Bắc và Thăng Long. Trong lịch sử hình thành, phát triển của huyện cũng thấy có thời kỳ, vùng đất Gia Lâm thuộc về phủ Thiên Đức, có thời kỳ lại thuộc về Phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc, đến nay lại thuộc về thủ đô Hà Nội, là vùng cửa ngõ phía Đông. Chính đặc điểm về vị trí địa lý này lại cộng thêm sự thuận lợi về điều kiện tự nhiên vì thế vùng đất này có thể coi là nằm trong khu vực nội của người Việt cổ, cư dân định cư từ rất sớm. Chính vì lẽ đó, vùng đất này có duyên hội ngộ Phật giáo từ rất sớm. Chính vì thế có thể khẳng định Phật giáo huyện Gia Lâm có lịch sử lâu đời, do rất gần với trung tâm Phật giáo Luy Lâu – trung tâm Phật giáo lớn của nước ta ở thời kỳ những thế kỷ đầu Công Nguyên nên việc tiếp

xúc với Phật giáo thông qua con đường lan tỏa từ vùng trung tâm ra ngoại vi là điều rất dễ giải thích.

4.1.2. Phật giáo huyện Gia Lâm hỗn dung sâu rộng với tín ngưỡng dân gian bản địa

Phật giáo huyện Gia Lâm có biểu hiện rõ về sự hội nhập giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (đặc biệt là tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Nữ thần) qua cấu trúc và việc thực hành tín ngưỡng tôn giáo tại các chùa, như chùa Đông Dư Thượng, chùa Hạ, Chùa Yên Mỹ, chùa Nành. Đặc biệt là ở vùng đất cổ, mang tính chất điển hình của người Việt với đặc trưng văn hóa lúa nước như huyện Gia Lâm, thì biểu hiện của sự hội nhập thể hiện đậm đặc hơn các vùng khác.

Đây là một đặc điểm rất đặc trưng của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt Phật giáo khu vực Bắc Bộ, bởi trước khi Phật giáo vào Việt Nam, người Việt đã có hệ thống các tín ngưỡng bản địa rất phong phú và đa dạng, đặc biệt các tín ngưỡng nông nghiệp và các tín ngưỡng liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp (điều này xuất phát từ đặc trưng điều kiện kinh tế, văn hóa của một nước nông nghiệp lúa nước). Vì thế, ngay từ những bước đầu du nhập, Phật giáo đã dung hợp mạnh mẽ với các tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Câu chuyện Man Nương đã thể hiện đặc điểm trên, như nhận xét của tác giả Trần Lâm Biền nhận xét:

“Câu chuyện về Man Nương trong mối quan hệ với Khâu Đà La, nếu được coi là một cứ liệu lịch sử, thì ngay từ buổi đầu đó Phật giáo đã sớm kết hợp với tín ngưỡng bản địa để cho một số thần linh nông nghiệp (có lẽ ít nhiều đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa) hóa thân thành Phật, như ở chùa bà Dâu (Tháp Vân – thần mây hóa Phật) chùa bà Đậu (Pháp Vũ – thần mưa), chùa bà Giàn (Pháp Lôi – thần sấm), chùa bà Tướng (Pháp Điện – thần chớp). Sự tích còn gắn với

nhiều phép lạ có tính chất phù thủy, có thể những chi tiết này được bổ sung dần về sau, song ít nhiều vẫn nói lên một đặc tính của tâm hồn Việt trong mối quan hệ với thế giới siêu nhiên là thích và tin ở sự linh dị” [Trần Lâm Biền, 1996, tr.12-13].

Như đã phân tích rất kỹ ở chương 3 trong phần cơ sở thờ tự Phật giáo tại huyện Gia Lâm. Về cấu trúc các ngôi chùa ở huyện Gia Lâm. Ở đây, tác giả xin phân tích lại một số trường hợp tiêu biểu:

Chùa Nành (chùa Cả) hay còn gọi là Pháp Vân Cổ Tự, ngôi cổ tự thuộc xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, là một trong bốn ngôi chùa lớn nhất thờ Tứ pháp ở miền Bắc Việt Nam (cùng với chùa Dâu, chùa Keo, chùa Đậu). Chùa từng được mệnh danh là “Bắc Giang đệ nhất thiền môn”, thuộc hệ thống chùa Tứ Pháp có quy mô bậc nhất ở miền Bắc Việt Nam. Nhắc lại đôi nét về hệ thống thờ Tứ Pháp vùng Dâu xưa:

“Hệ thống chùa Tứ Pháp vùng Dâu, được thờ vừa là “Thần”, vừa là “Phật” với truyền thuyết sự kết hợp của Khâu Đà La và Man Nương, đây là kết tinh của sự dung hòa giữa Phật giáo Ấn Độ với tín ngưỡng bản địa của người Việt cổ trông lúa nước thờ các lực lượng tự nhiên (mây, mưa, sấm, sét) đã tạo nên một trung tâm tín ngưỡng tôn giáo bản địa với sắc thái riêng biệt. Việc thờ Phật Thạch Quang và Phật Tứ Pháp tại các chùa tại chùa ở Luy Lâu với trung tâm là chùa Dâu đã phản ánh sự dung hợp đó. Phật Thạch Quang vốn là hòn đá thiêng, biểu tượng phồn thực trong tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp Việt cổ vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng. Từ các vị thần mây, mưa, sấm, chớp trong tín ngưỡng của cư dân trông lúa nước đã chuyển thành “Tứ Pháp”. Đây là quá trình xâm nhập và chuyển hóa của Phật giáo Ấn Độ kết hợp với tín ngưỡng của cư dân Việt [Lê Văn Chiến, 2018, tr.46-52].

Tín ngưỡng thờ Tứ Pháp từ vùng Dâu lan tỏa ra các khu vực lân cận rất rộng, bao gồm cả Gia Lâm, Hà Nội, chùa Nành là một ví dụ điển hình. Chùa Nành thờ Pháp Vân.

Chùa Đông Dur Thượng (Nội Long Tự - nghĩa là chùa trong mắt rồng) ở xã Đông Dur, như đã giới thiệu ở chương 3, chùa Đông Dur Thượng cũng thể hiện rõ nét sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa Việt Nam: tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên. Trong chùa ngoài ban thờ Phật còn có nhà thờ Tổ, nhà Mẫu theo cấu trúc “tiền Phật hậu Mẫu”. Sự xuất hiện nhà thờ Tổ và nhà thờ Mẫu trong khuôn viên chùa đã cho thấy sự hỗn dung mạnh mẽ giữa Phật giáo với các tín ngưỡng bản địa Việt Nam như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên hay tín ngưỡng thờ Mẫu,... Người dân khi đến chùa không chỉ lễ Phật mà còn lễ Mẫu, lễ các vị thần khác mà dân làng mình tôn sùng... và đây cũng là một đặc điểm rất riêng của Phật giáo Việt Nam

Chùa Hạ có tên chữ là Hiển Quang tự, thuộc thôn Hạ, xã Dương Hà được khởi dựng khoảng cuối thời Lê, là một ngôi chùa có quy mô tương đối lớn ở thời xưa, khi đó tiếng vang của chùa lan rộng khắp xứ Kinh Bắc. Điều đặc biệt ở ngôi chùa là chùa Hạ không chỉ thờ Phật mà còn thờ các các vị sư tổ đã có công với chùa và còn thờ cả mẫu Thoải. Giải thích về lý do thờ mẫu Thoải ở chùa là do chùa nằm cạnh sông và sự tích về mẫu Thoải nơi đây có nhiều dị bản khác nhau. Có truyền thuyết cho rằng, Mẫu Thoải là con Lạc Long Quân, được giao quản lý sông biển ở nước Nam và đóng dinh ở sông Nguyệt Đức. Một bà là Thủy Trinh Động Đình Ngọc Nữ công chúa, một bà là Hoàng Hà đoan khiết phu nhân. Bà thứ 3 là Tam Giang công chúa. Các bà đều trông coi sông biển, làm mưa và âm phù cho các cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Đời Lê Thánh Tông khi kéo quân đánh giặc phương Nam, thuyền nhà vua vừa gặp cuồng phong, các bà sai tướng giúp dẹp yên gió và vị tướng ấy được vua phong là Nguyệt Nga công chúa. Mẫu Thoải được thờ ở nhiều

nơi nhưng nơi đây ngoài ngày lễ chính thì vào ngày sóc và vọng dân làng vẫn đến lễ bà.

Chùa Yên Mỹ, xã Dương Quang là một di tích kiến trúc đặc trưng cho đặc điểm dung hợp tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt. Chùa có tên chữ là *Phúc Nhân Tự Yên*. Điều đặc biệt ở ngôi chùa này là sự đan xen giữa thờ Phật và tín ngưỡng thờ Pháp Điện (một trong "*Tứ pháp*") của vùng đất Siêu Loại, Thuận Thành Bắc Ninh xưa. Vì vậy, di tích vừa có nét chung của một ngôi chùa thờ phật lại có nét riêng khác hẳn với những di tích khác trong vùng. Chính nét riêng đó đã làm nên giá trị phi vật thể đặc biệt của ngôi chùa, giúp các nhà nghiên cứu có thêm tư liệu tìm hiểu về lịch sử hình thành, tồn tại và phát triển của tín ngưỡng thờ Tứ pháp ở Việt Nam.

4.1.3. Phật giáo huyện Gia Lâm có số lượng tín đồ đông đảo

Phật giáo huyện Gia Lâm có lịch sử gắn liền với lịch sử hình thành làng xã nên lượng tín đồ Phật tử rất đông.

Phật giáo vào Việt Nam, Phật giáo đã tự cải biến để thích nghi với bản sắc văn hóa Việt Nam (đã phân tích ở phần trên), đặc biệt Phật giáo ăn sâu vào văn hóa dân gian Việt Nam để trở thành một dòng Phật giáo dân gian Việt Nam hết sức đặc biệt. Với đặc trưng của một nước nông nghiệp, quảng đại quần chúng nhân dân ở Việt Nam các thời kỳ trước là nông dân với sinh hoạt nông nghiệp gắn với các công việc đồng áng cấy cày, trồng dâu nuôi tằm. Người nông dân Việt Nam với đặc trưng của mình đến với Phật giáo rất khác so với các tín đồ các nước khác:

“Người nông dân Việt Nam không đi vào các hệ thống triết học cao siêu, thờ Phật theo lối thế gian, theo lối bình thường của thế giới hữu tình, nặng cầu xin, luyện tâm tính để hướng thiện răn ác... cái chất hình như hạ của hiền giáo. Thế là đức Phật được đẩy lên thành một tối

thượng thần mang siêu lực vô lượng để đem nguồn hạnh phúc tới cho đời” [Trần Lâm Biền, 1996, tr. 107].

Kết cấu cộng đồng xã hội Việt Nam là hệ thống các thiết chế: gia đình – làng xã – dân tộc. Trong đó thiết chế cộng đồng làng xã là một thiết chế vô cùng đặc biệt. Trong quá trình thực tiễn sinh sống của mình, người Việt từ xa xưa đã lựa chọn con đường liên kết với nhau để cùng chinh phục, chế ngự thiên nhiên, để cùng lao động sản xuất, và cộng đồng đó chính là cộng đồng làng xã. Giáo sư Trần Quốc Vượng đã từng khẳng định: “Trong quá khứ và thậm chí đến gần đây văn minh – văn hiến Việt Nam vẫn thuộc phạm trù văn minh lúa nước, văn hóa Việt Nam là văn hóa xóm làng”

Phật giáo khi du nhập vào Việt Nam đã nhanh chóng bám rễ vào văn hóa làng xã. Điều đó thể hiện rõ các ở vị thế các ngôi chùa làng trong văn hóa làng Việt Nam. Hầu như không một làng quê nào ở Việt Nam (đặc biệt khu vực Bắc Bộ) lại không có chùa thờ Phật. Từ xưa, các ngôi chùa đã trở thành tụ điểm văn hóa của nhiều làng xã Việt Nam, không chỉ là nơi sinh hoạt tâm linh mà còn là trung tâm văn hóa, nơi tụ họp của người dân trong làng để học hỏi nhau các kinh nghiệm canh tác, nơi nhà sư là người Thầy chữa bệnh, Thầy dạy chữ, thậm chí là nơi gửi gắm những tâm sự riêng tư của dân làng. “Đất vua, chùa làng”, “Chùa làng, phong cảnh Phật” đã trở thành nét đẹp văn hóa của làng quê, là góc thân thương để ai đi xa cũng bồi hồi nhớ quê, nhớ mái chùa cong cong, nhớ tiếng chuông chùa ngân nga trong sương sớm, khói chiều.

“Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông”

Điều đó có thể khẳng định sự gắn bó của Phật giáo với sự hình thành, lịch sử làng xã Việt Nam. Đặc biệt khu vực đồng bằng Bắc Bộ nơi Phật giáo đặt những bước chân đầu tiên thì dấu ấn này lại càng đậm nét. Ngôi chùa thờ

Phật cùng với ngôi đình thờ Thành Hoàng Làng là điểm tựa tâm linh của cả làng. Nếu như ngôi đình thường là nơi lui tới, sinh hoạt của các cụ ông (nói chung là nam giới) thì ngôi chùa lại là nơi lui về thường xuyên của các bà, các mẹ (nữ giới). Các ngày lễ, tết, ngày rằm, Mồng Một, gia đình nào cũng đến chùa, lễ vật giản đơn là những sản vật của gia đình làm ra: một chút hoa quả trong vườn, một bát gạo trong bếp,... Đặc biệt các dịp lễ hội của chùa là ngày hội của cả làng.

Các ngôi chùa của huyện Gia Lâm gắn với quá trình hình thành cộng đồng làng xã.

“Phật giáo lại biết bám lấy làng xã bằng nhiều hoạt động cụ thể có tổ chức, kết hợp với tín ngưỡng bản địa, hội hè, y học, kể cả lao động sản xuất, nhà sư với ngôi chùa không những có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần, mà còn có vai trò trong đời sống kinh tế dân gian cổ truyền từ xưa cho đến nay” [Vũ Minh Tuyên, 2010, tr. 179].

Sự hình thành các ngôi chùa gắn liền với quá trình hình thành biến đổi của làng xã. Hầu như làng nào thuộc huyện Gia Lâm đều có ít nhất một ngôi chùa, có làng có đến hai, ba ngôi chùa. Như làng Nành thuộc xã Ninh Hiệp có đến ba ngôi chùa: chùa Nành hay còn tên chữ là Pháp Vân tự, xây dựng từ thời Lý, chùa Khánh Ninh dựng năm 1664, chùa Đại Bi dựng năm 1673. Chính vì vậy, chùa Nành là chùa lớn nhất, được xây dựng sớm nhất nên dân làng còn gọi là chùa Cả.

Chính vì có lịch sử lâu đời nên Phật giáo huyện Gia Lâm gắn rất chặt với quá trình hình thành làng xã nên lượng tín đồ Phật tử rất đông. Theo báo cáo tại Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm lần thứ IX, nhiệm kỳ 2021 – 2026, Các chùa, tự viện có tăng ni trụ trì có khoảng 7.000 Phật tử thường xuyên đến sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo vào các ngày mồng 1, ngày rằm, các ngày lễ Tết trong năm...

Số lượng tín đồ tại các chùa ở Huyện Gia Lâm đông và đa dạng về thành phần, lứa tuổi. Ở các chùa các khu vực trung tâm huyện, nơi các hoạt động kinh tế buôn bán sầm uất thì số lượng tín đồ là phụ nữ trung tuổi, nghề nghiệp là các tiểu thương, buôn bán chiếm nhiều nhất.

Các khu vực các làng cổ thì số lượng tín đồ là phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ lớn tuổi chiếm phần nhiều. Bởi ở các làng ở khu vực Bắc Bộ hiện nay, việc các gia đình Quy y Tam Bảo lấy giấy chứng điệp của nhà chùa là rất phổ biến và trở thành truyền thống. Đặc biệt là các phụ nữ khi đến tuổi già theo truyền thống Việt Nam “trẻ vui nhà, già vui chùa”. Chùa Đào Xuyên thường xuyên tổ chức Quy y Tam bảo cho các tín đồ vào ngày mùng 1 hàng tháng, số lượng người quy y trong một buổi có khi lên đến vài chục đến hàng trăm tín đồ. Sau quy y, quý Phật tử thường xuyên đến chùa tu tập. Có nhiều gia đình tổ chức quy y cho cả gia đình chứ không chỉ người già. Phỏng vấn các tín đồ thực hiện quy y tại chùa Đào Xuyên năm 2020. Bà T.T.M cho biết:

“Hôm nay con dâu, con gái đưa tôi đến chùa, nhờ các Thầy nhà chùa làm lễ Quy y Tam Bảo, để trở thành người con Phật, nương nhờ, xin ít lộc rơi, lộc vãi nơi cửa chùa, thường xuyên được tụng kinh niệm Phật cùng các hội trong chùa, cầu mong sức khỏe, bình an tuổi già. Đó cũng là niềm vui của tuổi già chúng tôi” [PVS, Nữ, 1959, Đã nghỉ hưu].

4.1.4. Phật giáo huyện Gia Lâm kết hợp giữa truyền thống và hiện đại

Hiện đại hóa tôn giáo là quá trình tất yếu trong bối cảnh hiện nay. Bởi thế giới đã bước vào kỷ nguyên 4.0 với những thành tựu vĩ đại của khoa học và công nghệ, đang làm thay đổi diện mạo của mọi lĩnh vực trong đời sống con người. Quá trình đó cũng ảnh hưởng đến các tôn giáo, làm cho các tôn giáo ngày càng trở nên hiện đại nhờ vào việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại vào tất cả các yếu tố của tôn giáo: giáo lý, sinh hoạt tôn

giáo và hiện đại trong cách “hiện diện” với xã hội. Phật giáo cũng không nằm ngoài xu thế chung đó. Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm hiện nay gắn với sự biến động mạnh mẽ (Đô thị hóa) của vùng đất ngoại thành, cửa ngõ thủ đô trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì thế bên cạnh tính chất truyền thống của đặc điểm vùng đất có lịch sử Phật giáo lâu đời thì Phật giáo huyện Gia Lâm thể hiện rõ tính năng động của mình.

Điều đó được thể hiện thông qua sự đổi mới, thích nghi của Phật giáo với bối cảnh mới (Đã được phân tích trong phần hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm).

+ Sử dụng các phương tiện khoa học – kỹ thuật công nghệ vào trong sinh hoạt tôn giáo: Mọi hoạt động truyền bá giáo lý, sinh hoạt tôn giáo, xây dựng cơ sở tôn giáo,... đều áp dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, đưa lại hiệu quả không ngờ, làm xuất hiện các khái niệm mới: cầu nguyện online, truyền giáo online trong bối cảnh đại dịch hiện nay, truyền giáo công nghệ số,... Các Tăng Ni, Phật tử Phật giáo huyện Gia Lâm đã rất nỗ lực trong việc áp dụng các thành tựu của khoa học, công nghệ trong các sinh hoạt tôn giáo của mình. Ví như ngoài những phương pháp hoằng pháp, hướng dẫn Phật tử truyền thống, thì còn quan tâm đến việc áp dụng công nghệ thông tin vào để nâng cao hiệu quả các hoạt động này.

+ Hiện đại hóa tôn giáo thể hiện đại trong quan niệm, lối sống và trong cách ... thể hiện niềm tin của các tín đồ: Các tín đồ đến với tôn giáo, nhưng ngược trở lại những niềm tin đó phải quay ngược trở lại phục vụ đời sống của chính tín đồ. Vì thế, mọi quan niệm của tôn giáo dù ra đời từ cách đây hàng nghìn năm thì cũng cần được bọc lại áo, hiện đại để đáp ứng nhu cầu của thực tại. Hiện nay, các Tăng Ni trên địa bàn huyện Gia Lâm đều cố gắng, quan tâm đến việc ứng dụng các lời dạy, giáo lý, giáo luật của Phật giáo vào thực tiễn đời sống hiện đại, để Phật giáo không chỉ là lý thuyết, hay là một thứ giáo lý

xa xưa mà rất gần gũi với thực tiễn, có thể ứng dụng vào thực tiễn. Ứng dụng giáo lý, giáo luật của Phật giáo đến lý giải những vấn đề của xã hội hiện đại, những vấn đề toàn cầu: vấn đề môi trường, vấn đề năng lượng mới,...

4.1.5. Phật giáo huyện Gia Lâm là một nguồn lực phát triển của huyện Gia Lâm

Ở Việt Nam, các thuật ngữ “nguồn lực tôn giáo”, “nguồn lực các tôn giáo”, “các nguồn lực của các tôn giáo”... là những thuật ngữ mới được đề cập đến trong mấy năm trở lại đây.

Tuy các quan niệm tiếp cận có thể khác nhau, nhưng các cách tiếp cận về nguồn lực tôn giáo đều thống nhất ở những điểm chung nhất định: khẳng định vai trò của tôn giáo đối với các lĩnh vực khác nhau của đời sống con người; khẳng định tôn giáo có những tác động tích cực và đó chính là một trong những nguồn lực quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc hiện nay; nguồn lực tôn giáo thể hiện ở cả hai phương diện: tinh thần và vật chất, trong đó nhấn mạnh đến nguồn lực tinh thần – đó là các giá trị về văn hóa, đạo đức; nguồn lực của các tôn giáo tham gia vào tất cả các quá trình, lĩnh vực trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ưu thế tiêu biểu như các lĩnh vực giáo dục, y tế, an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo.

Từ lý luận và phân tích ở trên cho thấy, từ khi có mặt ở vùng đất Gia Lâm, Phật giáo đã luôn đồng hành cùng nhân dân Gia Lâm trong công cuộc bảo vệ và xây dựng quê hương Gia Lâm, xứng đáng với truyền thống “Hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam đã được xây dựng từ ngàn đời. Mỗi thời kỳ, biểu hiện của sự đóng góp đó có thể khác nhau nhưng nhìn chung thời kỳ nào Tăng Ni, Phật tử trên địa bàn huyện cũng hăng hái tham gia các hoạt động phụng đạo yêu nước, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, sông tốt đời đẹp đạo, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội. Ví như đã phân tích ở trên, trong bối cảnh hiện nay, Giáo hội Phật giáo huyện Gia Lâm luôn chia sẻ,

đồng hành cùng chính quyền huyện và cơ sở trong thực hiện các chính sách an sinh xã hội bằng nhiều hoạt động phong phú và đa dạng. Những đóng góp đó đã tích cực góp phần vào công tác an sinh xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết và dân tộc, thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, trật tự.

4.2. Một số vấn đề đặt ra đối với Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

4.2.1. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động

Bên cạnh những thành tựu về cơ cấu tổ chức và hoạt động, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm vẫn còn tồn tại một vài hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn nữa tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động. Và điều này đã được thể hiện ngay trong các Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự hàng năm, bởi việc chỉ ra những mặt tồn tại có ý nghĩa cho sự hoạt động tiếp theo của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm được hoàn thiện hơn.

Thứ nhất, vấn đề công tác tổ chức hành chính đạo:

Một số thành viên trong Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm chưa được đào tạo bài bản về kỹ năng quản lý, tổ chức; Còn tồn tại sự chông chéo trong việc phân công công việc, nhiệm vụ của từng vị trí; một số Tăng, Ni còn thụ động, thiếu tích cực và tự giác nên chưa phát huy được hết tinh thần trách nhiệm, chưa thật nghiêm túc thực hiện trách nhiệm là thành viên của Giáo hội, như chưa tham gia đầy đủ các dịp lớn: Đại lễ Phật đản, Đại hội Phật giáo huyện các nhiệm kỳ...

Thứ hai, về kế hoạch hoạt động:

Một số kế hoạch hoạt động của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm được xây dựng còn chưa cụ thể, chi tiết, nên một số công việc còn mang tính thụ động như:

- Hoạt động về tài chính do chưa có kế hoạch cụ thể nên tài chính còn eo hẹp, bị động khi có công việc lớn

- Sự mở rộng, liên kết trong các hoạt động của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng chưa có hiệu quả cao

- Vấn đề về tổ chức, nên trong thời gian qua vẫn còn xảy ra tình trạng, một vài trường hợp gây mất đoàn kết giữa nhà chùa và nhân dân, giữa thầy và trò như: chùa Cam, chùa Lỗ, chùa Chính Trung... Nguyên nhân do kiêm nhiệm nhiều công việc Phật sự, tinh thần trách nhiệm chưa cao, hơn thế nữa, địa bàn huyện Gia Lâm khá rộng lớn, số lượng Tăng Ni tương đối đông. Một số chùa khuyết nhiệm trụ trì, chưa kịp thời đề xuất – phối hợp giải quyết, hay có nơi để dân tự đi thỉnh sư ở địa phương khác về, không thông qua Ban Trị sự, sau xảy ra khúc mắc, làm ảnh hưởng đến Tăng, Ni và ảnh hưởng đến an ninh tại địa phương.

- Việc giảng đạo hoằng dương chính pháp nhiều chùa chưa có định hướng cụ thể, hoặc chủ yếu hướng về thế hệ cao tuổi, mà chưa chú ý đến hay còn thiếu sáng kiến hoằng pháp cho thế hệ trẻ,...

Trong thời gian qua, nhận thấy “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”, việc đào tạo Tăng tài để hoằng dương Phật pháp lợi lạc quần sinh là nhiệm vụ thiết thực, Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã giới thiệu những Tăng Ni trẻ theo học tại các Trường do Trung ương Giáo hội và Thành hội thành phố tổ chức:

Tăng Ni trong huyện đang theo học tại các trường:

- Cao học Phật học có 2 vị
- Có một vị Tiến sĩ đã bảo vệ
- Học viện Phật giáo có 1 vị
- Trung cấp Phật học có 11 vị,...

Nhìn chung các vị Tăng Ni đang theo học đều tinh tiến nỗ lực học tập, thực hiện tốt nội quy của trường, giữ gìn uy nghi phẩm hạnh.

Bên cạnh việc học các chương trình đào tạo Phật học đó, các Tăng Ni trong huyện còn tham gia các chương trình học tập thể học để mở mang kiến thức, để hiểu hơn về các quan điểm của Đảng, Pháp luật Nhà nước về tôn giáo và các tín ngưỡng tôn giáo khác để phục vụ công tác hoằng dương Phật pháp. Tuy nhiên, do kinh phí cũng như thời gian học tập của các Tăng, Ni còn nan giải nên trình độ văn hóa của các thành viên trong Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm vẫn còn bất cập. Trong thành phần nhân sự Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm nhiệm kỳ 2016 – 2021, có 2 vị có trình độ Đại học, 01 vị Tiến sĩ, còn lại chỉ là trình độ 10/12 đến 12/12. Trong bối cảnh hiện nay, thời đại Công nghệ 4.0, để công cuộc hoằng dương Phật pháp đạt hiệu quả cao, Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm cần đầu tư hơn nữa kinh phí cũng như thời gian cho các thành viên Ban Trị sự tham dự các khóa học chương trình đào tạo thể học nhằm nâng cao kiến thức thể học, phục vụ công việc tốt hơn.

4.2.2. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề khoa học công nghệ 4.0 hiện nay

Trước sự bùng nổ về khoa học kỹ thuật trong thời đại mới; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ hiện nay, các sự kiện quốc tế ngày càng mở rộng, đặt ra cho Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo huyện Gia Lâm nói riêng những thách thức không nhỏ. Nếu Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo huyện Gia Lâm nói riêng không có quan niệm mới về tổ chức, về hoạt động thì chắc chắn sẽ không đáp ứng được nhu cầu của thời đại, không phục vụ đúng tinh thần tiến bộ mới của xã hội khắp mọi chiều hướng, những đòi hỏi bức thiết của xã hội mới.

Trước xu hướng toàn cầu hóa, Phật giáo cũng đã biết tự điều chỉnh để thích ứng với nhân loại và xã hội thời hiện đại. Mục đích tối cao của Phật giáo vẫn là quay trở lại phục vụ chúng sinh, nhân loại như trước đây, Đức Phật và các đệ tử của Ngài đã cam kết phục vụ xã hội trong suốt cuộc đời của mình theo nghĩa. phục vụ xã hội với một thái độ hoàn toàn trong sáng, và không có động cơ thâm kín, nhưng hoàn toàn thông qua lòng bi mẫn đối với quần chúng đau khổ. Đến nay, những người đệ tử Phật vẫn tiếp tục con đường đó. Đây là sứ mệnh thiêng liêng cao cả nhất mà Phật tử có thể làm cho nhân loại trên tinh thần “*Phụng sự chúng sanh tức cúng dường chư Phật.*”

Hay Ngài Lục Tổ Huệ Năng cũng từng có bài kệ:

“Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế gian mịch bồ đề

Kháp như cầu thổ giác”

Tức là không có cái pháp xuất thế gian hay Phật pháp riêng biệt ngoài thế gian.

Bối cảnh đó đang đặt ra nhiều mối thách thức, Phật giáo huyện Gia Lâm cần có những nỗ lực lớn để bảo trì tính nhất quán giữa Đạo Pháp và Dân tộc.

4.2.3. Phật giáo huyện Gia Lâm với vấn đề đề phục chế, gìn giữ giá trị truyền thống.

Trong bối cảnh hiện nay, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường tác động đến mọi mặt của đời sống, Phật giáo cũng không thể nằm ngoài quy luật đó, cơ hội rất lớn song thách thức cũng không hề nhỏ. Nhiệm vụ khó khăn đặt ra đối với Phật giáo huyện Gia Lâm hiện nay là làm sao vẫn gìn giữ, phát huy được những giá trị truyền thống của Phật giáo mà vẫn hiện đại mình để thích nghi với thời đại,

giải quyết được những vấn đề của cuộc sống hiện đại, những vấn đề hệ lụy của kinh tế thị trường mà không bị tầm thường hóa.

Bởi xét cho cùng, tôn giáo là một thành tố của văn hóa, khi viết về ý nghĩa của văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện ở trang cuối của tập thơ *“Nhật ký trong tù”* như sau: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa". Tôn giáo ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của con người.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, đặc biệt huyện Gia Lâm một huyện ngoại thành Hà Nội, nơi quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang diễn ra mạnh mẽ, kéo theo đó là sự thay đổi diện mạo đời sống xã hội. Từ đó đặt ra rất nhiều những vấn đề đối với lĩnh vực văn hóa tinh thần của con người, nhằm cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Chính vì thế, tôn giáo, tín ngưỡng lại tiếp tục thực hiện sứ mạng đáp ứng văn hóa tinh thần của con người trước những biến đổi mạnh mẽ của đời sống. Đời sống văn hóa tinh thần là khái niệm rất rộng, ở trong công trình luận án này, tôi bàn đến vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng với đời sống tinh thần của người dân huyện Gia Lâm đối với ba vấn đề chính: đáp ứng nhu cầu tâm linh; gìn giữ các giá trị đạo đức lối sống và gìn giữ bảo lưu các giá trị văn hóa nghệ thuật:

Người dân Gia Lâm dù đa dạng các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo nhưng Phật giáo vẫn là tôn giáo truyền thống, điểm tựa tinh thần, tôn giáo chính đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân huyện Gia Lâm.

Như đã khái quát ở chương 2, ở Gia Lâm có đa dạng các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo: bên cạnh Phật giáo còn có Công giáo, Tin Lành,... các tín

ngưỡng bản địa phong phú và đa dạng: thờ Thành Hoàng Làng, thờ Mẫu, thờ cúng Tổ tiên,... tuy nhiên trong số đó Phật giáo vẫn chiếm vai trò chủ đạo, quan trọng. Phật giáo du nhập vào mảnh đất này từ rất sớm vì thế nên đã hình thành nên truyền thống lâu đời lại gắn chặt với văn hóa bản địa nên có sức sống mãnh liệt, trở thành tôn giáo truyền thống của mảnh đất này.

Trong bối cảnh hiện nay, Phật giáo huyện Gia Lâm lại cần tiếp tục phát huy vai trò tôn giáo truyền thống của mình. Nền kinh tế thị trường gắn liền với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đòi hỏi cường độ lao động của mỗi người ngày càng cao, kể cả lao động chân tay và lao động trí óc đều rất căng thẳng. Đặc biệt với bối cảnh của một huyện ngoại thành, xuất phát chủ yếu từ một nền lao động nông nghiệp thủ công, nhịp độ chậm, thì khi chuyển mình sang công nghiệp, hiện đại thì đã gặp rất nhiều những khó khăn, chưa thích nghi ngay được. Lại thêm hàng loạt các vấn đề: Kinh tế thị trường với những quy luật cạnh tranh thắng thua, được mất khốc liệt; các vấn đề phân hóa giàu nghèo, thiên tai, bệnh tật,... làm nảy sinh trong lòng xã hội huyện Gia Lâm nhiều vấn đề như đã phân tích ở chương 2. Để giải tỏa căng thẳng nhiều người tìm đến các tôn giáo, tín ngưỡng, trong đó phần nhiều lựa chọn Phật giáo: Bởi ở Việt Nam nói chung, huyện Gia Lâm nói riêng, ngôi chùa thờ Phật từ lâu đã chiếm một vị trí quan trọng trong văn hóa người Việt. Người xưa có câu “Đất vua, chùa làng, phong cảnh bụt”. Hầu hết làng nào ở Việt Nam cũng có chùa, nơi đây ngoài là địa điểm sinh hoạt tín ngưỡng thì còn là nơi sinh hoạt văn hóa của làng. Người Việt gắn bó với ngôi chùa, ở đó họ tìm thấy niềm vui “Trẻ vui nhà, già vui chùa”. Gia Lâm có nhiều ngôi chùa nổi tiếng là có kiến trúc và điêu khắc độc đáo: Chùa Nành, chùa Kiến Sơ,... Cái đẹp của ngôi chùa còn là sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên, đến nơi đây người ta tìm được sự tĩnh tại, thanh tịnh, khoan thai êm dịu, thư thái trong tâm hồn. Điều này càng có giá trị trong hoàn cảnh nhịp sống gấp gáp, hối hả, xô

bồ, bon chen. Người ta tìm đến những ngôi chùa tôn nghiêm để nghe tiếng chuông chùa vang xa, ngửi mùi hương trầm thơm ấm cúng, tận hưởng không khí thanh sạch của đất trời – một vài giây phút thanh thoi trong cuộc sống hiện đại này thật ý nghĩa biết bao.

Đặc biệt là các lễ hội chùa: khi tham gia bất kỳ một lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng nào thì lễ hội chính là dịp để người dân được bày tỏ lòng thành kính của mình với các vị thần. Khi thực hiện phần lễ trong lễ hội là sự biểu hiện lòng tôn kính và tin tưởng của mọi người đối với thần linh một cách có hệ thống, có bài bản. Thông qua những vật phẩm, nén nhang, qua các hành động lễ nghi, con người biểu lộ được sự kính trọng của mình với đấng siêu nhiên đáng kính. Thực hành nghi lễ trang nghiêm, người ta tin tưởng các vị thần linh sẽ thấy được lòng thành kính của mình, sẽ che chở, bảo vệ mình trước mọi tai ương, sóng gió. Người ta thấy mình như tịnh tâm, thanh thản. Trong bầu không khí thiêng liêng, người ta thấy như những lời nguyện cầu của mình gửi gắm được thần linh lắng nghe, thấu hiểu. Người hành lễ thấy mình như đắm chìm vào thế giới khác: thế giới của bình yên, của tình thương bao dung, của công bằng, khác hẳn với trạng thái tinh thần ở thực tại mà họ đang phải chịu đựng. Đây chính là một ví dụ điển hình về chức năng bù đắp về tinh thần của con người.

Khi tham gia phần hội, con người hòa mình vào không khí vui tươi, giải phóng tâm hồn mình khỏi những khổ đau, lo âu, phiền muộn của cuộc sống hàng ngày, đắm mình trong những trò chơi, lời ca, điệu múa. Tâm hồn con người như trẻ trung hơn, vui vẻ hơn... Người ta có thêm niềm tin, niềm hy vọng để bước tiếp những bước đi trong cuộc sống đầy gian nan, vất vả.

Đối với vai trò gìn giữ các giá trị văn hóa đạo đức truyền thống. Trong bối cảnh đó, Nghị quyết 24- NQ/TW ngày 16/10/1990 khẳng định: Tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của

một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Từ khẳng định trên đã cho thấy giữa tôn giáo, tín ngưỡng và đạo đức có mối liên hệ mật thiết với nhau. Bởi suy cho cùng, các tôn giáo, tín ngưỡng chân chính đều có những tư tưởng, điều luật nhằm răn dạy tín đồ và con người nói chung sống có đạo đức, tình nghĩa, hướng thiện.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đánh giá rất cao giá trị đạo đức của các tôn giáo, các tôn giáo dù ra đời ở phương Đông hay phương Tây, đều gặp nhau ở điểm chung là giáo dục con người hướng Thiện:

“Chúa Giêsu dạy: đạo đức là bác ái

Phật Thích Ca dạy: đạo đức là từ bi

Khổng Tử dạy: đạo đức là nhân nghĩa”

- Hồ Chí Minh -

Đạo đức Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với đạo đức của người Việt, chính vì vậy, trong quá trình tồn tại và phát triển trên mảnh đất Gia Lâm giàu truyền thống, Phật giáo đã góp phần bồi đắp, phát huy những giá trị văn hóa đạo đức truyền thống của người dân huyện Gia Lâm bao đời nay. Trong bối cảnh hiện nay với những biến đổi mạnh mẽ của đời sống xã hội người dân huyện Gia Lâm, Phật giáo huyện Gia Lâm lại cần tiếp tục sứ mệnh này của mình.

Với việc gìn giữ các giá trị văn hóa nghệ thuật.

Phật giáo đến với vùng đất Gia Lâm từ rất sớm, chính vì thế những dấu ấn của Phật giáo vùng đất này rất đậm nét và có giá trị to lớn với tiến trình lịch sử ở Việt Nam nói chung, với các giá trị văn hóa, nghệ thuật vật thể, phi vật thể to lớn của văn hóa Việt Nam nói chung. Những ngôi chùa ở huyện Gia Lâm có kỹ thuật tinh xảo, độc đáo, cân đối hài hòa. Trong chùa có những tác phẩm điêu khắc như tượng Nghìn tay, Nghìn mắt, tượng La Hán, các văn bia,... là những công trình nghệ thuật tiêu biểu thể hiện sức mạnh sáng tạo

của con người, là đỉnh cao của giá trị thẩm mỹ của dân tộc. Đây là tài sản vô giá khẳng định bản sắc, nét độc đáo của văn hóa Phật giáo Việt Nam nói riêng, văn hóa Việt Nam nói chung.

Như đã phân tích ở chương 3, huyện Gia Lâm thời gian qua đã làm rất tốt công tác bảo tồn các di sản văn hóa vật thể, trong đó có di sản Phật giáo trên địa bàn huyện. Tuy nhiên với nhiều yếu tố khách quan, còn nhiều vấn đề đặt ra đối với công tác bảo tồn các giá trị văn hóa Phật giáo (vật thể và phi vật thể) trên địa bàn huyện như đã phân tích ở chương 3, ví dụ điển hình như trường hợp chùa Nành, chùa Kiến Sơ,... đặt ra cho Phật giáo huyện Gia Lâm vấn đề cần gìn giữ, khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

4.3. Một số khuyến nghị nhằm phát huy nguồn lực của Phật giáo huyện Gia Lâm trong bối cảnh hiện nay

Từ sự phân tích các phần trên cho thấy: Lịch sử Phật giáo huyện Gia Lâm gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này, chặng đường dài đó đã ghi nhận những đóng góp không nhỏ của Phật giáo vào công cuộc xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm ngày càng giàu đẹp, văn minh. Phật giáo đã khẳng định: Phật giáo là một trong những nguồn lực cho sự phát triển. Chính vì vậy, để phát huy hơn nữa vai trò, nguồn lực của Phật giáo huyện Gia Lâm trong bối cảnh hiện nay cần đưa ra những khuyến nghị nhằm hạn chế, khắc phục những vấn đề đặt ra, phát huy hơn nữa những thế mạnh, những thành tựu đã đạt được của Phật giáo huyện Gia Lâm.

4.3.1. Khuyến nghị đối với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm

Với vai trò tổ chức đại diện, lãnh đạo, dẫn dắt mọi hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, do vậy, nâng cao sự lãnh đạo đối với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần là việc cần làm để mọi

hoạt động trong nội bộ Phật giáo cũng như xã hội đạt kết quả và tự hoàn thiện, bắt nhịp xu thế thời đại:

Thứ nhất, cần xây dựng đội ngũ Tăng, Ni làm công tác trong Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng

Hiện nay, trong Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm còn nhiều thành viên phải kiêm nhiệm các vị trí, một trong các nguyên nhân của tình trạng đó là do đội ngũ nhân sự của Ban Trị sự còn chưa đủ về số lượng. Giải pháp cho vấn đề này là Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm thời gian tới cần bổ sung thêm nhân lực cho đủ về mặt số lượng, đảm bảo các vị trí đều có người chuyên trách. Hình thức, cách thức bầu cử theo quy định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đội ngũ Tăng, Ni tham gia làm lãnh đạo Ban trị sự phải được quan tâm quy hoạch, đào tạo, nâng cao trình độ về mọi mặt, nhất là kiến thức về Phật giáo và chủ trương, chính sách pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước, vững vàng, tận tụy, có những sáng tạo nhất định trong công việc để bước đầu đáp ứng được yêu cầu quản lý.

Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc phải được tăng cường theo hướng hiện đại hóa đã hỗ trợ tương đối cho việc triển khai các hoạt động Phật sự. Qua đó giúp Ban trị sự kịp thời điều chỉnh, bổ sung những quy định của Giáo hội Trung ương đối với việc quản lý Phật giáo ở địa phương. Đặc biệt nhấn mạnh việc nắm vững Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và những Nghị định của Nhà nước về Phật giáo nói riêng, về tôn giáo nói chung từ đó áp dụng linh hoạt, sáng tạo vào việc giải quyết tình hình Phật giáo tại cơ sở.

Hơn nữa cần xác định rõ những tiêu chí về yêu cầu đối với những Tăng, Ni chuyên trách làm công tác Phật sự Phật giáo tại địa phương. Những Tăng, Ni này phải có bản lĩnh công việc vững vàng, không dao động trước mọi khó khăn, thử thách; vững vàng trước những biến động

phức tạp của tình hình xã hội trong nước và thế giới; gương mẫu về đạo đức, lối sống, có tác phong một nhà tu hành liêm chính. Các Tăng, Ni làm công tác lãnh đạo Ban trị sự địa phương phải được bồi dưỡng, học tập những kiến thức về phong tục tập quán, lịch sử, văn hóa, của chính địa phương đó, đồng thời phải giành thời gian nhất định cho việc hướng dẫn tín đồ Phật tử, hướng dẫn tín ngưỡng tại địa phương đó. Do vậy, với địa bàn Gia Lâm là nơi cửa ngõ của thủ đô thì Ban trị sự phải thường xuyên chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác Phật sự tốt, vận động các Tăng, Ni, Phật tử nhiệt tình, tâm huyết với công việc, có trình độ hiểu biết sâu sắc về Phật giáo về dân tộc, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giáo lý, giáo luật, lễ nghi của Phật giáo, phong tục tập quán của các làng tại huyện Gia Lâm, có khả năng thuyết phục, tập hợp tín đồ Phật tử, tùy duyên ứng biến, sâu sát, nắm bắt tình hình và có năng lực xử lý tình huống; gương mẫu, có tinh thần đoàn kết, thân ái với các tầng lớp nhân dân; có phong cách phù hợp và khả năng tiếp cận, tuyên truyền, vận động đối với người dân sống trên địa bàn huyện.

Thứ hai, cần điều chỉnh công tác Phật sự, công tác xã hội và tín ngưỡng hài hòa

Công tác Phật sự Phật giáo địa phương không chỉ là vấn đề tín ngưỡng Phật giáo mà còn làm cho Tăng, Ni nhận thức rõ nghĩa vụ và quyền lợi người tu hành để thực hiện tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về hoạt động Phật giáo cũng như xã hội. Thông qua đó tạo ra mối quan hệ gần gũi hiểu biết giữa chức sắc trong Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm với tổ chức Đảng, chính quyền địa phương. Qua đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương vừa hiểu nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của chức sắc huyện Gia Lâm để từ đó chính quyền địa phương quán triệt và vận dụng linh hoạt trong quản lý Phật giáo để Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm thực hiện tốt nội

dung công tác Phật giáo trên địa bàn, tạo ra sự ổn định xã hội. Từ đó tạo nên mối quan hệ thân thiết, gần gũi, có lợi cho việc xây dựng đại đoàn kết giữa Phật giáo và chính quyền.

Lãnh đạo Ban trị sự Gia Lâm phải là những người thật sự có năng lực, có trình độ, có uy tín đối với Phật tử, nhân dân, luôn phát huy vai trò lãnh đạo. Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm phải thực sự là nơi tập hợp, lôi cuốn các Tăng, Ni, tín đồ Phật tử vào các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động của Mặt trận Tổ quốc ở địa phương như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư”, “đền ơn đáp nghĩa”, “quỹ vì người nghèo”, “Nông dân sản xuất giỏi”, “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”... Do vậy, Ban trị sự cần có sự hài hòa giữa công tác Phật sự, công tác xã hội và tín ngưỡng, tránh tình trạng chỉ quan tâm đến hoạt động xã hội hoặc chỉ quan tâm đến tín ngưỡng mà quên mất công tác Phật sự làm ảnh hưởng đến uy tín, ảnh hưởng đến đạo giảm sút đối vai trò của người lãnh đạo với quần chúng tín đồ.

Những khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự

Nói đến cơ cấu tổ chức thì không thể bỏ qua nhân tố con người hình thành nên tổ chức đó, vấn đề nhân sự tham gia vào hệ thống bộ máy tổ chức là quan trọng, quyết định sự phát triển sống còn của tổ chức đó. Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần quan tâm đến vấn đề phát triển nhân sự cả về mặt số lượng và chất lượng trong đó đặc biệt chú ý đến vấn đề chất lượng. Bởi “lãnh đạo các cấp Giáo hội đều như nhau con người là chánh báo, quốc độ là y báo. Nếu con người hoàn hảo cả hai mặt tuệ và đức thì quốc độ đó nhất định sẽ tốt đẹp và phát triển” [GHPGVN, 2012, tr.262]

Ban trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần có sự quan tâm, bồi dưỡng, nâng cao trình độ Phật học, thế học cho đội ngũ nhân sự đương nhiệm và nhân sự trẻ dự phòng cho tương lai...

Đầu tư cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai, nên không chỉ Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm mà các cấp, ban ngành địa phương cũng cần chú trọng hơn nữa đến việc đầu tư cho tầng lớp Tăng Ni trẻ, tầng lớp kế cận để họ có cơ hội nâng cao trình độ về cả Phật học và thế học mặc dù hàng năm viện đào tạo Phật học của Thành hội và Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn tổ chức các khóa hạn an cư, các khóa do Trường Trung ương Giáo hội và Thành hội tổ chức

Cần tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ, thực hiện đúng những quy định của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và thực hiện tốt theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của thành hội Phật giáo Hà Nội

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm dưới sự quản lý của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, có chức năng tổ chức triển khai, thực hiện các nghị quyết chương trình hoạt động Phật sự của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội. Nghị quyết, chương trình hoạt động của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là chung cho Phật giáo cả nước, nghị quyết, chương trình hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội là chung cho tất cả các quận, huyện của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, do đặc thù của mỗi địa phương, nên việc thực hiện và triển khai Nghị quyết, chương trình hành động cũng cần phải có sự khác nhau về phương thức, cách thức sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Chính vì vậy, Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm với vai trò là đại diện của Phật giáo huyện Gia Lâm, cần phát huy hơn nữa tính chủ động trong việc xây dựng hoàn thiện tổ chức và các chương trình hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm, bởi hơn ai hết, Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm là những người hiểu rõ nhất về những đặc trưng của Phật giáo huyện Gia

Lâm, về những điều kiện trên địa bàn để tìm ra được những phương thức thực hiện các hoạt động đạt kết quả cao nhất.

Do vậy, khi nói về Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần phải có tính chủ động thì Thượng tọa Nguyễn Tấn Đạt đã nói: “Giáo hội có thái độ thụ động, trông chờ nhiều vào sự giúp đỡ của Nhà nước, trong các hoạt động Phật sự, nhất là các kỳ tổ chức đại hội, hội nghị lớn của Phật giáo, Giáo hội thường không chủ động về tài chính, phương tiện đi lại, hội trường mà thường dựa vào kế hoạch sắp xếp từ phía các cơ quan chức năng của Nhà nước” [Nguyễn Tấn Đạt, 2011, tr.155]. Để tránh lặp lại những điều đó, Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm cần chủ động trong mọi hoạt động của mình, chủ động từ việc lên kế hoạch, thực hiện, kiểm tra giám sát, chỉ có như vậy các hoạt động mới thực sự đạt kết quả như mong muốn. Trong vấn đề xây dựng, hoàn thiện tổ chức cũng vậy, Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần sát sao quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực.

Việc lên kế hoạch cho các hoạt động của Ban Trị sự có vai trò quan trọng. Đối với công tác quản lý của Ban trị sự cấp huyện nói riêng, các cấp khác nói chung về cơ bản là gồm bốn chức năng: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Lập kế hoạch có thể được hiểu là một quá trình bắt đầu từ việc thiết lập các mục tiêu, quyết định các chiến lược, các chính sách, kế hoạch chi tiết để đạt được mục tiêu đã xác định. Chính vì vậy, lập kế hoạch có vai trò quan trọng trong hoạt động của Ban trị sự Phật giáo các cấp, điều đó thể hiện: lập kế hoạch giúp Ban trị sự biết được phương hướng hoạt động trong tương lai, tránh sự bị động, kế hoạch cho biết các mục tiêu và phương thức để đạt được mục tiêu đó. Khi tất cả các thành viên trong Ban trị sự cùng thông qua một kế hoạch, vạch ra cùng một mục tiêu, thì mỗi cá nhân sẽ tự ý thức được trách nhiệm của mình trong kế hoạch đó để hướng đến đạt được mục tiêu chung, như vậy, sự phối hợp giữa các thành viên sẽ nhịp nhàng, hiệu

quả hơn. Vì lẽ đó, kế hoạch càng cụ thể, chi tiết bao nhiêu thì kết quả của hoạt động sẽ càng cao bấy nhiêu.

Thực tế, Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm cũng đã rất chú trọng đến việc đề ra phương hướng cho các hoạt động: mỗi kỳ đại hội, Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm cũng đều đã xác định phương hướng hoạt động ở nhiệm kỳ tới, hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác Phật sự cuối năm và đề ra chương trình công tác Phật sự năm tới, giữa năm điều có sơ kết công tác Phật sự sáu tháng đầu năm và đề ra chương trình công tác Phật sự sáu tháng cuối năm. Ví dụ cụ thể: Năm 2014, sau 6 tháng hoạt động, Ban Trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm có Báo cáo sơ kết công tác Phật sự sáu tháng đầu năm 2014, chương trình công tác Phật sự sáu tháng cuối năm 2014, trong đó đánh giá cụ thể những kết quả hoạt động Phật sự ở các mặt: tăng sự, giáo dục Tăng Ni, hoằng pháp, nghi lễ, văn hóa và tu sửa chùa cảnh, tham gia hoạt động từ thiện xã hội; sau đó là những đánh giá về ưu điểm và tồn tại; trong Báo cáo đề ra phương hướng hoạt động sáu tháng cuối năm:

1. Tiếp tục vận động, hướng dẫn Tăng Ni thực hiện tốt phương châm của Giáo hội là “phụng sự đạo pháp và phục vụ dân tộc” đẩy mạnh phong trào phụng đạo yêu nước, thi đua làm việc tốt, tích cực tham gia các công tác xã hội ở địa phương, ủng hộ quỹ nhân đạo, nhận nuôi và đỡ đầu những trẻ mồ côi, trẻ tật nguyền.

2. Vận động Tăng Ni học hỏi và thực hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ cũng như Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa được nhà nước ban hành trong thời gian qua.

3. Vận động chư Tăng Ni các chùa cần cố gắng tu bổ, sửa sang chùa cảnh song phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào thi đua “Xây dựng chùa tình tiến” ở tất cả các chùa trên địa bàn huyện. Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước. Có trách nhiệm quản lý tài sản trong chùa, hoạt động chính tín, bài trừ mê đoàn và hủ tục lạc hậu.

5. Tăng cường đoàn kết, nhất trí trong nội bộ, thực hiện đúng những quy định của Hiến chương Giáo hội Việt Nam và thực hiện tốt theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành hội Phật giáo Việt Nam.

6. Tổ chức tốt lễ Vu Lan – Báo hiếu, tích cực hưởng ứng phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, ngày thương binh liệt sĩ 27/7.

Tuy nhiên, Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm còn chưa chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng hoạt động theo phương hướng đó. Ví như đề hoạt động “Vận động Tăng Ni học hỏi và thực hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 92/2012/NĐ-CP của Chính phủ cũng như Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam vừa được nhà nước ban hành trong thời gian qua” đạt hiệu quả cao, Ban Trị sự cần vạch ra kế hoạch cụ thể như phương pháp vận động là gì: thông qua thuyết giảng, thông qua các kênh thông tin: văn bản, internet,... thực hành pháp lệnh tín ngưỡng như thế nào?.... Nếu như có kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động sẽ giúp Ban trị sự chủ động hơn trong việc tiến hành các hoạt động đó, như vậy hiệu quả cũng sẽ cao hơn.

Đối với vấn đề tài chính: Trong Điều 14. Tài chính và tài sản của quy chế hoạt động Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp quận, huyện nêu rõ: Tài chính và tài sản của Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện gồm có:

1. Công đức phí do thành viên và Tăng Ni Phật tử đóng góp.
2. Tài vật hiến cúng hợp pháp
3. Tài vật do Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện tự tạo hợp pháp.

Để đảm bảo cho các hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, Trưởng Ban Kinh tế Tài chính Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện có trách nhiệm lập kế hoạch tài chính hàng năm, trình Thường trực Ban Trị sự thông qua. Trưởng ban Kinh tế Tài chính có trách nhiệm đảm bảo tài chính cho các hoạt động của Ban Trị sự.

Trên thực tế, để đảm bảo cho các hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo huyện Gia Lâm, trưởng ban Kinh tế Tài chính Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã có bước lập kế hoạch tài chính cho từng năm. Tuy nhiên, để tăng cường hơn nữa tính hiệu quả cần xây dựng kế hoạch cụ thể về việc vận động tài chính, nhằm tạo nguồn kinh phí ổn định cho các hoạt động Phật sự của Ban trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm. Tạo điều kiện củng cố, xây dựng cơ sở vật chất. Động viên Tăng Ni Phật tử tích cực tham gia lao động sản xuất, cải thiện và nâng cao đời sống, góp phần tu bổ chùa chiền, gia tăng sự ủng hộ tài chính cho các hoạt động của Ban trị sự Phật giáo huyện Gia Lâm.

Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần tăng cường mở rộng hơn nữa sự giao lưu, hợp tác

Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần tăng cường sự liên kết chặt chẽ, mở rộng hơn nữa sự giao lưu, hợp tác với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam với Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các quận/huyện khác để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Là một thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội hiện nay có 30 Giáo hội Phật giáo cấp huyện trực thuộc, số lượng Tăng Ni chính thức là 2.050 vị, số lượng Tự viện có 1.632 ngôi. Toàn thể Ban Trị sự Thành hội, Ban Trị sự Phật giáo các quận huyện thị và Tăng Ni - Phật tử toàn Thành phố luôn duy trì sự ổn định và phát triển trên tinh thần lục hòa cộng trụ, sức tinh tiến của những

người con Phật. Là thành viên trong ngôi nhà chung đó, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm phát triển bên cạnh có mối quan hệ mật thiết với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các quận, huyện khác đặc biệt là với các quận, huyện lân cận: Đông Anh, Long Biên, Thanh Trì,... để học hỏi những kinh nghiệm, những mặt ưu điểm, rút kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động của các Ban Trị sự quận, huyện khác.

Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần tăng cường mối quan hệ với các cấp chính quyền

Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần thắt chặt mối quan hệ với chính quyền, Ban Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc và các Ban ngành hữu quan các cấp để phối hợp thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước và Hiến chương của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, giải quyết các vấn đề vướng mắc tại địa phương, góp phần ổn định tình hình xã hội, nâng cao uy tín của Phật giáo.

Sự tồn tại, phát triển của Phật giáo không thể tách rời mối quan hệ với các cấp chính quyền. Các thời kỳ trước, nhiều bậc Cao tăng Phật giáo đã nhận thức rất rõ về mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chính vì vậy, tác giả Lê Mạnh Thát có viết: “Trong một quốc gia, Phật giáo và chính quyền không thể không có quan hệ lẫn nhau. Bảo rằng Phật giáo có thể tồn tại độc lập với chính quyền là một điều thiếu thực tế. Nếu được sự ủng hộ của chính quyền việc hoằng pháp sẽ thuận tiện gấp bội phần” [Lê Mạnh Thát, 1999, tr.298]. Và thực tế đã minh chứng cho mối quan hệ đó, hiện nay Giáo hội Phật giáo Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Tăng Ni, cư sĩ trong Giáo hội là bộ phận trong khối đại đoàn kết toàn dân. “Là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, vì vậy, Giáo hội cũng tham dự vào các công tác hiệp thương chính trị để tuyển chọn, sàng lọc

các đại biểu của các ngành, các giới, các tôn giáo tham gia vào lãnh đạo đất nước. Thực tế, các tăng sĩ Phật giáo cũng đại diện cho Giáo hội và Phật tử tham gia vào Mặt trận Tổ quốc và hội đồng nhân dân các cấp”[Nguyễn Tất Đạt, 2011, tr.137].

Nhận thức được tầm quan trọng của mối quan hệ giữa Ban trị sự huyện Gia Lâm với chính quyền các cấp, Ban trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm đã luôn ý thức việc xây dựng, tạo lập mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền địa phương và các chính quyền các cấp. Nên trong các kỳ Đại hội hay các sự kiện lớn của Phật giáo huyện nhà luôn có sự hiện diện, quan tâm của các đồng chí lãnh đạo chính quyền địa phương. Ví như, ngày 8/5/2017, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm long trọng tổ chức Đại lễ kính mừng Phật đản PL.2561 - DL.2017 tại chùa Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đại diện phía chính quyền có: Ông Nguyễn Huy Việt – Thành ủy viên Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch Hội đồng Nhân dân huyện Gia Lâm; Ông Nguyễn Tiến Việt – Phó Bí thư thường trực Huyện ủy; bà Nguyễn Thị Kim Dung- Ủy viên Ban Thường vụ huyện ủy - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Gia Lâm cùng lãnh đạo các Sở, ban, ngành của huyện Gia Lâm. Đến dự Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm lần thứ VIII (nhiệm kỳ 2016 – 2021), có đại diện phía chính quyền: đồng chí Nguyễn Anh Tuấn - Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố; các đồng chí nguyên lãnh đạo Thành phố, đại biểu huyện Gia Lâm có đồng chí Nguyễn Huy Việt - Thành ủy viên, Bí thư huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân huyện; đồng chí Nguyễn Tiến Việt - Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy; đồng chí Lý Duy Thanh, đồng chí Nguyễn Ngọc Thuận - Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện; đồng chí Nguyễn Thị Kim Dung - Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; các đồng chí trong Ban thường vụ Huyện ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy

ban Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, lãnh đạo chủ chốt các xã, thị trấn,...

Bản thân các thành viên trong Ban Trị sự cũng rất tích cực tham gia hoạt động, là thành viên của các tổ chức chính trị xã hội, thể hiện tinh thần nhập thể sâu sắc, vừa xây dựng đạo pháp xiển minh, vừa phục vụ cuộc sống của nhân dân ngày càng tốt đẹp. Như trên đã trình bày, hiện Phật giáo huyện Gia Lâm có 01 vị trú ngụ ở Hội đồng Nhân dân huyện, nhiều vị tham gia các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Chữ Thập Đỏ, Hội Phụ nữ,...

Ban Trị sự Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần tiếp tục phát huy, củng cố và thắt chặt hơn nữa các mối quan hệ giữa Ban trị sự và các cấp chính quyền. Phối hợp với các cấp chính quyền trong việc giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến Phật giáo huyện Gia Lâm, để các công việc đó được giải quyết nhanh chóng, ổn thỏa, hợp tình đạt lý, hợp lòng dân, giữ vững niềm tin với tín đồ, bởi có nhiều sự kiện của Phật giáo của các địa phương không được giải quyết ổn thỏa đã gây nên những kết quả không như mong muốn, ví như: trường hợp khiếu kiện ở chùa Vũ Thạch, số 13B, phố Bà Triệu, Hà Nội.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Gia Lâm, cần phát huy hết vai trò của mình là bảo vệ lợi ích của các chùa, các Tăng Ni, Phật tử, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần ý thức được vai trò đó của mình, luôn khẳng định vị thế là người đại diện cho giới Phật giáo của địa phương với chức năng, nhiệm vụ của người công dân với Nhà nước.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần khẳng định, phát huy vai trò lãnh đạo, ứng dụng nhuần nhuyễn giới luật Phật chế và pháp luật Nhà nước.

Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cần khẳng định, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo Tăng Ni và các cơ sở tự viện, đề cao

hơn nữa tinh thần hành trì giới luật của các tăng ni để giữ gìn kỷ cương ổn định trong tăng đoàn. Ứng dụng hiệu quả và nhuần nhuyễn giới luật Phật chế và pháp luật Nhà nước hiện hành làm kim chỉ nam cho đời sống tu hành của mỗi tăng ni.

Thường xuyên tổ chức các hội thảo, các khóa đào tạo để giúp tăng ni cập nhật liên tục những sửa đổi bổ sung trong Hiến chương Giáo hội, Nội quy Ban Tăng sự, kiến thức pháp luật hiện hành và tình hình thời sự trong nước và quốc tế. Tổ chức các khóa tập huấn cho các ban chuyên môn để nắm vững những kỹ năng cần thiết.

Ban Trị sự cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động của các chùa, thường xuyên tiếp xúc với Tăng Ni để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, những thành tựu, những khúc mắc của từng chùa, từng hội viên để điều chỉnh cho hợp lý. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm cũng cần phải kịp thời biểu dương khích lệ những tăng ni ưu tú, xuất sắc đồng thời phải có biện pháp xử lý nghiêm minh khắt khe đối với các thành viên sống buông lỏng tổ chức, xem nhẹ giới luật, dẫn đến vi phạm pháp luật gây phiền toái cho Giáo hội, làm ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân.

Ứng dụng hiệu quả và nhuần nhuyễn giới luật Phật chế và pháp luật Nhà nước hiện hành làm kim chỉ nam cho đời sống tu hành của mỗi tăng ni, thể hiện ở những việc làm cụ thể: Tiếp tục vận động, hướng dẫn Tăng Ni thực hiện tốt phương châm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là “phụng sự đạo pháp và phục vụ dân tộc”, đẩy mạnh phong trào phụng đạo yêu nước, thi đua làm việc tốt tích cực tham gia công tác xã hội ở địa phương, ủng hộ quỹ nhân đạo, nhận nuôi và đỡ đầu những trẻ mồ côi tật nguyền. Vận động Tăng Ni học hỏi và thực hành Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo. Vận động chư Tăng Ni các chùa cần cố gắng tu bổ sửa sang cảnh chùa song phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước. Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, chính sách

pháp luật của Đảng, Nhà nước, có trách nhiệm quản lý tài sản trong chùa, hoạt động chính tín, bài trừ mê tín và hủ tục.

4.3.2. Khuyến nghị đối với các Tăng Ni Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm.

+ *Các Tăng, Ni Phật giáo huyện Gia Lâm cần ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình*

Đức Phật khi còn hiện diện trên thế gian, Ngài đã thành lập Tăng đoàn để truyền bá chánh pháp, đưa lợi lạc cho chúng sinh. “phụng sự chúng sinh”, và Tăng đoàn gồm tập hợp những người đệ tử Phật. Chính vì thế có thể nói những người đệ tử Phật, những Tăng Ni là những người gánh trên vai trọng trách tiếp nối con đường hoằng hóa chúng sinh, đưa chúng sinh đến con đường giác ngộ, giải thoát.

“Một trong những mục đích thành lập Tăng đoàn là để Phật giáo tồn tại càng lâu càng tốt và tiếp cận càng nhiều người càng tốt. với mục tiêu giúp cho nhân loại đạt được hạnh phúc bằng cách vượt qua những đau khổ của cá nhân và xã hội. Vì thế, nó là nhiệm vụ tối quan trọng nhất của các vị Tu sĩ Phật giáo để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cao cả mà đức Phật giao phó [ShiYuande (2014), tr.312].

Về vai trò của Tăng Ni trong bối cảnh hiện nay, Hòa thượng Thích Trí Quảng cũng khẳng định:

“Đối với Phật giáo, một trong những yếu tố quan trọng làm nên sự hưng thịnh đó là chất lượng của Tăng Ni. Chùa chiền dù xây dựng to lớn như thế nào, nhưng nếu không có Tăng Ni tu tập và hướng dẫn Phật tử theo đúng Chánh pháp của Phật thì ngôi chùa cũng không có ý nghĩa . Tuy nhiên, nếu Tăng Ni không được đào tạo, thiếu sự tu học thì Phật giáo cũng khó phát triển được”

[Xem <http://www.giacngo.vn/thoisu/2016/05/11/5340DB/>].

+ Các Tăng, Ni Phật giáo huyện Gia Lâm cần không ngừng chủ động rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, không ngừng học tập kiến thức Phật học để thực sự xứng đáng là người đệ tử Phật:

Trước hết các Tăng Ni Phật giáo huyện Gia Lâm cần tự ý thức được vai trò, trách nhiệm, sứ mệnh của mình. Vậy làm gì để thực hiện được sứ mệnh “hành Như Lai sứ, tác Như Lai sự” đó?

Điều này chỉ có thể đạt được khi các đệ tử của đức Phật “Sáng suốt, có kỷ luật, sẵn sàng, đa văn, duy trì Chánh pháp và tùy pháp, sống chân chánh, sau khi học hỏi giáo lý, đã có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai minh, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp, khi có tà đạo khởi lên đã có thể chất vấn và hàng phục một cách khéo léo” [ShiYuande, 2014, tr.312]

Khá rõ ràng rằng, đức Phật khi xưa rất đề cao vấn đề đức hạnh của người đệ tử Phật, trong kinh Pháp Cú có câu:

“Trước hết tự đặt mình
Vào những gì thích đáng
Sau mới giáo hóa người
Người trí khỏi nhiễm ô”

Người đệ tử Phật với vai trò dẫn dắt, chỉ đường cho chúng sinh thì trước hết mình phải làm gương, phải đạt “chuẩn mực” thì mới có thể dẫn dắt, hướng dẫn người khác, mới có thể thực hiện vai trò “người chỉ đường”. Bởi:

“Nếu đức hạnh của Tu sĩ bị nhor ướ, thì hình ảnh toàn thể Tăng già cũng bị mang tiếng theo. Một thành viên trong Tăng đoàn bị phạm giới không chỉ gây hại cho chính người đó mà còn gây hại cho toàn thể Tăng đoàn, bởi người dân sẽ khái quát hóa rằng, như vậy là Tăng đoàn nhor ướ như người đó. Tăng đoàn không có nghĩa là vì lợi ích và phúc

lợi cho chính Tăng đoàn của mình mà chính là vì nhân loại”

[ShiYuande, 2014, tr.313]

Cổ nhân xưa từng dạy: “Tiên học lễ, hậu học văn”, hay Hồ Chí Minh cũng từng nói: “Người có tài mà không có đức là người vô dụng”, chính vì lẽ đó, các Tăng Ni của Phật giáo huyện Gia Lâm cần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cá nhân thật tốt.

Tu dưỡng ở đây được rèn luyện qua quá trình tu học trong môi trường các ngôi chùa, thông qua kinh sách, giới luật nhà Phật; qua quá trình tiếp thu những lời giảng dạy của của người Thầy trong sơn môn, trong chùa; thông qua quá trình tu học tại các trường Phật học (hệ thống giáo dục đào tạo Phật giáo hiện nay cũng tương đối hoàn chỉnh với các cấp từ thấp đến cao: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ Phật học).

Đặc biệt với tầng lớp Tăng, Ni trẻ, là tương lai của Phật giáo huyện Gia Lâm thì quá trình tu học cần chủ động và nghiêm túc hơn nữa. Thực tế trong thời gian qua, Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo huyện Gia Lâm nói chung cũng đã xảy ra một số hiện tượng, các Tăng Ni, đặc biệt là các Tăng Ni trẻ vì nhiều lý do khác nhau đã có nhiều hành vi vi phạm giới luật gây nên hiện tượng phản cảm, ảnh hưởng đến sự trang nghiêm của Giáo hội Phật giáo.

+ Các Tăng, Ni Phật giáo cần học tập không ngừng không chỉ các kiến thức Phật học mà cần chủ động mở rộng các kiến thức thế học, kiến thức xã hội, trang bị cho mình những kỹ năng cần thiết để hội nhập với đời sống hiện đại.

Không chỉ học tập kiến thức Phật giáo là đủ, bởi mỗi Tăng, Ni là một cá thể trong xã hội với muôn vàn các mối quan hệ xã hội đan xen, không thể tách rời xã hội. Trong bối cảnh hiện nay không còn nhiều hình ảnh các vị tu sĩ ẩn tu trên những ngôi chùa trên núi xa xôi, hẻo lánh, tạm xa, tách rời cuộc sống xung quanh. Đặc biệt huyện Gia Lâm với đặc thù một huyện ven đô

đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ, thì các Tăng, Ni Phật giáo không thể tách rời cuộc sống hiện đại.

Đức Phật đã từng dạy giáo lý của Ngài là “Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên”, với mỗi bối cảnh xã hội khác nhau cần có sự uyển chuyển, tùy duyên mà phương tiện.

“Đức Phật khi trình bày giáo lý cho chúng sinh trong thế giới này không nói quá nhiều về kiếp sống tương lai, mà mối quan tâm chính của Ngài là làm cho chúng sinh bớt khổ đau trong thế giới hiện tại. Đức Phật có một kiến thức bất khả tư nghì về xã hội con người. Ngài thật sự hiểu những vấn nạn cơ bản cháy bỏng trong xã hội. Vì thế, Ngài thuyết giảng tất cả những khía cạnh cần thiết trong cuộc sống con người như triết lý về đạo đức, triết lý về xã hội, về kinh tế, về chính trị... Các vị Tỳ kheo trẻ có khunh hướng phụng sự xã hội nên quan tâm đến những vấn đề này” [ShiYuande, 2014, tr.315].

Chính vì thế ngoài những kiến thức Phật học, các Tăng Ni, đặc biệt là các Tăng Ni trẻ hiện nay cần chủ động trang bị cho mình những kiến thức thế học, kiến thức xã hội, bởi nếu không hiểu đúng bản chất thực sự và nguyên nhân gốc rễ của vấn đề, họ sẽ không thể sử dụng những lời dạy của đức Phật một cách thiết thực để đáp ứng các yêu cầu của thế giới đương đại.

Các Tăng Ni, đặc biệt là các Tăng Ni trẻ hiện nay cần chủ động trang bị cho mình những kỹ năng phù hợp để có thể làm việc tốt nhất trong bối cảnh hiện nay. Bối cảnh xã hội đã thay đổi, như đã phân tích ở phần trên, các hoạt động của Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo huyện Gia Lâm nói riêng cũng đã thay đổi rất nhiều để thích ứng với bối cảnh mới. Vì thế, các Tăng, Ni của Phật giáo huyện Gia Lâm – chủ thể của các hoạt động đó cần chủ động hơn nữa trong việc thích ứng với tình hình mới. Những kỹ năng về công nghệ

thông tin, những kỹ năng về ngoại ngữ, kỹ năng thuyết trình,... là những kỹ năng cần thiết cần tự trang bị, tích lũy và trau dồi.

Ví như để phục vụ cho công tác hoằng pháp trong thời đại công nghệ số không thể chỉ áp dụng những phương pháp hoằng pháp truyền thống mà thực tiễn đòi hỏi phải áp dụng nhiều phương pháp khác nhau. Hoằng pháp trong thời đại công nghệ số, khi con người ngày càng gắn bó nhiều với các thiết bị công nghệ điện tử thì phương pháp hoằng pháp cũng cần phải đổi mới với mục tiêu tiếp cận dễ dàng và đến được với nhiều người hơn. Nếu như một buổi thuyết pháp trước đây được tổ chức số lượng người tham dự chỉ có thể là trăm người hoặc nghìn người thì nay một buổi thuyết pháp được truyền hình trực tiếp trên các thông tin đại chúng, mạng xã hội, có thể thu hút đến vài nghìn người cùng tham dự một lúc. Như vậy là phạm vi đối tượng đã được mở rộng hơn rất nhiều. Chính vì vậy, các Tăng Ni cần trang bị, cập nhật cho mình những kỹ năng mới như kỹ năng sử dụng các trang thiết bị điện tử hiện đại, kỹ năng xây dựng nội dung thuyết giảng online,... để có thể ứng dụng vào thực tiễn công tác hoằng pháp của mình. Thực tiễn tình hình đại dịch covid hai năm gần đây của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã đặt ra những yêu cầu mới trong sinh hoạt tôn giáo, xuất hiện những khái niệm mới chưa từng xuất hiện như: tụng kinh online, thực hiện nghi lễ online,... Thực tế đó đòi hỏi người Tăng, Ni với vai trò dẫn dắt, hướng dẫn Phật tử của mình trong các sinh hoạt cần phải thích nghi với hoàn cảnh mới trước tiên.

+ Các Tăng, Ni của Phật giáo huyện Gia Lâm cần tăng cường hơn nữa các hoạt động hướng dẫn tín đồ Phật tử đến các chùa về những giá trị tốt đẹp của Phật giáo và khả năng ứng dụng của các giá trị đó trong bối cảnh xã hội hiện nay.

Giáo lý đức Phật đã tạo ra cách đây hơn 2000 năm nhưng những giá trị của nó vẫn còn phù hợp với bối cảnh hiện nay. Vì thế mà nhà khoa học thiên

tài Albert Einstein khẳng định rằng: “*Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của khoa học hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình để xu hướng theo khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học*” [http://rescomp.stanford.edu/cheshire/Einstein_quotes.htm]. Trong quá trình đưa giáo lý của mình đến với chúng sinh, đức Phật đã rất mềm mại, uyển chuyển, gắn với các hoàn cảnh cụ thể mà giáo hóa để đạt được kết quả cao nhất. Các Tăng, Ni Phật giáo ngày nay cũng vậy, học theo phương pháp của Đức Phật, hãy linh hoạt vận dụng giáo lý Phật giáo vào bối cảnh hiện đại, gắn với các vấn đề thực tiễn của đời sống hiện nay để tín đồ thấy được giá trị thực tiễn của Phật giáo.

4.3.3. Khuyến nghị đối với các cấp chính quyền địa phương

Cơ quan chuyên môn làm công tác tôn giáo thuộc cấp huyện được kiện toàn theo Nghị định 22/NĐ-CP của Chính phủ tồn tại 3 mô hình là Phòng Tôn giáo, Phòng đa ngành, đa lĩnh vực và bộ phận chuyên trách làm công tác tôn giáo thuộc Văn phòng HĐND-UBND huyện.

Phòng Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước một số lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tôn giáo.

Về chức năng và nhiệm vụ, Phòng Nội vụ là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước các lĩnh vực trong đó có lĩnh vực tôn giáo trên địa bàn huyện.

Theo quy định tại Thông tư số 04/2008/TT-BNV ngày 04-6-2008 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện, quy định một trong những nhiệm vụ quan trọng của của Phòng Nội vụ là thực hiện những nhiệm vụ về lĩnh vực tôn giáo, cụ thể:

- Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Theo Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

- Ban Tôn giáo hoặc Phòng Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Sở Nội vụ cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ chuyên môn của Ban Tôn giáo Chính phủ.

- Phòng Nội vụ có chức năng quản lý về tôn giáo chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Ban Tôn giáo hoặc Phòng Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ cấp tỉnh.

- Cán bộ theo dõi, tổ chức thực hiện công tác tôn giáo trên địa bàn xã chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng Nội vụ cấp huyện có chức năng quản lý về tôn giáo.

Cũng theo quy định của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04-02-2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Phòng Nội vụ có chức năng quản lý công tác tôn giáo có những nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực tôn giáo.

- Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực tôn giáo cho cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn làm công tác tôn giáo.

- Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan theo quy định của pháp luật và phân công của Phòng Nội vụ.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm “phát triển nguồn lực của các tôn giáo” trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc: trước đây, chính sách của Đảng và Nhà nước chú trọng phát triển nguồn lực tôn giáo ở góc độ đoàn kết, tạo sức mạnh chính trị, chống ngoại xâm và các âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch. Từ sau đổi mới, quan niệm nguồn lực tôn giáo đã được nhìn rộng hơn, không chỉ dừng ở việc phát huy vai trò chức sắc tôn giáo, không chỉ gói gọn ở việc đại đoàn kết, cần phải nhận diện lại nguồn lực tôn giáo. Trong đó, Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị *về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới* đã mở ra bước ngoặt lịch sử về sự đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam. Có 3 luận điểm cơ bản của Nghị quyết 24-NQ/TW cho đến nay vẫn là *kim chỉ nam* cho công tác tôn giáo là: (1) Tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; (2) Tôn giáo còn tồn tại lâu dài trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội; (3) Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Mới nhất là trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng cộng sản Việt Nam đã chính thức khẳng định việc tôn giáo là một nguồn lực cần phát huy. Cụ thể, Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng,

trong phần *xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh của con người Việt Nam*, Đảng ta nêu rõ: “Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Phê phán và ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, mê tín, dị đoan” [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.171].

Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện về công tác tôn giáo, Đảng ta khẳng định: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và *các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước*. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [Dẫn theo Bùi Thanh Hà, 2018].

Trên nền tảng đó, các cấp chính quyền quản lý huyện Gia Lâm, đặc biệt là cơ quan có liên quan trực tiếp đến công tác quản lý tôn giáo cần có những chính sách cụ thể phù hợp nhằm phát huy vai trò, nguồn lực của các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng vào công cuộc xây dựng và phát triển huyện Gia Lâm trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Một số khuyến nghị cụ thể được đưa ra:

+ Các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cần tăng cường hơn nữa các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo (trong đó có Phật giáo) trong tình hình mới.

Quan điểm, chính sách nhất quán của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề tôn giáo là: Tự do tín ngưỡng, bình đẳng giữa các tôn giáo và đoàn kết dân tộc; Nhà nước nghiêm cấm lợi dụng tôn giáo để chống Nhà nước, nghiêm cấm hành vi mê tín dị đoan ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; Nhà nước

hướng dẫn các tôn giáo thành lập tổ chức theo đường hướng hành đạo gắn với phụng sự dân tộc và cách mạng;...

Từ khi đổi mới đến nay, bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước thay đổi, đặt ra những yêu cầu và nhiệm vụ mới đối với vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, đặt ra nhu cầu cần đổi mới chính sách đối với vấn đề tôn giáo. Trên tinh thần tăng cường và đổi mới đó, hiện nay Nhà nước Việt Nam đặt tôn giáo trong mối quan hệ với văn hóa, đạo đức và là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, công tác tôn giáo hiện nay được xem là công tác dân vận, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, vận động các chức sắc tôn giáo thực hiện đúng chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng, Nhà nước cùng đoàn kết xây dựng đất nước, thực hiện sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đặc biệt Luật Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời năm 2016, có hiệu lực năm 2018 cho thấy những nỗ lực hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Nhà nước ta.

Trong bối cảnh đó, các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề hiệu quả công tác tôn giáo trong tình hình mới. Cần nâng cao chất lượng chuyên môn của đội ngũ làm công tác tôn giáo trên địa bàn huyện bởi thực tế không chỉ huyện Gia Lâm mà là tình hình chung của cả nước đó là thiếu cả về mặt số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo:

Trong bài viết “Quá trình kiện toàn, phát triển bộ máy tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo giai đoạn 1990 – 2020; đề xuất mô hình tổ chức và công tác đào tạo cán bộ làm công tác tôn giáo giai đoạn 2020 – 2030, ThS. Cát Ngọc Trình, Vụ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ của Ban Tôn giáo Chính phủ có nhận xét về thực tại:

“Ở địa phương, trung bình mỗi Ban (Phòng) tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ cũng chỉ có trên dưới 10 công chức trực tiếp làm công tác quản

lý Nhà nước về tôn giáo, trong khi có địa phương như Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ) tỉnh Đồng Nai có những tháng phải giải quyết khoảng 3000 hồ sơ liên quan tới tôn giáo (chưa tính tới lĩnh vực tín ngưỡng), điều này dẫn đến quá tải về công việc.

Hiện nay thực hiện luật tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định số 162/2017/NĐ – CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo, khối lượng công việc tăng lên khoảng gấp đôi so với trước đây, nếu tiếp tục duy trì tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ như hiện nay thì việc các cơ quan, công chức làm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo vi phạm quy định về tín ngưỡng, tôn giáo là điều không tránh khỏi (nhất là về thời hạn trả lời các tổ chức, cá nhân tôn giáo)” [ThS. Cát Ngọc Trinh (2020), tr. 71-78].

Và: “Một bộ phận lớn công chức làm công tác tham mưu QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo chưa được đào tạo bài bản, chuyên sâu dẫn đến làm việc theo kinh nghiệm, một số công chức chuyên môn, nghiệp vụ, chất lượng thực thi công vụ còn hạn chế” [TS. Nguyễn Thị Định, 2021, tr. 15-19].

Các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cần tạo điều kiện đào tạo, bồi dưỡng công chức trong nhận thức, ứng xử với tôn giáo, với chức sắc tín đồ tôn giáo. Bởi:

“Công chức ứng xử, giải quyết công việc liên quan đến chức sắc, tín đồ tôn giáo một mặt ở vị thế thay mặt Nhà nước quản lý các thành viên trong xã hội, nhưng mặt khác lại ở vị thế ứng xử với đối tượng thay mặt thế giới thần linh, là sứ giả của các giáo chủ, với đức tin thiêng liêng của họ, vì vậy phải nắm chắc mối quan hệ giữa thế quyền với thần quyền và đảm bảo đúng với quy định của pháp luật” [Nguyễn Tất Đạt, 2011, tr. 87].

Chính sách của Đảng, Nhà nước với các tôn giáo là bình đẳng, không phân biệt tuy nhiên, mỗi tôn giáo có những đặc điểm riêng nên Nhà nước và các cấp chính quyền cũng cần có những ứng xử phù hợp để phát huy được tối đa nguồn lực các tôn giáo. Phật giáo có nhiều điểm khác biệt với các tôn giáo khác, như trong cuốn *Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam* tác giả Nguyễn Tất Đạt:

- Phật giáo là tôn giáo có lịch sử du nhập, tồn tại ở Việt Nam lâu đời nhất so với các tôn giáo khác nên có ảnh hưởng sâu đậm trong văn hóa, tinh thần của nhân dân, luôn đồng hành cùng dân tộc.

- Phật giáo du nhập theo con đường thương mại hòa bình, tư tưởng Phật giáo có nhiều điểm gần gũi với đời sống tâm linh người Việt, được tiếp thu một cách tự nguyện nên nó tiếp biến, hóa sinh thành một phần văn hóa bản địa tồn tại cùng dân tộc.

- Phật giáo chưa gây ra chiến tranh tôn giáo hay xung đột ý thức hệ, mà ngược lại còn có công hộ quốc an dân, góp phần phát triển văn hóa dân tộc.

- Tín đồ Phật giáo đông nhất.

- Phật giáo không có tổ chức Giáo hội từ bên ngoài liên hệ mật thiết như Công giáo, Tin Lành

- Phật giáo Việt Nam có đặc trưng rất riêng, tập hợp đoàn kết cả Bắc tông, Nam tông, Khất sĩ trong một tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

- Giáo lý Phật giáo bao dung, khai phóng có nhiều yếu tố triết học, khoa học, đạo đức.

- Phật giáo Việt Nam mang tính nhập thế, hiện sinh, dân thân vào thế sự, Phật pháp gắn liền thế gian pháp.

- Trong thời hiện đại, Phật giáo Việt Nam có nhiều đóng góp với sự nghiệp cách mạng của dân tộc do Đảng và Nhà nước lãnh đạo, quản lý.

Đối với huyện Gia Lâm: so với các tôn giáo khác, Phật giáo có nhiều đặc trưng khác biệt như lịch sử lâu đời, số lượng tín đồ đông, hội nhập với các tín ngưỡng truyền thống và có vai trò, ảnh hưởng quan trọng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Chính vì vậy, các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cũng cần có những chính sách linh hoạt phù hợp với từng tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng để phát huy vai trò Phật giáo trong bối cảnh xây dựng huyện Gia Lâm hiện nay.

+ Các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cần tăng cường hơn nữa các biện pháp nhằm bảo tồn, gìn giữ các di sản tín ngưỡng, tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, phát huy di sản gắn với phát triển du lịch. Thực tế, huyện Gia Lâm trong thời gian qua đã làm khá tốt công tác này, đặc biệt là sau năm năm thực hiện đề án: “Tăng cường công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Gia Lâm giai đoạn 2016 – 2020”. Tuy nhiên nhìn vào thực tế như trên phân tích thực trạng ở trên cho thấy còn một số di tích trên địa bàn huyện có nguy cơ xuống cấp trầm trọng, trong đó có một số di tích Phật giáo như đã phân tích ở phần trên.

Trong thời gian qua, huyện Gia Lâm đã ứng dụng công nghệ 4.0 số hóa toàn bộ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Bát Tràng phục vụ công tác phát triển du lịch thông minh tại Bát Tràng, Phù Đổng. Với sự thành công của mô hình này cần tiếp tục nhân rộng đối với các di sản văn hóa khác trên địa bàn huyện nói chung và các di sản Phật giáo nói riêng, để góp phần hơn nữa vào công cuộc phát triển kinh tế của huyện.

+ Các cấp chính quyền huyện Gia Lâm cần có những biện pháp cụ thể nhằm phát huy hơn nữa các giá trị văn hóa phi vật thể của Phật giáo trên địa bàn huyện. Với sự phân tích và đánh giá ở phần trên cho thấy Phật giáo với vị thế của mình trong thời gian qua đã có những đóng góp to lớn vào công cuộc phát triển văn hóa – xã hội huyện Gia Lâm, đặc biệt là lĩnh vực văn hóa, đạo

đức,... Hiện nay, huyện Gia Lâm như đã phân tích ở trên là một huyện ngoại thành đang trong quá trình chuyển đổi công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa mạnh mẽ dẫn đến những biến đổi mạnh mẽ về xã hội trên địa bàn huyện. Trong bối cảnh đó, rất cần gìn giữ, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống nhằm “cân bằng” lại đời sống tinh thần của người dân. Phật giáo với lợi thế của một tôn giáo truyền thống, gắn bó với dân tộc, trong thời gian qua đã góp phần không nhỏ vào việc gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện.

Ví dụ như giá trị trong các lễ hội Phật giáo. Như đã phân tích ở trên, mỗi một lễ hội chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm không chỉ là lễ hội Phật giáo mà còn là lễ hội làng. Mỗi một lễ hội là một bảo tàng văn hóa truyền thống nơi chứa đựng những giá trị văn hóa truyền thống, thể hiện bản sắc văn hóa của cư dân. Là dịp người dân trong vùng được “thăng hoa” về mặt cảm xúc khi tham gia những nghi lễ trang nghiêm, tham gia những trò chơi hội dân gian trong lễ hội. Là dịp để người dân nhớ về cội nguồn của mình, giáo dục cho thế hệ con cháu truyền thống uống nước nhớ nguồn,...

Tiểu kết chương 4.

Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm ngoài những đặc điểm chung của Phật giáo Việt Nam, của Phật giáo Thủ Đô thì đã thể hiện được những đặc điểm rất riêng của mình. Những đặc trưng đó tạo nên nét đặc sắc của Phật giáo ở vùng đất giàu truyền thống đang trong quá trình chuyển mình mạnh mẽ.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì còn một số vấn đề đặt ra đối với các mặt của Phật giáo huyện Gia Lâm. Để hạn chế những vấn đề tồn tại đó và nhằm phát huy vai trò, nguồn lực của Phật giáo đối với công cuộc phát triển của huyện Gia Lâm cần sự nỗ lực chung tay từ nhiều phía: Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm; tập thể Tăng, Ni Phật giáo huyện Gia Lâm; cùng với sự tạo điều kiện ủng hộ của các cấp chính quyền huyện.

KẾT LUẬN

Lịch sử hơn hai nghìn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo lớn của dân tộc. Với truyền thống “Hộ quốc An dân”, Phật giáo luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trong suốt các thời kỳ lịch sử, hòa quyện không thể tách rời, như nước với sữa, và Phật giáo đã trở thành một nét đẹp văn hóa, đạo đức trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Gia Lâm là một phần của mảnh đất Thủ đô ngàn năm văn hiến, Phật giáo huyện Gia Lâm có một bề dày lịch sử gắn với nhiều sự kiện lớn của Phật giáo Việt Nam. Dựa trên những cứ liệu lịch sử, thực tiễn những dấu tích của các ngôi chùa huyện Gia Lâm có thể khẳng định Phật giáo huyện Gia Lâm đã có bề dày lịch sử gắn với quá trình hình thành, phát triển của vùng đất này. Những bước chân của Phật giáo của mỗi thời kỳ cho thấy Phật giáo đã đồng hành, gắn bó cùng các thế hệ người dân Gia Lâm và đã trở thành một phần không thể thiếu của lịch sử, văn hóa của vùng đất giàu truyền thống.

Phật giáo huyện Gia Lâm bên cạnh những nét chung đã trở thành truyền thống của Phật giáo Thủ đô, thì cũng có những đặc điểm, nét đặc trưng riêng của Phật giáo một huyện ngoại thành đang trong quá trình chuyển đổi mạnh mẽ. Những đặc điểm đó thể hiện: Phật giáo huyện Gia Lâm gắn với buổi đầu truyền giáo; hỗn dung sâu rộng với tín ngưỡng dân gian bản địa; có số lượng tín đồ đông đảo; kết hợp giữa truyền thống và hiện đại; là một nguồn lực phát triển của huyện Gia Lâm.

Hiện nay, Phật giáo huyện Gia Lâm đang trong quá trình tiếp tục hoàn thiện và phát triển: Về mặt tổ chức hành chính của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm: Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm là một đơn vị tổ chức thành viên, chịu sự quản lý trực tiếp của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Hà Nội, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của

một ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp huyện, trong những năm qua đã luôn nỗ lực, cố gắng hết mình vì Phật giáo Gia Lâm nói riêng, Phật giáo Hà Nội nói chung, góp phần vào sự phát triển của Phật giáo Việt Nam. Với những nỗ lực không ngừng của Ban Trị sự Phật giáo huyện, công tác Phật sự của huyện Gia Lâm đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận về nhiều mặt: Về mặt cơ cấu, Ban Trị sự không ngừng hoàn thiện, nâng cao chất lượng, trình độ hoạt động Phật sự thể hiện trọn vẹn nguyên tắc thống nhất, tập trung, dân chủ, đặt lợi ích của dân tộc, Giáo hội lên trên lợi ích cá nhân, sơn môn hệ phái.

Về hoạt động, trên tinh thần “Hộ quốc an dân” và tinh thần yêu nước từ ngàn đời, các thế hệ Tăng Ni, Phật tử trong toàn huyện nối tiếp truyền thống Phật giáo Gia Lâm, một lòng một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, đồng hành cùng dân tộc, xứng đáng với tinh thần “Hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam. Trong những năm qua những hoạt động Phật sự và hoạt động xã hội của Phật giáo huyện Gia Lâm đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Phật giáo đã thực sự trở thành một phần không thể thiếu của một bộ phận không nhỏ người dân huyện Gia Lâm. Những ngôi chùa trong các làng xã, khu phố đã trở thành nơi sinh hoạt văn hóa, tâm linh của người dân. Ngày nay, các hoạt động của Phật giáo huyện Gia Lâm ngày càng đa dạng và phong phú, có nhiều nét đổi mới để đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tâm linh của nhân dân và đóng góp thiết thực hơn nữa vào các lĩnh vực của đời sống người dân huyện Gia Lâm.

Những thành tựu đó đã đóng góp không nhỏ cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng quê hương Gia Lâm ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh. Phật giáo khẳng định vai trò là một nguồn lực của sự phát triển của huyện Gia Lâm. Tuy nhiên cũng cần nhìn nhận khách quan rằng bên

cạnh những thành tựu đạt được, do nhiều điều kiện khách quan, chủ quan nên còn nhiều vấn đề đặt ra đối với Phật giáo huyện Gia Lâm, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay. Để giải quyết các vấn đề đó cần sự chung tay, nỗ lực từ nhiều phía có liên quan nhằm phát huy những thành tựu đạt được, khắc phục những vấn đề tồn tại, hướng đến phát huy hơn nữa vai trò Phật giáo trong bối cảnh hiện nay, cùng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đóng góp, xây dựng quê hương Gia Lâm ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh./.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐỀ LUẬN ÁN

1. Lê Ngọc Quang (2019), “Một số hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm hiện nay”, *Tạp chí Công tác tôn giáo* (155), tr.39-41,45.
2. Ле Нгок Куанг (Тхеро Тхить Тхан Кюи) (2021), “Роль и структура уездной буддийской администрации Зялам в развитии Буддизма во Вьетнаме”, *ГУМАНИТАРНЫЕ, СОЦИАЛЬНО-ЭКОНОМИЧЕСКИЕ И ОБЩЕСТВЕННЫЕ НАУКИ* (6), pp. 40 – 43.
3. Ле Нгок Куанг (Тхеро Тхить Тхан Кюи) (2021), “Буддийские последователи во Вьетнаме: теоретический анализ точного подсчёта”, *Миссия Конфессий* (53), pp. 397 – 403.
4. Lê Ngọc Quang (2021), “Phương pháp lịch sử trong nghiên cứu tôn giáo: Trường hợp Nghiên cứu Phật giáo huyện Gia Lâm”, *Kỷ yếu Hội thảo Một số vấn đề về nghiên cứu và đào tạo ngành Tôn giáo học tại trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội; ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay*, tr.144-155.
5. Lê Ngọc Quang (2021), “Lịch sử du nhập của Phật giáo huyện Gia Lâm”, *Tạp chí Công tác tôn giáo* (184), tr.36-38.
6. Lê Ngọc Quang (2022), “Hoạt động của Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm hiện nay (Nghiên cứu trường hợp chùa Đào Xuyên)”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn* (4), tr.524-536.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Biên dịch Đạo Uyển (Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách, Thích Nhuận Châu) (2016), *Từ Điển Phật học*, Công ty sách Thời Đại và Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ (2003), *Tập văn bản về tổ chức và đường hướng hành đạo của các tôn giáo tại Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2008), *Tôn giáo và công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Ban Thường trực Hội Đồng Trị Sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2001), “Giáo hội Phật giáo Việt Nam 20 năm thành lập và phát triển”, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 6.
5. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm (2016), *Tài liệu Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm lần thứ VIII nhiệm kỳ 2016 – 2021*, Lưu hành nội bộ
6. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, *Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự và Phương hướng hoạt động định kỳ 6 tháng, hàng năm*.
7. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
8. Nguyễn Duy Cần (2016), *Phật học tinh hoa*, Nxb Trẻ
9. Thích Minh Châu (1989), *Lịch sử đức Phật Thích Ca*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II.
10. Thích Minh Châu (2002), “Bảy nguyên lý phát triển Giáo hội”, *Kỷ yếu hội thảo: Giáo hội Phật giáo Việt Nam 7/11/1981- 7/11/2001*, Nxb Tôn giáo.
11. Thích Trí Chơn (2001), *Lược khảo quá trình hình thành và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Luận văn triết học, Thư viện Phân viện Nghiên cứu Phật học, Huế.
12. Viên Chiếu (2012), *Tích truyện Pháp cú tập 2*, Nxb Tôn giáo

13. Lê Văn Chiến (2018), “Vài nét về trung tâm Phật giáo Luy Lâu”, Thông báo khoa học (1), Bộ văn hóa Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, tr. 46 – 52.
14. Nguyễn Văn Chế (2003), “Các tông phái trong đạo Phật”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 6.
15. Đoàn Trung Còn (1995), *Các tôn phái đạo Phật*, Nxb Thuận Hóa.
16. Lý Khắc Cung (2000), *Hà Nội văn hóa và phong tục*, Nxb Thanh Niên
17. Nguyễn Đăng Duy (1999), *Phật giáo với văn hóa Việt Nam*, Nxb Hà Nội
18. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia
19. Nguyễn Hồng Dương (2013), *Tôn giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội
20. Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Quốc Tuấn (2008), *Phật giáo với văn hóa – xã hội Việt Nam thời kỳ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Khoa học xã hội.
21. Nguyễn Hồng Dương, Thích Thọ Lạc (Chủ biên) (2010), *Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, Nxb Khoa học Xã hội.
22. Nguyễn Hồng Dương (2021), *Hệ thống tổ chức giáo hội của các tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội
24. Nguyễn Tất Đạt (2008), “Tìm hiểu một số đặc điểm của Phật giáo trong hệ thống tôn giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (3), tr.32- 37.

25. Nguyễn Tất Đạt (2011), *Mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
26. Tâm Đạt (2017), “Giáo hội Phật giáo Việt Nam – 36 năm hình thành và phát triển” *Tạp chí nghiên cứu Phật học* (11).
27. Đại Tạng Kinh Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch (1996), *Kinh Tăng Chi Bộ*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh
28. Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Sự thật, Hà Nội.
29. Dương Quang Điện (Thích Thanh Điện) (2017), *Quá trình hình thành và phát triển của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn từ 1981 đến nay*, Nxb Tôn giáo.
30. TS. Dương Quang Điện (chủ biên) (2020), *Phật giáo với vấn đề an sinh xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
31. Hòa thượng, Tiến sĩ Thích Thanh Điện (tổng chủ biên) (2021), *40 năm chặng đường lịch sử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 – 2021)*, Nxb Khoa học Xã hội.
32. TS. Nguyễn Thị Định (2021), “Quá trình thực hiện Luật tín ngưỡng, tôn giáo: thuận lợi và thách thức”, *Tạp chí Công tác tôn giáo* (1), tr. 15-19.
33. Nguyễn Văn Đoàn (2014), “Khảo cổ học với tu bổ, tôn tạo di tích (Qua trường hợp Di tích Đền – Chùa Bà Tấm, Gia Lâm, Hà Nội)”, *Tạp chí Di sản Văn hóa* (49), tr. 33 – 36.
34. Nguyễn Hiền Đức (2006), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam thời Trịnh Nguyễn Phân tranh, tập 1: Lịch sử Phật giáo Đàng Ngoài*, Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
35. TS. Ngô Văn Giá (chủ nhiệm đề tài) (2006), *Những biến đổi về giá trị văn hóa truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới*, Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

36. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981), *Kỷ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ I*, Ban văn hoá trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.
37. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, (1993), *Kỷ yếu Đại hội đại biểu toàn quốc giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ III*, Ban văn hoá trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.
38. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2008), *Báo cáo tổng kết công tác phật sự năm 2008 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Lưu hành nội bộ.
39. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2009), *Quy chế hoạt động Ban Trị sự Tỉnh – Thành Hội Phật giáo trực thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Lưu hành nội bộ
40. GHPGVN huyện Gia Lâm (2012), *Báo cáo Công tác Phật sự năm 2012 và phương hướng hoạt động năm 2013*, Lưu hành nội bộ.
41. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Kỷ yếu hội thảo kỷ Niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981 -2011)*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội
42. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2014), *Hiến Chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, tu chính lần thứ V, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
43. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự (2014), *Quy chế hoạt động Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc Tỉnh*, Quyết định số 023/QĐ/HDDTS ngày 20/01/2014.
44. Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gia Lâm, Ban Trị sự (2014), *Báo cáo Sơ kết công tác Phật sự sáu tháng đầu năm 2014, chương trình công tác Phật sự sáu tháng cuối năm 2014*, Lưu hành nội bộ.
45. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Quy chế hoạt động Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Quận/ Huyện/ Thị xã/ Thành phố thuộc Tỉnh nhiệm kỳ VIII (2017 – 2022)*, Ban hành kèm theo Quyết định số: 175/QĐ-HDTS ngày 05 tháng 9 năm 2018

46. Bùi Thanh Hà (2018), “Định hướng và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước”, Tọa đàm khoa học *Phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển đất nước hiện nay*, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam và Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức.
47. Thích Trí Hải (2004), *Hồi ký thành lập Hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo
48. Văn Hậu (1998), “Chùa Đào Xuyên”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (1), tr. 50 – 51.
49. Văn Hậu (1999), “Chùa Kiến sơ”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (2), tr. 47 - 49.
50. Văn Hậu (2001), “Thập Tam trại ở Thăng Long và đạo Phật”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (2, 3), tr. 58 – 59, 50 -52.
51. Đỗ Quang Hưng (2010), *Đời sống tôn giáo tín ngưỡng Thăng Long – Hà Nội*, Nxb Hà Nội
52. Đỗ Quang Hưng (2014), *Nhà nước – Tôn giáo – Luật pháp*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
53. Đỗ Quang Hưng (2015), *Quan hệ Nhà nước – Giáo hội và Chính sách tôn giáo*, Nxb Công an Nhân dân
54. Đỗ Quang Hưng (2016), *Tôn giáo và tính hiện đại*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
55. Học viện Phật giáo Việt Nam (2014), *Phật giáo về phát triển bền vững và thay đổi xã hội*, Nxb Tôn giáo.
56. Nguyễn Duy Hình, Lê Đức Hạnh (2011), *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
57. Phạm Kim Khánh (biên dịch) (2004), *Kinh Pháp cú*, Nxb Tôn giáo
58. Đinh Gia Khánh (2008), *Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô Hà Nội*, Nxb Hà Nội.

59. Đặng Ngọc Kính (2015), “Lý thuyết vùng văn hóa, trung tâm – ngoại vi và vùng văn hóa tiền sử Đông Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội* (205, 206), tr.196 – 208, tr. 196 – 197.
60. Thích Thọ Lạc (2008), "Tổ chức Tăng đoàn thời Đức Phật và những bài học cho việc tổ chức Giáo hội hôm nay", *Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo* (59).
61. Thích Thọ Lạc, Chu Văn Tuấn (Đồng chủ biên) (2020), *Thiền phái Tào Động ở Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
62. Đặng Thị Lan (2006), *Đạo đức Phật giáo với đạo đức con người Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia
63. Hoàng Thị Lan (2010), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với lối sống của người Việt Nam hiện nay*,
64. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập I, Nxb Văn Học.
65. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập II, Nxb Văn Học.
66. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập III, Nxb Văn Học.
67. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận (trọn bộ)*, Nxb Văn Học, Hà Nội
68. Nguyễn Thế Long, Phạm Mai Hùng (1997), *Chùa Hà Nội*, Nxb Văn hóa – Thông tin
69. Quý Long, Kim Thư (sưu tầm và hệ thống) (2012), *Tìm hiểu văn hóa Phật giáo và lịch sử các ngôi chùa ở Việt Nam*, Nxb Lao Động.
70. Nguyễn Đức Lữ (2011), *Tìm hiểu về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
71. Lê Hồng Lý (2010), *Tìm hiểu lễ hội ở Hà Nội*, Nxb Hà Nội

72. Phạm Quang Minh, Nguyễn Văn Sửu, Ien Ang, Gay Hawkins (Chủ biên) (2016), *Toàn cầu hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam đương đại*, Nxb Tri thức, tr.96.
73. Nguyễn Minh Ngọc (2009), “Phật giáo dân gian: Triết lý từ bi và tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam”, trong *Tín Ngưỡng tôn giáo và xã hội dân gian*, Nxb Từ điển Bách khoa.
74. Nguyễn Thị Minh Ngọc (2014), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 1986 đến nay*, Nxb Phương Đông
75. Nhiều tác giả (2008), *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Thế giới.
76. Nhiều tác giả, Ngô Đức Thọ, Hoàng Văn Lâu dịch (2017), *Đại Việt Sử Ký Toàn thư, Bản in Nội các Quan Bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, Nxb Văn Học, Đông A..
77. Phan Ngọc (2015), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb văn học
78. Trần Lê Nghĩa (1989), “Đạo Phật Việt Nam và tinh thần nhập thế”, *Giáo Hội Phật giáo Việt Nam (1989)*, Phật giáo và văn hóa dân tộc, Phân viện Phật học xuất bản.
79. Hạnh Nguyên, Ngọc Lam tc (2013), *Phật giáo trong lòng người Việt*, Nxb Lao Động
80. Trần Thị Kim Oanh (2012), "Vị thế của Phật giáo trong văn hóa Việt Nam", *Kỷ yếu hội thảo Kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
81. Trần Thị Kim Oanh (2013), "Chức năng xã hội của tôn giáo – nhìn từ góc độ triết học”. *Tạp chí Triết học* (1), tr. 41-49.
82. Trần Thế Pháp (2017), *Lĩnh Nam Chích quái*, Nxb Kim Đồng
83. Đỗ Lan Phương (2010), *Tục thờ Chử Đồng Tử*, Nxb Tôn giáo.

84. Trí Quang (1952), *Tăng già Việt Nam*, Hội Việt Nam Phật giáo, Nxb Đuốc Tuệ.
85. Trí Quảng (2005) (dịch), *Kinh Vu Lan báo ân*, Nxb Tôn giáo.
86. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội
87. Thích Trúc Thông Quảng (2016), *Thiền Tông Lâm Tế, Thiền tông Tào Động*, Nxb Tôn giáo
88. Văn Quảng (2009), *Văn hóa tâm linh Thăng Long Hà Nội*, Nxb Lao Động
89. Bùi Thế Quân (2012), “Chùa Đào Xuyên, phái Lâm Tế - Một vài suy ngẫm” *Tạp chí Di sản văn hóa* (41), tr. 89 – 93.
90. Quốc hội (2016), *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
91. Thích Phước Sơn (1995) (dịch và chú giải), *Tam Tổ Thực Lục*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.
92. Đại đức ShiYuande (Thích Huệ Pháp và Thích Minh Chánh dịch) (2014), *Kỷ yếu Hội thảo Phật giáo về phát triển bền vững và thay đổi xã hội*,.
93. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự, Phạm Ngọc Long (2013), *Chùa Việt Nam*, Nxb Thế giới
94. Nguyễn Cao Thanh (2008), *Khái lược Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo
95. Thích Viên Thành (2001), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần phát huy những thành tựu đã đạt được và tiếp tục củng cố để không ngừng phát triển*”, *Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 20 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
96. Lê Mạnh Thát (1999), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam (3 tập)*, Nxb Thuận Hóa.

97. Lê Mạnh Thát (chủ biên) (2005), *Phật giáo thời đại mới – Cơ hội và thách thức*, Nxb TP.HCM
98. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục
99. Thích Mật Thể (1960), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Minh Đức.
100. Thích Chơn Thiện (1991), *Tăng già thời Đức Phật*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
101. Đại đức, TS. Thích Đức Thiện, TS. Nguyễn Quốc Tuấn đồng chủ biên (2011), *Phật giáo thời Lý với 1.000 năm Thăng Long, Hà Nội*, Nxb Chính trị Quốc gia.
102. Vũ Hồng Thuật (2003), “Giá trị lịch sử - văn hóa chùa Sủi”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (1), tr.63-64.
103. Nguyễn Tài Thư (1988) (chủ biên), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.
104. Nguyễn Quốc Tuấn (2014), “Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: một cách nhìn khác về tôn giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo* (129), tr. 3-15
105. Vũ Minh Tuyên (2010), *Cơ duyên tồn tại và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay (Qua một số tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ)*, Nxb Chính trị Quốc gia.
106. Trung tâm Khoa học về tín ngưỡng và tôn giáo HV CTQGHCM (1998), *Trích tác phẩm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo*, Tài liệu tham khảo lưu hành nội bộ.
107. Cát Ngọc Trinh (2020), “Quá trình kiện toàn, phát triển bộ máy tổ chức, cán bộ làm công tác tôn giáo giai đoạn 1990 – 2020; đề xuất mô hình tổ chức và công tác đào tạo cán bộ làm công tác tôn giáo giai đoạn 2020 – 2030”, Kỷ yếu HT *Đổi mới công tác quản lý Nhà nước về Tôn giáo ở Việt Nam sau 30 năm nhìn lại*, tr. 71-78.

108. Trần Văn Trình (1999), “Tìm hiểu Phật giáo với Thăng Long – Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học* (?), tr.35 – 37.
109. Ủy Ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Triết học (1989), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội
110. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
111. Trần Thị Thúy Vân (2021), “Phát huy nguồn lực tinh thần của tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Chính trị* (8), tr.54-59.
112. PGS.TS. Lê Trung Vũ (chủ biên) (2001), *Lễ hội Thăng Long - Hà Nội*, Nxb Hà Nội.
113. Viện Triết học (1986), *Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Nxb Đại học Tổng hợp Hà Nội.
114. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1994), *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
115. Nguyễn Thanh Xuân (2012), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo
116. <http://gialam.hanoi.gov.vn>
117. <http://btgcp.gov.vn>
118. <https://phatgiai.org.vn>
119. <https://www.hanoi.gov.vn/>
120. <https://nhipsonghanoi.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/co-so/821975/huyen-gia-lam-phat-huy-gia-tri-truyen-thong-huong-toi-do-thi-van-minh>
121. <http://ditichlichsu-vanhoahanoi.com/2017/09/24/den-mau-bat-trang>
122. <https://www.giaoxugiaohovietnam.com/BacNinh/01-Giao-Phan-BacNinh-KimLan-TuDinh>
123. <http://www.giacngo.vn/thoisu/2016/05/11/5340DB/>
124. <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa/vai-tro-cua-van-hoa-trong-qua-trinh-phat-trien-dat-nuoc-504.html>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG PHÒNG VẤN SÂU

PHỤC VỤ CHO NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI: “PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM: LỊCH SỬ, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA”

Đối tượng: Những người tham gia các nghi lễ Phật giáo tại các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm

Câu 1. Quý Ông (Bà) có thường xuyên đến chùa không? Quý Ông (Bà) đến chùa làm gì (làm công quả hay đến để lễ Phật hay làm gì khác)?

Câu 2. Tại sao Quý Ông (Bà) lại đến chùa làm công quả? Hay tại sao Quý Ông (Bà) đến chùa lễ Phật? Đến chùa làm công quả hay lễ Phật nhằm mục đích gì?

Câu 3. Khi Quý Ông (Bà) đến chùa làm công quả hay lễ Phật, thì Ông (Bà) có cảm nhận gì? Có cảm thấy gia đình và bản thân gặp may mắn gì không? Có cảm thấy Phật linh thiêng cho bản thân, cho gia đình gì không?

Câu 4. Quý Ông (Bà) có tin rằng khi thực hiện các nghi lễ ở chùa thì sẽ nhận được sự phù hộ độ trì của Đức Phật không?

Câu 5. Ông (Bà) cảm thấy ngôi chùa mình đến có thiêng không? Thiêng như thế nào?.....

MỘT SỐ NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG PHÒNG VẤN SÂU

PHỤC VỤ CHO NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI: “PHẬT GIÁO VIỆT NAM HUYỆN GIA LÂM: LỊCH SỬ, THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA”

Đối tượng: Các tu sĩ Phật giáo tại các chùa trên địa bàn huyện Gia Lâm

1. Quý Thầy cho biết một số thông tin cơ bản về lịch sử ngôi chùa Quý Thầy đang tu hành, trụ trì?
2. Quý Thầy cho biết sơ qua về quá trình tu tập của Quý Thầy tại ngôi chùa
3. Tại chùa các Quý Thầy đang tu hành thường tổ chức các ngày lễ thường niên của Phật giáo như thế nào?
4. Hoạt động nổi bật, điểm nhấn trong các hoạt động Phật sự tại ngôi chùa Quý Thầy đang tu hành, trụ trì? (Quy mô, mục đích, phương thức thực hiện, kết quả, ý nghĩa)
5. Quý Thầy đánh giá như thế nào về vai trò các nghi lễ Phật giáo với đời sống Phật tử?

PHỤ LỤC 2

BẢNG LIỆT KÊ DI TÍCH ĐƯỢC XẾP HẠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA LÂM

STT	Tên di tích	Được xếp hạng	Năm được xếp hạng	Thần tích, điểm đặc biệt
1	Đền Gióng (đền Phù Đồng), xã Phù Đồng.	Di tích cấp Quốc gia đặc biệt	2013	
2	Đình Gióng Mốt, làng Đồng Xuyên, xã Đặng Xá	Di tích Nghệ thuật cấp Quốc Gia	1995	Thờ Thánh Mẫu – người sinh thành và giáo dưỡn Phù Đồng Thiên Vương
3	Đình Chử Xá, Lăng Cù Vân xã Văn Đức	Di tích lịch sử kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia	1995	
4	Chùa Bà Tấm (đền Ý Lan) xã Dương Xá	Di tích lịch sử văn hóa và nghệ thuật cấp Quốc gia	1996	
5	Chùa Trung Quan (Đại Hùng Tự) ở xã	Xếp hạng di tích nghệ thuật cấp Quốc gia	1996	

	Văn Đức			
--	---------	--	--	--

6	Chùa Đào Xuyên (Thánh Ân Tự) ở xã Đa Tốn	Di tích nghệ thuật, kiến trúc cấp Quốc gia	1990	
7	Đình Bát Tràng ở xã Bát Tràng	Xếp hạng di tích cấp Quốc gia	1996	
8	Chùa Sủi (Đại Dương Sùng Phúc Tự)	Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia	1989	
9	Chùa Phúc Nương xã Yên Thường	Di tích lịch sử và nghệ thuật cấp Quốc gia	1995	
10	Đình Ngọc Động xã Đa Tốn	Di tích lịch sử và văn hóa cấp Quốc gia	1990	
11	Chùa Nành (Pháp Vân Tự) xã Ninh Hiệp	Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia	1989	
12	Cụm di tích đình, nghè Sen Hồ xã Lệ Chi	Di tích kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia	1992	
13	Đình thôn Vàng	Xếp hạng di tích	1995	

	xã Cổ Bi	kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia		
14	Miếu Công Đình xã Đình Xuyên	Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia	1992	
15	Đền Trúc Lâm xã Đình Xuyên.	Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia	1992	
16	Chùa Linh Quy (Hoa Nghiêm Tự) xã Kim Sơn	Di tích nghệ thuật cấp quốc gia	1996	
17	Đình Gia Lâm xã Lệ Chi	Di tích lịch sử và văn hóa cấp Quốc gia	1993	
18	Đình Khoan Tế xã Đa Tốn	Di tích lịch sử và văn hóa cấp Quốc gia	1996	
19	Chùa Hương Hải Thiên (Hương Hải Tự) xã Lệ Chi	Di tích kiến trúc và nghệ thuật cấp quốc gia	1996	
20	Đình Trần Tảo xã Phú Thị	Di tích kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia	1990	

21	Chùa Keo (Báo Ân Trùng Nghiêm Tự) xã Kim Sơn	Di tích kiến trúc nghệ thuật	1993	
22	Chùa thôn Cam (Sùng Nghiêm Tự) xã Cổ Bi	Di tích nghệ thuật và kiến trúc cấp Quốc gia	1996	
23	Đình Thuận Tồn xã Đa Tồn	Di tích nghệ thuật và kiến trúc cấp Quốc gia	1996	
24	Đình, nghề Kim Sơn xã Kim Sơn	Di tích nghệ thuật và kiến trúc cấp Quốc gia	1992	
25	Đình chùa, đền, miếu Tế Xuyên xã Đình Xuyên	Di tích kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia	1992	
26	Đình To Khê xã Phú Thị	Di tích nghệ thuật cấp Quốc gia	1995	
27	Chùa Cự Đà (Cự Đà Tự) xã Đa Tồn	Di tích kiến trúc và nghệ thuật cấp Quốc gia	1996	

PHỤ LỤC 3
TỔNG KẾT CÔNG TÁC TỪ THIỆN CỦA BTS GHPGVN
HUYỆN GIA LÂM NĂM 2018

* BTS Phật giáo huyện Gia Lâm: ủng hộ lũ lụt tại tỉnh Lai Châu: 30 triệu đồng.

* Chùa Đào Xuyên:

- Ủng hộ ngày vì người nghèo: 20 triệu đồng
- Ủng hộ ngày 1/6 cho các cháu thiếu nhi: 2 triệu đồng
- Ủng hộ lũ lụt tại tỉnh Lai Châu: 20 triệu đồng, 200 thùng mì, 1 tấn gạo

* Chùa Keo:

- Ủng hộ quà tết: 20 suất – 500.000 đ/1 suất = 10 triệu đồng
- Ủng hộ quỹ khuyến học huyện Gia Lâm: 5 triệu đồng
- Ủng hộ quỹ Chất độc màu da cam: 3 triệu đồng
- Ủng hộ quỹ hội người khuyết tật huyện Gia Lâm: 3 triệu đồng
- Ủng hộ ngày thương binh liệt sĩ: 27/7: 2 triệu đồng
- Ủng hộ Hội Chữ Thập đỏ: 1 triệu đồng

* Chùa Dương Đình:

- Ủng hộ quà tết: 300 suất + 300.000 đ/suất = 90 triệu đồng
- Ủng hộ 1 con bò trị giá 15 triệu đồng
- Ủng hộ 1 ngôi nhà tình nghĩa trị giá: 50 triệu đồng
- Giúp đỡ 20 người già cô đơn và trẻ mồ côi: 200.000 đ/người/tháng = 48 triệu đồng
- Ủng hộ quỹ khuyến học huyện Gia Lâm: 10 triệu
- Ủng hộ bão lụt tại Hà Giang: 1000 suất quà, 300.000 đồng/ suất = 300 triệu đồng
- Ủng hộ tỉnh Yên Bái: 1000 suất quà trị giá 300 triệu đồng
- Ủng hộ lũ lụt thiên tai tại Lào Cai 500 suất quà, trị giá 150 triệu đồng

- Ủng hộ bão lũ tỉnh Lai Châu 500 suất quà, trị giá 150 triệu đồng
- Ủng hộ bão lũ lụt tại Tỉnh Thanh Hóa 500 suất quà, trị giá 150 triệu đồng

- * Chùa Kiều Ky

- Quỹ người nghèo huyện Gia Lâm: 10 triệu đồng
- Ủng hộ các cháu học sinh ở tỉnh Thái Bình: 800 cái cặp

- * Chùa Cửu Việt

- Ủng hộ lũ lụt tại tỉnh Lai Châu 10 triệu đồng, 1 tấn 600 kg gạo, 400 thùng mì tôm

- * Chùa Ninh Giàng

- Ủng hộ lũ lụt tại tỉnh Lai Châu 3 triệu đồng

- * Chùa Kiến Sơ

- Ủng hộ lũ lụt tại tỉnh Lai Châu 1 triệu đồng

- * Chùa Hiền Quang thôn Trung

- Ủng hộ quỹ người nghèo Gia Lâm 3 triệu đồng

- * Chùa Hiền Quang thôn Hạ

- Ủng hộ quỹ người nghèo Gia Lâm 3 triệu đồng

- * Chùa Khánh Ninh xã Ninh Hiệp

- Ủng hộ người mù huyện Gia Lâm: 50 triệu

- Ủng hộ Hội Phụ nữ huyện Gia Lâm: 25 triệu

- Giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở Ninh Hiệp: 12.500.000 đồng

- Giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở Phú Thị, Văn Đức, Dương Quang, Yên Thường: 20 triệu đồng

- Ủng hộ trường Cầm điệu Gia Lâm – Long Biên: 20 triệu

- Ủng hộ trại trẻ mồ côi khuyết tật Hà Nội: 30 triệu

- Ủng hộ lũ lụt tại huyện Chương Mỹ: 50 triệu đồng

- Ủng hộ lũ lụt tại Thanh Hóa, Mường Lát 120 triệu
- Ủng hộ tại huyện Bát Sát - Lào Cai 215 triệu
- Ủng hộ bão lũ tại Văn Trấn – Yên Bái: 25 triệu

PHỤ LỤC 4
MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN



Đôi Sư tử đá Đền – Chùa Bà Tấm (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Bia đá cổng chùa Phú Thị (Chùa Sủi) (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Hình ảnh Đền – Chùa Bà Tấm (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Hình ảnh Đền – Chùa Bà Tấm (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Hình ảnh Đền – Chùa Bà Tấm (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Hình ảnh Đền – Chùa Bà Tấm (Ảnh tác giả chụp tháng 4/2022)



Cổng chùa Phú Thị (ảnh tác giả chụp 4/2022)



Câu đối chùa Sủi (tác giả chụp tháng 4/2022)



Câu đối chùa Sủi (tác giả chụp tháng 4/2022)



Đại hội Phật giáo huyện Gia Lâm lần thứ VIII (Ảnh tư liệu của tác giả)



Khai mạc Khóa tu “Ươm mầm tương lai tại chùa Đào Xuyên, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội năm 2019 (Ảnh tư liệu của tác giả)



Hình ảnh khóa tu mùa hè chùa Đào Xuyên năm 2019
(Ảnh tư liệu của tác giả)



Hội nghị Tổng kết Công tác Phật sự huyện Gia Lâm năm 2018, Triển khai nhiệm vụ Công tác Phật sự năm 2019, Phổ biến Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Ảnh tư liệu của tác giả)



Một nghi thức trong Đại lễ Phật Đản tại chùa Đào Xuyên năm 2018 (Ảnh tư liệu của tác giả)